

Số: *29* /2015/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày *29* tháng 5 năm 2015

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Nam

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *20* tháng *7* năm 2015.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐĐBĐVN.

qu *h* *ai*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Linh Ngọc

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH QUẢNG NAM

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29 /2015/TT-BTNMT
 ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Nam được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Nam được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa. Địa danh viết trong ngoặc đơn là những địa danh cũ có liên quan đến các văn bản, bản đồ pháp lý về biên giới quốc gia.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư, SV là nhóm địa danh sơn văn, TV là nhóm địa danh thủy văn, KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH QUẢNG NAM

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Nam gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Hội An	3
2	Thành phố Tam Kỳ	7
3	Huyện Bắc Trà My	15
4	Huyện Đại Lộc	24
5	Huyện Điện Bàn	35
6	Huyện Đông Giang	44
7	Huyện Duy Xuyên	52
8	Huyện Hiệp Đức	59
9	Huyện Nam Giang	64
10	Huyện Nam Trà My	73
11	Huyện Nông Sơn	78
12	Huyện Núi Thành	81
13	Huyện Phú Ninh	90
14	Huyện Phước Sơn	96
15	Huyện Quế Sơn	102
16	Huyện Tây Giang	109
17	Huyện Thăng Bình	115
18	Huyện Tiên Phước	124

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 603A	KX	P. Cẩm An	TP. Hội An			15° 58' 14"	108° 16' 53"	15° 52' 47"	108° 23' 16"	D-49-1-B-a
Khách sạn Agribank Hội An Beach	KX	P. Cẩm An	TP. Hội An	15° 54' 12"	108° 21' 20"					D-49-1-B-a
khối phố An Bàng	DC	P. Cẩm An	TP. Hội An	15° 55' 00"	108° 19' 57"					D-49-1-B-a
cầu An Bàng	KX	P. Cẩm An	TP. Hội An	15° 54' 19"	108° 20' 10"					D-49-1-B-a
bãi tắm An Bàng	KX	P. Cẩm An	TP. Hội An	15° 54' 54"	108° 20' 35"					D-49-1-B-a
khối phố An Tân	DC	P. Cẩm An	TP. Hội An	15° 54' 43"	108° 20' 24"					D-49-1-B-a
sông Cổ Cò	TV	P. Cẩm An	TP. Hội An			15° 55' 14"	108° 18' 41"	15° 52' 24"	108° 23' 13"	D-49-1-B-a
đường Lạc Long Quân	KX	P. Cẩm An	TP. Hội An			15° 55' 09"	108° 19' 36"	15° 53' 59"	108° 21' 36"	D-49-1-B-a
khối phố Tân Mỹ	DC	P. Cẩm An	TP. Hội An	15° 54' 02"	108° 21' 22"					D-49-1-B-a
khối phố Tân Thành	DC	P. Cẩm An	TP. Hội An	15° 54' 26"	108° 20' 55"					D-49-1-B-a
khối phố Tân Thịnh	DC	P. Cẩm An	TP. Hội An	15° 54' 12"	108° 21' 03"					D-49-1-B-a
đường tỉnh 608	KX	P. Cẩm Châu	TP. Hội An			15° 53' 50"	108° 15' 18"	15° 53' 55"	108° 21' 51"	D-49-1-B-a
khối phố An Mỹ	DC	P. Cẩm Châu	TP. Hội An	15° 53' 45"	108° 20' 38"					D-49-1-B-a
đường Cửa Đại	KX	P. Cẩm Châu	TP. Hội An			15° 52' 49"	108° 20' 01"	15° 53' 55"	108° 21' 51"	D-49-1-B-a
sông Cổ Cò	TV	P. Cẩm Châu	TP. Hội An			15° 55' 14"	108° 18' 41"	15° 52' 24"	108° 23' 13"	D-49-1-B-a
đường Lê Thánh Tông	KX	P. Cẩm Châu	TP. Hội An			15° 53' 02"	108° 20' 57"	15° 54' 01"	108° 20' 46"	D-49-1-B-a
cầu Phước Trạch	KX	P. Cẩm Châu	TP. Hội An	15° 53' 46"	108° 21' 40"					D-49-1-B-a
khối phố Sơn Phô 1	DC	P. Cẩm Châu	TP. Hội An	15° 53' 07"	108° 20' 40"					D-49-1-B-a
khối phố Sơn Phô 2	DC	P. Cẩm Châu	TP. Hội An	15° 53' 13"	108° 20' 52"					D-49-1-B-a
cầu Sông Đò	KX	P. Cẩm Châu	TP. Hội An	15° 53' 01"	108° 20' 58"					D-49-1-B-a
khối phố Thanh Nam	DC	P. Cẩm Châu	TP. Hội An	15° 52' 43"	108° 20' 28"					D-49-1-B-a
khối phố Thanh Tây	DC	P. Cẩm Châu	TP. Hội An	15° 53' 32"	108° 21' 03"					D-49-1-B-a
Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo	KX	P. Cẩm Châu	TP. Hội An	15° 53' 29"	108° 21' 22"					D-49-1-B-a
khối phố Trường Lệ	DC	P. Cẩm Châu	TP. Hội An	15° 53' 18"	108° 19' 50"					D-49-1-B-a
cầu Cẩm Nam	KX	P. Cẩm Nam	TP. Hội An	15° 52' 37"	108° 19' 53"					D-49-1-B-a
khối phố Châu Trung	DC	P. Cẩm Nam	TP. Hội An	15° 52' 25"	108° 20' 16"					D-49-1-B-c
khối phố Hà Trung	DC	P. Cẩm Nam	TP. Hội An	15° 52' 21"	108° 20' 34"					D-49-1-B-c
khối phố Thanh Nam Đông	DC	P. Cẩm Nam	TP. Hội An	15° 52' 15"	108° 21' 01"					D-49-1-B-c
khối phố Thanh Nam Tây	DC	P. Cẩm Nam	TP. Hội An	15° 52' 13"	108° 20' 53"					D-49-1-B-c
sông Thu Bồn	TV	P. Cẩm Nam	TP. Hội An			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-c
khối phố Xuyên Trung	DC	P. Cẩm Nam	TP. Hội An	15° 52' 28"	108° 19' 53"					D-49-1-B-c
đường tỉnh 607	KX	P. Cẩm Phô	TP. Hội An			15° 57' 26"	108° 15' 10"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
đường tỉnh 608	KX	P. Cẩm Phô	TP. Hội An			15° 53' 50"	108° 15' 18"	15° 53' 55"	108° 21' 51"	D-49-1-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
khối phố Hoài Phô	DC	P. Cẩm Phô	TP. Hội An	15° 52' 45"	108° 19' 22"					D-49-1-B-a
đường Hùng Vương	KX	P. Cẩm Phô	TP. Hội An			15° 53' 18"	108° 17' 19"	15° 52' 48"	108° 19' 16"	D-49-1-B-a
khối phố Lâm Sa	DC	P. Cẩm Phô	TP. Hội An	15° 52' 56"	108° 19' 09"					D-49-1-B-a
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Cẩm Phô	TP. Hội An			15° 53' 07"	108° 19' 26"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
khối phố Ngọc Thành	DC	P. Cẩm Phô	TP. Hội An	15° 52' 33"	108° 19' 09"					D-49-1-B-a
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Cẩm Phô	TP. Hội An			15° 54' 04"	108° 17' 30"	15° 53' 07"	108° 19' 26"	D-49-1-B-a
sông Thu Bồn	TV	P. Cẩm Phô	TP. Hội An			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-a; D-49-1-B-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Cẩm Phô	TP. Hội An			15° 52' 48"	108° 19' 16"	15° 52' 49"	108° 20' 01"	D-49-1-B-a
khối phố Tu Lễ	DC	P. Cẩm Phô	TP. Hội An	15° 52' 56"	108° 19' 17"					D-49-1-B-a
khối phố Xuân An	DC	P. Cẩm Phô	TP. Hội An	15° 52' 56"	108° 19' 33"					D-49-1-B-a
khối phố Xuân Hoà	DC	P. Cẩm Phô	TP. Hội An	15° 53' 07"	108° 19' 19"					D-49-1-B-a
khối phố Xuân Lâm	DC	P. Cẩm Phô	TP. Hội An	15° 52' 54"	108° 19' 31"					D-49-1-B-a
khối phố Xuân Thuận	DC	P. Cẩm Phô	TP. Hội An	15° 53' 00"	108° 19' 31"					D-49-1-B-a
đường tỉnh 603A	KX	P. Cửa Đại	TP. Hội An			15° 58' 14"	108° 16' 53"	15° 52' 47"	108° 23' 16"	D-49-1-B-a
đường tỉnh 608	KX	P. Cửa Đại	TP. Hội An			15° 53' 50"	108° 15' 18"	15° 53' 55"	108° 21' 51"	D-49-1-B-a
đường Cửa Đại	KX	P. Cửa Đại	TP. Hội An			15° 52' 49"	108° 20' 01"	15° 53' 55"	108° 21' 51"	D-49-1-B-a
sông Cổ Cò	TV	P. Cửa Đại	TP. Hội An			15° 55' 14"	108° 18' 41"	15° 52' 24"	108° 23' 13"	D-49-1-B-d
khu du lịch Biển Hội An	KX	P. Cửa Đại	TP. Hội An	15° 53' 21"	108° 22' 57"					D-49-1-B-b
bãi tắm Cửa Đại	KX	P. Cửa Đại	TP. Hội An	15° 53' 57"	108° 21' 53"					D-49-1-B-a
khối phố Phước Hải	DC	P. Cửa Đại	TP. Hội An	15° 52' 51"	108° 22' 58"					D-49-1-B-b
khối phố Phước Hoà	DC	P. Cửa Đại	TP. Hội An	15° 53' 06"	108° 22' 47"					D-49-1-B-b
khối phố Phước Tân	DC	P. Cửa Đại	TP. Hội An	15° 53' 54"	108° 21' 39"					D-49-1-B-a
khối phố Phước Thịnh	DC	P. Cửa Đại	TP. Hội An	15° 52' 58"	108° 22' 59"					D-49-1-B-b
khối phố Phước Trạch	DC	P. Cửa Đại	TP. Hội An	15° 53' 21"	108° 22' 34"					D-49-1-B-b
cầu Phước Trạch	KX	P. Cửa Đại	TP. Hội An	15° 53' 46"	108° 21' 40"					D-49-1-B-a
sông Thu Bồn	TV	P. Cửa Đại	TP. Hội An			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-b
đường tỉnh 607	KX	P. Minh An	TP. Hội An			15° 57' 26"	108° 15' 10"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
đường tỉnh 608	KX	P. Minh An	TP. Hội An			15° 53' 50"	108° 15' 18"	15° 53' 55"	108° 21' 51"	D-49-1-B-a
khối phố An Định	DC	P. Minh An	TP. Hội An	15° 52' 44"	108° 19' 42"					D-49-1-B-a
khối phố An Hội	DC	P. Minh An	TP. Hội An	15° 52' 33"	108° 19' 22"					D-49-1-B-a
khối phố An Thái	DC	P. Minh An	TP. Hội An	15° 52' 52"	108° 19' 43"					D-49-1-B-a
khối phố An Thắng	DC	P. Minh An	TP. Hội An	15° 52' 44"	108° 19' 32"					D-49-1-B-a
đường Bạch Đằng	KX	P. Minh An	TP. Hội An			15° 52' 41"	108° 19' 27"	15° 52' 40"	108° 19' 52"	D-49-1-B-a
khối phố Đồng Hiệp	DC	P. Minh An	TP. Hội An	15° 52' 33"	108° 19' 31"					D-49-1-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Minh An	TP. Hội An			15° 53' 07"	108° 19' 26"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Minh An	TP. Hội An			15° 52' 39"	108° 19' 30"	15° 52' 40"	108° 19' 45"	D-49-1-B-a
đường Phan Châu Trinh	KX	P. Minh An	TP. Hội An			15° 52' 46"	108° 19' 17"	15° 52' 46"	108° 19' 50"	D-49-1-B-a
sông Thu Bồn	TV	P. Minh An	TP. Hội An			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-a; D-49-1-B-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Minh An	TP. Hội An			15° 52' 48"	108° 19' 16"	15° 52' 49"	108° 20' 01"	D-49-1-B-a
đường tỉnh 607	KX	P. Sơn Phong	TP. Hội An			15° 57' 26"	108° 15' 10"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
đường tỉnh 608	KX	P. Sơn Phong	TP. Hội An			15° 53' 50"	108° 15' 18"	15° 53' 55"	108° 21' 51"	D-49-1-B-a
khối An Hoà	DC	P. Sơn Phong	TP. Hội An	15° 53' 06"	108° 19' 46"					D-49-1-B-a
khối An Thọ	DC	P. Sơn Phong	TP. Hội An	15° 52' 43"	108° 19' 56"					D-49-1-B-a
cầu Cẩm Nam	KX	P. Sơn Phong	TP. Hội An	15° 52' 37"	108° 19' 53"					D-49-1-B-a
đường Cửa Đại	KX	P. Sơn Phong	TP. Hội An			15° 52' 49"	108° 20' 01"	15° 53' 55"	108° 21' 51"	D-49-1-B-a
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Sơn Phong	TP. Hội An			15° 53' 27"	108° 19' 32"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Sơn Phong	TP. Hội An			15° 53' 07"	108° 19' 26"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
khối Phong An	DC	P. Sơn Phong	TP. Hội An	15° 52' 56"	108° 20' 14"					D-49-1-B-a
khối Phong Niên	DC	P. Sơn Phong	TP. Hội An	15° 52' 48"	108° 20' 13"					D-49-1-B-a
khối Phong Thiện	DC	P. Sơn Phong	TP. Hội An	15° 52' 54"	108° 19' 56"					D-49-1-B-a
sông Thu Bồn	TV	P. Sơn Phong	TP. Hội An			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-a
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Sơn Phong	TP. Hội An			15° 52' 48"	108° 19' 16"	15° 52' 49"	108° 20' 01"	D-49-1-B-a
đường tỉnh 607	KX	P. Tân An	TP. Hội An			15° 57' 26"	108° 15' 10"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
khối phố An Phong	DC	P. Tân An	TP. Hội An	15° 53' 41"	108° 19' 35"					D-49-1-B-a
Trường Cao đẳng Công nghệ Kinh tế và Thủy lợi Miền Trung	KX	P. Tân An	TP. Hội An	15° 53' 18"	108° 19' 17"					D-49-1-B-a
Trường Cao đẳng Điện lực Miền Trung	KX	P. Tân An	TP. Hội An	15° 53' 14"	108° 19' 22"					D-49-1-B-a
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Tân An	TP. Hội An			15° 53' 07"	108° 19' 26"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Tân An	TP. Hội An			15° 54' 04"	108° 17' 30"	15° 53' 07"	108° 19' 26"	D-49-1-B-a
khối phố Tân Hoà	DC	P. Tân An	TP. Hội An	15° 53' 21"	108° 19' 25"					D-49-1-B-a
khối phố Tân Lập	DC	P. Tân An	TP. Hội An	15° 53' 39"	108° 18' 53"					D-49-1-B-a
khối phố Tân Thanh	DC	P. Tân An	TP. Hội An	15° 53' 29"	108° 19' 10"					D-49-1-B-a
khối phố Xuân Mỹ	DC	P. Tân An	TP. Hội An	15° 53' 19"	108° 19' 36"					D-49-1-B-a
khối phố Xuân Quang	DC	P. Tân An	TP. Hội An	15° 53' 12"	108° 19' 36"					D-49-1-B-a
đường tỉnh 607	KX	P. Thanh Hà	TP. Hội An			15° 57' 26"	108° 15' 10"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 607B	KX	P. Thanh Hà	TP. Hội An			15° 53' 18"	108° 17' 19"	15° 56' 03"	108° 18' 29"	D-49-1-B-a
đường tỉnh 608	KX	P. Thanh Hà	TP. Hội An			15° 53' 50"	108° 15' 18"	15° 53' 55"	108° 21' 51"	D-49-1-B-a
khối phố An Bang	DC	P. Thanh Hà	TP. Hội An	15° 52' 54"	108° 17' 54"					D-49-1-B-a
đường An Dương Vương	KX	P. Thanh Hà	TP. Hội An			15° 53' 18"	108° 17' 19"	15° 54' 04"	108° 17' 29"	D-49-1-B-a
Trường Trung học phổ thông chuyên Bắc Quảng Nam	KX	P. Thanh Hà	TP. Hội An	15° 53' 18"	108° 17' 56"					D-49-1-B-a
khối phố Bàu Đưng	DC	P. Thanh Hà	TP. Hội An	15° 53' 23"	108° 18' 35"					D-49-1-B-a
khối phố Bàu Súng	DC	P. Thanh Hà	TP. Hội An	15° 53' 58"	108° 17' 38"					D-49-1-B-a
Sông Đàm	TV	P. Thanh Hà	TP. Hội An			15° 53' 22"	108° 17' 03"	15° 52' 37"	108° 17' 47"	D-49-1-B-a
khối phố Hậu Xá	DC	P. Thanh Hà	TP. Hội An	15° 52' 54"	108° 18' 44"					D-49-1-B-a
khối phố Hoà Yên	DC	P. Thanh Hà	TP. Hội An	15° 53' 14"	108° 17' 29"					D-49-1-B-a
đường Hùng Vương	KX	P. Thanh Hà	TP. Hội An			15° 53' 18"	108° 17' 19"	15° 52' 48"	108° 19' 16"	D-49-1-B-a
chùa Minh Giác	KX	P. Thanh Hà	TP. Hội An	15° 52' 52"	108° 17' 52"					D-49-1-B-a
Xí nghiệp Mộc Việt Đức	KX	P. Thanh Hà	TP. Hội An	15° 53' 11"	108° 17' 40"					D-49-1-B-a
khối phố Nam Diêu	DC	P. Thanh Hà	TP. Hội An	15° 52' 45"	108° 17' 57"					D-49-1-B-a
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Thanh Hà	TP. Hội An			15° 54' 04"	108° 17' 30"	15° 53' 07"	108° 19' 26"	D-49-1-B-a
sông Phú Triêm	TV	P. Thanh Hà	TP. Hội An			15° 51' 51"	108° 16' 03"	15° 52' 40"	108° 18' 22"	D-49-1-B-a
khối phố Thanh Chiêm	DC	P. Thanh Hà	TP. Hội An	15° 52' 57"	108° 18' 23"					D-49-1-B-a
sông Thu Bồn	TV	P. Thanh Hà	TP. Hội An			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-a; D-49-1-B-c
khối phố Trảng Sỏi	DC	P. Thanh Hà	TP. Hội An	15° 53' 29"	108° 17' 47"					D-49-1-B-a
đường tỉnh 607	KX	xã Cẩm Hà	TP. Hội An			15° 57' 26"	108° 15' 10"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
cầu An Bàng	KX	xã Cẩm Hà	TP. Hội An	15° 54' 19"	108° 20' 10"					D-49-1-B-a
thôn Bàu Ốc Hạ	DC	xã Cẩm Hà	TP. Hội An	15° 53' 51"	108° 18' 33"					D-49-1-B-a
thôn Bàu Ốc Thượng	DC	xã Cẩm Hà	TP. Hội An	15° 53' 59"	108° 18' 15"					D-49-1-B-a
thôn Bến Trễ	DC	xã Cẩm Hà	TP. Hội An	15° 54' 22"	108° 18' 47"					D-49-1-B-a
sông Cổ Cò	TV	xã Cẩm Hà	TP. Hội An			15° 55' 14"	108° 18' 41"	15° 52' 24"	108° 23' 13"	D-49-1-B-a
thôn Cửa Suối	DC	xã Cẩm Hà	TP. Hội An	15° 53' 56"	108° 19' 09"					D-49-1-B-a
thôn Đồng Nà	DC	xã Cẩm Hà	TP. Hội An	15° 54' 19"	108° 19' 26"					D-49-1-B-a
đường Lê Hồng Phong	KX	xã Cẩm Hà	TP. Hội An			15° 53' 30"	108° 19' 19"	15° 53' 46"	108° 19' 34"	D-49-1-B-a
đường Nguyễn Tất Thành	KX	xã Cẩm Hà	TP. Hội An			15° 54' 04"	108° 17' 30"	15° 53' 07"	108° 19' 26"	D-49-1-B-a
thôn Trà Quế	DC	xã Cẩm Hà	TP. Hội An	15° 54' 12"	108° 20' 13"					D-49-1-B-a
thôn Trảng Kèo	DC	xã Cẩm Hà	TP. Hội An	15° 53' 49"	108° 19' 30"					D-49-1-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Đông Hà	DC	xã Cẩm Kim	TP. Hội An	15° 51' 49"	108° 19' 42"					D-49-1-B-c
thôn Đông Vĩnh	DC	xã Cẩm Kim	TP. Hội An	15° 51' 46"	108° 19' 50"					D-49-1-B-c
thôn Phước Thắng	DC	xã Cẩm Kim	TP. Hội An	15° 52' 06"	108° 18' 41"					D-49-1-B-c
sông Thu Bồn	TV	xã Cẩm Kim	TP. Hội An			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-a; D-49-1-B-c
thôn Trung Châu	DC	xã Cẩm Kim	TP. Hội An	15° 52' 06"	108° 19' 09"					D-49-1-B-c
thôn Trung Hà	DC	xã Cẩm Kim	TP. Hội An	15° 51' 52"	108° 19' 19"					D-49-1-B-c
sông Cỏ Cò	TV	xã Cẩm Thanh	TP. Hội An			15° 55' 14"	108° 18' 41"	15° 52' 24"	108° 23' 13"	D-49-1-B-b; D-49-1-B-c; D-49-1-B-d
thôn Cồn Nhân	DC	xã Cẩm Thanh	TP. Hội An	15° 52' 59"	108° 22' 04"					D-49-1-B-a
cầu Sông Đò	KX	xã Cẩm Thanh	TP. Hội An	15° 53' 01"	108° 20' 58"					D-49-1-B-a
thôn Thanh Đông	DC	xã Cẩm Thanh	TP. Hội An	15° 52' 59"	108° 21' 06"					D-49-1-B-a
thôn Thanh Nhì	DC	xã Cẩm Thanh	TP. Hội An	15° 52' 35"	108° 21' 22"					D-49-1-B-a
thôn Thanh Nhút	DC	xã Cẩm Thanh	TP. Hội An	15° 52' 42"	108° 21' 48"					D-49-1-B-a
thôn Thanh Tam Đông	DC	xã Cẩm Thanh	TP. Hội An	15° 52' 23"	108° 22' 16"					D-49-1-B-c
thôn Thanh Tam Tây	DC	xã Cẩm Thanh	TP. Hội An	15° 52' 20"	108° 21' 44"					D-49-1-B-c
sông Thu Bồn	TV	xã Cẩm Thanh	TP. Hội An			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-c; D-49-1-B-d
đường Tổng Văn Sương	KX	xã Cẩm Thanh	TP. Hội An			15° 53' 01"	108° 20' 59"	15° 54' 01"	108° 20' 46"	D-49-1-B-a
thôn Vạn Lăng	DC	xã Cẩm Thanh	TP. Hội An	15° 52' 46"	108° 22' 20"					D-49-1-B-a
thôn Võng Nhi	DC	xã Cẩm Thanh	TP. Hội An	15° 53' 22"	108° 21' 36"					D-49-1-B-a
Quốc lộ 1	KX	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-D-d
Khối phố 1	DC	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 34' 19"	108° 28' 55"					D-49-1-D-d
Khối phố 2	DC	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 34' 16"	108° 29' 03"					D-49-1-D-d
Khối phố 3	DC	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 34' 11"	108° 28' 53"					D-49-1-D-d
Khối phố 4	DC	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 33' 59"	108° 28' 48"					D-49-1-D-d
Khối phố 5	DC	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 34' 22"	108° 28' 48"					D-49-1-D-d
Khối phố 6	DC	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 34' 15"	108° 28' 39"					D-49-1-D-d
Khối phố 7	DC	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 33' 45"	108° 28' 35"					D-49-1-D-d
Khối phố 8	DC	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 33' 57"	108° 28' 30"					D-49-1-D-d
Khối phố 9	DC	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 33' 57"	108° 28' 18"					D-49-1-D-d
Khối phố 10	DC	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 34' 03"	108° 28' 24"					D-49-1-D-d
khối phố 11	DC	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 34' 14"	108° 28' 14"					D-49-1-D-d
đường Hùng Vương	KX	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ			15° 35' 05"	108° 28' 01"	15° 33' 00"	108° 29' 57"	D-49-1-D-d
hồ Nguyễn Du	TV	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 34' 22"	108° 28' 44"					D-49-1-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường Nguyễn Hoàng	KX	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ			15° 35' 15"	108° 27' 48"	15° 33' 00"	108° 29' 57"	D-49-1-D-d
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ			15° 34' 01"	108° 28' 56"	15° 34' 27"	108° 28' 52"	D-49-1-D-d
đường Phan Chu Trinh	KX	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ			15° 34' 29"	108° 28' 50"	15° 33' 10"	108° 30' 31"	D-49-1-D-d
Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	KX	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 34' 25"	108° 28' 36"					D-49-1-D-d
Trường Đại học Quảng Nam	KX	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ	15° 34' 02"	108° 28' 34"					D-49-1-D-d
đường Trưng Nữ Vương	KX	P. An Mỹ	TP. Tam Kỳ			15° 34' 00"	108° 28' 01"	15° 34' 54"	108° 28' 44"	D-49-1-D-d
núi An Hà	SV	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 31"	108° 28' 36"					D-49-1-D-d
khối phố An Hà Đông	DC	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 36' 06"	108° 29' 14"					D-49-1-D-d
khối phố An Hà Nam	DC	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 38"	108° 29' 09"					D-49-1-D-d
khối phố An Hà Trung	DC	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 50"	108° 28' 36"					D-49-1-D-d
sông Bàn Thạch	TV	P. An Phú	TP. Tam Kỳ			15° 35' 09"	108° 28' 31"	15° 34' 05"	108° 30' 01"	D-49-1-D-d
Núi Cẩm	SV	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 34' 57"	108° 30' 37"					D-49-2-C-c
Sông Đầm	TV	P. An Phú	TP. Tam Kỳ			15° 36' 39"	108° 29' 32"	15° 36' 08"	108° 27' 58"	D-49-1-D-d
Ban quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai	KX	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 53"	108° 29' 43"					D-49-1-D-d
sông Kỳ Phú	TV	P. An Phú	TP. Tam Kỳ			15° 36' 34"	108° 27' 17"	15° 34' 15"	108° 31' 22"	D-49-1-D-d
cầu Kỳ Phú 2	KX	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 34' 12"	108° 29' 50"					D-49-1-D-d
đường Lê Thánh Tông	KX	P. An Phú	TP. Tam Kỳ			15° 35' 54"	108° 28' 40"	15° 34' 37"	108° 31' 29"	D-49-1-D-d; D-49-2-C-c
khối phố Ngọc Nam	DC	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 44"	108° 30' 18"					D-49-2-C-c
đường Nguyễn Văn Trỗi	KX	P. An Phú	TP. Tam Kỳ			15° 35' 05"	108° 28' 01"	15° 36' 24"	108° 29' 04"	D-49-1-D-d
cầu Nguyễn Văn Trỗi	KX	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 29"	108° 28' 20"					D-49-1-D-d
Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	KX	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 58"	108° 28' 39"					D-49-1-D-d
khối phố Phú Ân	DC	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 34' 34"	108° 29' 53"					D-49-1-D-d
khối phố Phú Phong	DC	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 07"	108° 29' 39"					D-49-1-D-d
khối phố Phú Sơn	DC	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 34' 40"	108° 30' 31"					D-49-2-C-c
khối phố Phú Trung	DC	P. An Phú	TP. Tam Kỳ	15° 34' 53"	108° 29' 53"					D-49-2-C-c
Quốc lộ 1	KX	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-D-d
Khối phố 1	DC	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ	15° 33' 26"	108° 30' 09"					D-49-2-C-c
Khối phố 2	DC	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ	15° 33' 42"	108° 29' 53"					D-49-1-D-d
Khối phố 3	DC	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ	15° 33' 44"	108° 29' 29"					D-49-1-D-d
Khối phố 4	DC	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ	15° 33' 37"	108° 29' 20"					D-49-1-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Khối phố 5	DC	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ	15° 33' 32"	108° 29' 14"					D-49-1-D-d
Khối phố 6	DC	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ	15° 33' 35"	108° 29' 38"					D-49-1-D-d
Khối phố 7	DC	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ	15° 33' 24"	108° 29' 50"					D-49-1-D-d
Khối phố 8	DC	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ	15° 33' 05"	108° 29' 39"					D-49-1-D-d
quốc lộ 40B	KX	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-1-D-d; D-49-2-C-c
đường tỉnh 616	KX	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-2-C-c
Trường Cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Quảng Nam	KX	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ	15° 33' 34"	108° 29' 26"					D-49-1-D-d
hồ Duy Tân	TV	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ	15° 33' 50"	108° 29' 33"					D-49-1-D-d
đường Hùng Vương	KX	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ			15° 35' 05"	108° 28' 01"	15° 33' 00"	108° 29' 57"	D-49-1-D-d
đường Nguyễn Hoàng	KX	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ			15° 35' 15"	108° 27' 48"	15° 33' 00"	108° 29' 57"	D-49-1-D-d
đường Phan Chu Trinh	KX	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ			15° 34' 29"	108° 28' 50"	15° 33' 10"	108° 30' 31"	D-49-1-D-d
cầu Tam Kỳ	KX	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ	15° 33' 20"	108° 30' 15"					D-49-2-C-c
sông Tam Kỳ	TV	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ			15° 30' 08"	108° 30' 02"	15° 31' 24"	108° 35' 46"	D-49-2-C-c; D-49-1-D-d
đường Thanh Hoá	KX	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ			15° 35' 26"	108° 31' 38"	15° 32' 58"	108° 28' 28"	D-49-1-D-d
đường Tôn Đức Thắng	KX	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ			15° 33' 52"	108° 29' 43"	15° 33' 25"	108° 29' 32"	D-49-1-D-d
đường Trần Cao Vân	KX	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ			15° 33' 01"	108° 28' 55"	15° 34' 06"	108° 29' 36"	D-49-1-D-d
Trung tâm Y tế thành phố Tam Kỳ	KX	P. An Sơn	TP. Tam Kỳ	15° 33' 35"	108° 29' 35"					D-49-1-D-d
Quốc lộ 1	KX	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-D-d
Khối phố 1	DC	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 57"	108° 29' 24"					D-49-1-D-d
Khối phố 2	DC	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 50"	108° 29' 18"					D-49-1-D-d
Khối phố 3	DC	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 32"	108° 29' 00"					D-49-1-D-d
Khối phố 4	DC	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 45"	108° 28' 53"					D-49-1-D-d
Khối phố 5	DC	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 55"	108° 29' 01"					D-49-1-D-d
Khối phố 6	DC	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 34' 00"	108° 29' 05"					D-49-1-D-d
Khối phố 7	DC	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 34' 03"	108° 29' 11"					D-49-1-D-d
Khối phố 8	DC	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 34' 09"	108° 29' 11"					D-49-1-D-d
Khối phố 9	DC	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 34' 02"	108° 29' 19"					D-49-1-D-d
Khối phố 10	DC	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 45"	108° 29' 11"					D-49-1-D-d
khối phố 11	DC	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 37"	108° 29' 07"					D-49-1-D-d
đường tỉnh 616	KX	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-2-C-c
hồ An Xuân	TV	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 34' 00"	108° 29' 24"					D-49-1-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường Hùng Vương	KX	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ			15° 35' 05"	108° 28' 01"	15° 33' 00"	108° 29' 57"	D-49-1-D-d
đường Huỳnh Thúc Kháng	KX	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ			15° 33' 32"	108° 28' 56"	15° 34' 11"	108° 29' 23"	D-49-1-D-d
đường Nguyễn Hoàng	KX	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ			15° 35' 15"	108° 27' 48"	15° 33' 00"	108° 29' 57"	D-49-1-D-d
đường Phan Chu Trinh	KX	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ			15° 34' 29"	108° 28' 50"	15° 33' 10"	108° 30' 31"	D-49-1-D-d
ga Tam Kỳ	KX	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 32"	108° 28' 52"					D-49-1-D-d
Trung tâm Thanh Thiếu niên Miền Trung	KX	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 49"	108° 29' 04"					D-49-1-D-d
đường Trần Cao Vân	KX	P. An Xuân	TP. Tam Kỳ			15° 33' 01"	108° 28' 55"	15° 34' 06"	108° 29' 36"	D-49-1-D-d
quốc lộ 40B	KX	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-2-C-c
khối phố Bàn Thạch	DC	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ	15° 33' 56"	108° 29' 55"					D-49-1-D-d
sông Bàn Thạch	TV	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ			15° 35' 09"	108° 28' 31"	15° 34' 05"	108° 30' 01"	D-49-1-D-d; D-49-2-C-c
đường Duy Tân	KX	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ			15° 33' 52"	108° 29' 43"	15° 34' 00"	108° 29' 45"	D-49-2-C-c
khối phố Hồng Lư	DC	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ	15° 33' 49"	108° 29' 56"					D-49-1-D-d
khối phố Hồng Phong	DC	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ	15° 33' 52"	108° 29' 52"					D-49-2-C-c
khối phố Hương Chánh	DC	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ	15° 33' 39"	108° 30' 07"					D-49-2-C-c
khối phố Hương Sơn	DC	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ	15° 33' 45"	108° 30' 36"					D-49-2-C-c
khối phố Hương Trà Đông	DC	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ	15° 34' 09"	108° 30' 56"					D-49-2-C-c
khối phố Hương Trà Tây	DC	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ	15° 33' 26"	108° 30' 55"					D-49-2-C-c
khối phố Hương Trung	DC	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ	15° 30' 25"	108° 33' 06"					D-49-2-C-c
sông Kỳ Phú	TV	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ			15° 36' 34"	108° 27' 17"	15° 34' 15"	108° 31' 22"	D-49-1-D-d; D-49-2-C-c
cầu Kỳ Phú 1	KX	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ	15° 34' 03"	108° 29' 46"					D-49-1-D-d
đường Phan Chu Trinh	KX	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ			15° 34' 29"	108° 28' 50"	15° 33' 10"	108° 30' 31"	D-49-1-D-d; D-49-2-C-c
cầu Tam Kỳ	KX	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ	15° 33' 20"	108° 30' 15"					D-49-2-C-c
sông Tam Kỳ	TV	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ			15° 30' 08"	108° 30' 02"	15° 31' 24"	108° 35' 46"	D-49-1-D-d; D-49-2-C-c
cầu Tam Phú	KX	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ	15° 34' 16"	108° 31' 15"					D-49-2-C-c
đường Thanh Hoá	KX	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ			15° 35' 26"	108° 31' 38"	15° 32' 58"	108° 28' 28"	D-49-1-D-d
Trung tâm Thể dục Thể thao tỉnh Quảng Nam	KX	P. Hoà Hương	TP. Tam Kỳ	15° 33' 40"	108° 30' 16"					D-49-2-C-c
Quốc lộ 1	KX	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
khối phố An Hoà	DC	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 34' 48"	108° 27' 32"					D-49-1-D-d
khối phố Đông An	DC	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 33' 46"	108° 27' 08"					D-49-1-D-d
khối phố Đông Trà	DC	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 33' 25"	108° 26' 59"					D-49-1-D-d
khối phố Đông Yên	DC	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 33' 34"	108° 27' 21"					D-49-1-D-d
đường Hùng Vương	KX	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ			15° 35' 05"	108° 28' 01"	15° 33' 00"	108° 29' 57"	D-49-1-D-d
Trung tâm Khí tượng Thủy văn tỉnh Quảng Nam	KX	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 34' 03"	108° 27' 38"					D-49-1-D-d
khối phố Mỹ Thạch Tây	DC	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 33' 55"	108° 27' 58"					D-49-1-D-d
khối phố Mỹ Thạch Trung	DC	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 34' 24"	108° 27' 50"					D-49-1-D-d
đường Nguyễn Hoàng	KX	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ			15° 35' 15"	108° 27' 48"	15° 33' 00"	108° 29' 57"	D-49-1-D-d
đường Phan Bội Châu	KX	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ			15° 35' 15"	108° 27' 48"	15° 34' 29"	108° 28' 50"	D-49-1-D-d
khối phố Phương Hoà Đông	DC	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 34' 60"	108° 27' 40"					D-49-1-D-d
khối phố Phương Hoà Nam	DC	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 34' 57"	108° 27' 56"					D-49-1-D-d
khối phố Phương Hoà Tây	DC	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 35' 26"	108° 27' 33"					D-49-1-D-d
Trại tạm giam tỉnh Quảng Nam	KX	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 33' 34"	108° 26' 53"					D-49-1-D-d
cầu Tây Yên	KX	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 33' 44"	108° 26' 47"					D-49-1-D-d
Khối phố Thuận Trà	DC	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 34' 26"	108° 27' 33"					D-49-1-D-d
Khu công nghiệp Thuận Yên	KX	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 34' 04"	108° 27' 33"					D-49-1-D-d
khối phố Trà Cai	DC	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 34' 17"	108° 27' 20"					D-49-1-D-d
núi Trà Cai	SV	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ	15° 34' 00"	108° 27' 18"					D-49-1-D-d
đường Trần Quý Cáp	KX	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ			15° 34' 33"	108° 28' 01"	15° 34' 14"	108° 27' 46"	D-49-1-D-d
đường Trương Chí Cương	KX	P. Hoà Thuận	TP. Tam Kỳ			15° 34' 33"	108° 28' 01"	15° 34' 44"	108° 27' 46"	D-49-1-D-d
Khối phố 1	DC	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ	15° 34' 19"	108° 29' 10"					D-49-1-D-d
Khối phố 2	DC	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ	15° 34' 11"	108° 29' 20"					D-49-1-D-d
Khối phố 3	DC	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ	15° 34' 08"	108° 29' 21"					D-49-1-D-d
Khối phố 4	DC	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ	15° 34' 08"	108° 29' 27"					D-49-1-D-d
Khối phố 5	DC	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ	15° 33' 57"	108° 29' 40"					D-49-1-D-d
Khối phố 6	DC	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ	15° 34' 05"	108° 29' 45"					D-49-1-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường Bạch Đằng	KX	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ			15° 34' 00"	108° 29' 45"	15° 34' 55"	108° 28' 44"	D-49-1-D-d
sông Bàn Thạch	TV	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ			15° 35' 09"	108° 28' 31"	15° 34' 05"	108° 30' 01"	D-49-1-D-d
đường Duy Tân	KX	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ			15° 33' 52"	108° 29' 43"	15° 34' 00"	108° 29' 45"	D-49-1-D-d
đường Huỳnh Thúc Kháng	KX	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ			15° 33' 32"	108° 28' 56"	15° 34' 11"	108° 29' 23"	D-49-1-D-d
sông Kỳ Phú	TV	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ			15° 36' 34"	108° 27' 17"	15° 34' 15"	108° 31' 22"	D-49-1-D-d
cầu Kỳ Phú 1	KX	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ	15° 34' 03"	108° 29' 46"					D-49-1-D-d
cầu Kỳ Phú 2	KX	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ	15° 34' 12"	108° 29' 50"					D-49-1-D-d
đường Phan Chu Trinh	KX	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ			15° 34' 29"	108° 28' 50"	15° 33' 10"	108° 30' 31"	D-49-1-D-d
chợ Tam Kỳ	KX	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ	15° 34' 05"	108° 29' 34"					D-49-1-D-d
Trung tâm Thương mại thành phố Tam Kỳ	KX	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ	15° 34' 26"	108° 28' 57"					D-49-1-D-d
đường Trần Cao Vân	KX	P. Phước Hoà	TP. Tam Kỳ			15° 33' 01"	108° 28' 55"	15° 34' 06"	108° 29' 36"	D-49-1-D-d
Quốc lộ 1	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-D-d
quảng trường 24-3	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 34' 31"	108° 28' 13"					D-49-1-D-d
đường Bạch Đằng	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ			15° 34' 00"	108° 29' 45"	15° 34' 55"	108° 28' 44"	D-49-1-D-d
sông Bàn Thạch	TV	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ			15° 35' 09"	108° 28' 31"	15° 34' 05"	108° 30' 01"	D-49-1-D-d
khối phố Đoàn Trai	DC	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 35' 02"	108° 28' 52"					D-49-1-D-d
đường Hùng Vương	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ			15° 35' 05"	108° 28' 01"	15° 33' 00"	108° 29' 57"	D-49-1-D-d
sông Kỳ Phú	TV	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ			15° 36' 34"	108° 27' 17"	15° 34' 15"	108° 31' 22"	D-49-1-D-d
đường Lam Sơn	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ			15° 35' 13"	108° 28' 07"	15° 35' 01"	108° 28' 23"	D-49-1-D-d
khối phố Mỹ Hoà	DC	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 34' 37"	108° 28' 07"					D-49-1-D-d
khối phố Mỹ Thạch Bắc	DC	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 35' 02"	108° 28' 14"					D-49-1-D-d
khối phố Mỹ Thạch Đông	DC	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 34' 41"	108° 28' 44"					D-49-1-D-d
khối phố Mỹ Thạch Nam	DC	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 34' 30"	108° 28' 35"					D-49-1-D-d
khối phố Mỹ Thạch Tây	DC	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 34' 14"	108° 28' 10"					D-49-1-D-d
khối phố Mỹ Thạch Trung	DC	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 34' 52"	108° 28' 40"					D-49-1-D-d
hồ Ngã Ba	TV	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 35' 04"	108° 27' 07"					D-49-1-D-d
hồ Nguyễn Du	TV	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 34' 22"	108° 28' 44"					D-49-1-D-d
đường Nguyễn Hoàng	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ			15° 35' 15"	108° 27' 48"	15° 33' 00"	108° 29' 57"	D-49-1-D-d
cầu Nguyễn Văn Trỗi	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 35' 29"	108° 28' 20"					D-49-1-D-d
đường Nguyễn Văn Trỗi	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ			15° 35' 05"	108° 28' 01"	15° 36' 24"	108° 29' 04"	D-49-1-D-d
cầu Ông Trang 2	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 35' 38"	108° 27' 32"					D-49-1-D-d
đường Phan Bội Châu	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ			15° 35' 15"	108° 27' 48"	15° 34' 29"	108° 28' 50"	D-49-1-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Trường Cao đẳng Phương Đông	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 34' 57"	108° 28' 04"					D-49-1-D-d
bến xe Tam Kỳ	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 35' 18"	108° 27' 50"					D-49-1-D-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ			15° 34' 12"	108° 28' 03"	15° 34' 45"	108° 28' 28"	D-49-1-D-d
đường Trần Quý Cáp	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ			15° 34' 33"	108° 28' 01"	15° 34' 14"	108° 27' 46"	D-49-1-D-d
đường Trưng Nữ Vương	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ			15° 34' 00"	108° 28' 01"	15° 34' 54"	108° 28' 44"	D-49-1-D-d
khối phố Trường Đông	DC	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 35' 31"	108° 27' 56"					D-49-1-D-d
Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Nam	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 34' 30"	108° 28' 32"					D-49-1-D-d
Văn Thánh Khổng Miếu	KX	P. Tân Thạnh	TP. Tam Kỳ	15° 35' 03"	108° 28' 08"					D-49-1-D-d
Khối phố 1	DC	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 08"	108° 29' 08"					D-49-1-D-d
Khối phố 2	DC	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 36"	108° 28' 26"					D-49-1-D-d
Khối phố 3	DC	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 15"	108° 28' 10"					D-49-1-D-d
Khối phố 4	DC	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 10"	108° 27' 46"					D-49-1-D-d
Khối phố 5	DC	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 32' 46"	108° 28' 14"					D-49-1-D-d
Khối phố 6	DC	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 01"	108° 28' 37"					D-49-1-D-d
Khối phố 7	DC	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 32' 49"	108° 28' 43"					D-49-1-D-d
quốc lộ 40B	KX	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-1-D-d
đường tỉnh 616	KX	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-1-D-d
đường Thanh Hoá	KX	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ			15° 35' 26"	108° 31' 38"	15° 32' 58"	108° 28' 28"	D-49-1-D-d
Cụm công nghiệp Tiểu thủ công nghiệp Trường Xuân	KX	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 21"	108° 28' 40"					D-49-1-D-d
đường Trần Cao Vân	KX	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ			15° 33' 01"	108° 28' 55"	15° 34' 06"	108° 29' 36"	D-49-1-D-d
Gò Trời	SV	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 32' 42"	108° 28' 07"					D-49-1-D-d
cầu Trường Xuân	KX	P. Trường Xuân	TP. Tam Kỳ	15° 33' 06"	108° 28' 60"					D-49-1-D-d
quốc lộ 40B	KX	xã Tam Ngọc	TP. Tam Kỳ			15° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-1-D-d
thôn Bình Hoà	DC	xã Tam Ngọc	TP. Tam Kỳ	15° 32' 11"	108° 29' 24"					D-49-1-D-d
núi Đá Đen	SV	xã Tam Ngọc	TP. Tam Kỳ	15° 30' 53"	108° 28' 34"					D-49-1-D-d
thôn Đồng Hành	DC	xã Tam Ngọc	TP. Tam Kỳ	15° 32' 19"	108° 28' 24"					D-49-1-D-d
thôn Đồng Nghệ	DC	xã Tam Ngọc	TP. Tam Kỳ	15° 31' 52"	108° 28' 44"					D-49-1-D-d
thôn Ngọc Bích	DC	xã Tam Ngọc	TP. Tam Kỳ	15° 32' 33"	108° 28' 57"					D-49-1-D-d
thôn Phú Ninh	DC	xã Tam Ngọc	TP. Tam Kỳ	15° 31' 19"	108° 28' 37"					D-49-1-D-d
sông Tam Kỳ	TV	xã Tam Ngọc	TP. Tam Kỳ			15° 30' 08"	108° 30' 02"	15° 31' 24"	108° 35' 46"	D-49-1-D-d
núi Tân Lợi	SV	xã Tam Ngọc	TP. Tam Kỳ	15° 30' 53"	108° 28' 14"					D-49-1-D-d
đường Thanh Hoá	KX	xã Tam Ngọc	TP. Tam Kỳ			15° 35' 26"	108° 31' 38"	15° 32' 58"	108° 28' 28"	D-49-1-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Thọ Tân	DC	xã Tam Ngọc	TP. Tam Kỳ	15° 32' 45"	108° 29' 27"					D-49-1-D-d
thôn Trà Lang	DC	xã Tam Ngọc	TP. Tam Kỳ	15° 31' 47"	108° 29' 26"					D-49-1-D-d
quốc lộ 40B	KX	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-2-C-c
Tượng đài Bà mẹ Việt Nam Anh hùng	KX	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 10"	108° 30' 37"					D-49-2-C-c
núi Ba Tuy	SV	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 34' 42"	108° 31' 04"					D-49-2-C-c
Núi Dài	SV	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 31"	108° 31' 06"					D-49-2-C-c
Sông Đầm	TV	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ			15° 35' 50"	108° 30' 27"	15° 36' 08"	108° 27' 58"	D-49-1-D-d
Trung tâm Giồng Đà điều Quảng Nam	KX	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 23"	108° 31' 51"					D-49-2-C-c
sông Kỳ Phú	TV	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ			15° 36' 34"	108° 27' 17"	15° 34' 15"	108° 31' 22"	D-49-2-C-c
cầu Kỳ Trung	KX	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 19"	108° 32' 48"					D-49-2-C-c
đường Lê Thánh Tông	KX	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ			15° 35' 54"	108° 28' 40"	15° 34' 37"	108° 31' 29"	D-49-2-C-c
thôn Ngọc Mỹ	DC	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 36' 24"	108° 30' 51"					D-49-2-C-c
thôn Phú Bình	DC	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 03"	108° 31' 35"					D-49-2-C-c
thôn Phú Đông	DC	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 34' 42"	108° 32' 06"					D-49-2-C-c
thôn Phú Ngọc	DC	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 36' 00"	108° 31' 48"					D-49-2-C-c
thôn Phú Quý	DC	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 31"	108° 32' 11"					D-49-2-C-c
thôn Phú Thạnh	DC	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 35' 24"	108° 30' 60"					D-49-2-C-c
thôn Quý Thượng	DC	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 36' 27"	108° 31' 21"					D-49-2-C-c
cầu Tam Phú	KX	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 34' 16"	108° 31' 15"					D-49-2-C-c
thôn Tân Phú	DC	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ	15° 34' 24"	108° 31' 53"					D-49-2-C-c
đường Thanh Hoá	KX	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ			15° 35' 26"	108° 31' 38"	15° 32' 58"	108° 28' 28"	D-49-1-D-d
sông Trường Giang	TV	xã Tam Phú	TP. Tam Kỳ			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-2-C-c
đường tỉnh 615	KX	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ			15° 37' 52"	108° 31' 18"	15° 33' 20"	108° 17' 34"	D-49-1-D-d; D-49-1-D-b+2-C-a
suối Bàu Mặn	TV	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ			15° 40' 28"	108° 25' 48"	15° 36' 18"	108° 27' 34"	D-49-1-D-d; D-49-1-D-b+2-C-a
Sông Đầm	TV	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ			15° 35' 50"	108° 30' 27"	15° 36' 08"	108° 27' 58"	D-49-1-D-d; D-49-2-C-c
thôn Kim Đôi	DC	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 37' 57"	108° 30' 09"					D-49-1-D-b+2-C-a
thôn Kim Thành	DC	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 37' 20"	108° 30' 42"					D-49-1-D-d
Địa đạo Kỳ Anh	KX	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 36' 56"	108° 28' 22"					D-49-1-D-d
sông Kỳ Phú	TV	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ			15° 36' 34"	108° 27' 17"	15° 34' 15"	108° 31' 22"	D-49-1-D-d
thôn Mỹ Cang	DC	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 36' 35"	108° 27' 55"					D-49-1-D-d
cầu Mỹ Cang	KX	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 36' 12"	108° 27' 46"					D-49-1-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
cầu Tam Thăng	KX	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 36' 50"	108° 28' 26"					D-49-1-D-d
Khu công nghiệp Tam Thăng	KX	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 37' 53"	108° 29' 36"					D-49-1-D-d
thôn Tân Thái	DC	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 37' 43"	108° 28' 35"					D-49-1-D-b+2-C-a
thôn Thạch Tân	DC	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 37' 12"	108° 27' 18"					D-49-1-D-d
thôn Thái Nam	DC	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 37' 40"	108° 27' 21"					D-49-1-D-b+2-C-a
thôn Thăng Tân	DC	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 37' 25"	108° 29' 33"					D-49-1-D-d
cầu Tĩnh Thủy	KX	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 37' 44"	108° 30' 59"					D-49-1-D-d
sông Trường Giang	TV	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-1-D-b+2-C-a
thôn Vĩnh Bình	DC	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 37' 15"	108° 28' 31"					D-49-1-D-d
thôn Xuân Quý	DC	xã Tam Thăng	TP. Tam Kỳ	15° 36' 11"	108° 28' 13"					D-49-1-D-d
quốc lộ 40B	KX	xã Tam Thanh	TP. Tam Kỳ			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-2-C-c
đường tỉnh 615	KX	xã Tam Thanh	TP. Tam Kỳ			15° 37' 52"	108° 31' 18"	15° 33' 20"	108° 17' 34"	D-49-2-C-c
thôn Hạ Thanh 1	DC	xã Tam Thanh	TP. Tam Kỳ	15° 35' 24"	108° 32' 54"					D-49-2-C-c
thôn Hạ Thanh 2	DC	xã Tam Thanh	TP. Tam Kỳ	15° 35' 42"	108° 32' 51"					D-49-2-C-c
cầu Kỳ Trung	KX	xã Tam Thanh	TP. Tam Kỳ	15° 35' 19"	108° 32' 48"					D-49-2-C-c
bãi tắm Tam Thanh	KX	xã Tam Thanh	TP. Tam Kỳ	15° 35' 27"	108° 33' 09"					D-49-2-C-c
thôn Thanh Đông	DC	xã Tam Thanh	TP. Tam Kỳ	15° 37' 45"	108° 31' 13"					D-49-1-D-b+2-C-a
thôn Thanh Tân	DC	xã Tam Thanh	TP. Tam Kỳ	15° 36' 51"	108° 31' 53"					D-49-2-C-c
thôn Thượng Thanh	DC	xã Tam Thanh	TP. Tam Kỳ	15° 36' 32"	108° 32' 02"					D-49-2-C-c
thôn Tĩnh Thủy	DC	xã Tam Thanh	TP. Tam Kỳ	15° 38' 03"	108° 31' 07"					D-49-1-D-b+2-C-a
thôn Trung Thanh	DC	xã Tam Thanh	TP. Tam Kỳ	15° 36' 14"	108° 32' 28"					D-49-2-C-c
sông Trường Giang	TV	xã Tam Thanh	TP. Tam Kỳ			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-1-D-b+2-C-a; D-49-2-C-c
quốc lộ 24C	KX	TT. Trà My	H. Bắc Trà My			15° 17' 29"	108° 18' 21"	15° 20' 25"	108° 13' 12"	D-49-13-A-d
quốc lộ 40B	KX	TT. Trà My	H. Bắc Trà My			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-A-d
cầu 47	KX	TT. Trà My	H. Bắc Trà My	15° 21' 26"	108° 13' 59"					D-49-13-A-d
đường tỉnh 616	KX	TT. Trà My	H. Bắc Trà My			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-13-A-d
cổng Bà Xuất	KX	TT. Trà My	H. Bắc Trà My	15° 20' 44"	108° 13' 19"					D-49-13-A-d
Suối Chợ	TV	TT. Trà My	H. Bắc Trà My			15° 21' 27"	108° 13' 57"	15° 20' 11"	108° 12' 27"	D-49-13-A-d
tổ dân phố Đảng Bộ	DC	TT. Trà My	H. Bắc Trà My	15° 20' 42"	108° 13' 14"					D-49-13-A-d
tổ dân phố Đồng Bàu	DC	TT. Trà My	H. Bắc Trà My	15° 20' 16"	108° 13' 24"					D-49-13-A-d
tổ dân phố Đảng Nước	DC	TT. Trà My	H. Bắc Trà My	15° 20' 39"	108° 12' 58"					D-49-13-A-d
tổ dân phố Đồng Trường 1	DC	TT. Trà My	H. Bắc Trà My	15° 20' 19"	108° 12' 56"					D-49-13-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
tổ dân phố Đồng Trường 2	DC	TT. Trà My	H. Bắc Trà My	15° 20' 13"	108° 12' 37"					D-49-13-A-d
tổ dân phố Mậu Cà	DC	TT. Trà My	H. Bắc Trà My	15° 21' 22"	108° 13' 52"					D-49-13-A-d
tổ dân phố Minh Đông	DC	TT. Trà My	H. Bắc Trà My	15° 20' 52"	108° 13' 45"					D-49-13-A-d
cầu Mười Một	KX	TT. Trà My	H. Bắc Trà My	15° 20' 14"	108° 12' 28"					D-49-13-A-d
Cầu Ri	KX	TT. Trà My	H. Bắc Trà My	15° 20' 12"	108° 13' 30"					D-49-13-A-d
tổ dân phố Trần Dương	DC	TT. Trà My	H. Bắc Trà My	15° 20' 08"	108° 12' 02"					D-49-13-A-d
tổ dân phố Trung Thị	DC	TT. Trà My	H. Bắc Trà My	15° 20' 27"	108° 13' 09"					D-49-13-A-d
Sông Trường	TV	TT. Trà My	H. Bắc Trà My			15° 17' 29"	108° 18' 26"	15° 20' 01"	108° 10' 48"	D-49-13-A-d
Suối Trư	TV	TT. Trà My	H. Bắc Trà My			15° 22' 40"	108° 12' 55"	15° 20' 40"	108° 10' 39"	D-49-13-A-b; D-49-13-A-d
Thôn 1	DC	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My	15° 20' 27"	108° 03' 34"					D-49-13-A-c
Thôn 2	DC	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My	15° 20' 55"	108° 02' 25"					D-49-13-A-c
Thôn 3	DC	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My	15° 21' 24"	108° 02' 47"					D-49-13-A-c
Thôn 4	DC	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My	15° 21' 51"	108° 02' 55"					D-49-13-A-c
Thôn 5	DC	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My	15° 22' 40"	108° 02' 44"					D-49-13-A-a
Thôn 6	DC	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My	15° 23' 18"	108° 01' 59"					D-49-13-A-c
Thôn 7	DC	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My	15° 22' 02"	108° 05' 26"					D-49-13-A-c
Thôn 8	DC	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My	15° 22' 18"	108° 05' 57"					D-49-13-A-c
Thôn 9	DC	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My	15° 21' 46"	108° 06' 31"					D-49-13-A-c
quốc lộ 40B	KX	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-A-c
đường tỉnh 616	KX	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-13-A-c
Sông Bui	TV	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My			15° 22' 15"	107° 55' 57"	15° 19' 42"	108° 06' 55"	D-49-13-A-c; D-48-24-B-d
núi Hòn Che	SV	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My	15° 24' 12"	108° 05' 50"					D-49-13-A-a
núi Hòn Sét	SV	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My	15° 23' 49"	108° 04' 08"					D-49-13-A-a
sông Nước Nát	TV	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My			15° 18' 06"	107° 56' 57"	15° 20' 53"	108° 01' 54"	D-49-13-A-c; D-48-24-B-d
sông Nước Nê	TV	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My			15° 25' 07"	108° 01' 14"	15° 21' 29"	108° 03' 07"	D-49-13-A-a; D-49-13-A-c
sông Nước Vin	TV	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My			15° 14' 22"	108° 13' 09"	15° 18' 08"	108° 07' 02"	D-49-13-A-d
hồ Sông Tranh 2	TV	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My	15° 20' 53"	108° 08' 16"					D-49-13-A-d
sông Tam Lang	TV	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My			15° 23' 26"	108° 04' 23"	15° 20' 04"	108° 06' 43"	D-49-13-A-a; D-49-13-A-c
suối Tam Lung	TV	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My			15° 22' 50"	108° 07' 01"	15° 20' 22"	108° 06' 36"	D-49-13-A-c
Sông Tranh	TV	xã Trà Bui	H. Bắc Trà My			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Thôn 1	DC	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My	15° 20' 40"	108° 10' 23"					D-49-13-A-d
Thôn 2	DC	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My	15° 21' 29"	108° 09' 30"					D-49-13-A-d
thôn 3A	DC	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My	15° 21' 50"	108° 08' 53"					D-49-13-A-d
thôn 3B	DC	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My	15° 21' 46"	108° 08' 01"					D-49-13-A-d
Thôn 4	DC	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My	15° 22' 32"	108° 08' 00"					D-49-13-A-b
Thôn 5	DC	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My	15° 24' 04"	108° 07' 53"					D-49-13-A-b
Suối Dung	TV	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My			15° 25' 32"	108° 06' 58"	15° 25' 06"	108° 08' 24"	D-49-13-A-a; D-49-13-A-b
Sông Gia	TV	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My			15° 25' 51"	108° 06' 24"	15° 30' 52"	108° 01' 41"	D-49-13-A-a; D-49-1-C-c
núi Hòn Che	SV	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My	15° 24' 12"	108° 05' 50"					D-49-13-A-a
Suối Mun	TV	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My			15° 24' 16"	108° 06' 22"	15° 24' 18"	108° 08' 49"	D-49-13-A-a; D-49-13-A-b
cầu Sông Tranh	KX	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My	15° 20' 05"	108° 09' 40"					D-49-13-A-d
hồ Sông Tranh 2	TV	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My	15° 20' 53"	108° 08' 16"					D-49-13-A-d
suối Tam Lung	TV	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My			15° 22' 50"	108° 07' 01"	15° 20' 22"	108° 06' 36"	D-49-13-A-a; D-49-13-A-c; D-49-13-A-d
cầu thôn 2	KX	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My	15° 21' 27"	108° 09' 38"					D-49-13-A-d
Nhà máy Thủy điện Sông Tranh 2	KX	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My	15° 21' 57"	108° 09' 30"					D-49-13-A-d
đập Thủy điện Sông Tranh 2	KX	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My	15° 19' 54"	108° 08' 48"					D-49-13-A-d
Sông Tranh	TV	xã Trà Đốc	H. Bắc Trà My			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-A-b; D-49-13-A-d
thôn Ba Hương	DC	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My	15° 22' 40"	108° 20' 14"					D-49-13-B-a
suối Bà Hải	TV	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My			15° 21' 04"	108° 21' 53"	15° 21' 59"	108° 21' 19"	D-49-13-B-c
Sông Cái	TV	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My			15° 21' 07"	108° 15' 29"	15° 23' 07"	108° 18' 53"	D-49-13-B-a
cầu Đá Bàn	KX	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My	15° 22' 09"	108° 19' 45"					D-49-13-B-c
thôn Định Yên	DC	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My	15° 22' 57"	108° 18' 36"					D-49-13-B-a
thôn Đông Phú	DC	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My	15° 22' 32"	108° 20' 42"					D-49-13-B-a
thôn Đông Sơn	DC	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My	15° 22' 21"	108° 20' 02"					D-49-13-B-c
thôn Hoài An	DC	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My	15° 22' 09"	108° 20' 24"					D-49-13-B-a
suối Hồ Lở	TV	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My			15° 22' 40"	108° 20' 45"	15° 22' 50"	108° 19' 36"	D-49-13-B-a
núi Mụ Dạ	SV	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My	15° 24' 04"	108° 18' 35"					D-49-13-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Nước Trắng	TV	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My			15° 20' 14"	108° 19' 46"	15° 22' 10"	108° 19' 45"	D-49-13-B-c
suối Nước Vĩ	TV	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My			15° 19' 41"	108° 21' 53"	15° 22' 43"	108° 19' 45"	D-49-13-B-c
núi Ông Quân	SV	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My	15° 24' 01"	108° 20' 07"					D-49-13-B-a
thôn Phương Đông	DC	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My	15° 22' 33"	108° 19' 24"					D-49-13-B-a
thôn Thanh Trước	DC	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My	15° 21' 45"	108° 21' 32"					D-49-13-B-c
Sông Trạm	TV	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My			15° 21' 52"	108° 23' 28"	15° 28' 37"	108° 18' 49"	D-49-13-B-a; D-49-13-B-c
Sông Trót	TV	xã Trà Đông	H. Bắc Trà My			15° 19' 30"	108° 23' 38"	15° 21' 48"	108° 22' 24"	D-49-13-B-c
quốc lộ 40B	KX	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-A-b; D-49-13-A-d
đường tỉnh 616	KX	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-13-A-b; D-49-13-A-d
Sông Cái	TV	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My			15° 21' 07"	108° 15' 29"	15° 23' 07"	108° 18' 53"	D-49-13-B-a
cầu Dốc Đèn	KX	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 22' 16"	108° 15' 02"					D-49-13-B-c
thôn Dương Bình	DC	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 23' 11"	108° 18' 03"					D-49-13-B-a
núi Dương Bồ	SV	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 23' 34"	108° 15' 47"					D-49-13-B-a
thôn Dương Lâm	DC	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 22' 51"	108° 14' 52"					D-49-13-A-b
thôn Dương Phú	DC	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 23' 04"	108° 17' 17"					D-49-13-B-a
thôn Dương Tân	DC	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 22' 29"	108° 15' 42"					D-49-13-B-c
thôn Dương Thạnh	DC	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 21' 57"	108° 14' 43"					D-49-13-A-d
thôn Dương Trung	DC	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 22' 52"	108° 16' 19"					D-49-13-B-a
suối Đá Bẩn	TV	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My			15° 23' 09"	108° 14' 37"	15° 22' 47"	108° 15' 29"	D-49-13-A-b; D-49-13-B-a
núi Đá Đen	SV	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 24' 13"	108° 17' 59"					D-49-13-B-a
cầu Đồng Chùa	KX	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 22' 24"	108° 15' 20"					D-49-13-B-c
suối Gia Quế	TV	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My			15° 22' 53"	108° 14' 02"	15° 22' 39"	108° 14' 58"	D-49-13-A-b
cầu Hồ Ông Hắt	KX	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 23' 06"	108° 17' 08"					D-49-13-B-a
núi Mụ Dạ	SV	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 24' 04"	108° 18' 35"					D-49-13-B-a
cầu Ruộng Sim	KX	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 22' 47"	108° 16' 12"					D-49-13-B-a
suối Ruộng Sim	TV	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My			15° 21' 57"	108° 15' 28"	15° 22' 42"	108° 15' 46"	D-49-13-B-a; D-49-13-B-c
cầu Suối Ron	KX	xã Trà Dương	H. Bắc Trà My	15° 22' 51"	108° 16' 28"					D-49-13-B-a
Thôn 1	DC	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My	15° 13' 14"	108° 10' 17"					D-49-13-C-b
Thôn 2	DC	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My	15° 14' 39"	108° 10' 21"					D-49-13-C-b
Thôn 3	DC	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My	15° 17' 36"	108° 16' 54"					D-49-13-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Thôn 4	DC	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My	15° 13' 57"	108° 11' 39"					D-49-13-C-b
Thôn 5	DC	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My	15° 15' 11"	108° 07' 48"					D-49-13-A-d
quốc lộ 24C	KX	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 17' 29"	108° 18' 21"	15° 20' 25"	108° 13' 12"	D-49-13-B-c
quốc lộ 40B	KX	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-A-c
đường tỉnh 616	KX	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-13-A-c
núi Chóp Nón	SV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My	15° 17' 28"	108° 09' 56"					D-49-13-A-d
đường huyện số 4 Bắc Trà My	KX	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 14' 29"	108° 10' 27"	15° 13' 25"	108° 15' 41"	D-49-13-C-b
đường Đông Trường Sơn	KX	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 15' 25"	108° 08' 58"	15° 13' 03"	108° 09' 58"	D-49-13-A-d; D-49-13-C-b
núi Hòn Bà	SV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My	15° 17' 38"	108° 15' 09"					D-49-13-B-c
Suối Ko	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 12' 52"	108° 10' 34"	15° 14' 30"	108° 10' 33"	D-49-13-C-b
Suối Lợi	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 12' 42"	108° 09' 57"	15° 12' 11"	108° 09' 31"	D-49-13-C-b
suối Nừa Ô	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 17' 19"	108° 14' 55"	15° 16' 38"	108° 16' 10"	D-49-13-A-d; D-49-13-B-c
suối Nước Lê	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 17' 01"	108° 12' 47"	15° 18' 17"	108° 11' 15"	D-49-13-A-d
suối Nước Oa	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 15' 18"	108° 13' 40"	15° 20' 28"	108° 10' 34"	D-49-13-A-d
suối Nước Riêng	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 15' 47"	108° 14' 01"	15° 17' 04"	108° 16' 49"	D-49-13-A-d; D-49-13-B-c
suối Nước Trắng	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 16' 21"	108° 12' 13"	15° 17' 04"	108° 11' 08"	D-49-13-A-d
cầu Nước Vin	KX	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My	15° 17' 07"	108° 07' 43"					D-49-13-A-d
sông Nước Vin	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 14' 22"	108° 13' 09"	15° 18' 08"	108° 07' 02"	D-49-13-A-d; D-49-13-C-b
cầu Nước Xa	KX	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My	15° 15' 13"	108° 06' 39"					D-49-13-A-c
cầu Nước Xa	KX	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My	15° 14' 51"	108° 06' 43"					D-49-13-C-a
suối Nước Xa	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 09' 02"	108° 11' 51"	15° 15' 21"	108° 06' 25"	D-49-13-A-c
suối Nước Y	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 17' 04"	108° 16' 49"	15° 18' 49"	108° 17' 04"	D-49-13-B-c
suối Ô Ô	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 17' 24"	108° 13' 30"	15° 19' 45"	108° 13' 53"	D-49-13-A-d
núi Poóc Pây	SV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My	15° 11' 48"	108° 12' 34"					D-49-13-C-b
núi Ta Nác La	SV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My	15° 16' 48"	108° 17' 51"					D-49-13-C-b
suối Tà Vi	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 13' 28"	108° 12' 17"	15° 14' 09"	108° 11' 40"	D-49-13-C-b
Suối Tăng	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 12' 09"	108° 11' 47"	15° 14' 22"	108° 10' 50"	D-49-13-C-b
Sông Tranh	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-A-c
Sông Trường	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 17' 29"	108° 18' 26"	15° 20' 01"	108° 10' 48"	D-49-13-B-c
Khe Tung	TV	xã Trà Giác	H. Bắc Trà My			15° 15' 37"	108° 15' 22"	15° 16' 03"	108° 15' 13"	D-49-13-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Thôn 1	DC	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My	15° 20' 06"	108° 14' 10"					D-49-13-A-d
Thôn 2	DC	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My	15° 19' 46"	108° 14' 18"					D-49-13-A-d
Thôn 3	DC	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My	15° 20' 29"	108° 14' 52"					D-49-13-A-d
Thôn 4	DC	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My	15° 20' 01"	108° 13' 28"					D-49-13-A-d
Thôn 5	DC	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My	15° 19' 28"	108° 13' 41"					D-49-13-A-d
Thôn 6	DC	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My	15° 18' 52"	108° 14' 12"					D-49-13-A-d
quốc lộ 24C	KX	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My			15° 17' 29"	108° 18' 21"	15° 20' 25"	108° 13' 12"	D-49-13-A-d; D-49-13-B-c
Cầu Bàn	KX	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My	15° 19' 45"	108° 14' 23"					D-49-13-A-d
Sông Cái	TV	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My			15° 21' 07"	108° 15' 29"	15° 23' 07"	108° 18' 53"	D-49-13-B-c
núi Dương Là	SV	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My	15° 20' 44"	108° 15' 23"					D-49-13-B-c
cầu Đại An	KX	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My	15° 19' 54"	108° 14' 13"					D-49-13-A-d
núi Hòn Bà	SV	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My	15° 17' 38"	108° 15' 09"					D-49-13-B-c
Suối Mơ	TV	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My			15° 18' 11"	108° 14' 28"	15° 19' 44"	108° 14' 01"	D-49-13-A-d
núi Nà Cốc	SV	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My	15° 20' 58"	108° 16' 49"					D-49-13-B-c
suối Năm Quế	TV	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My			15° 18' 21"	108° 14' 50"	15° 18' 51"	108° 15' 19"	D-49-13-A-d; D-49-13-B-c
suối Ô Ô	TV	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My			15° 17' 24"	108° 13' 30"	15° 19' 45"	108° 13' 53"	D-49-13-A-d
cầu Sông Trường 1	KX	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My	15° 18' 48"	108° 15' 30"					D-49-13-B-c
Sông Trường	TV	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My			15° 17' 29"	108° 18' 26"	15° 20' 01"	108° 10' 48"	D-49-13-A-d; D-49-13-B-c
núi Vực Thành	SV	xã Trà Giang	H. Bắc Trà My	15° 19' 18"	108° 15' 43"					D-49-13-B-c
Thôn 1	DC	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 13' 54"	108° 16' 22"					D-49-13-D-a
Thôn 2	DC	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 13' 38"	108° 15' 40"					D-49-13-D-a
Thôn 3	DC	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 13' 06"	108° 13' 37"					D-49-13-C-b
Thôn 4	DC	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 11' 29"	108° 13' 45"					D-49-13-C-b
Thôn 5	DC	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 10' 21"	108° 13' 16"					D-49-13-C-b
Núi Dô	SV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 12' 10"	108° 13' 23"					D-49-13-C-b
Khe Đa	TV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My			15° 08' 09"	108° 13' 53"	15° 07' 54"	108° 13' 38"	D-49-13-C-b
đường huyện số 4 Bắc Trà My	KX	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My			15° 14' 29"	108° 10' 27"	15° 13' 25"	108° 15' 41"	D-49-13-A-d; D-49-13-C-b
núi Glác	SV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 13' 41"	108° 17' 02"					D-49-13-D-a
Suối Gôn	TV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My			15° 15' 03"	108° 16' 05"	15° 13' 22"	108° 15' 44"	D-49-13-B-c; D-49-13-D-a
núi Nam Ro	SV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 12' 21"	108° 14' 17"					D-49-13-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Ngà Voi	TV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My			15° 14' 05"	108° 17' 09"	15° 13' 35"	108° 15' 42"	D-49-13-D-a
Suối Ngheo	TV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My			15° 11' 40"	108° 14' 07"	15° 12' 33"	108° 15' 59"	D-49-13-C-b
suối Nước Boa	TV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My			15° 10' 19"	108° 13' 28"	15° 07' 54"	108° 13' 38"	D-49-13-C-b
hồ Nước Rìn	TV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 13' 33"	108° 14' 38"					D-49-13-C-b
Núi Pe	SV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 10' 30"	108° 14' 06"					D-49-13-C-b
núi Poóc Pây	SV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 11' 48"	108° 12' 34"					D-49-13-C-b
núi Rĩa Lốc	SV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 09' 13"	108° 14' 32"					D-49-13-C-b
núi Ta Nác La	SV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 16' 48"	108° 17' 51"					D-49-13-C-b
Sông Tong	TV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My			15° 12' 07"	108° 13' 06"	15° 10' 31"	108° 18' 16"	D-49-13-C-b; D-49-13-D-a
núi Văn Rét	SV	xã Trà Giáp	H. Bắc Trà My	15° 07' 09"	108° 15' 31"					D-49-13-C-c
Thôn 1	DC	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My	15° 12' 28"	108° 15' 48"					D-49-13-D-a
Thôn 2	DC	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My	15° 12' 23"	108° 16' 31"					D-49-13-D-a
Thôn 3	DC	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My	15° 11' 18"	108° 17' 13"					D-49-13-D-a
Thôn 4	DC	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My	15° 10' 20"	108° 16' 35"					D-49-13-D-a
Suối Côi	TV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My			15° 12' 33"	108° 14' 55"	15° 12' 44"	108° 15' 48"	D-49-13-C-b; D-49-13-D-a
núi Glác	SV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My	15° 13' 41"	108° 17' 02"					D-49-13-D-a
suối Hơ Lê	TV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My			15° 13' 32"	108° 16' 53"	15° 13' 01"	108° 17' 07"	D-49-13-D-a
Suối Ka	TV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My			15° 11' 00"	108° 15' 26"	15° 12' 15"	108° 16' 33"	D-49-13-D-a
Sông Lon	TV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My			15° 07' 48"	108° 16' 18"	15° 10' 31"	108° 18' 16"	D-49-13-D-a
núi Nam Ro	SV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My	15° 12' 21"	108° 14' 17"					D-49-13-C-b
Suối Ngheo	TV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My			15° 11' 40"	108° 14' 07"	15° 12' 33"	108° 15' 59"	D-49-13-C-b; D-49-13-D-a
suối Nước Lạnh	TV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My			15° 09' 40"	108° 16' 19"	15° 09' 17"	108° 16' 57"	D-49-13-D-a
suối Nước Lốp	TV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My			15° 11' 01"	108° 16' 43"	15° 11' 08"	108° 17' 54"	D-49-13-D-a
suối Nước Lún	TV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My			15° 13' 37"	108° 18' 01"	15° 12' 20"	108° 17' 25"	D-49-13-D-a
Núi Pe	SV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My	15° 10' 30"	108° 14' 06"					D-49-13-C-b
Suối Piêng	TV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My			15° 13' 45"	108° 17' 40"	15° 12' 14"	108° 17' 19"	D-49-13-D-a
Sông Tong	TV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My			15° 12' 07"	108° 13' 06"	15° 10' 31"	108° 18' 16"	D-49-13-D-a
núi Văn Rét	SV	xã Trà Ka	H. Bắc Trà My	15° 07' 09"	108° 15' 31"					D-49-13-C-b
Thôn 1	DC	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 21' 21"	108° 22' 15"					D-49-13-B-c
thôn 2A	DC	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 21' 31"	108° 22' 19"					D-49-13-B-d
thôn 2B	DC	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 21' 28"	108° 22' 40"					D-49-13-B-d
Thôn 3	DC	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 21' 21"	108° 23' 56"					D-49-13-B-d
Thôn 4	DC	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 22' 09"	108° 23' 36"					D-49-13-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn 5A	DC	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 21' 30"	108° 24' 21"					D-49-13-B-d
thôn 5B	DC	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 21' 35"	108° 24' 36"					D-49-13-B-d
suối Bà Hái	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 21' 04"	108° 21' 53"	15° 21' 59"	108° 21' 19"	D-49-13-B-c
núi Ba Nô	SV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 20' 36"	108° 21' 49"					D-49-13-B-c
suối Ba Nu	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 18' 33"	108° 23' 08"	15° 19' 58"	108° 22' 54"	D-49-13-B-d
suối Bo Nu	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 18' 25"	108° 23' 43"	15° 19' 48"	108° 22' 54"	D-49-13-B-d
sông Bồng Miêu	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 20' 29"	108° 26' 37"	15° 26' 01"	108° 22' 44"	D-49-13-B-b; D-49-13-B-d
Núi Cát	SV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 19' 23"	108° 25' 35"					D-49-13-B-d
Suối Có	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 19' 59"	108° 24' 07"	15° 21' 46"	108° 23' 11"	D-49-13-B-d
Suối Dừa	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 22' 20"	108° 23' 44"	15° 21' 52"	108° 23' 28"	D-49-13-B-d
suối Hồ Lách	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 18' 51"	108° 24' 27"	15° 19' 30"	108° 23' 38"	D-49-13-B-d
Núi Kẽm	SV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 23' 42"	108° 26' 10"					D-49-13-B-b
suối Mề Gà	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 23' 18"	108° 24' 14"	15° 22' 21"	108° 24' 11"	D-49-13-B-b
suối Mrí	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 19' 41"	108° 25' 04"	15° 21' 37"	108° 24' 54"	D-49-13-B-d
Núi Nong	SV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 18' 43"	108° 24' 17"					D-49-13-B-d
suối Nước Vĩ	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 19' 41"	108° 21' 53"	15° 22' 43"	108° 19' 45"	D-49-13-B-c
núi Răng Cưa	SV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 17' 59"	108° 23' 24"					D-49-13-B-d
núi Ta Gòn	SV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 18' 06"	108° 22' 20"					D-49-13-B-c
suối Ta Lác	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 20' 00"	108° 24' 36"	15° 21' 30"	108° 24' 07"	D-49-13-B-d
núi Ta Nước	SV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 19' 29"	108° 22' 04"					D-49-13-B-c
Suối Tiên	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 22' 29"	108° 25' 30"	15° 22' 20"	108° 23' 44"	D-49-13-B-d
Sông Trạm	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 21' 52"	108° 23' 28"	15° 28' 37"	108° 18' 49"	D-49-13-B-d
Suối Tre	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 23' 19"	108° 23' 31"	15° 22' 20"	108° 23' 44"	D-49-13-B-b
Sông Trót	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 19' 30"	108° 23' 38"	15° 21' 48"	108° 22' 24"	D-49-13-B-c; D-49-13-B-d
Sông Vàng	TV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My			15° 20' 12"	108° 25' 41"	15° 21' 52"	108° 23' 28"	D-49-13-B-d
núi Vô Quýt	SV	xã Trà Kót	H. Bắc Trà My	15° 21' 47"	108° 27' 58"					D-49-13-B-b
Thôn 1	DC	xã Trà Nù	H. Bắc Trà My	15° 19' 16"	108° 19' 05"					D-49-13-B-c
Thôn 2	DC	xã Trà Nù	H. Bắc Trà My	15° 21' 23"	108° 19' 25"					D-49-13-B-c
Thôn 3	DC	xã Trà Nù	H. Bắc Trà My	15° 21' 38"	108° 19' 55"					D-49-13-B-c
Thôn 4	DC	xã Trà Nù	H. Bắc Trà My	15° 19' 13"	108° 17' 00"					D-49-13-B-c
quốc lộ 24C	KX	xã Trà Nù	H. Bắc Trà My			15° 17' 29"	108° 18' 21"	15° 20' 25"	108° 13' 12"	D-49-13-B-c
sông Lòng Gạch	TV	xã Trà Nù	H. Bắc Trà My			15° 18' 16"	108° 22' 06"	15° 18' 47"	108° 17' 30"	D-49-13-B-c
núi Nước Loa	SV	xã Trà Nù	H. Bắc Trà My	15° 21' 52"	108° 17' 41"					D-49-13-B-c
suối Nước Thác	TV	xã Trà Nù	H. Bắc Trà My			15° 20' 03"	108° 18' 17"	15° 18' 58"	108° 18' 54"	D-49-13-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Nước Trắng	TV	xã Trà Núi	H. Bắc Trà My			15° 20' 14"	108° 19' 46"	15° 22' 10"	108° 19' 45"	D-49-13-B-c
suối Nước Vĩ	TV	xã Trà Núi	H. Bắc Trà My			15° 19' 41"	108° 21' 53"	15° 22' 43"	108° 19' 45"	D-49-13-B-c
suối Nước Y	TV	xã Trà Núi	H. Bắc Trà My			15° 17' 04"	108° 16' 49"	15° 18' 49"	108° 17' 04"	D-49-13-B-c
núi Ta Gòn	SV	xã Trà Núi	H. Bắc Trà My	15° 18' 06"	108° 22' 20"					D-49-13-B-c
núi Ta Nác La	SV	xã Trà Núi	H. Bắc Trà My	15° 16' 48"	108° 17' 51"					D-49-13-C-b
Núi Toan	SV	xã Trà Núi	H. Bắc Trà My	15° 17' 43"	108° 21' 45"					D-49-13-B-c
Sông Trường	TV	xã Trà Núi	H. Bắc Trà My			15° 17' 29"	108° 18' 26"	15° 20' 01"	108° 10' 48"	D-49-13-B-c
quốc lộ 40B	KX	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-A-d
đường tỉnh 616	KX	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-13-A-d
Suối Cạn	TV	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My			15° 22' 18"	108° 10' 08"	15° 22' 33"	108° 09' 36"	D-49-13-A-b; D-49-13-A-d
thôn Cao Sơn	DC	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My	15° 21' 21"	108° 11' 42"					D-49-13-A-d
thôn Dương Hoà	DC	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My	15° 19' 54"	108° 12' 23"					D-49-13-A-d
suối La Nghi	TV	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My			15° 21' 57"	108° 11' 06"	15° 21' 33"	108° 10' 23"	D-49-13-A-d
thôn Lâm Bình Phương	DC	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My	15° 19' 32"	108° 11' 59"					D-49-13-A-d
thôn Mậu Long	DC	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My	15° 20' 19"	108° 11' 41"					D-49-13-A-d
suối Nước Lê	TV	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My			15° 17' 01"	108° 12' 47"	15° 18' 17"	108° 11' 15"	D-49-13-A-d
cầu Nước Oa	KX	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My	15° 19' 50"	108° 10' 49"					D-49-13-A-d
suối Nước Oa	TV	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My			15° 15' 18"	108° 13' 40"	15° 20' 28"	108° 10' 34"	D-49-13-A-d
suối Ô Ô	TV	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My			15° 17' 24"	108° 13' 30"	15° 19' 45"	108° 13' 53"	D-49-13-A-d
cầu Sông Trường	KX	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My	15° 20' 00"	108° 11' 01"					D-49-13-A-d
thôn Tân Hiệp	DC	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My	15° 19' 30"	108° 11' 29"					D-49-13-A-d
Sông Tranh	TV	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-A-b; D-49-13-A-d
Sông Trường	TV	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My			15° 17' 29"	108° 18' 26"	15° 20' 01"	108° 10' 48"	D-49-13-A-d
Suối Trư	TV	xã Trà Sơn	H. Bắc Trà My			15° 22' 40"	108° 12' 55"	15° 20' 40"	108° 10' 39"	D-49-13-A-d
Thôn 1	DC	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 19' 17"	108° 09' 43"					D-49-13-A-d
Thôn 2	DC	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 19' 11"	108° 10' 30"					D-49-13-A-d
Thôn 3	DC	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 18' 37"	108° 11' 03"					D-49-13-A-d
Thôn 4	DC	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 19' 53"	108° 10' 09"					D-49-13-A-d
Thôn 5	DC	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 18' 56"	108° 09' 58"					D-49-13-A-d
Thôn 6	DC	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 19' 44"	108° 10' 34"					D-49-13-A-d
Thôn 7	DC	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 19' 08"	108° 08' 49"					D-49-13-A-d
Thôn 8	DC	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 19' 01"	108° 07' 37"					D-49-13-A-d
quốc lộ 40B	KX	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-A-d
đường tỉnh 616	KX	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-13-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Chính Trị	TV	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My			15° 17' 36"	108° 09' 28"	15° 19' 05"	108° 09' 55"	D-49-13-A-d
núi Chóp Nón	SV	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 17' 28"	108° 09' 56"					D-49-13-A-d
cầu Khe Tân	KX	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 19' 05"	108° 10' 45"					D-49-13-A-d
Khu di tích Khu V	KX	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 19' 42"	108° 10' 40"					D-49-13-A-d
cầu Nước Oa	KX	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 19' 50"	108° 10' 49"					D-49-13-A-d
Khu di tích Nước Oa	KX	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 19' 07"	108° 10' 57"					D-49-13-A-d
suối Nước Oa	TV	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My			15° 15' 18"	108° 13' 40"	15° 20' 28"	108° 10' 34"	D-49-13-A-d
suối Ông Đức	TV	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My			15° 19' 18"	108° 08' 28"	15° 19' 10"	108° 11' 02"	D-49-13-A-d
cầu Sông Tranh	KX	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 20' 05"	108° 09' 40"					D-49-13-A-d
Suối Tân	TV	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My			15° 17' 37"	108° 09' 59"	15° 19' 03"	108° 10' 07"	D-49-13-A-d
đập Thủy điện Sông Tranh 2	KX	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My	15° 19' 54"	108° 08' 48"					D-49-13-A-d
Sông Tranh	TV	xã Trà Tân	H. Bắc Trà My			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-A-d
Khu 1	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 41"	108° 06' 08"					D-49-1-A-a
Khu 2	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 58"	108° 06' 24"					D-49-1-A-a
Khu 3	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 16"	108° 06' 36"					D-49-1-A-a
Khu 4	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 42"	108° 06' 40"					D-49-1-A-a
Khu 5	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 08"	108° 07' 10"					D-49-1-A-a
Khu 6	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 03"	108° 07' 30"					D-49-1-A-a
Khu 7	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 58"	108° 06' 50"					D-49-1-A-a
Khu 8	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 45"	108° 06' 52"					D-49-1-A-a
quốc lộ 14B	KX	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc			15° 56' 01"	108° 07' 52"	15° 45' 59"	107° 49' 42"	D-49-1-A-a
đường tỉnh 609	KX	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc			15° 53' 45"	108° 14' 38"	15° 52' 26"	107° 52' 54"	D-49-1-A-a; D-49-1-A-b
đường tỉnh 609B	KX	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc			15° 55' 51"	108° 07' 48"	15° 51' 02"	108° 07' 12"	D-49-1-A-a; D-49-1-A-c
Trường Trung học phổ thông Huỳnh Ngọc Huệ	KX	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 51"	108° 06' 19"					D-49-1-A-a
khu Ái Mỹ	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 34"	108° 07' 01"					D-49-1-A-a
cầu Ái Nghĩa	KX	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 01"	108° 06' 42"					D-49-1-A-a
Cụm công nghiệp Đại An	KX	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 54' 43"	108° 06' 10"					D-49-1-A-a
khu Giáo Đông	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 35"	108° 07' 30"					D-49-1-A-a
khu Hoà An	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 49"	108° 06' 48"					D-49-1-A-a
cầu Hoà Đông	KX	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 34"	108° 06' 42"					D-49-1-A-a
khu Hoán Mỹ	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 42"	108° 07' 22"					D-49-1-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Trường Trung học phổ thông Lương Thúc Kỳ	KX	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 15"	108° 07' 13"					D-49-1-A-a
khu Nghĩa Nam	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 30"	108° 06' 22"					D-49-1-A-c
Cầu Phốc	KX	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 45"	108° 07' 09"					D-49-1-A-a
Bàu Phốc	TV	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 47"	108° 07' 12"					D-49-1-A-a
khu Trung An	DC	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 44"	108° 07' 46"					D-49-1-A-b
sông Vu Gia	TV	TT. Ái Nghĩa	H. Đại Lộc			15° 49' 05"	107° 50' 51"	15° 53' 51"	108° 08' 13"	D-49-1-A-a; D-49-1-A-b; D-49-1-A-c
đường tỉnh 609B	KX	xã Đại An	H. Đại Lộc			15° 55' 51"	108° 07' 48"	15° 51' 02"	108° 07' 12"	D-49-1-A-c
thôn Ái Mỹ	DC	xã Đại An	H. Đại Lộc	15° 52' 14"	108° 07' 05"					D-49-1-A-c
thôn Bàu Tròn	DC	xã Đại An	H. Đại Lộc	15° 51' 23"	108° 06' 30"					D-49-1-A-c
đường huyện số 3 Đại Lộc	KX	xã Đại An	H. Đại Lộc			15° 50' 50"	107° 59' 08"	15° 51' 15"	108° 07' 11"	D-49-1-A-c
thôn Đông Tây	DC	xã Đại An	H. Đại Lộc	15° 51' 21"	108° 06' 51"					D-49-1-A-c
đò Giao Thủy	KX	xã Đại An	H. Đại Lộc	15° 50' 47"	108° 07' 08"					D-49-1-A-c
thôn Hoá Phú	DC	xã Đại An	H. Đại Lộc	15° 51' 59"	108° 06' 48"					D-49-1-A-c
thôn Nghĩa Nam	DC	xã Đại An	H. Đại Lộc	15° 52' 18"	108° 06' 21"					D-49-1-A-c
thôn Phú Lộc	DC	xã Đại An	H. Đại Lộc	15° 52' 11"	108° 06' 31"					D-49-1-A-c
thôn Phước Yên	DC	xã Đại An	H. Đại Lộc	15° 51' 20"	108° 06' 07"					D-49-1-A-c
thôn Quảng Huế	DC	xã Đại An	H. Đại Lộc	15° 51' 15"	108° 07' 03"					D-49-1-A-c
cầu Quảng Huế	KX	xã Đại An	H. Đại Lộc	15° 50' 56"	108° 06' 17"					D-49-1-A-c
sông Quảng Huế	TV	xã Đại An	H. Đại Lộc			15° 52' 16"	108° 05' 56"	15° 50' 45"	108° 07' 00"	D-49-1-A-c
thôn Quảng Yên	DC	xã Đại An	H. Đại Lộc	15° 51' 01"	108° 06' 49"					D-49-1-A-c
sông Thu Bồn	TV	xã Đại An	H. Đại Lộc			15° 34' 10"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-c
Thôn Tư	DC	xã Đại An	H. Đại Lộc	15° 51' 41"	108° 06' 40"					D-49-1-A-c
sông Vu Gia	TV	xã Đại An	H. Đại Lộc			15° 49' 05"	107° 50' 51"	15° 53' 51"	108° 08' 13"	D-49-1-A-c
núi An Bằng	SV	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 47' 28"	107° 56' 20"					D-48-12-B-d
kênh Bàu Tiên	TV	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc			15° 47' 27"	108° 01' 22"	15° 47' 56"	108° 02' 06"	D-49-1-A-c
núi Bằng Xiêm	SV	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 49' 08"	108° 00' 02"					D-49-1-A-c
Khe Cát	TV	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc			15° 46' 42"	108° 01' 06"	15° 48' 42"	108° 04' 06"	D-49-1-A-c
khe Đá Mài	TV	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc			15° 49' 51"	108° 00' 52"	15° 48' 24"	108° 03' 26"	D-49-1-A-c
thôn Đại Khương	DC	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 48' 35"	108° 02' 01"					D-49-1-A-c
núi Hồ Chinh	SV	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 49' 30"	107° 59' 48"					D-48-12-B-d
hồ Hồ Chinh	TV	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 49' 54"	108° 00' 49"					D-49-1-A-c
núi Hữu Niên	SV	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 48' 27"	107° 59' 28"					D-48-12-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
cầu Khe Đá	KX	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 48' 42"	108° 02' 57"					D-49-1-A-c
kênh Khe Tân	TV	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc			15° 47' 24"	108° 00' 54"	15° 50' 59"	108° 04' 12"	D-49-1-A-c
hồ Khe Tân	TV	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 47' 10"	108° 00' 32"					D-48-12-B-d; D-49-1-A-c
đập Khe Tân	KX	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 47' 13"	108° 00' 59"					D-49-1-A-c
thôn Tập Phước	DC	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 48' 21"	108° 02' 35"					D-49-1-A-c
thôn Thanh Phú	DC	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 49' 17"	108° 01' 40"					D-49-1-A-c
thôn Thanh Tân	DC	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 47' 39"	108° 00' 49"					D-49-1-A-c
thôn Thanh Trung	DC	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 47' 58"	108° 01' 47"					D-49-1-A-c
núi Thọ Lâm	SV	xã Đại Chánh	H. Đại Lộc	15° 47' 50"	107° 59' 03"					D-48-12-B-d
Thôn 8	DC	xã Đại Cường	H. Đại Lộc	15° 51' 38"	108° 04' 57"					D-49-1-A-c
Thôn 9	DC	xã Đại Cường	H. Đại Lộc	15° 51' 24"	108° 05' 12"					D-49-1-A-c
Thôn 10	DC	xã Đại Cường	H. Đại Lộc	15° 52' 02"	108° 06' 00"					D-49-1-A-c
đường huyện số 3 Đại Lộc	KX	xã Đại Cường	H. Đại Lộc			15° 50' 50"	107° 59' 08"	15° 51' 15"	108° 07' 11"	D-49-1-A-c
đường huyện số 6 Đại Lộc	KX	xã Đại Cường	H. Đại Lộc			15° 50' 51"	108° 06' 13"	15° 49' 26"	108° 04' 40"	D-49-1-A-c
Khe Gai	TV	xã Đại Cường	H. Đại Lộc			15° 49' 19"	108° 03' 34"	15° 50' 08"	108° 05' 09"	D-49-1-A-c
thôn Ô Gia Bắc	DC	xã Đại Cường	H. Đại Lộc	15° 51' 17"	108° 05' 29"					D-49-1-A-c
thôn Ô Gia Nam	DC	xã Đại Cường	H. Đại Lộc	15° 51' 01"	108° 05' 00"					D-49-1-A-c
thôn Quảng Đại 1	DC	xã Đại Cường	H. Đại Lộc	15° 50' 31"	108° 06' 23"					D-49-1-A-c
thôn Quảng Đại 2	DC	xã Đại Cường	H. Đại Lộc	15° 50' 21"	108° 05' 44"					D-49-1-A-c
cầu Quảng Huế	KX	xã Đại Cường	H. Đại Lộc	15° 50' 56"	108° 06' 17"					D-49-1-A-c
sông Quảng Huế	TV	xã Đại Cường	H. Đại Lộc			15° 52' 16"	108° 05' 56"	15° 50' 45"	108° 07' 00"	D-49-1-A-c
thôn Thanh Vân	DC	xã Đại Cường	H. Đại Lộc	15° 50' 53"	108° 05' 23"					D-49-1-A-c
sông Thu Bồn	TV	xã Đại Cường	H. Đại Lộc			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-c
thôn Trang Điền	DC	xã Đại Cường	H. Đại Lộc	15° 50' 57"	108° 04' 52"					D-49-1-A-c
sông Vu Gia	TV	xã Đại Cường	H. Đại Lộc			15° 49' 05"	107° 50' 51"	15° 53' 51"	108° 08' 13"	D-49-1-A-c
quốc lộ 14B	KX	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc			15° 56' 01"	108° 07' 52"	15° 45' 59"	107° 49' 42"	D-48-12-B-d; D-49-1-A-a; D-49-1-A-c
đường tỉnh 609	KX	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc			15° 53' 45"	108° 14' 38"	15° 52' 26"	107° 52' 54"	D-48-12-B-d
núi 1062	SV	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 55' 14"	107° 59' 11"					D-48-12-B-b
thôn An Định	DC	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 52' 31"	108° 01' 10"					D-49-1-A-a
cầu Ba Khe 1	KX	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 51' 39"	107° 59' 23"					D-48-12-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
khe Ba Khe 2	TV	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc			15° 53' 34"	107° 59' 42"	15° 51' 50"	107° 58' 29"	D-48-12-B-b; D-48-12-B-d
khe Ba Khe 3	TV	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc			15° 54' 02"	107° 58' 08"	15° 52' 06"	107° 58' 28"	D-48-12-B-b; D-48-12-B-d
thôn Bàng Tân	DC	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 51' 37"	108° 01' 34"					D-49-1-A-c
khe Bàu Sáu	TV	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc			15° 51' 50"	108° 01' 12"	15° 51' 32"	107° 59' 21"	D-48-12-B-d; D-49-1-A-c
Khe Cống	TV	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc			15° 52' 18"	107° 59' 52"	15° 51' 47"	107° 59' 47"	D-48-12-B-d
thôn Đồng Me	DC	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 52' 22"	108° 01' 01"					D-49-1-A-c
Xí nghiệp Gạch Đại Hưng	KX	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 52' 15"	108° 00' 12"					D-49-1-A-c
thôn Hà Nha	DC	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 51' 10"	108° 00' 38"					D-49-1-A-c
cầu Hà Nha	KX	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 51' 10"	107° 59' 34"					D-48-12-B-d
thôn Hà Thanh	DC	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 51' 37"	107° 59' 29"					D-48-12-B-d
cầu Khe Cống	KX	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 51' 42"	107° 59' 56"					D-48-12-B-d
thôn Lam Phụng	DC	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 51' 23"	108° 01' 14"					D-49-1-A-c
thôn Lâm Tây	DC	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 51' 48"	108° 00' 26"					D-49-1-A-c
thôn Lộc Phước	DC	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 51' 39"	108° 01' 05"					D-49-1-A-c
Suối Mơ	TV	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc			15° 55' 02"	107° 59' 44"	15° 52' 52"	108° 02' 47"	D-48-12-B-b; D-49-1-A-a
khe Sông Cùg	TV	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc			15° 55' 06"	107° 57' 46"	15° 51' 40"	107° 59' 08"	D-48-12-B-b; D-48-12-B-d
cầu Suối Mơ	KX	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 52' 43"	108° 01' 20"					D-49-1-A-a
đò Thuận Mỹ-Hà Nha	KX	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 51' 06"	108° 01' 05"					D-49-1-A-c
Trường Trung học phổ thông Chu Văn An	KX	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 51' 42"	107° 59' 18"					D-48-12-B-d
thôn Vĩnh Phước	DC	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc	15° 51' 22"	107° 59' 49"					D-48-12-B-d
sông Vu Gia	TV	xã Đại Đồng	H. Đại Lộc			15° 49' 05"	107° 50' 51"	15° 53' 51"	108° 08' 13"	D-48-12-B-d; D-49-1-A-c
quốc lộ 14B	KX	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc			15° 56' 01"	108° 07' 52"	15° 45' 59"	107° 49' 42"	D-49-1-A-a; D-49-1-A-b
đường tỉnh 609B	KX	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc			15° 55' 51"	108° 07' 48"	15° 51' 02"	108° 07' 12"	D-49-1-A-a; D-49-1-A-b
cầu Đại Hiệp	KX	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 54' 23"	108° 07' 08"					D-49-1-A-a
Cụm công nghiệp Đại Hiệp	KX	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 55' 25"	108° 07' 06"					D-49-1-A-a
thôn Đông Phú	DC	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 55' 50"	108° 08' 16"					D-49-1-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
cầu Kilômet 33+248	KX	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 55' 42"	108° 07' 17"					D-49-1-A-a
cầu Kilômet 33+259	KX	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 55' 36"	108° 07' 12"					D-49-1-A-a
cầu Kilômet 34-987	KX	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 55' 07"	108° 06' 42"					D-49-1-A-a
Cầu Ngọc	KX	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 54' 34"	108° 07' 15"					D-49-1-A-a
thôn Phú Đông	DC	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 55' 34"	108° 07' 46"					D-49-1-A-b
thôn Phú Hải	DC	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 55' 40"	108° 07' 38"					D-49-1-A-b
thôn Phú Mỹ	DC	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 54' 47"	108° 07' 27"					D-49-1-A-a
thôn Phú Quý	DC	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 55' 07"	108° 06' 56"					D-49-1-A-a
thôn Phú Trung	DC	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 55' 34"	108° 07' 28"					D-49-1-A-a
núi Sơn Gà	SV	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 56' 09"	108° 05' 15"					D-49-1-A-a
thôn Tích Phú	DC	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 55' 20"	108° 07' 45"					D-49-1-A-b
hồ Trà Cân	TV	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 56' 16"	108° 06' 49"					D-49-1-A-a
đập Trà Cân	KX	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc	15° 56' 11"	108° 06' 54"					D-49-1-A-a
sông Vu Gia	TV	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc			15° 49' 05"	107° 50' 51"	15° 53' 51"	108° 08' 13"	D-49-1-A-a; D-49-1-A-b
Sông Yên	TV	xã Đại Hiệp	H. Đại Lộc			15° 53' 51"	108° 08' 13"	15° 57' 15"	108° 09' 07"	D-49-1-A-b
đường tỉnh 609B	KX	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc			15° 55' 51"	108° 07' 48"	15° 51' 02"	108° 07' 12"	D-49-1-A-c
thôn Ái Mỹ	DC	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc	15° 52' 12"	108° 07' 18"					D-49-1-A-c
thôn Bàu Tây	DC	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc	15° 51' 54"	108° 08' 13"					D-49-1-A-d
thôn Bộ Bắc	DC	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc	15° 51' 44"	108° 07' 33"					D-49-1-A-d
thôn Bộ Nam	DC	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc	15° 51' 29"	108° 07' 45"					D-49-1-A-d
thôn Giao Thủy	DC	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc	15° 50' 57"	108° 07' 34"					D-49-1-A-d
đò Giao Thủy	KX	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc	15° 50' 47"	108° 07' 08"					D-49-1-A-c
thôn Giáo Tây	DC	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc	15° 51' 56"	108° 07' 27"					D-49-1-A-c
thôn Hoà Thạch	DC	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc	15° 51' 14"	108° 07' 30"					D-49-1-A-c
thôn Lộc Bình	DC	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc	15° 51' 45"	108° 08' 29"					D-49-1-A-d
thôn Mỹ Hoà	DC	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc	15° 51' 24"	108° 08' 32"					D-49-1-A-d
thôn Quảng Huế	DC	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc	15° 51' 18"	108° 07' 14"					D-49-1-A-c
sông Thu Bồn	TV	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-c; D-49-1-A-d
thôn Thượng Phước	DC	xã Đại Hoà	H. Đại Lộc	15° 51' 15"	108° 08' 09"					D-49-1-A-d
quốc lộ 14B	KX	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc			15° 56' 01"	108° 07' 52"	15° 45' 59"	107° 49' 42"	D-48-12-B-d
núi An Bằng	SV	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 47' 28"	107° 56' 20"					D-48-12-B-d
cầu Bảy Trâu	KX	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 49' 26"	107° 54' 45"					D-48-12-B-d
thôn Dục Tịnh	DC	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 50"	107° 57' 12"					D-48-12-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường huyện số 3 Đại Lộc	KX	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc			15° 50' 50"	107° 59' 08"	15° 51' 15"	108° 07' 11"	D-48-12-B-d
thôn Đông Phước	DC	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 44"	107° 56' 55"					D-48-12-B-d
cầu Hà Nha	KX	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 51' 10"	107° 59' 34"					D-48-12-B-d
thôn Hà Vy	DC	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 47"	107° 58' 05"					D-48-12-B-d
thôn Hoà Hữu Đông	DC	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 07"	107° 56' 04"					D-48-12-B-d
thôn Hoà Hữu Tây	DC	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 49' 30"	107° 54' 44"					D-48-12-B-d
núi Hồ Chinh	SV	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 49' 30"	107° 59' 48"					D-49-1-A-c
cầu Hồ Lắm	KX	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 48' 42"	107° 53' 59"					D-48-12-B-d
khe Hồ Lắm	TV	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc			15° 47' 51"	107° 54' 11"	15° 48' 46"	107° 54' 00"	D-48-12-B-d
cầu Khe Bò	KX	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 33"	107° 57' 49"					D-48-12-B-d
cầu Khe Đá	KX	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 53"	107° 59' 16"					D-48-12-B-d
cầu Khe Hóc	KX	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 08"	107° 56' 31"					D-48-12-B-d
cầu Khe Hung	KX	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 49' 54"	107° 55' 51"					D-48-12-B-d
cầu Khe Lim	KX	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 11"	107° 56' 40"					D-48-12-B-d
cầu Khe Nước Đỏ	KX	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 49' 42"	107° 55' 22"					D-48-12-B-d
thôn Lập Thuận	DC	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 50"	107° 58' 25"					D-48-12-B-d
thôn Ngọc Kinh Đông	DC	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 59"	107° 59' 05"					D-48-12-B-d
thôn Ngọc Kinh Tây	DC	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 47"	107° 58' 53"					D-48-12-B-d
thôn Ngọc Thạch	DC	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 51' 04"	107° 58' 20"					D-48-12-B-d
khe Nước Đỏ	TV	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc			15° 48' 47"	107° 55' 42"	15° 49' 57"	107° 55' 30"	D-48-12-B-d
thôn Phước Lâm	DC	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 32"	107° 57' 35"					D-48-12-B-d
khe Sông Cùng	TV	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc			15° 55' 06"	107° 57' 46"	15° 51' 40"	107° 59' 08"	D-48-12-B-d
sông Vu Gia	TV	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc			15° 49' 05"	107° 50' 51"	15° 53' 51"	108° 08' 13"	D-48-12-B-d; D-49-1-A-c
núi Vững Chinh	SV	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 15"	108° 00' 25"					D-49-1-A-c
núi Xương Gành	SV	xã Đại Hồng	H. Đại Lộc	15° 50' 05"	107° 58' 58"					D-48-12-B-d
đường tỉnh 609	KX	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc			15° 53' 45"	108° 14' 38"	15° 52' 26"	107° 52' 54"	D-48-12-B-d
thôn An Diêm	DC	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 52' 30"	107° 52' 43"					D-48-12-B-b
cầu An Diêm	KX	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 52' 33"	107° 52' 52"					D-48-12-B-d
Trại giam An Diêm	KX	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 53' 01"	107° 50' 50"					D-48-12-B-a
đập An Diêm	KX	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 54' 02"	107° 52' 46"					D-48-12-B-b
thôn An Tân	DC	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 51' 18"	107° 54' 14"					D-48-12-B-d
thôn Chấn Sơn	DC	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 51' 53"	107° 55' 31"					D-48-12-B-d
thôn Đại Mỹ	DC	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 52' 19"	107° 53' 36"					D-48-12-B-d
khe Klân	TV	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc			15° 54' 04"	107° 51' 46"	15° 52' 58"	107° 52' 08"	D-48-12-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Sông Kôn	TV	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc			16° 04' 09"	107° 47' 12"	15° 50' 40"	107° 56' 21"	D-48-12-B-a
thôn Mậu Lâm	DC	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 51' 48"	107° 54' 27"					D-48-12-B-d
Suối Sinh	TV	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc			15° 51' 03"	107° 51' 32"	15° 52' 32"	107° 51' 13"	D-48-12-B-c
núi Song Cheo	SV	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 50' 39"	107° 49' 23"					D-48-12-B-c
thôn Thái Sơn	DC	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 52' 00"	107° 54' 12"					D-48-12-B-d
thôn Thanh Đại	DC	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 51' 45"	107° 54' 05"					D-48-12-B-d
Nhà máy Thủy điện An Diêm	KX	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 53' 18"	107° 52' 34"					D-48-12-B-b
Nhà máy Thủy điện An Diêm 2	KX	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 54' 17"	107° 53' 18"					D-48-12-B-b
Khe Trâu	TV	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc			15° 54' 50"	107° 50' 36"	15° 54' 02"	107° 52' 46"	D-48-12-B-a; D-48-12-B-b
Khe Tre	TV	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc			15° 50' 32"	107° 50' 16"	15° 52' 33"	107° 51' 01"	D-48-12-B-a; D-48-12-B-c
thôn Trúc Hà	DC	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 51' 37"	107° 55' 19"					D-48-12-B-d
thôn Trung Đạo	DC	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 51' 48"	107° 54' 55"					D-48-12-B-d
Sông Vàng	TV	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc			16° 02' 57"	107° 49' 20"	15° 53' 02"	107° 52' 28"	D-48-12-B-a; D-48-12-B-b
Làng Yều	DC	xã Đại Hưng	H. Đại Lộc	15° 52' 44"	107° 52' 35"					D-48-12-B-b
đường tỉnh 609	KX	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc			15° 53' 45"	108° 14' 38"	15° 52' 26"	107° 52' 54"	D-48-12-B-d
núi Bon Tan	SV	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc	15° 55' 32"	107° 55' 48"					D-48-12-B-b
thôn Đại An	DC	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc	15° 50' 59"	107° 56' 33"					D-48-12-B-d
thôn Hà Dục Bắc	DC	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc	15° 51' 46"	107° 57' 33"					D-48-12-B-d
thôn Hà Dục Đông	DC	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc	15° 51' 19"	107° 57' 18"					D-48-12-B-d
thôn Hà Dục Tây	DC	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc	15° 51' 20"	107° 56' 38"					D-48-12-B-d
thôn Hà Tân	DC	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc	15° 50' 36"	107° 56' 07"					D-48-12-B-d
cầu Hà Tân	KX	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc	15° 50' 53"	107° 55' 58"					D-48-12-B-d
thôn Hoàng Phước Bắc	DC	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc	15° 51' 24"	107° 55' 49"					D-48-12-B-d
Sông Kôn	TV	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc			16° 04' 09"	107° 47' 12"	15° 50' 40"	107° 56' 21"	D-48-12-B-d
khe Sông Cùg	TV	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc			15° 55' 06"	107° 57' 46"	15° 51' 40"	107° 59' 08"	D-48-12-B-b; D-48-12-B-d
thôn Tân An	DC	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc	15° 50' 52"	107° 56' 22"					D-48-12-B-d
thôn Tân Hà	DC	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc	15° 50' 35"	107° 55' 50"					D-48-12-B-d
thôn Tân Sơn	DC	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc	15° 50' 16"	107° 55' 38"					D-48-12-B-d
thôn Tịnh Đông Tây	DC	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc	15° 51' 07"	107° 56' 48"					D-48-12-B-d
sông Vu Gia	TV	xã Đại Lãnh	H. Đại Lộc			15° 49' 05"	107° 50' 51"	15° 53' 51"	108° 08' 13"	D-48-12-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Ấp Bắc	DC	xã Đại Minh	H. Đại Lộc	15° 51' 30"	108° 03' 55"					D-49-1-A-c
thôn Ấp Nam	DC	xã Đại Minh	H. Đại Lộc	15° 51' 20"	108° 03' 45"					D-49-1-A-c
thôn Ấp Trung	DC	xã Đại Minh	H. Đại Lộc	15° 51' 36"	108° 04' 05"					D-49-1-A-c
đường huyện số 3 Đại Lộc	KX	xã Đại Minh	H. Đại Lộc			15° 50' 50"	107° 59' 08"	15° 51' 15"	108° 07' 11"	D-49-1-A-c
thôn Đông Gia	DC	xã Đại Minh	H. Đại Lộc	15° 50' 49"	108° 03' 58"					D-49-1-A-c
kênh Khe Tân	TV	xã Đại Minh	H. Đại Lộc			15° 47' 24"	108° 00' 54"	15° 50' 59"	108° 04' 12"	D-49-1-A-c
thôn Phú Mỹ	DC	xã Đại Minh	H. Đại Lộc	15° 51' 27"	108° 04' 17"					D-49-1-A-c
thôn Phước Bình	DC	xã Đại Minh	H. Đại Lộc	15° 51' 49"	108° 04' 24"					D-49-1-A-c
thôn Quảng Huệ	DC	xã Đại Minh	H. Đại Lộc	15° 50' 30"	108° 04' 22"					D-49-1-A-c
đò Quang Minh	KX	xã Đại Minh	H. Đại Lộc	15° 52' 24"	108° 03' 55"					D-49-1-A-c
thôn Tây Gia	DC	xã Đại Minh	H. Đại Lộc	15° 51' 12"	108° 03' 35"					D-49-1-A-c
sông Vu Gia	TV	xã Đại Minh	H. Đại Lộc			15° 49' 05"	107° 50' 51"	15° 53' 51"	108° 08' 13"	D-49-1-A-c
quốc lộ 14B	KX	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc			15° 56' 01"	108° 07' 52"	15° 45' 59"	107° 49' 42"	D-49-1-A-a
đường tỉnh 609	KX	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc			15° 53' 45"	108° 14' 38"	15° 52' 26"	107° 52' 54"	D-49-1-A-a
khe Cừu Tán	TV	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc			15° 55' 03"	108° 02' 58"	15° 53' 53"	108° 05' 10"	D-49-1-A-a
thôn Đại An	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 54' 12"	108° 05' 47"					D-49-1-A-a
thôn Đại Lợi	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 46"	108° 05' 53"					D-49-1-A-a
thôn Đại Phú	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 40"	108° 04' 46"					D-49-1-A-a
thôn Đức Hoà	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 44"	108° 05' 31"					D-49-1-A-a
thôn Hoà Mỹ	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 51"	108° 05' 23"					D-49-1-A-a
thôn Hoà Tây	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 40"	108° 06' 14"					D-49-1-A-a
cầu Kilômet 39+148	KX	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 54' 03"	108° 04' 46"					D-49-1-A-a
thôn Mỹ Liên	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 43"	108° 05' 20"					D-49-1-A-a
thôn Mỹ Thuận	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 38"	108° 05' 06"					D-49-1-A-a
thôn Nghĩa Bắc	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 22"	108° 05' 50"					D-49-1-A-a
thôn Nghĩa Tân	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 59"	108° 04' 42"					D-49-1-A-a
thôn Nghĩa Tây	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 24"	108° 04' 55"					D-49-1-A-a
Bàu Ông	TV	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 53' 52"	108° 05' 18"					D-49-1-A-a
thôn Phiếm Ái 1	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 35"	108° 05' 57"					D-49-1-A-a
thôn Phiếm Ái 2	DC	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 52' 29"	108° 05' 35"					D-49-1-A-a
núi Sơn Gà	SV	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 55' 35"	108° 04' 42"					D-49-1-A-a
Đền tưởng niệm Trường An	KX	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc	15° 50' 45"	108° 05' 02"					D-49-1-A-a
sông Vu Gia	TV	xã Đại Nghĩa	H. Đại Lộc			15° 49' 05"	107° 50' 51"	15° 53' 51"	108° 08' 13"	D-49-1-A-a; D-49-1-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường huyện số 3 Đại Lộc	KX	xã Đại Phong	H. Đại Lộc			15° 50' 50"	107° 59' 08"	15° 51' 15"	108° 07' 11"	D-49-1-A-c
kênh Khe Tân	TV	xã Đại Phong	H. Đại Lộc			15° 47' 24"	108° 00' 54"	15° 50' 59"	108° 04' 12"	D-49-1-A-c
thôn Minh Tân	DC	xã Đại Phong	H. Đại Lộc	15° 50' 56"	108° 01' 59"					D-49-1-A-c
thôn Mỹ Đông	DC	xã Đại Phong	H. Đại Lộc	15° 51' 15"	108° 03' 19"					D-49-1-A-c
thôn Mỹ Hào	DC	xã Đại Phong	H. Đại Lộc	15° 51' 27"	108° 03' 11"					D-49-1-A-c
đò Mỹ Hào	KX	xã Đại Phong	H. Đại Lộc	15° 51' 31"	108° 03' 00"					D-49-1-A-c
thôn Mỹ Tây	DC	xã Đại Phong	H. Đại Lộc	15° 51' 19"	108° 02' 50"					D-49-1-A-c
thôn Phú Phước	DC	xã Đại Phong	H. Đại Lộc	15° 51' 10"	108° 02' 22"					D-49-1-A-c
Bàu Sấu	TV	xã Đại Phong	H. Đại Lộc			15° 50' 03"	108° 02' 59"	15° 51' 02"	108° 01' 55"	D-49-1-A-c
thôn Tam Mỹ	DC	xã Đại Phong	H. Đại Lộc	15° 51' 24"	108° 03' 29"					D-49-1-A-c
thôn Tân Mỹ	DC	xã Đại Phong	H. Đại Lộc	15° 51' 04"	108° 02' 11"					D-49-1-A-c
thôn Thuận Mỹ	DC	xã Đại Phong	H. Đại Lộc	15° 50' 56"	108° 01' 27"					D-49-1-A-c
đò Thuận Mỹ-Hà Nha	KX	xã Đại Phong	H. Đại Lộc	15° 51' 06"	108° 01' 05"					D-49-1-A-c
sông Vu Gia	TV	xã Đại Phong	H. Đại Lộc			15° 49' 05"	107° 50' 51"	15° 53' 51"	108° 08' 13"	D-49-1-A-c
quốc lộ 14B	KX	xã Đại Quang	H. Đại Lộc			15° 56' 01"	108° 07' 52"	15° 45' 59"	107° 49' 42"	D-49-1-A-a; D-49-1-A-c
đường tỉnh 609	KX	xã Đại Quang	H. Đại Lộc			15° 53' 45"	108° 14' 38"	15° 52' 26"	107° 52' 54"	D-49-1-A-a; D-49-1-A-c
Bàu Đá	TV	xã Đại Quang	H. Đại Lộc			15° 52' 52"	108° 02' 47"	15° 52' 29"	108° 04' 05"	D-49-1-A-a; D-49-1-A-c
thôn Đông Lâm	DC	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 52' 11"	108° 02' 48"					D-49-1-A-c
núi Đông Lâm	SV	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 55' 11"	108° 00' 18"					D-49-1-A-a
thôn Đồng Me	DC	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 52' 22"	108° 01' 01"					D-49-1-A-a
thôn Hoà Thạch	DC	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 52' 22"	108° 03' 18"					D-49-1-A-c
cầu Lộc Mỹ	KX	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 52' 45"	108° 04' 02"					D-49-1-A-a
Khe Mọn	TV	xã Đại Quang	H. Đại Lộc			15° 54' 44"	108° 02' 13"	15° 52' 50"	108° 03' 49"	D-49-1-A-a
Suối Mơ	TV	xã Đại Quang	H. Đại Lộc			15° 55' 02"	107° 59' 44"	15° 52' 52"	108° 02' 47"	D-49-1-A-a; D-49-1-A-c
thôn Mỹ An	DC	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 52' 54"	108° 04' 07"					D-49-1-A-a
đò Mỹ Hào	KX	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 51' 31"	108° 03' 00"					D-49-1-A-c
thôn Phú Hương	DC	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 51' 59"	108° 02' 09"					D-49-1-A-c
thôn Phước Lộc	DC	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 52' 37"	108° 01' 50"					D-49-1-A-a
thôn Phương Trung	DC	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 51' 48"	108° 02' 24"					D-49-1-A-c
đò Quang Minh	KX	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 52' 24"	108° 03' 55"					D-49-1-A-c
thôn Song Bình	DC	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 53' 11"	108° 04' 33"					D-49-1-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
núi Sơn Gà	SV	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 54' 25"	108° 01' 36"					D-49-1-A-a
cầu Suối Mơ	KX	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 52' 43"	108° 01' 20"					D-49-1-A-a
cầu Suối Thờ	KX	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 53' 23"	108° 03' 22"					D-49-1-A-a
thôn Tam Hoà	DC	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 52' 42"	108° 03' 49"					D-49-1-A-a
thôn Trường An	DC	xã Đại Quang	H. Đại Lộc	15° 52' 48"	108° 04' 19"					D-49-1-A-a
sông Vu Gia	TV	xã Đại Quang	H. Đại Lộc			15° 49' 05"	107° 50' 51"	15° 53' 51"	108° 08' 13"	D-49-1-A-a; D-49-1-A-c
quốc lộ 14B	KX	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc			15° 56' 01"	108° 07' 52"	15° 45' 59"	107° 49' 42"	D-48-12-B-c; D-48-12-B-d
núi An Bằng	SV	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 47' 28"	107° 56' 20"					D-48-12-B-d
thôn Bãi Quả	DC	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 49' 19"	107° 53' 07"					D-48-12-B-d
núi Bàn Cờ	SV	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 44' 13"	107° 55' 36"					D-48-12-B-c
sông Bung	TV	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-12-B-c
Sông Cái	TV	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc			15° 34' 14"	107° 49' 39"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-12-B-c
Khe Con	TV	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc			15° 45' 32"	107° 53' 34"	15° 48' 13"	107° 53' 17"	D-48-12-B-c; D-48-12-B-d
thôn Đầu Gò	DC	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 49' 07"	107° 50' 34"					D-48-12-B-c
thôn Đồng Chàm	DC	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 49' 33"	107° 51' 29"					D-48-12-B-c
núi Eo Sầm	SV	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 47' 47"	107° 51' 22"					D-48-12-B-c
Khe Hoa	TV	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc			15° 47' 14"	107° 55' 32"	15° 48' 49"	107° 53' 32"	D-48-12-B-d
cầu Hồ Lắm	KX	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 48' 42"	107° 53' 59"					D-48-12-B-d
khe Hồ Lắm	TV	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc			15° 47' 51"	107° 54' 11"	15° 48' 46"	107° 54' 00"	D-48-12-B-d
thôn Hội Khách Đông	DC	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 49' 19"	107° 54' 13"					D-48-12-B-d
thôn Hội Khách Tây	DC	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 49' 06"	107° 53' 50"					D-48-12-B-d
cầu Khe Hoa	KX	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 48' 19"	107° 53' 18"					D-48-12-B-d
núi Mai Quy	SV	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 48' 45"	107° 51' 53"					D-48-12-B-c
núi Song Cheo	SV	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 50' 39"	107° 49' 23"					D-48-12-B-c
thôn Tam Hiệp	DC	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 48' 43"	107° 50' 53"					D-48-12-B-c
thôn Tân Đới	DC	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc	15° 49' 01"	107° 53' 14"					D-48-12-B-d
Khe Tre	TV	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc			15° 50' 32"	107° 50' 16"	15° 52' 33"	107° 51' 01"	D-48-12-B-c
sông Vu Gia	TV	xã Đại Sơn	H. Đại Lộc			15° 49' 05"	107° 50' 51"	15° 53' 51"	108° 08' 13"	D-48-12-B-d
thôn An Chánh	DC	xã Đại Tân	H. Đại Lộc	15° 49' 29"	108° 02' 32"					D-49-1-A-c
núi Dương Hòn Dài	SV	xã Đại Tân	H. Đại Lộc	15° 50' 13"	108° 01' 55"					D-49-1-A-c
khe Đá Mài	TV	xã Đại Tân	H. Đại Lộc			15° 49' 51"	108° 00' 52"	15° 48' 24"	108° 03' 26"	D-49-1-A-c
hồ Hồ Chình	TV	xã Đại Tân	H. Đại Lộc	15° 49' 54"	108° 00' 49"					D-49-1-A-c
cầu Khe Đá	KX	xã Đại Tân	H. Đại Lộc	15° 48' 42"	108° 02' 57"					D-49-1-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
kênh Khe Tân	TV	xã Đại Tân	H. Đại Lộc			15° 47' 24"	108° 00' 54"	15° 50' 59"	108° 04' 12"	D-49-1-A-c
thôn Mỹ Nam	DC	xã Đại Tân	H. Đại Lộc	15° 50' 24"	108° 02' 58"					D-49-1-A-c
thôn Nam Phước	DC	xã Đại Tân	H. Đại Lộc	15° 49' 55"	108° 01' 42"					D-49-1-A-c
thôn Phú Phong	DC	xã Đại Tân	H. Đại Lộc	15° 50' 06"	108° 03' 11"					D-49-1-A-c
Bầu Sầu	TV	xã Đại Tân	H. Đại Lộc			15° 50' 03"	108° 02' 59"	15° 51' 02"	108° 01' 55"	D-49-1-A-c
thôn Trà Đức	DC	xã Đại Tân	H. Đại Lộc	15° 50' 24"	108° 02' 37"					D-49-1-A-c
núi Vũng Chình	SV	xã Đại Tân	H. Đại Lộc	15° 50' 15"	108° 00' 25"					D-49-1-A-c
thôn Xuân Tây	DC	xã Đại Tân	H. Đại Lộc	15° 48' 50"	108° 03' 27"					D-49-1-A-c
thôn Bình Đông	DC	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc	15° 50' 17"	108° 04' 22"					D-49-1-A-c
thôn Bình Tây	DC	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc	15° 50' 11"	108° 04' 12"					D-49-1-A-c
khe Đá Mài	TV	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc			15° 49' 51"	108° 00' 52"	15° 48' 24"	108° 03' 26"	D-49-1-A-c
đường huyện số 3 Đại Lộc	KX	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc			15° 50' 50"	107° 59' 08"	15° 51' 15"	108° 07' 11"	D-49-1-A-c
đường huyện số 6 Đại Lộc	KX	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc			15° 50' 51"	108° 06' 13"	15° 49' 26"	108° 04' 40"	D-49-1-A-c
Trường Trung học phổ thông Đỗ Đăng Tuyển	KX	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc	15° 49' 41"	108° 04' 27"					D-49-1-A-c
Khe Gai	TV	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc			15° 49' 19"	108° 03' 34"	15° 50' 08"	108° 05' 09"	D-49-1-A-c
thôn Giảng Hoà	DC	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc	15° 50' 15"	108° 05' 20"					D-49-1-A-c
cầu Ông Nở	KX	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc	15° 49' 54"	108° 04' 17"					D-49-1-A-c
thôn Phú An	DC	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc	15° 49' 45"	108° 04' 13"					D-49-1-A-c
thôn Phú Long	DC	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc	15° 49' 39"	108° 04' 47"					D-49-1-A-c
thôn Phú Phong	DC	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc	15° 49' 52"	108° 03' 44"					D-49-1-A-c
thôn Phú Thuận	DC	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc	15° 49' 29"	108° 04' 33"					D-49-1-A-c
sông Thu Bồn	TV	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-c
thôn Xuân Đông	DC	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc	15° 49' 28"	108° 03' 55"					D-49-1-A-c
thôn Xuân Nam	DC	xã Đại Thắng	H. Đại Lộc	15° 48' 39"	108° 03' 51"					D-49-1-A-c
thôn An Bằng	DC	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 47' 10"	108° 01' 38"					D-49-1-A-c
núi Bàn Cờ	SV	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 44' 13"	107° 55' 36"					D-48-12-B-c
đò Bến Dầu	KX	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 47' 04"	108° 02' 38"					D-49-1-A-c
Khe Cát	TV	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc			15° 46' 42"	108° 01' 06"	15° 48' 42"	108° 04' 06"	D-49-1-A-c
thôn Hanh Đông	DC	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 47' 48"	108° 03' 22"					D-49-1-A-c
thôn Hanh Tây	DC	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 47' 37"	108° 03' 06"					D-49-1-A-c
hồ Hóc Lách	TV	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 46' 43"	108° 01' 44"					D-49-1-A-c
núi Hòn Ngang	SV	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 44' 42"	108° 01' 27"					D-49-1-C-a
núi Hố Cua	SV	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 45' 12"	108° 01' 01"					D-49-1-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
hồ Khe Tân	TV	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 47' 10"	108° 00' 32"					D-49-1-A-c
đập Khe Tân	KX	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 47' 13"	108° 00' 59"					D-49-1-A-c
thôn Mỹ Lễ	DC	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 47' 08"	108° 02' 31"					D-49-1-A-c
Cổng Ngâm	KX	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 47' 23"	108° 03' 02"					D-49-1-A-c
đò Phú Đa	KX	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 48' 04"	108° 03' 49"					D-49-1-A-c
thôn Tây Lễ	DC	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc	15° 47' 25"	108° 02' 35"					D-49-1-A-c
sông Thu Bồn	TV	xã Đại Thạnh	H. Đại Lộc			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-c
Khối phố 1	DC	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn	15° 53' 32"	108° 14' 37"					D-49-1-A-b
Khối phố 2	DC	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn	15° 53' 40"	108° 14' 49"					D-49-1-A-b
Khối phố 3	DC	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn	15° 53' 18"	108° 15' 00"					D-49-1-B-a
Khối phố 4	DC	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn	15° 53' 46"	108° 14' 32"					D-49-1-A-b
Khối phố 5	DC	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn	15° 53' 44"	108° 15' 04"					D-49-1-B-a
Khối phố 6	DC	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn	15° 53' 20"	108° 14' 44"					D-49-1-A-b
Khối phố 7	DC	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn	15° 53' 32"	108° 14' 58"					D-49-1-A-b
đường tỉnh 608	KX	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn			15° 53' 50"	108° 15' 18"	15° 53' 55"	108° 21' 51"	D-49-1-A-b
đường tỉnh 609	KX	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn			15° 53' 45"	108° 14' 38"	15° 52' 26"	107° 52' 54"	D-49-1-A-b
sông Cổ Cò	TV	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn			15° 53' 53"	108° 14' 48"	15° 54' 43"	108° 12' 36"	D-49-1-A-b
cầu Giáp Ba	KX	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn	15° 53' 54"	108° 14' 35"					D-49-1-A-b
đường Lê Quý Đôn	KX	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn			15° 53' 27"	108° 15' 19"	15° 53' 26"	108° 15' 27"	D-49-1-B-a
đường Mẹ Thứ	KX	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn			15° 53' 24"	108° 14' 50"	15° 53' 27"	108° 15' 19"	D-49-1-A-b; D-49-1-B-a
đường Trần Quý Cáp	KX	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn			15° 53' 45"	108° 14' 38"	15° 53' 08"	108° 13' 33"	D-49-1-A-b
cầu Vĩnh Điện	KX	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn	15° 53' 42"	108° 14' 40"					D-49-1-A-b
sông Vĩnh Điện	TV	TT. Vĩnh Điện	H. Điện Bàn			15° 51' 55"	108° 14' 03"	15° 57' 27"	108° 13' 22"	D-49-1-A-b
Quốc lộ 1	KX	xã Điện An	H. Điện Bàn			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-A-b
đường tỉnh 609	KX	xã Điện An	H. Điện Bàn			15° 53' 45"	108° 14' 38"	15° 52' 26"	107° 52' 54"	D-49-1-A-b
thôn Bằng An Đông	DC	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 53' 26"	108° 14' 17"					D-49-1-A-b
thôn Bằng An Tây	DC	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 53' 19"	108° 13' 31"					D-49-1-A-b
thôn Bằng An Trung	DC	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 53' 12"	108° 13' 52"					D-49-1-A-b
thôn Câu Nhi Đông	DC	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 52' 44"	108° 13' 39"					D-49-1-A-b
thôn Câu Nhi Tây	DC	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 53' 02"	108° 12' 54"					D-49-1-A-b
sông Cổ Cò	TV	xã Điện An	H. Điện Bàn			15° 53' 53"	108° 14' 48"	15° 54' 43"	108° 12' 36"	D-49-1-A-b
cầu Giáp Ba	KX	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 53' 54"	108° 14' 35"					D-49-1-A-b
cầu Giếng Trời	KX	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 55' 04"	108° 14' 01"					D-49-1-A-b
thôn Ngọc Liên	DC	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 54' 00"	108° 13' 31"					D-49-1-A-b
thôn Ngọc Tam	DC	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 54' 12"	108° 14' 37"					D-49-1-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Ngọc Tứ	DC	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 53' 59"	108° 14' 04"					D-49-1-A-b
thôn Nhất Đông Liên	DC	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 54' 12"	108° 13' 09"					D-49-1-A-b
thôn Nhất Giáp	DC	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 54' 26"	108° 13' 17"					D-49-1-A-b
thôn Phong Nhất	DC	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 54' 32"	108° 13' 36"					D-49-1-A-b
thôn Phong Nhị	DC	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 54' 41"	108° 13' 55"					D-49-1-A-b
đường Trần Quý Cáp	KX	xã Điện An	H. Điện Bàn			15° 53' 45"	108° 14' 38"	15° 53' 08"	108° 13' 33"	D-49-1-A-b
cầu Vĩnh Điện	KX	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 53' 42"	108° 14' 40"					D-49-1-A-b
sông Vĩnh Điện	TV	xã Điện An	H. Điện Bàn			15° 51' 55"	108° 14' 03"	15° 57' 27"	108° 13' 22"	D-49-1-A-b
chùa Vĩnh Gia	KX	xã Điện An	H. Điện Bàn	15° 53' 14"	108° 14' 03"					D-49-1-A-b
đường tỉnh 603A	KX	xã Điện Dương	H. Điện Bàn			15° 58' 14"	108° 16' 53"	15° 52' 47"	108° 23' 16"	D-49-1-B-a
đường tỉnh 607B	KX	xã Điện Dương	H. Điện Bàn			15° 53' 18"	108° 17' 19"	15° 56' 03"	108° 18' 29"	D-49-1-B-a
sông Cổ Cò	TV	xã Điện Dương	H. Điện Bàn			15° 55' 14"	108° 18' 41"	15° 52' 24"	108° 23' 13"	D-49-1-B-a
thôn Hà Bán	DC	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 55' 25"	108° 17' 05"					D-49-1-B-a
bãi tắm Hà My	KX	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 55' 40"	108° 19' 20"					D-49-1-B-a
thôn Hà My Đông A	DC	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 55' 19"	108° 18' 53"					D-49-1-B-a
thôn Hà My Đông B	DC	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 55' 47"	108° 18' 41"					D-49-1-B-a
thôn Hà My Tây	DC	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 55' 02"	108° 18' 03"					D-49-1-B-a
thôn Hà My Trung	DC	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 55' 12"	108° 18' 21"					D-49-1-B-a
thôn Hà Quảng Bắc	DC	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 57' 10"	108° 17' 39"					D-49-1-B-a
thôn Hà Quảng Đông	DC	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 56' 13"	108° 18' 16"					D-49-1-B-a
thôn Hà Quảng Tây	DC	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 56' 15"	108° 17' 54"					D-49-1-B-a
khu nghỉ dưỡng Le belhamy	KX	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 55' 30"	108° 19' 23"					D-49-1-B-a
Cụm công nghiệp Nam Dương	KX	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 54' 47"	108° 18' 03"					D-49-1-B-a
khu nghỉ dưỡng Nam Hai	KX	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 55' 51"	108° 18' 57"					D-49-1-B-a
cầu Nghĩa Tự	KX	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 55' 53"	108° 18' 14"					D-49-1-B-a
thôn Quảng Gia	DC	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 56' 54"	108° 17' 46"					D-49-1-B-a
thôn Tân Khai	DC	xã Điện Dương	H. Điện Bàn	15° 55' 28"	108° 17' 38"					D-49-1-B-a
đường tỉnh 605	KX	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn			15° 57' 03"	108° 10' 41"	15° 53' 24"	108° 09' 44"	D-49-1-A-b
đập Bầu Nít	KX	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 57' 00"	108° 12' 04"					D-49-1-A-b
thôn Bích Bắc	DC	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 57' 02"	108° 10' 59"					D-49-1-A-b
Công ty cổ phần Bình Nguyên	KX	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 55' 36"	108° 11' 39"					D-49-1-A-b
sông Cổ Cò	TV	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn			15° 53' 53"	108° 14' 48"	15° 54' 43"	108° 12' 36"	D-49-1-A-b
thôn Đông Hồ	DC	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 54' 58"	108° 12' 08"					D-49-1-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Đông Quan	DC	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 55' 26"	108° 11' 04"					D-49-1-A-b
thôn Hà Đông	DC	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 57' 39"	108° 11' 23"					D-49-1-A-b
thôn Hà Tây 1	DC	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 56' 44"	108° 12' 03"					D-49-1-A-b
thôn Hà Tây 2	DC	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 56' 16"	108° 12' 07"					D-49-1-A-b
thôn La Thọ 1	DC	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 55' 25"	108° 11' 50"					D-49-1-A-b
thôn La Thọ 2	DC	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 55' 50"	108° 11' 38"					D-49-1-A-b
thôn La Thọ 3	DC	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 55' 11"	108° 11' 58"					D-49-1-A-b
sông Quá Giáng	TV	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn			15° 55' 36"	108° 10' 54"	15° 57' 54"	108° 12' 03"	D-49-1-A-b
thôn Quang Hiện	DC	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 55' 08"	108° 11' 28"					D-49-1-A-b
sông Thanh Quýt	TV	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn			15° 54' 43"	108° 12' 36"	15° 55' 50"	108° 14' 42"	D-49-1-A-b
thôn Xóm Bùng	DC	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 56' 00"	108° 11' 41"					D-49-1-A-b
thôn Xóm Phường	DC	xã Điện Hoà	H. Điện Bàn	15° 56' 13"	108° 10' 55"					D-49-1-A-b
đường tỉnh 605	KX	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn			15° 57' 03"	108° 10' 41"	15° 53' 24"	108° 09' 44"	D-49-1-A-b
đường tỉnh 609	KX	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn			15° 53' 45"	108° 14' 38"	15° 52' 26"	107° 52' 54"	D-49-1-A-b
Thôn Ba	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 51' 59"	108° 09' 01"					D-49-1-A-d
Cầu Bàn	KX	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 54' 18"	108° 09' 42"					D-49-1-A-b
sông Bình Phước	TV	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn			15° 53' 51"	108° 08' 13"	15° 55' 36"	108° 10' 54"	D-49-1-A-b
cầu Cẩm Lý	KX	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 54' 33"	108° 09' 32"					D-49-1-A-b
thôn Cẩm Văn Bắc	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 54' 25"	108° 09' 34"					D-49-1-A-b
thôn Cẩm Văn Nam	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 54' 01"	108° 09' 44"					D-49-1-A-b
thôn Cẩm Văn Tây	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 53' 46"	108° 09' 14"					D-49-1-A-b
thôn Đa Hoà Bắc	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 53' 27"	108° 09' 13"					D-49-1-A-b
thôn Đa Hoà Nam	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 52' 50"	108° 09' 24"					D-49-1-A-b
thôn Giáo Ái Bắc	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 52' 58"	108° 08' 07"					D-49-1-A-b
thôn Giáo Ái Nam	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 52' 35"	108° 08' 26"					D-49-1-A-b
thôn Hoà An	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 53' 14"	108° 08' 33"					D-49-1-A-b
thôn Lạc Thành Đông	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 53' 26"	108° 08' 53"					D-49-1-A-b
thôn Lạc Thành Nam	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 53' 17"	108° 08' 14"					D-49-1-A-b
thôn Lạc Thành Tây	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 53' 40"	108° 08' 23"					D-49-1-A-b
thôn Thanh An	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 52' 52"	108° 09' 52"					D-49-1-A-b
sông Thu Bồn	TV	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-d
Thôn Tư	DC	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn	15° 52' 32"	108° 09' 14"					D-49-1-A-d
sông Vu Gia	TV	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn			15° 49' 05"	107° 50' 51"	15° 53' 51"	108° 08' 13"	D-49-1-A-b
Sông Yên	TV	xã Điện Hồng	H. Điện Bàn			15° 53' 51"	108° 08' 13"	15° 57' 15"	108° 09' 07"	D-49-1-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Quốc lộ 1	KX	xã Điện Minh	H. Điện Bàn			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-A-b; D-49-1-B-a; D-49-1-B-c
đường tỉnh 608	KX	xã Điện Minh	H. Điện Bàn			15° 53' 50"	108° 15' 18"	15° 53' 55"	108° 21' 51"	D-49-1-B-a
thôn Bồng Lai	DC	xã Điện Minh	H. Điện Bàn	15° 52' 55"	108° 14' 43"					D-49-1-A-b
chùa Bồng Lai	KX	xã Điện Minh	H. Điện Bàn	15° 52' 51"	108° 14' 47"					D-49-1-A-b
thôn Đồng Hạnh	DC	xã Điện Minh	H. Điện Bàn	15° 52' 16"	108° 14' 23"					D-49-1-A-b
cầu vượt Đường tỉnh 608	KX	xã Điện Minh	H. Điện Bàn	15° 53' 26"	108° 15' 30"					D-49-1-B-a
thôn Khúc Lũy	DC	xã Điện Minh	H. Điện Bàn	15° 52' 30"	108° 14' 39"					D-49-1-A-d
Công ty Phú Tường	KX	xã Điện Minh	H. Điện Bàn	15° 53' 50"	108° 15' 13"					D-49-1-B-a
chùa Phước Lan	KX	xã Điện Minh	H. Điện Bàn	15° 52' 47"	108° 15' 33"					D-49-1-B-a
chùa Phước Minh	KX	xã Điện Minh	H. Điện Bàn	15° 52' 45"	108° 16' 03"					D-49-1-B-a
thôn Tân Mỹ	DC	xã Điện Minh	H. Điện Bàn	15° 53' 31"	108° 15' 39"					D-49-1-A-b
thôn Trung Phú 1	DC	xã Điện Minh	H. Điện Bàn	15° 52' 55"	108° 15' 30"					D-49-1-B-a
thôn Trung Phú 2	DC	xã Điện Minh	H. Điện Bàn	15° 52' 37"	108° 15' 14"					D-49-1-B-a
thôn Uất Lũy	DC	xã Điện Minh	H. Điện Bàn	15° 52' 55"	108° 15' 53"					D-49-1-B-a
sông Vĩnh Điện	TV	xã Điện Minh	H. Điện Bàn			15° 51' 55"	108° 14' 03"	15° 57' 27"	108° 13' 22"	D-49-1-A-b
thôn 2A	DC	xã Điện Nam Bắc	H. Điện Bàn	15° 55' 42"	108° 15' 28"					D-49-1-B-a
đường tỉnh 607	KX	xã Điện Nam Bắc	H. Điện Bàn			15° 57' 26"	108° 15' 10"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
thôn Bình Ninh	DC	xã Điện Nam Bắc	H. Điện Bàn	15° 55' 17"	108° 15' 32"					D-49-1-B-a
thôn Cẩm Sa	DC	xã Điện Nam Bắc	H. Điện Bàn	15° 55' 54"	108° 15' 05"					D-49-1-B-a
Khu công nghiệp Điện Nam-Điện Ngọc	KX	xã Điện Nam Bắc	H. Điện Bàn	15° 56' 16"	108° 15' 50"					D-49-1-B-a
Công ty PETRO Miền Trung	KX	xã Điện Nam Bắc	H. Điện Bàn	15° 56' 25"	108° 15' 43"					D-49-1-B-a
thôn Phong Hồ Tây	DC	xã Điện Nam Bắc	H. Điện Bàn	15° 55' 07"	108° 14' 10"					D-49-1-B-a
sông Vĩnh Điện	TV	xã Điện Nam Bắc	H. Điện Bàn			15° 51' 55"	108° 14' 03"	15° 57' 27"	108° 13' 22"	D-49-1-A-b
thôn Cổ An 1	DC	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn	15° 53' 50"	108° 16' 07"					D-49-1-B-a
thôn Cổ An 2	DC	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn	15° 54' 20"	108° 16' 17"					D-49-1-B-a
thôn Cổ An 3	DC	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn	15° 54' 38"	108° 16' 31"					D-49-1-B-a
thôn Cổ An 4	DC	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn	15° 54' 28"	108° 16' 50"					D-49-1-B-a
thôn Cổ An 5	DC	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn	15° 54' 15"	108° 16' 40"					D-49-1-B-a
thôn 7A	DC	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn	15° 54' 20"	108° 17' 38"					D-49-1-B-a
thôn 7B	DC	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn	15° 54' 03"	108° 17' 10"					D-49-1-B-a
đường tỉnh 607	KX	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn			15° 57' 26"	108° 15' 10"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
đường tỉnh 607B	KX	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn			15° 53' 18"	108° 17' 19"	15° 56' 03"	108° 18' 29"	D-49-1-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 608	KX	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn			15° 53' 50"	108° 15' 18"	15° 53' 55"	108° 21' 51"	D-49-1-B-a
suối Cổ Lưu	TV	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn			15° 54' 33"	108° 15' 59"	15° 53' 22"	108° 17' 03"	D-49-1-B-a
Sông Đầm	TV	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn			15° 53' 22"	108° 17' 03"	15° 52' 37"	108° 17' 47"	D-49-1-B-a
chùa Định Nam	KX	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn	15° 54' 24"	108° 17' 43"					D-49-1-B-a
Xí nghiệp Gạch Tuynel Lai Nghi	KX	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn	15° 53' 25"	108° 17' 20"					D-49-1-B-a
cầu Lai Nghi	KX	xã Điện Nam Đông	H. Điện Bàn	15° 53' 22"	108° 17' 11"					D-49-1-B-a
Quốc lộ 1	KX	xã Điện Nam Trung	H. Điện Bàn			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-A-b
Thôn 5	DC	xã Điện Nam Trung	H. Điện Bàn			15° 57' 26"	108° 15' 10"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
thôn 8A	DC	xã Điện Nam Trung	H. Điện Bàn	15° 55' 29"	108° 16' 35"					D-49-1-B-a
thôn 8B	DC	xã Điện Nam Trung	H. Điện Bàn	15° 54' 37"	108° 14' 38"					D-49-1-A-b
đường tỉnh 607	KX	xã Điện Nam Trung	H. Điện Bàn	15° 54' 33"	108° 14' 49"					D-49-1-A-b
suối Cổ Lưu	TV	xã Điện Nam Trung	H. Điện Bàn			15° 54' 33"	108° 15' 59"	15° 53' 22"	108° 17' 03"	D-49-1-B-a
Công ty Mai Phước Thọ	KX	xã Điện Nam Trung	H. Điện Bàn	15° 54' 46"	108° 14' 24"					D-49-1-A-b
thôn Quảng Lăng 1	DC	xã Điện Nam Trung	H. Điện Bàn	15° 54' 45"	108° 15' 37"					D-49-1-B-a
thôn Quảng Lăng 2	DC	xã Điện Nam Trung	H. Điện Bàn	15° 55' 02"	108° 15' 53"					D-49-1-B-a
thôn Quảng Lăng 3	DC	xã Điện Nam Trung	H. Điện Bàn	15° 54' 43"	108° 16' 06"					D-49-1-B-a
thôn Quảng Lăng 4	DC	xã Điện Nam Trung	H. Điện Bàn	15° 54' 52"	108° 16' 25"					D-49-1-B-a
cầu Vĩnh Điện	KX	xã Điện Nam Trung	H. Điện Bàn	15° 53' 42"	108° 14' 40"					D-49-1-A-b
sông Vĩnh Điện	TV	xã Điện Nam Trung	H. Điện Bàn			15° 51' 55"	108° 14' 03"	15° 57' 27"	108° 13' 22"	D-49-1-A-b
đường tỉnh 603	KX	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn			15° 58' 34"	108° 15' 11"	15° 56' 53"	108° 13' 08"	D-49-1-B-a; D-49-1-A-b
đường tỉnh 603A	KX	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn			15° 58' 14"	108° 16' 53"	15° 52' 47"	108° 23' 16"	D-49-1-B-a
đường tỉnh 607	KX	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn			15° 57' 26"	108° 15' 10"	15° 52' 56"	108° 20' 05"	D-49-1-B-a
Cầu Bàn	KX	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 57' 25"	108° 14' 55"					D-49-1-A-b
khu nghỉ dưỡng Bồng Lai Dragon	KX	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 57' 31"	108° 16' 41"					D-49-1-B-a
thôn Cầu Hà	DC	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 58' 11"	108° 14' 54"					D-49-1-B-a
cầu Cống Lở	KX	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 57' 15"	108° 14' 05"					D-49-1-A-b
thôn Giang Tắc	DC	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 57' 21"	108° 15' 43"					D-49-1-B-a
thôn Hà Dừa	DC	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 57' 07"	108° 16' 03"					D-49-1-B-a
sân Golf 18 lỗ Montgomerie Links Việt Nam	KX	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 57' 43"	108° 16' 52"					D-49-1-B-a
thôn Ngân Cầu	DC	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 57' 05"	108° 15' 15"					D-49-1-B-a
thôn Ngân Giang	DC	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 56' 50"	108° 15' 32"					D-49-1-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Ngân Hà	DC	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 56' 17"	108° 14' 16"					D-49-1-A-b
thôn Ngọc Vinh	DC	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 57' 22"	108° 15' 06"					D-49-1-B-a
sông Thanh Quýt	TV	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn			15° 54' 43"	108° 12' 36"	15° 55' 50"	108° 14' 42"	D-49-1-A-b
thôn Tứ Cầu	DC	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 57' 07"	108° 13' 40"					D-49-1-A-b
thôn Tứ Hà	DC	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 57' 37"	108° 14' 39"					D-49-1-A-b
thôn Tứ Ngân	DC	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 57' 26"	108° 14' 17"					D-49-1-A-b
thôn Viêm Đông	DC	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 57' 24"	108° 17' 16"					D-49-1-B-a
thôn Viêm Minh	DC	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 56' 54"	108° 16' 45"					D-49-1-B-a
thôn Viêm Trung	DC	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn	15° 56' 29"	108° 15' 09"					D-49-1-B-a
sông Vĩnh Điện	TV	xã Điện Ngọc	H. Điện Bàn			15° 51' 55"	108° 14' 03"	15° 57' 27"	108° 13' 22"	D-49-1-A-b
đường tỉnh 610B	KX	xã Điện Phong	H. Điện Bàn			15° 51' 06"	108° 16' 29"	15° 51' 23"	108° 08' 50"	D-49-1-A-d
thôn An Hà	DC	xã Điện Phong	H. Điện Bàn	15° 51' 19"	108° 15' 12"					D-49-1-B-c
sông Bà Rén	TV	xã Điện Phong	H. Điện Bàn			15° 51' 10"	108° 08' 44"	15° 49' 12"	108° 19' 03"	D-49-1-A-d
thôn Cẩm Đông	DC	xã Điện Phong	H. Điện Bàn	15° 52' 37"	108° 14' 15"					D-49-1-A-b
thôn Cẩm Phú 1	DC	xã Điện Phong	H. Điện Bàn	15° 51' 01"	108° 13' 33"					D-49-1-A-d
thôn Cẩm Phú 2	DC	xã Điện Phong	H. Điện Bàn	15° 51' 14"	108° 13' 47"					D-49-1-A-d
thôn Hà An	DC	xã Điện Phong	H. Điện Bàn	15° 50' 53"	108° 14' 57"					D-49-1-A-d
thôn Tân Thành	DC	xã Điện Phong	H. Điện Bàn	15° 51' 10"	108° 14' 19"					D-49-1-A-d
thôn Tây An	DC	xã Điện Phong	H. Điện Bàn	15° 50' 27"	108° 14' 54"					D-49-1-A-d
thôn Thi Phương	DC	xã Điện Phong	H. Điện Bàn	15° 51' 17"	108° 14' 41"					D-49-1-A-d
sông Thu Bồn	TV	xã Điện Phong	H. Điện Bàn			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-d; D-49-1-B-c
sông Vĩnh Điện	TV	xã Điện Phong	H. Điện Bàn			15° 51' 55"	108° 14' 03"	15° 57' 27"	108° 13' 22"	D-49-1-A-b; D-49-1-A-d
đường tỉnh 609	KX	xã Điện Phước	H. Điện Bàn			15° 53' 45"	108° 14' 38"	15° 52' 26"	107° 52' 54"	D-49-1-A-b; D-49-1-A-d
cầu Bình Long	KX	xã Điện Phước	H. Điện Bàn	15° 52' 35"	108° 12' 12"					D-49-1-A-b
sông Cổ Cò	TV	xã Điện Phước	H. Điện Bàn			15° 53' 53"	108° 14' 48"	15° 54' 43"	108° 12' 36"	D-49-1-A-b
thôn Hạ Nông Nam	DC	xã Điện Phước	H. Điện Bàn	15° 53' 23"	108° 11' 58"					D-49-1-A-b
thôn Hạ Nông Đông	DC	xã Điện Phước	H. Điện Bàn	15° 53' 39"	108° 12' 41"					D-49-1-A-b
thôn Hạ Nông Tây	DC	xã Điện Phước	H. Điện Bàn	15° 53' 35"	108° 12' 13"					D-49-1-A-b
thôn Hạ Nông Trung	DC	xã Điện Phước	H. Điện Bàn	15° 53' 17"	108° 12' 09"					D-49-1-A-b
thôn La Hoà	DC	xã Điện Phước	H. Điện Bàn	15° 53' 25"	108° 11' 15"					D-49-1-A-b
thôn Nhị Dinh 1	DC	xã Điện Phước	H. Điện Bàn	15° 52' 42"	108° 12' 19"					D-49-1-A-b
thôn Nhị Dinh 2	DC	xã Điện Phước	H. Điện Bàn	15° 52' 50"	108° 13' 14"					D-49-1-A-b
thôn Nhị Dinh 3	DC	xã Điện Phước	H. Điện Bàn	15° 52' 34"	108° 12' 30"					D-49-1-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
ga Nông Sơn	KX	xã Điện Phước	H. Điện Bàn	15° 53' 15"	108° 11' 12"					D-49-1-A-b
thôn Nông Sơn 1	DC	xã Điện Phước	H. Điện Bàn	15° 52' 58"	108° 11' 13"					D-49-1-A-b
thôn Nông Sơn 2	DC	xã Điện Phước	H. Điện Bàn	15° 52' 30"	108° 11' 46"					D-49-1-A-b
sông Thu Bồn	TV	xã Điện Phước	H. Điện Bàn			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-b; D-49-1-A-d
Quốc lộ 1	KX	xã Điện Phương	H. Điện Bàn			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-A-b; D-49-1-B-a; D-49-1-B-c
đường tỉnh 608	KX	xã Điện Phương	H. Điện Bàn			15° 53' 50"	108° 15' 18"	15° 53' 55"	108° 21' 51"	D-49-1-B-a
Sông Đầm	TV	xã Điện Phương	H. Điện Bàn			15° 53' 22"	108° 17' 03"	15° 52' 37"	108° 17' 47"	D-49-1-B-a
thôn Đông Khương 1	DC	xã Điện Phương	H. Điện Bàn	15° 52' 03"	108° 15' 30"					D-49-1-B-c
thôn Đông Khương 2	DC	xã Điện Phương	H. Điện Bàn	15° 52' 03"	108° 15' 56"					D-49-1-B-c
cầu Ông Đá	KX	xã Điện Phương	H. Điện Bàn	15° 53' 19"	108° 16' 56"					D-49-1-B-a
sông Phú Triêm	TV	xã Điện Phương	H. Điện Bàn			15° 51' 51"	108° 16' 03"	15° 52' 40"	108° 18' 22"	D-49-1-B-a; D-49-1-B-c
chùa Phước Khánh	KX	xã Điện Phương	H. Điện Bàn	15° 52' 09"	108° 15' 27"					D-49-1-B-c
thôn Thanh Chiêm 1	DC	xã Điện Phương	H. Điện Bàn	15° 52' 20"	108° 15' 41"					D-49-1-B-c
thôn Thanh Chiêm 2	DC	xã Điện Phương	H. Điện Bàn	15° 52' 13"	108° 16' 06"					D-49-1-B-c
sông Thu Bồn	TV	xã Điện Phương	H. Điện Bàn			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-c
thôn Triêm Đông 1	DC	xã Điện Phương	H. Điện Bàn	15° 52' 41"	108° 17' 20"					D-49-1-B-a
thôn Triêm Đông 2	DC	xã Điện Phương	H. Điện Bàn	15° 53' 01"	108° 17' 04"					D-49-1-B-a
thôn Triêm Nam 1	DC	xã Điện Phương	H. Điện Bàn	15° 52' 26"	108° 16' 38"					D-49-1-B-c
thôn Triêm Nam 2	DC	xã Điện Phương	H. Điện Bàn	15° 52' 08"	108° 16' 33"					D-49-1-B-c
thôn Triêm Tây	DC	xã Điện Phương	H. Điện Bàn	15° 52' 20"	108° 18' 31"					D-49-1-B-c
thôn Triêm Trung 1	DC	xã Điện Phương	H. Điện Bàn	15° 52' 51"	108° 16' 31"					D-49-1-B-a
thôn Triêm Trung 2	DC	xã Điện Phương	H. Điện Bàn	15° 52' 44"	108° 16' 49"					D-49-1-B-a
đường tỉnh 610B	KX	xã Điện Quang	H. Điện Bàn			15° 51' 06"	108° 16' 29"	15° 51' 23"	108° 08' 50"	D-49-1-A-d
sông Bà Rén	TV	xã Điện Quang	H. Điện Bàn			15° 51' 10"	108° 08' 44"	15° 49' 12"	108° 19' 03"	D-49-1-A-d
thôn Bảo An Đông	DC	xã Điện Quang	H. Điện Bàn	15° 50' 34"	108° 10' 51"					D-49-1-A-d
thôn Bảo An Tây	DC	xã Điện Quang	H. Điện Bàn	15° 50' 32"	108° 10' 26"					D-49-1-A-d
thôn Bến Đền Đông	DC	xã Điện Quang	H. Điện Bàn	15° 50' 23"	108° 11' 25"					D-49-1-A-d
thôn Bến Đền Tây	DC	xã Điện Quang	H. Điện Bàn	15° 50' 23"	108° 10' 50"					D-49-1-A-d
thôn Kỳ Lam	DC	xã Điện Quang	H. Điện Bàn	15° 51' 15"	108° 11' 35"					D-49-1-A-d
cầu Kỳ Lam	KX	xã Điện Quang	H. Điện Bàn	15° 51' 30"	108° 11' 23"					D-49-1-A-d
thôn Na Kham	DC	xã Điện Quang	H. Điện Bàn	15° 51' 03"	108° 09' 33"					D-49-1-A-d
thôn Phú Đông	DC	xã Điện Quang	H. Điện Bàn	15° 51' 13"	108° 09' 59"					D-49-1-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Phú Tây	DC	xã Điện Quang	H. Điện Bàn	15° 51' 15"	108° 09' 32"					D-49-1-A-d
thôn Thạnh Mỹ	DC	xã Điện Quang	H. Điện Bàn	15° 50' 33"	108° 10' 00"					D-49-1-A-d
sông Thu Bồn	TV	xã Điện Quang	H. Điện Bàn			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-d
thôn Văn Ly	DC	xã Điện Quang	H. Điện Bàn	15° 51' 17"	108° 09' 11"					D-49-1-A-d
thôn Xuân Đài	DC	xã Điện Quang	H. Điện Bàn	15° 50' 36"	108° 11' 32"					D-49-1-A-d
Quốc lộ 1	KX	xã Điện Thắng Bắc	H. Điện Bàn			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-A-b
đường tỉnh 603	KX	xã Điện Thắng Bắc	H. Điện Bàn			15° 58' 34"	108° 15' 11"	15° 56' 53"	108° 13' 08"	D-49-1-A-b
thôn Bồ Mung 1	DC	xã Điện Thắng Bắc	H. Điện Bàn	15° 56' 28"	108° 13' 42"					D-49-1-A-b
thôn Bồ Mung 2	DC	xã Điện Thắng Bắc	H. Điện Bàn	15° 56' 45"	108° 13' 19"					D-49-1-A-b
thôn Bồ Mung 3	DC	xã Điện Thắng Bắc	H. Điện Bàn	15° 56' 40"	108° 13' 02"					D-49-1-A-b
thôn Viêm Tây 1	DC	xã Điện Thắng Bắc	H. Điện Bàn	15° 56' 01"	108° 13' 49"					D-49-1-A-b
thôn Viêm Tây 2	DC	xã Điện Thắng Bắc	H. Điện Bàn	15° 56' 27"	108° 13' 19"					D-49-1-A-b
thôn Viêm Tây 3	DC	xã Điện Thắng Bắc	H. Điện Bàn	15° 56' 27"	108° 12' 51"					D-49-1-A-b
sông Vĩnh Điện	TV	xã Điện Thắng Bắc	H. Điện Bàn			15° 51' 55"	108° 14' 03"	15° 57' 27"	108° 13' 22"	D-49-1-A-b
Quốc lộ 1	KX	xã Điện Thắng Nam	H. Điện Bàn			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-A-b
thôn An Tự	DC	xã Điện Thắng Nam	H. Điện Bàn	15° 55' 34"	108° 12' 50"					D-49-1-A-b
thôn Phong Lục Đông	DC	xã Điện Thắng Nam	H. Điện Bàn	15° 55' 12"	108° 13' 13"					D-49-1-A-b
thôn Phong Lục Nam	DC	xã Điện Thắng Nam	H. Điện Bàn	15° 54' 46"	108° 12' 59"					D-49-1-A-b
thôn Phong Lục Tây	DC	xã Điện Thắng Nam	H. Điện Bàn	15° 55' 19"	108° 12' 19"					D-49-1-A-b
thôn Phong Ngũ Đông	DC	xã Điện Thắng Nam	H. Điện Bàn	15° 55' 21"	108° 14' 00"					D-49-1-A-b
thôn Phong Ngũ Tây	DC	xã Điện Thắng Nam	H. Điện Bàn	15° 55' 24"	108° 13' 41"					D-49-1-A-b
cầu Thanh Quýt	KX	xã Điện Thắng Nam	H. Điện Bàn	15° 55' 28"	108° 13' 49"					D-49-1-A-b
sông Thanh Quýt	TV	xã Điện Thắng Nam	H. Điện Bàn			15° 54' 43"	108° 12' 36"	15° 55' 50"	108° 14' 42"	D-49-1-A-b
thôn Thanh Tú	DC	xã Điện Thắng Nam	H. Điện Bàn	15° 55' 40"	108° 12' 50"					D-49-1-A-b
Quốc lộ 1	KX	xã Điện Thắng Trung	H. Điện Bàn			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-A-b
cầu Thanh Quýt	KX	xã Điện Thắng Trung	H. Điện Bàn	15° 55' 28"	108° 13' 49"					D-49-1-A-b
sông Thanh Quýt	TV	xã Điện Thắng Trung	H. Điện Bàn			15° 54' 43"	108° 12' 36"	15° 55' 50"	108° 14' 42"	D-49-1-A-b
thôn Thanh Quýt 1	DC	xã Điện Thắng Trung	H. Điện Bàn	15° 55' 30"	108° 13' 16"					D-49-1-A-b
thôn Thanh Quýt 2	DC	xã Điện Thắng Trung	H. Điện Bàn	15° 56' 16"	108° 12' 51"					D-49-1-A-b
thôn Thanh Quýt 3	DC	xã Điện Thắng Trung	H. Điện Bàn	15° 55' 45"	108° 13' 31"					D-49-1-A-b
thôn Thanh Quýt 4	DC	xã Điện Thắng Trung	H. Điện Bàn	15° 55' 41"	108° 13' 50"					D-49-1-A-b
thôn Thanh Quýt 5	DC	xã Điện Thắng Trung	H. Điện Bàn	15° 55' 33"	108° 13' 37"					D-49-1-A-b
thôn Thanh Quýt 6	DC	xã Điện Thắng Trung	H. Điện Bàn	15° 56' 07"	108° 13' 14"					D-49-1-A-b
đường tỉnh 605	KX	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn			15° 57' 03"	108° 10' 41"	15° 53' 24"	108° 09' 44"	D-49-1-A-b
đường tỉnh 609	KX	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn			15° 53' 45"	108° 14' 38"	15° 52' 26"	107° 52' 54"	D-49-1-A-b
thôn Bì Nhai	DC	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 52' 14"	108° 11' 12"					D-49-1-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
sông Bình Phước	TV	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn			15° 53' 51"	108° 08' 13"	15° 55' 36"	108° 10' 54"	D-49-1-A-b
núi Bò Bò	SV	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 55' 23"	108° 09' 48"					D-49-1-A-b
thôn Châu Lâu	DC	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 54' 21"	108° 10' 59"					D-49-1-A-b
thôn Châu Thủy	DC	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 53' 35"	108° 10' 55"					D-49-1-A-b
thôn Đông Hoà	DC	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 54' 40"	108° 10' 48"					D-49-1-A-b
thôn Đức Ký Bắc	DC	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 55' 32"	108° 10' 32"					D-49-1-A-b
thôn Đức Ký Nam	DC	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 54' 58"	108° 10' 20"					D-49-1-A-b
thôn Kỳ Lam	DC	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 52' 09"	108° 11' 29"					D-49-1-A-d
cầu Kỳ Lam	KX	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 51' 30"	108° 11' 23"					D-49-1-A-d
thôn Kỳ Long	DC	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 51' 51"	108° 11' 16"					D-49-1-A-d
thôn La Trung	DC	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 54' 32"	108° 10' 49"					D-49-1-A-b
cầu Phong Thử	KX	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 53' 23"	108° 10' 37"					D-49-1-A-b
thôn Phong Thử 1	DC	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 53' 28"	108° 10' 48"					D-49-1-A-b
thôn Phong Thử 2	DC	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 52' 58"	108° 10' 31"					D-49-1-A-b
thôn Phong Thử 3	DC	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 52' 33"	108° 10' 41"					D-49-1-A-b
Thôn Tây	DC	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 54' 23"	108° 10' 49"					D-49-1-A-b
sông Thu Bồn	TV	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-d
Bia tường niệm Thủy Bò	KX	xã Điện Thọ	H. Điện Bàn	15° 53' 38"	108° 10' 51"					D-49-1-A-b
đường tỉnh 605	KX	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn			15° 57' 03"	108° 10' 41"	15° 53' 24"	108° 09' 44"	D-49-1-A-b
thôn 1 Châu Bí	DC	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 54' 54"	108° 08' 19"					D-49-1-A-b
thôn 1 Diệm Sơn	DC	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 57' 02"	108° 09' 05"					D-49-1-A-b
thôn 1 Thái Sơn	DC	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 55' 55"	108° 09' 26"					D-49-1-A-b
thôn 2 Châu Bí	DC	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 54' 39"	108° 08' 44"					D-49-1-A-b
thôn 2 Diệm Sơn	DC	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 56' 21"	108° 09' 03"					D-49-1-A-b
thôn 2 Thái Sơn	DC	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 56' 21"	108° 10' 11"					D-49-1-A-b
thôn 3 Châu Bí	DC	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 54' 30"	108° 08' 43"					D-49-1-A-b
thôn 4 Châu Bí	DC	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 54' 29"	108° 09' 08"					D-49-1-A-b
thôn 5 Châu Bí	DC	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 54' 42"	108° 09' 30"					D-49-1-A-b
sông Bình Phước	TV	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn			15° 53' 51"	108° 08' 13"	15° 55' 36"	108° 10' 54"	D-49-1-A-b
núi Bò Bò	SV	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 55' 23"	108° 09' 48"					D-49-1-A-b
cầu Cẩm Lý	KX	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 54' 33"	108° 09' 32"					D-49-1-A-b
Tượng đài Chiến thắng Bò Bò	KX	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 55' 23"	108° 09' 49"					D-49-1-A-b
Nhà máy Gạch Thành Đạt	KX	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 55' 24"	108° 09' 04"					D-49-1-A-b
sông Quá Giàng	TV	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn			15° 55' 36"	108° 10' 54"	15° 57' 54"	108° 12' 03"	D-49-1-A-b
thôn Thái Cẩm	DC	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 55' 56"	108° 10' 42"					D-49-1-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Xuân Diệm	DC	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn	15° 56' 41"	108° 09' 30"					D-49-1-A-b
Sông Yên	TV	xã Điện Tiến	H. Điện Bàn			15° 53' 51"	108° 08' 13"	15° 57' 15"	108° 09' 07"	D-49-1-A-b
đường tỉnh 610B	KX	xã Điện Trung	H. Điện Bàn			15° 51' 06"	108° 16' 29"	15° 51' 23"	108° 08' 50"	D-49-1-A-d
sông Bà Rén	TV	xã Điện Trung	H. Điện Bàn			15° 51' 10"	108° 08' 44"	15° 49' 12"	108° 19' 03"	D-49-1-A-d
thôn Đông Lãnh	DC	xã Điện Trung	H. Điện Bàn	15° 50' 24"	108° 12' 03"					D-49-1-A-d
thôn Hoà Giang	DC	xã Điện Trung	H. Điện Bàn	15° 51' 22"	108° 12' 08"					D-49-1-A-d
thôn Nam Hà 1	DC	xã Điện Trung	H. Điện Bàn	15° 50' 51"	108° 13' 10"					D-49-1-A-d
thôn Nam Hà 2	DC	xã Điện Trung	H. Điện Bàn	15° 50' 37"	108° 12' 45"					D-49-1-A-d
thôn Tân Bình 3	DC	xã Điện Trung	H. Điện Bàn	15° 51' 43"	108° 13' 00"					D-49-1-A-d
thôn Tân Bình 4	DC	xã Điện Trung	H. Điện Bàn	15° 51' 31"	108° 12' 33"					D-49-1-A-d
sông Thu Bồn	TV	xã Điện Trung	H. Điện Bàn			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-d
quốc lộ 14G	KX	TT. Prao	H. Đông Giang			15° 57' 30"	107° 57' 10"	15° 55' 23"	107° 38' 51"	D-48-12-A-b
cầu A Dinh	KX	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 39"	107° 37' 41"					D-48-12-A-a
thôn A Dinh 1	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 30"	107° 37' 43"					D-48-12-A-b
thôn A Dinh 2	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 30"	107° 37' 07"					D-48-12-A-a
thôn A Dinh 3	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 26"	107° 37' 07"					D-48-12-A-a
thôn A Duông 1	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 44"	107° 38' 34"					D-48-12-A-b
thôn A Duông 2	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 56' 29"	107° 37' 19"					D-48-12-A-a
núi A Roi	SV	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 54' 35"	107° 38' 56"					D-48-12-A-b
sông A Vương	TV	TT. Prao	H. Đông Giang			15° 53' 03"	107° 23' 40"	15° 43' 36"	107° 38' 11"	D-48-12-A-a; D-48-12-A-b
cầu A Vương 2	KX	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 44"	107° 38' 21"					D-48-12-A-b
thôn A Xinh	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 03"	107° 38' 12"					D-48-12-A-b
cầu Bà Rìng	KX	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 30"	107° 39' 30"					D-48-12-A-b
núi Bớt Blê Âu	SV	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 57' 30"	107° 39' 38"					D-48-12-A-b
sông Cà Phau	TV	TT. Prao	H. Đông Giang			15° 56' 47"	107° 40' 08"	15° 55' 47"	107° 39' 53"	D-48-12-A-b
núi Cách Bích	SV	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 54' 35"	107° 37' 40"					D-48-12-A-b
thôn Chờ Ker	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 34"	107° 38' 45"					D-48-12-A-b
cầu Chu Minh	KX	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 46"	107° 37' 03"					D-48-12-A-a
núi Đrôi	SV	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 54' 25"	107° 38' 37"					D-48-12-A-b
thôn Ghúc	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 32"	107° 38' 54"					D-48-12-A-b
Núi Gong	SV	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 54' 52"	107° 40' 41"					D-48-12-A-b
Thôn Gùng	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 42"	107° 38' 45"					D-48-12-A-b
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Prao	H. Đông Giang			16° 01' 19"	107° 30' 20"	15° 16' 09"	107° 43' 30"	D-48-12-A-a; D-48-12-A-b
thôn Ka Đéh	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 11"	107° 39' 34"					D-48-12-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
núi Ka Khôi	SV	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 57' 08"	107° 39' 17"					D-48-12-A-b
thôn Ka Nom	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 29"	107° 39' 33"					D-48-12-A-b
Cầu Lu	KX	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 14"	107° 38' 43"					D-48-12-A-b
Suối Lu	TV	TT. Prao	H. Đông Giang			15° 55' 42"	107° 41' 14"	15° 55' 25"	107° 38' 34"	D-48-12-A-b
thôn Ngã Ba	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 22"	107° 38' 52"					D-48-12-A-b
Thôn Nghe	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 18"	107° 38' 44"					D-48-12-A-b
suối Pleng	TV	TT. Prao	H. Đông Giang			15° 55' 22"	107° 36' 01"	15° 55' 46"	107° 37' 05"	D-48-12-A-a
thôn Prao	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 07"	107° 38' 46"					D-48-12-A-b
núi Tà Gổ	SV	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 56' 41"	107° 38' 25"					D-48-12-A-b
thôn Tà Me	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 17"	107° 39' 14"					D-48-12-A-b
núi Tà Rì	SV	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 54' 29"	107° 41' 13"					D-48-12-A-b
thôn Tà Vạc	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 16"	107° 39' 30"					D-48-12-A-b
thôn Tà Xí	DC	TT. Prao	H. Đông Giang	15° 55' 11"	107° 39' 03"					D-48-12-A-b
suối Tơ Mới	TV	TT. Prao	H. Đông Giang			15° 59' 30"	107° 42' 06"	15° 56' 10"	107° 37' 08"	D-48-12-A-a; D-48-12-A-b
thôn A Bung	DC	xã A Rooi	H. Đông Giang	15° 52' 59"	107° 38' 00"					D-48-12-A-b
thôn A Dung	DC	xã A Rooi	H. Đông Giang	15° 53' 34"	107° 38' 37"					D-48-12-A-b
thôn A Điều	DC	xã A Rooi	H. Đông Giang	15° 52' 02"	107° 36' 37"					D-48-12-A-c
suối A Đu	TV	xã A Rooi	H. Đông Giang			15° 51' 38"	107° 35' 52"	15° 53' 06"	107° 38' 35"	D-48-12-A-a; D-48-12-A-b; D-48-12-A-c
sông A Vương	TV	xã A Rooi	H. Đông Giang			15° 53' 03"	107° 23' 40"	15° 43' 36"	107° 38' 11"	D-48-12-A-b
núi Cách Bích	SV	xã A Rooi	H. Đông Giang	15° 54' 35"	107° 37' 40"					D-48-12-A-b
núi Ka Coong	SV	xã A Rooi	H. Đông Giang	15° 52' 03"	107° 35' 31"					D-48-12-A-c
thôn Ka Đắp	DC	xã A Rooi	H. Đông Giang	15° 54' 29"	107° 38' 07"					D-48-12-A-b
Thủy điện Ka Đắp	KX	xã A Rooi	H. Đông Giang	15° 54' 17"	107° 37' 49"					D-48-12-A-b
suối Ka Đắp	TV	xã A Rooi	H. Đông Giang			15° 53' 34"	107° 35' 46"	15° 54' 26"	107° 38' 12"	D-48-12-A-a; D-48-12-A-b
núi Lơ Gôm	SV	xã A Rooi	H. Đông Giang	15° 53' 56"	107° 35' 52"					D-48-12-A-a
thôn Tu Ngung	DC	xã A Rooi	H. Đông Giang	15° 52' 41"	107° 37' 38"					D-48-12-A-b
hồ Thủy điện Sông Kôn	TV	xã A Ting	H. Đông Giang	15° 59' 29"	107° 47' 29"					D-48-12-B-a
quốc lộ 14G	KX	xã A Ting	H. Đông Giang			15° 57' 30"	107° 57' 10"	15° 55' 23"	107° 38' 51"	D-48-12-B-a
thôn A Liêng	DC	xã A Ting	H. Đông Giang	15° 58' 27"	107° 50' 36"					D-48-12-B-a
thôn A Róch	DC	xã A Ting	H. Đông Giang	15° 58' 40"	107° 48' 28"					D-48-12-B-a
xóm A Róch	DC	xã A Ting	H. Đông Giang	16° 00' 43"	107° 49' 26"					D-48-96-D-c
thôn Chờ Cờ	DC	xã A Ting	H. Đông Giang	15° 57' 47"	107° 48' 38"					D-48-12-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Chờ Nét	DC	xã A Ting	H. Đông Giang	15° 58' 07"	107° 49' 03"					D-48-12-B-a
núi Coong Brô	SV	xã A Ting	H. Đông Giang	16° 03' 23"	107° 48' 53"					D-48-96-D-c
núi Đơ Vi	SV	xã A Ting	H. Đông Giang	15° 59' 40"	107° 51' 40"					D-48-96-D-c
Sông Kôn	TV	xã A Ting	H. Đông Giang			16° 04' 09"	107° 47' 12"	15° 50' 40"	107° 56' 21"	D-48-96-D-c
cầu Liên Hợp	KX	xã A Ting	H. Đông Giang	15° 58' 06"	107° 49' 05"					D-48-12-B-a
suối Pa Coong	TV	xã A Ting	H. Đông Giang			16° 00' 10"	107° 50' 45"	15° 57' 35"	107° 48' 30"	D-48-96-D-c; D-48-12-B-a
thôn Pa Zih	DC	xã A Ting	H. Đông Giang	15° 58' 01"	107° 48' 45"					D-48-12-B-a
thôn Ra Văh	DC	xã A Ting	H. Đông Giang	15° 58' 28"	107° 49' 49"					D-48-12-B-a
núi Rơ Bá	SV	xã A Ting	H. Đông Giang	16° 00' 23"	107° 51' 08"					D-48-12-B-a
thôn Sông Voi	DC	xã A Ting	H. Đông Giang	15° 57' 40"	107° 48' 30"					D-48-12-B-a
cầu Sông Voi	KX	xã A Ting	H. Đông Giang	15° 57' 35"	107° 48' 20"					D-48-12-B-a
quốc lộ 14G	KX	Xã Ba	H. Đông Giang			15° 57' 30"	107° 57' 10"	15° 55' 23"	107° 38' 51"	D-48-12-B-a; D-48-12-B-b
Thôn Ba	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 57"	107° 54' 51"					D-48-12-B-b
hồ Ban Mai	TV	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 41"	107° 54' 36"					D-48-12-B-b
thôn Ban Mai 1	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 38"	107° 55' 11"					D-48-12-B-b
thôn Ban Mai 2	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 13"	107° 55' 30"					D-48-12-B-b
Cầu Bán	KX	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 58' 06"	107° 52' 54"					D-48-12-B-b
núi Bon Tan	SV	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 55' 32"	107° 55' 48"					D-48-12-B-b
Thôn Bốn	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 58' 17"	107° 52' 13"					D-48-12-B-a
Nông trường Cao su Việt Hàn	KX	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 29"	107° 55' 59"					D-48-12-B-b
Núi Chúa	SV	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 59' 52"	107° 58' 48"					D-48-12-B-b
thôn Dốc Kiên	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 36"	107° 56' 25"					D-48-12-B-b
núi Đơ Vi	SV	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 59' 40"	107° 51' 40"					D-48-12-B-a
Thôn Éo	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 50"	107° 54' 16"					D-48-12-B-b
Thôn Hai	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 42"	107° 55' 34"					D-48-12-B-b
cầu Liên Hợp	KX	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 26"	107° 56' 30"					D-48-12-B-b
Thôn Một	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 58' 56"	107° 55' 39"					D-48-12-B-b
Thôn Năm	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 58' 29"	107° 54' 04"					D-48-12-B-b
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông Lâm nghiệp Quyết Thắng	KX	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 58' 08"	107° 55' 00"					D-48-12-B-b
thôn Phú Bảo	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 58' 08"	107° 53' 25"					D-48-12-B-b
thôn Phú Sơn	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 25"	107° 56' 26"					D-48-12-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Ban quản lý Rừng phòng hộ Sông Kôn	KX	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 21"	107° 56' 10"					D-48-12-B-b
Thôn Sáu	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 58' 06"	107° 54' 26"					D-48-12-B-b
cầu Sông Vàng	KX	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 57"	107° 53' 21"					D-48-12-B-b
núi Tam Chinh	SV	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 58' 59"	107° 55' 03"					D-48-12-B-b
thôn Tà Lâu	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 58' 06"	107° 53' 02"					D-48-12-B-b
thôn Tổng Coói	DC	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 29"	107° 55' 25"					D-48-12-B-b
cầu Trung Mang	KX	Xã Ba	H. Đông Giang	15° 57' 43"	107° 55' 06"					D-48-12-B-b
Sông Vàng	TV	Xã Ba	H. Đông Giang			16° 02' 57"	107° 49' 20"	15° 53' 02"	107° 52' 28"	D-48-12-B-b
Sông Vầu	TV	Xã Ba	H. Đông Giang			15° 58' 22"	107° 55' 32"	15° 58' 05"	107° 53' 46"	D-48-12-B-b
Khe Vầu	TV	Xã Ba	H. Đông Giang			15° 59' 47"	107° 56' 14"	15° 58' 22"	107° 55' 32"	D-48-12-B-b
quốc lộ 14G	KX	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang			15° 57' 30"	107° 57' 10"	15° 55' 23"	107° 38' 51"	D-48-12-A-b; D-48-12-B-a
thôn A Ram 1	DC	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 57' 16"	107° 47' 03"					D-48-12-B-a
thôn A Ram 2	DC	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 56' 58"	107° 46' 23"					D-48-12-B-a
thôn A Ram 3	DC	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 56' 56"	107° 46' 37"					D-48-12-B-a
thôn Brùa	DC	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 57' 45"	107° 47' 21"					D-48-12-B-a
thôn Cloò	DC	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 57' 25"	107° 47' 58"					D-48-12-B-a
Núi Đa	SV	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 54' 27"	107° 43' 26"					D-48-12-A-b
cầu Giơ Ngây	KX	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 57' 41"	107° 47' 25"					D-48-12-B-a
suối Giơ Ngây	TV	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang			15° 54' 10"	107° 42' 08"	15° 57' 49"	107° 47' 35"	D-48-12-A-b; D-48-12-B-a
Thôn Kềng	DC	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 56' 45"	107° 48' 11"					D-48-12-B-a
Sông Kôn	TV	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang			16° 04' 09"	107° 47' 12"	15° 50' 40"	107° 56' 21"	D-48-12-B-a
thôn La Đàng	DC	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 56' 20"	107° 45' 57"					D-48-12-B-a
Thôn Ngật	DC	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 56' 15"	107° 48' 15"					D-48-12-B-a
thôn Phú Mưa	DC	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 57' 50"	107° 47' 42"					D-48-12-B-a
thôn Sông Voi	DC	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 57' 17"	107° 48' 10"					D-48-12-B-a
cầu Sông Voi	KX	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 57' 35"	107° 48' 20"					D-48-12-B-a
thôn Zà Há	DC	xã Jơ Ngây	H. Đông Giang	15° 56' 28"	107° 46' 20"					D-48-12-B-a
thôn A Chôm 1	DC	xã Ka Dăng	H. Đông Giang	15° 53' 03"	107° 49' 25"					D-48-12-B-a
thôn A Chôm 2	DC	xã Ka Dăng	H. Đông Giang	15° 52' 55"	107° 49' 58"					D-48-12-B-a
dãy núi A Rằm	SV	xã Ka Dăng	H. Đông Giang	15° 51' 11"	107° 45' 08"					D-48-12-A-d
sông A Rằng	TV	xã Ka Dăng	H. Đông Giang			15° 51' 50"	107° 44' 03"	15° 53' 02"	107° 49' 09"	D-48-12-B-a; D-48-12-B-c
thôn Bồn Gliêng	DC	xã Ka Dăng	H. Đông Giang	15° 52' 22"	107° 46' 39"					D-48-12-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Sông Bung	TV	xã Ka Dăng	H. Đông Giang			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-12-B-c
Thôn Hiệp	DC	xã Ka Dăng	H. Đông Giang	15° 52' 59"	107° 48' 23"					D-48-12-B-a
thôn Ka Đâu	DC	xã Ka Dăng	H. Đông Giang	15° 52' 19"	107° 45' 19"					D-48-12-B-c
suối Ka Ro	TV	xã Ka Dăng	H. Đông Giang			15° 50' 54"	107° 47' 20"	15° 49' 42"	107° 47' 49"	D-48-12-B-c
thôn Khe Bhọc	DC	xã Ka Dăng	H. Đông Giang	15° 52' 10"	107° 45' 50"					D-48-12-B-c
Sông Kôn	TV	xã Ka Dăng	H. Đông Giang			16° 04' 09"	107° 47' 12"	15° 50' 40"	107° 56' 21"	D-48-12-B-a
suối Nạp Nam	TV	xã Ka Dăng	H. Đông Giang			15° 50' 02"	107° 45' 36"	15° 49' 01"	107° 45' 44"	D-48-12-B-c
thôn Nhiều 1	DC	xã Ka Dăng	H. Đông Giang	15° 53' 10"	107° 48' 04"					D-48-12-B-a
thôn Nhiều 2	DC	xã Ka Dăng	H. Đông Giang	15° 52' 57"	107° 47' 44"					D-48-12-B-a
Nhà máy Thủy điện Sông Kôn 2	KX	xã Ka Dăng	H. Đông Giang	15° 53' 29"	107° 49' 03"					D-48-12-B-a
thôn Tu Núc	DC	xã Ka Dăng	H. Đông Giang	15° 52' 56"	107° 49' 35"					D-48-12-B-a
suối Xui Lui	TV	xã Ka Dăng	H. Đông Giang			15° 50' 54"	107° 46' 01"	15° 49' 25"	107° 47' 01"	D-48-12-B-c
Núi Ua	SV	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang	15° 53' 39"	107° 43' 43"					D-48-12-A-b
Núi Ua	SV	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang	15° 52' 58"	107° 41' 41"					D-48-12-A-b
Núi Ua	SV	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang	15° 51' 53"	107° 40' 20"					D-48-12-A-d
thôn A Bông	DC	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang	15° 50' 36"	107° 40' 49"					D-48-12-A-d
thôn A Dớ	DC	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang	15° 51' 14"	107° 42' 09"					D-48-12-A-d
thôn A Đền	DC	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang	15° 48' 35"	107° 42' 01"					D-48-12-A-d
sông A Nêu	TV	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang			15° 42' 41"	107° 34' 30"	15° 46' 19"	107° 36' 56"	D-48-12-A-c
sông A Răng	TV	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang			15° 51' 50"	107° 44' 03"	15° 53' 02"	107° 49' 09"	D-48-12-A-d; D-48-12-B-c
dãy núi A Rằm	SV	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang	15° 51' 11"	107° 45' 08"					D-48-12-B-c
suối A Rằm	TV	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang			15° 50' 32"	107° 43' 01"	15° 48' 29"	107° 44' 30"	D-48-12-A-d
cầu A Sờ	KX	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang	15° 50' 52"	107° 39' 50"					D-48-12-A-d
cầu A Sờ 1	KX	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang	15° 50' 08"	107° 40' 52"					D-48-12-A-d
sông A Vương	TV	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang			15° 53' 03"	107° 23' 40"	15° 43' 36"	107° 38' 11"	D-48-12-A-c; D-48-12-A-d
suối A Xanh	TV	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang			15° 52' 54"	107° 40' 37"	15° 53' 20"	107° 38' 44"	D-48-12-A-b
thôn A Xờ	DC	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang	15° 50' 28"	107° 40' 35"					D-48-12-A-d
thôn A Zal	DC	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang	15° 51' 22"	107° 42' 19"					D-48-12-A-d
Sông Bung	TV	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-12-A-d; D-48-12-B-c
Suối Cut	TV	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang			15° 48' 44"	107° 41' 00"	15° 47' 46"	107° 43' 47"	D-48-12-A-d
Núi Đa	SV	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang	15° 54' 27"	107° 43' 26"					D-48-12-A-b
núi Đá Rong	SV	xã Mạ Cooih	H. Đông Giang	15° 47' 27"	107° 42' 07"					D-48-12-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Mả Cooih	H. Đông Giang			16° 01' 19"	107° 30' 20"	15° 16' 09"	107° 43' 30"	D-48-12-A-d; D-48-12-B-c
cầu Kilômet 0+139	KX	xã Mả Cooih	H. Đông Giang	15° 48' 16"	107° 42' 36"					D-48-12-A-d
Cầu Mây	KX	xã Mả Cooih	H. Đông Giang	15° 48' 37"	107° 42' 23"					D-48-12-A-d
suối No Lon	TV	xã Mả Cooih	H. Đông Giang			15° 53' 10"	107° 41' 57"	15° 51' 50"	107° 44' 03"	D-48-12-A-c; D-48-12-A-d
núi Pa Lanh	SV	xã Mả Cooih	H. Đông Giang	15° 52' 50"	107° 42' 50"					D-48-12-A-b
suối Pơ Liêng	TV	xã Mả Cooih	H. Đông Giang			15° 51' 45"	107° 41' 33"	15° 51' 50"	107° 44' 03"	D-48-12-A-d
suối Pơ Lo	TV	xã Mả Cooih	H. Đông Giang			15° 51' 47"	107° 40' 41"	15° 50' 45"	107° 39' 40"	D-48-12-A-d
suối Pơ Loong	TV	xã Mả Cooih	H. Đông Giang			15° 45' 46"	107° 39' 26"	15° 46' 27"	107° 40' 50"	D-48-12-A-d
cầu Quân Đoàn	KX	xã Mả Cooih	H. Đông Giang	15° 48' 54"	107° 44' 31"					D-48-12-A-d
suối Ra Lu	TV	xã Mả Cooih	H. Đông Giang			15° 48' 45"	107° 43' 08"	15° 48' 08"	107° 44' 01"	D-48-12-A-d
cầu Sông Bung	KX	xã Mả Cooih	H. Đông Giang	15° 48' 31"	107° 44' 54"					D-48-12-A-d
suối Tà Nàng	TV	xã Mả Cooih	H. Đông Giang			15° 48' 33"	107° 40' 14"	15° 46' 45"	107° 41' 55"	D-48-12-A-d
thôn Tà Rềng	DC	xã Mả Cooih	H. Đông Giang	15° 51' 26"	107° 42' 14"					D-48-12-A-d
Nhà máy Thủy điện A Vương	KX	xã Mả Cooih	H. Đông Giang	15° 46' 37"	107° 40' 57"					D-48-12-A-d
hồ Thủy điện A Vương	TV	xã Mả Cooih	H. Đông Giang	15° 48' 54"	107° 37' 37"					D-48-12-A-c; D-48-12-A-d
đập Thủy điện Da Hung	KX	xã Mả Cooih	H. Đông Giang	15° 51' 40"	107° 39' 07"					D-48-12-A-d
Nhà máy Thủy điện Da Hung	KX	xã Mả Cooih	H. Đông Giang	15° 50' 55"	107° 39' 08"					D-48-12-A-d
thôn Trơ Gung	DC	xã Mả Cooih	H. Đông Giang	15° 48' 25"	107° 41' 57"					D-48-12-A-d
hồ Thủy điện Sông Kôn	TV	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	15° 59' 29"	107° 47' 29"					D-48-12-B-a
quốc lộ 14G	KX	xã Sông Kôn	H. Đông Giang			15° 57' 30"	107° 57' 10"	15° 55' 23"	107° 38' 51"	D-48-12-A-b; D-48-12-B-a
suối A Păng	TV	xã Sông Kôn	H. Đông Giang			15° 55' 54"	107° 41' 30"	15° 58' 00"	107° 47' 04"	D-48-12-A-b; D-48-12-B-a
Cầu Bản	KX	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	15° 56' 28"	107° 42' 35"					D-48-12-A-b
Thôn Bền	DC	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	15° 57' 55"	107° 47' 02"					D-48-12-B-a
thôn Bơhồồng 1	DC	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	15° 57' 51"	107° 45' 34"					D-48-12-B-a
thôn Bơhồồng 2	DC	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	15° 57' 32"	107° 45' 04"					D-48-12-B-a
núi Bon Don	SV	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	16° 00' 52"	107° 43' 32"					D-48-96-C
thôn Bút Nga	DC	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	15° 58' 02"	107° 46' 01"					D-48-12-B-a
thôn Bút Nhót	DC	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	15° 58' 11"	107° 46' 17"					D-48-12-B-a
thôn Bút Tura	DC	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	15° 58' 21"	107° 47' 04"					D-48-12-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Cloò	DC	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	15° 58' 01"	107° 46' 48"					D-48-12-B-a
Thôn Đào	DC	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	15° 58' 10"	107° 45' 57"					D-48-12-B-a
suối Giơ Ngây	TV	xã Sông Kôn	H. Đông Giang			15° 54' 10"	107° 42' 08"	15° 57' 49"	107° 47' 35"	D-48-12-A-b
thôn K8	DC	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	15° 57' 03"	107° 44' 05"					D-48-12-A-b
thôn K9	DC	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	15° 56' 38"	107° 42' 53"					D-48-12-A-b
Sông Kôn	TV	xã Sông Kôn	H. Đông Giang			16° 04' 09"	107° 47' 12"	15° 50' 40"	107° 56' 21"	D-48-96-D-c; D-48-12-B-a
Thôn Sơn	DC	xã Sông Kôn	H. Đông Giang	15° 58' 13"	107° 46' 56"					D-48-12-B-a
Sông Toi	TV	xã Sông Kôn	H. Đông Giang			15° 59' 36"	107° 42' 53"	15° 57' 46"	107° 45' 27"	D-48-12-A-b; D-48-12-B-a
quốc lộ 14G	KX	xã Tà Lu	H. Đông Giang			15° 57' 30"	107° 57' 10"	15° 55' 23"	107° 38' 51"	D-48-12-A-b
núi A Chay	SV	xã Tà Lu	H. Đông Giang	15° 59' 32"	107° 37' 47"					D-48-12-A-b
núi A Lin	SV	xã Tà Lu	H. Đông Giang	16° 01' 14"	107° 39' 17"					E-48-96-C
suối A Păng	TV	xã Tà Lu	H. Đông Giang			15° 55' 54"	107° 41' 30"	15° 58' 00"	107° 47' 04"	D-48-12-A-b
thôn A Réh	DC	xã Tà Lu	H. Đông Giang	15° 55' 41"	107° 40' 09"					D-48-12-A-b
núi Bai Pát	SV	xã Tà Lu	H. Đông Giang	15° 58' 24"	107° 41' 51"					D-48-12-A-b
Cầu Bàn	KX	xã Tà Lu	H. Đông Giang	15° 56' 28"	107° 42' 35"					D-48-12-A-b
cầu Bàn bê tông cốt thép	KX	xã Tà Lu	H. Đông Giang	15° 55' 47"	107° 39' 59"					D-48-12-A-b
núi Bon Pri On	SV	xã Tà Lu	H. Đông Giang	15° 58' 01"	107° 41' 01"					D-48-12-A-b
núi Bớt Blê Âu	SV	xã Tà Lu	H. Đông Giang	15° 57' 30"	107° 39' 38"					D-48-12-A-b
sông Cà Phâu	TV	xã Tà Lu	H. Đông Giang			15° 56' 47"	107° 40' 08"	15° 55' 47"	107° 39' 53"	D-48-12-A-b
cầu Cây Gạo	KX	xã Tà Lu	H. Đông Giang	15° 55' 49"	107° 39' 52"					D-48-12-A-b
thôn Đhrông	DC	xã Tà Lu	H. Đông Giang	15° 55' 54"	107° 39' 52"					D-48-12-A-b
suối Giơ Ngây	TV	xã Tà Lu	H. Đông Giang			15° 54' 10"	107° 42' 08"	15° 57' 49"	107° 47' 35"	D-48-12-A-b
Suối Lu	TV	xã Tà Lu	H. Đông Giang			15° 55' 42"	107° 41' 14"	15° 55' 25"	107° 38' 34"	D-48-12-A-b
cầu Pà Nai	KX	xã Tà Lu	H. Đông Giang	15° 55' 44"	107° 40' 47"					D-48-12-A-b
thôn Pà Nai 1	DC	xã Tà Lu	H. Đông Giang	15° 55' 44"	107° 40' 35"					D-48-12-A-b
thôn Pà Nai 2	DC	xã Tà Lu	H. Đông Giang	15° 55' 39"	107° 40' 46"					D-48-12-A-b
suối Tam Loan	TV	xã Tà Lu	H. Đông Giang			16° 00' 15"	107° 39' 46"	15° 58' 33"	107° 39' 46"	D-48-12-A-b; E-48-96-C
suối Tam Ram	TV	xã Tà Lu	H. Đông Giang			15° 58' 05"	107° 41' 14"	15° 57' 59"	107° 39' 19"	D-48-12-A-b
núi Tà Gổ	SV	xã Tà Lu	H. Đông Giang	15° 56' 41"	107° 38' 25"					D-48-12-A-b
Sông Toi	TV	xã Tà Lu	H. Đông Giang			15° 59' 36"	107° 42' 53"	15° 57' 46"	107° 45' 27"	D-48-12-A-b
suối Tơ Mới	TV	xã Tà Lu	H. Đông Giang			15° 59' 30"	107° 42' 06"	15° 56' 10"	107° 37' 08"	D-48-12-A-a; D-48-12-A-b
núi Cà Nhông	SV	Xã Tư	H. Đông Giang	16° 01' 36"	107° 53' 39"					D-48-96-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Núi Chúa	SV	Xã Tư	H. Đông Giang	15° 59' 52"	107° 58' 48"					D-48-12-B-b
núi Coong Brô	SV	Xã Tư	H. Đông Giang	16° 03' 23"	107° 48' 53"					D-48-96-D-c
thôn Đha Nghi	DC	Xã Tư	H. Đông Giang	15° 59' 29"	107° 53' 43"					D-48-12-B-b
Thôn Diêm	DC	Xã Tư	H. Đông Giang	16° 00' 10"	107° 54' 01"					D-48-96-D-d
núi Đơ Vi	SV	Xã Tư	H. Đông Giang	15° 59' 40"	107° 51' 40"					D-48-12-B-a
núi Gia Tiên	SV	Xã Tư	H. Đông Giang	16° 02' 18"	107° 57' 22"					D-48-96-D-d
núi Khe Xương	SV	Xã Tư	H. Đông Giang	16° 03' 56"	107° 57' 34"					D-48-96-D-d
suối Lâm Nghiệp	TV	Xã Tư	H. Đông Giang			16° 00' 47"	107° 53' 37"	16° 00' 22"	107° 53' 25"	D-48-96-D-d
Thôn Lầy	DC	Xã Tư	H. Đông Giang	16° 00' 40"	107° 54' 25"					D-48-96-D-d
núi Long Diêu	SV	Xã Tư	H. Đông Giang	16° 01' 09"	107° 56' 16"					D-48-96-D-d
thôn Nà Hoa	DC	Xã Tư	H. Đông Giang	16° 01' 08"	107° 54' 37"					D-48-96-D-d
suối Pa Nan	TV	Xã Tư	H. Đông Giang			16° 03' 29"	107° 56' 34"	15° 59' 55"	107° 53' 50"	D-48-96-D-d; D-48-12-B-b
núi Rơ Bá	SV	Xã Tư	H. Đông Giang	16° 00' 23"	107° 51' 08"					D-48-96-D-c
núi Tam Diêu	SV	Xã Tư	H. Đông Giang	16° 00' 25"	107° 55' 46"					D-48-96-D-d
Sông Vàng	TV	Xã Tư	H. Đông Giang			16° 02' 57"	107° 49' 20"	15° 53' 02"	107° 52' 28"	D-48-96-D-c; D-48-96-D-d; D-48-12-B-b
Khe Vầu	TV	Xã Tư	H. Đông Giang			16° 00' 03"	107° 58' 27"	15° 59' 47"	107° 56' 14"	D-48-96-D-d; D-48-12-B-b
Khe Vầu	TV	Xã Tư	H. Đông Giang			15° 59' 47"	107° 56' 14"	15° 58' 22"	107° 55' 32"	D-48-96-D-d; D-48-12-B-b
Thôn Vầu	DC	Xã Tư	H. Đông Giang	16° 00' 14"	107° 56' 36"					D-48-96-D-d
Núi Ua	SV	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 52' 58"	107° 41' 41"					D-48-12-A-b
Núi Ua	SV	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 51' 53"	107° 40' 20"					D-48-12-A-d
núi A Roi	SV	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 54' 35"	107° 38' 56"					D-48-12-A-b
sông A Vương	TV	xã Za Hung	H. Đông Giang			15° 53' 03"	107° 23' 40"	15° 43' 36"	107° 38' 11"	D-48-12-A-b; D-48-12-A-d
cầu A Xanh	KX	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 53' 21"	107° 38' 47"					D-48-12-A-b
suối A Xanh	TV	xã Za Hung	H. Đông Giang			15° 52' 54"	107° 40' 37"	15° 53' 20"	107° 38' 44"	D-48-12-A-b
thôn A Xanh 1	DC	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 53' 30"	107° 38' 52"					D-48-12-A-b
thôn A Xanh 2	DC	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 53' 24"	107° 38' 52"					D-48-12-A-b
núi Bôn Go	SV	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 53' 01"	107° 39' 42"					D-48-12-A-b
núi Đrôi	SV	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 54' 25"	107° 38' 37"					D-48-12-A-b
suối Giơ Ngây	TV	xã Za Hung	H. Đông Giang			15° 54' 10"	107° 42' 08"	15° 57' 49"	107° 47' 35"	D-48-12-A-b
Thôn Gồ	DC	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 53' 57"	107° 38' 48"					D-48-12-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Za Hung	H. Đông Giang			16° 01' 19"	107° 30' 20"	15° 16' 09"	107° 43' 30"	D-48-12-A-b; D-48-12-A-d
thôn Ka Dâu	DC	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 52' 09"	107° 39' 07"					D-48-12-A-d
Suối Tam	TV	xã Za Hung	H. Đông Giang			15° 52' 34"	107° 39' 43"	15° 52' 12"	107° 39' 02"	D-48-12-A-b; D-48-12-A-d
núi Tà Rì	SV	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 54' 29"	107° 41' 13"					D-48-12-A-b
núi Xà Nghìn	SV	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 54' 15"	107° 41' 12"					D-48-12-A-b
thôn Xà Nghìn 1	DC	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 54' 00"	107° 39' 30"					D-48-12-A-b
thôn Xà Nghìn 2	DC	xã Za Hung	H. Đông Giang	15° 54' 02"	107° 39' 50"					D-48-12-A-b
Quốc lộ 1	KX	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên			15° 56' 50"	108° 13' 09"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-B-c
đường tỉnh 610	KX	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên			15° 50' 31"	108° 16' 54"	15° 42' 49"	108° 01' 53"	D-49-1-B-c
đường tỉnh 610B	KX	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên			15° 51' 06"	108° 16' 29"	15° 51' 23"	108° 08' 50"	D-49-1-B-c
cầu Bà Rén	KX	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 49' 34"	108° 17' 15"					D-49-1-B-c
sông Bà Rén	TV	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên			15° 51' 10"	108° 08' 44"	15° 49' 12"	108° 19' 03"	D-49-1-B-c
cầu Bầu Ván	KX	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 49"	108° 16' 45"					D-49-1-B-c
khối phố Bình An	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 51' 21"	108° 16' 12"					D-49-1-B-c
cầu Cầu Lâu	KX	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 51' 46"	108° 16' 13"					D-49-1-B-c
khối phố Châu Hiệp	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 49' 23"	108° 15' 33"					D-49-1-B-c
Điện lực Duy Xuyên	KX	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 49' 56"	108° 17' 09"					D-49-1-B-c
thôn Đình An	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 56"	108° 15' 51"					D-49-1-B-c
chùa Hưng Phước	KX	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 19"	108° 16' 25"					D-49-1-B-c
khối phố Long Xuyên 1	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 32"	108° 16' 38"					D-49-1-B-c
khối phố Long Xuyên 2	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 34"	108° 17' 01"					D-49-1-B-c
khối phố Long Xuyên 3	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 19"	108° 16' 43"					D-49-1-B-c
thôn Mỹ Hát	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 46"	108° 16' 34"					D-49-1-B-c
khối phố Mỹ Hoà	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 49' 50"	108° 15' 21"					D-49-1-B-c
thôn Phước Mỹ 1	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 49' 47"	108° 17' 06"					D-49-1-B-c
thôn Phước Mỹ 2	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 06"	108° 16' 31"					D-49-1-B-c
thôn Phước Mỹ 3	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 49' 24"	108° 16' 03"					D-49-1-B-c
cầu Tân Tây	KX	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 49' 33"	108° 16' 29"					D-49-1-B-c
sông Thu Bồn	TV	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-c
Công ty Thủy sản Việt Quang	KX	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 51' 10"	108° 16' 30"					D-49-1-B-c
cầu Trị Yên	KX	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 49' 54"	108° 17' 11"					D-49-1-B-c
thôn Xuyên Đông 1	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 38"	108° 15' 39"					D-49-1-B-c
thôn Xuyên Đông 2	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 19"	108° 16' 00"					D-49-1-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Xuyên Tây 1	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 20"	108° 15' 21"					D-49-1-B-c
thôn Xuyên Tây 2	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 04"	108° 16' 11"					D-49-1-B-c
thôn Xuyên Tây 3	DC	TT. Nam Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 01"	108° 15' 14"					D-49-1-B-c
đường tỉnh 610	KX	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên			15° 50' 31"	108° 16' 54"	15° 42' 49"	108° 01' 53"	D-49-1-A-d
sông Bà Rén	TV	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên			15° 51' 10"	108° 08' 44"	15° 49' 12"	108° 19' 03"	D-49-1-A-d
cầu Cây Gáo	KX	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên	15° 49' 51"	108° 09' 58"					D-49-1-A-d
đồi Chiêm Sơn	SV	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên	15° 49' 17"	108° 10' 51"					D-49-1-A-d
thôn Cổ Tháp	DC	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên	15° 50' 03"	108° 09' 01"					D-49-1-A-d
thôn Cù Bàn	DC	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên	15° 50' 29"	108° 08' 17"					D-49-1-A-d
thôn Lệ An	DC	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên	15° 50' 10"	108° 08' 43"					D-49-1-A-d
thôn Lệ Bắc	DC	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên	15° 50' 36"	108° 08' 59"					D-49-1-A-d
thôn Lệ Nam	DC	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên	15° 50' 19"	108° 08' 38"					D-49-1-A-d
Cầu Run	KX	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên	15° 49' 48"	108° 11' 11"					D-49-1-A-d
thôn Tân Phong	DC	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên	15° 49' 39"	108° 09' 52"					D-49-1-A-d
thôn Thanh Châu	DC	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên	15° 50' 03"	108° 09' 28"					D-49-1-A-d
thôn Thọ Xuyên	DC	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên	15° 49' 49"	108° 10' 45"					D-49-1-A-d
sông Thu Bồn	TV	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-d
đồi Trà Sơn	SV	xã Duy Châu	H. Duy Xuyên	15° 48' 54"	108° 10' 16"					D-49-1-A-d
thôn An Lương	DC	xã Duy Hải	H. Duy Xuyên	15° 51' 44"	108° 23' 15"					D-49-1-B-b; D-49-1-B-d
thôn Tây Sơn Đông	DC	xã Duy Hải	H. Duy Xuyên	15° 50' 32"	108° 24' 08"					D-49-1-B-b; D-49-1-B-d
thôn Tây Sơn Tây	DC	xã Duy Hải	H. Duy Xuyên	15° 50' 28"	108° 23' 39"					D-49-1-B-b; D-49-1-B-d
sông Thu Bồn	TV	xã Duy Hải	H. Duy Xuyên			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-b; D-49-1-B-d
thôn Thuận Trì	DC	xã Duy Hải	H. Duy Xuyên	15° 51' 07"	108° 23' 55"					D-49-1-B-b; D-49-1-B-d
thôn Trung Phường	DC	xã Duy Hải	H. Duy Xuyên	15° 51' 56"	108° 23' 46"					D-49-1-B-b; D-49-1-B-d
Thôn 4	DC	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 48' 48"	108° 06' 31"					D-49-1-A-c
Thôn 5	DC	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 48' 58"	108° 07' 32"					D-49-1-A-d
Thôn 8	DC	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 49' 29"	108° 07' 56"					D-49-1-A-d
đường tỉnh 610	KX	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên			15° 50' 31"	108° 16' 54"	15° 42' 49"	108° 01' 53"	D-49-1-A-c; D-49-1-A-d
cầu Bà Tiệm	KX	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 47' 45"	108° 06' 31"					D-49-1-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Cầu Bản	KX	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 50' 14"	108° 06' 40"					D-49-1-A-c
núi Dương thông	SV	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 47' 21"	108° 07' 53"					D-49-1-A-d
thôn Gia Hoà	DC	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 49' 50"	108° 06' 36"					D-49-1-A-c
núi Hòn Ngang	SV	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 46' 21"	108° 07' 48"					D-49-1-A-d
núi Hồ Cẩm	SV	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 46' 37"	108° 08' 12"					D-49-1-A-d
thôn La Tháp Đông	DC	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 49' 55"	108° 08' 15"					D-49-1-A-d
thôn La Tháp Tây	DC	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 50' 22"	108° 07' 22"					D-49-1-A-c
thôn Mỹ Lược	DC	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 50' 10"	108° 06' 28"					D-49-1-A-c
thôn Phú Lạc	DC	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 49' 39"	108° 07' 24"					D-49-1-A-c
sông Thu Bồn	TV	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-c; D-49-1-A-d
thôn Vĩnh Trinh	DC	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 49' 27"	108° 08' 55"					D-49-1-A-d
Tượng đài Vĩnh Trinh	KX	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 48' 16"	108° 09' 30"					D-49-1-A-d
hồ Vĩnh Trinh	TV	xã Duy Hoà	H. Duy Xuyên	15° 48' 12"	108° 09' 50"					D-49-1-A-d
thôn Hội Sơn	DC	xã Duy Nghĩa	H. Duy Xuyên	15° 51' 15"	108° 22' 07"					D-49-1-B-c
thôn Hồng Triều	DC	xã Duy Nghĩa	H. Duy Xuyên	15° 50' 36"	108° 21' 19"					D-49-1-B-c
Ấu thuyền Hồng Triều	KX	xã Duy Nghĩa	H. Duy Xuyên	15° 51' 11"	108° 21' 30"					D-49-1-B-c
thôn Lê Sơn	DC	xã Duy Nghĩa	H. Duy Xuyên	15° 50' 15"	108° 22' 18"					D-49-1-B-c
thôn Sơn Viên	DC	xã Duy Nghĩa	H. Duy Xuyên	15° 50' 49"	108° 22' 38"					D-49-1-B-b; D-49-1-B-d
thôn Tây Thành	DC	xã Duy Nghĩa	H. Duy Xuyên	15° 49' 47"	108° 21' 09"					D-49-1-B-c
sông Thu Bồn	TV	xã Duy Nghĩa	H. Duy Xuyên			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-c; D-49-1-B-b; D-49-1-B-d
thôn Thuận An	DC	xã Duy Nghĩa	H. Duy Xuyên	15° 51' 33"	108° 22' 49"					D-49-1-B-b; D-49-1-B-d
cầu Trường Giang	KX	xã Duy Nghĩa	H. Duy Xuyên	15° 49' 58"	108° 20' 52"					D-49-1-B-c
sông Trường Giang	TV	xã Duy Nghĩa	H. Duy Xuyên			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-1-B-c
đường tỉnh 610	KX	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên			15° 50' 31"	108° 16' 54"	15° 42' 49"	108° 01' 53"	D-49-1-A-c; D-49-1-C-a
cầu Bà Tiêm	KX	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 47' 45"	108° 06' 31"					D-49-1-A-c
thôn Bàn Sơn	DC	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 47' 06"	108° 05' 15"					D-49-1-A-c
thôn Chánh Sơn	DC	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 47' 36"	108° 05' 16"					D-49-1-A-c
Khe Công	TV	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên			15° 46' 05"	108° 04' 27"	15° 47' 24"	108° 03' 10"	D-49-1-A-c
núi Dương Côi	SV	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 45' 46"	108° 05' 39"					D-49-1-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Nhà máy Gạch Tuynel An Hoà	KX	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 48' 07"	108° 06' 27"					D-49-1-A-c
núi Hòn Châu	SV	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 44' 24"	108° 06' 54"					D-49-1-C-a
núi Hòn Dung	SV	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 44' 04"	108° 06' 09"					D-49-1-C-a
núi Hòn Nghệ	SV	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 45' 31"	108° 04' 10"					D-49-1-A-c
cầu Khe Thè	KX	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 46' 23"	108° 06' 29"					D-49-1-A-c
núi Kỳ Vĩ	SV	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 45' 11"	108° 05' 56"					D-49-1-A-c
Khe Làng	TV	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên			15° 46' 47"	108° 05' 08"	15° 49' 32"	108° 05' 32"	D-49-1-A-c
núi Mặt Mả	SV	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 45' 12"	108° 07' 54"					D-49-1-A-c
thôn Mỹ Sơn	DC	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 47' 46"	108° 06' 07"					D-49-1-A-c
thôn Nhuận Sơn	DC	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 48' 21"	108° 06' 06"					D-49-1-A-c
đèo Phường Rạnh	KX	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 45' 44"	108° 04' 02"					D-49-1-A-c
hồ Thạch Bàn	TV	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 46' 27"	108° 04' 58"					D-49-1-A-c
đập Thạch Bàn	KX	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 46' 24"	108° 04' 32"					D-49-1-A-c
thôn Trung Sơn	DC	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 47' 17"	108° 05' 53"					D-49-1-A-c
núi Văn Chỉ	SV	xã Duy Phú	H. Duy Xuyên	15° 45' 38"	108° 06' 24"					D-49-1-A-c
Quốc lộ 1	KX	xã Duy Phước	H. Duy Xuyên			15° 56' 50"	108° 13' 09"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-B-c
cầu Cầu Lâu	KX	xã Duy Phước	H. Duy Xuyên	15° 51' 48"	108° 16' 17"					D-49-1-B-c
thôn Cầu Lâu Đông	DC	xã Duy Phước	H. Duy Xuyên	15° 51' 35"	108° 17' 00"					D-49-1-B-c
thôn Cầu Lâu Tây	DC	xã Duy Phước	H. Duy Xuyên	15° 51' 32"	108° 16' 36"					D-49-1-B-c
chùa Diệu Pháp	KX	xã Duy Phước	H. Duy Xuyên	15° 51' 03"	108° 17' 29"					D-49-1-B-c
thôn Hà Nhuận	DC	xã Duy Phước	H. Duy Xuyên	15° 51' 23"	108° 18' 30"					D-49-1-B-c
thôn Hoà Bình	DC	xã Duy Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 43"	108° 17' 57"					D-49-1-B-c
thôn Lang Châu Bắc	DC	xã Duy Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 52"	108° 17' 23"					D-49-1-B-c
thôn Lang Châu Nam	DC	xã Duy Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 24"	108° 17' 25"					D-49-1-B-c
chùa Long An	KX	xã Duy Phước	H. Duy Xuyên	15° 51' 14"	108° 16' 40"					D-49-1-B-c
thôn Mỹ Phước	DC	xã Duy Phước	H. Duy Xuyên	15° 51' 43"	108° 17' 52"					D-49-1-B-c
sông Thu Bồn	TV	xã Duy Phước	H. Duy Xuyên			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-c
thôn Triều Châu	DC	xã Duy Phước	H. Duy Xuyên	15° 50' 42"	108° 18' 27"					D-49-1-B-c
đường tỉnh 610	KX	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên			15° 50' 31"	108° 16' 54"	15° 42' 49"	108° 01' 53"	D-49-1-A-d
thôn Chánh Lộc	DC	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 47' 43"	108° 11' 11"					D-49-1-A-d
thôn Chiêm Sơn	DC	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 48' 33"	108° 13' 31"					D-49-1-A-d
núi Chóp Xôi	SV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 46' 50"	108° 13' 31"					D-49-1-A-d
cầu Đầu Gò	KX	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 47' 34"	108° 10' 47"					D-49-1-A-d
Núi Eo	SV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 49' 22"	108° 13' 03"					D-49-1-A-d
chùa Hoà Quang	KX	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 48' 37"	108° 12' 52"					D-49-1-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
núi Hòn Bàng	SV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 49' 25"	108° 13' 20"					D-49-1-A-d
núi Hòn Chông	SV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 46' 09"	108° 11' 25"					D-49-1-A-d
núi Hòn Cóc	SV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 46' 36"	108° 11' 31"					D-49-1-A-d
núi Hòn Ngang	SV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 46' 21"	108° 07' 48"					D-49-1-A-d
núi Hòn Tàu	SV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 42' 55"	108° 09' 58"					D-49-1-C-b
núi Hòn Thê	SV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 46' 55"	108° 12' 29"					D-49-1-A-d
núi Hồ Cẩm	SV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 46' 37"	108° 08' 12"					D-49-1-A-d
núi Hồ Nước	SV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 47' 10"	108° 13' 41"					D-49-1-A-d
hồ Hồ Trường	TV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 46' 50"	108° 08' 49"					D-49-1-A-d
thôn Kiệu Châu	DC	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 49' 21"	108° 13' 23"					D-49-1-A-d
núi Mặt Mả	SV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 45' 12"	108° 07' 54"					D-49-1-A-d
núi Ngã Ba	SV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 45' 16"	108° 12' 13"					D-49-1-A-d
cầu Ngô Huy Diễn	KX	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 48' 22"	108° 12' 21"					D-49-1-A-d
cầu Nguyễn Thành Hân	KX	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 48' 39"	108° 13' 19"					D-49-1-A-d
hồ Phú Lộc	TV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 47' 17"	108° 10' 13"					D-49-1-A-d
đập Phú Lộc	KX	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 47' 22"	108° 10' 10"					D-49-1-A-d
thôn Phú Nham	DC	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 48' 26"	108° 12' 26"					D-49-1-A-d
thôn Phú Nham Đông	DC	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 48' 30"	108° 12' 53"					D-49-1-A-d
thôn Phú Nham Tây	DC	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 48' 04"	108° 11' 50"					D-49-1-A-d
khu du lịch sinh thái Thủy điện Duy Sơn	KX	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 47' 18"	108° 13' 32"					D-49-1-A-d
Nhà máy Thủy điện Duy Sơn	KX	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 47' 07"	108° 13' 27"					D-49-1-A-d
thôn Trà Châu	DC	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 49' 30"	108° 13' 59"					D-49-1-A-d
ga Trà Kiệu	KX	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 48' 39"	108° 13' 47"					D-49-1-A-d
suối Trà Kiệu	TV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên			15° 50' 11"	108° 12' 38"	15° 49' 30"	108° 15' 04"	D-49-1-A-d
thôn Trà Kiệu Tây	DC	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 48' 35"	108° 14' 01"					D-49-1-A-d
núi Úp Đáp	SV	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 47' 31"	108° 09' 45"					D-49-1-A-d
cầu Văn Thánh	KX	xã Duy Sơn	H. Duy Xuyên	15° 49' 35"	108° 13' 49"					D-49-1-A-d
đường tỉnh 610	KX	xã Duy Tân	H. Duy Xuyên			15° 50' 31"	108° 16' 54"	15° 42' 49"	108° 01' 53"	D-49-1-A-c
Cầu Hoàng	KX	xã Duy Tân	H. Duy Xuyên	15° 48' 49"	108° 05' 56"					D-49-1-A-c
Khe Làng	TV	xã Duy Tân	H. Duy Xuyên			15° 46' 47"	108° 05' 08"	15° 49' 32"	108° 05' 32"	D-49-1-A-c
cầu Mỹ Lược	KX	xã Duy Tân	H. Duy Xuyên	15° 49' 42"	108° 06' 01"					D-49-1-A-c
thôn Phú Nhuận 2	DC	xã Duy Tân	H. Duy Xuyên	15° 49' 01"	108° 06' 05"					D-49-1-A-c
thôn Phú Nhuận 3	DC	xã Duy Tân	H. Duy Xuyên	15° 48' 50"	108° 05' 16"					D-49-1-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Cầu Sy	KX	xã Duy Tân	H. Duy Xuyên	15° 48' 59"	108° 05' 11"					D-49-1-A-c
sông Thu Bồn	TV	xã Duy Tân	H. Duy Xuyên			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-c
thôn Thu Bồn Đông	DC	xã Duy Tân	H. Duy Xuyên	15° 48' 48"	108° 04' 51"					D-49-1-A-c
thôn Thu Bồn Tây	DC	xã Duy Tân	H. Duy Xuyên	15° 48' 50"	108° 04' 25"					D-49-1-A-c
Cầu Ván	KX	xã Duy Tân	H. Duy Xuyên	15° 49' 20"	108° 05' 20"					D-49-1-A-c
thôn An Lạc	DC	xã Duy Thành	H. Duy Xuyên	15° 49' 41"	108° 19' 53"					D-49-1-B-c
cầu Ba Ra	KX	xã Duy Thành	H. Duy Xuyên	15° 49' 58"	108° 19' 38"					D-49-1-B-c
sông Bà Rén	TV	xã Duy Thành	H. Duy Xuyên			15° 51' 10"	108° 08' 44"	15° 49' 12"	108° 19' 03"	D-49-1-B-c
chùa Giác Vân	KX	xã Duy Thành	H. Duy Xuyên	15° 49' 51"	108° 17' 52"					D-49-1-B-c
sông Ly Ly	TV	xã Duy Thành	H. Duy Xuyên			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-B-c
thôn Nhơn Bôi	DC	xã Duy Thành	H. Duy Xuyên	15° 50' 08"	108° 20' 40"					D-49-1-B-c
thôn Thi Thại	DC	xã Duy Thành	H. Duy Xuyên	15° 49' 43"	108° 19' 14"					D-49-1-B-c
cầu Trường Giang	KX	xã Duy Thành	H. Duy Xuyên	15° 49' 58"	108° 20' 52"					D-49-1-B-c
sông Trường Giang	TV	xã Duy Thành	H. Duy Xuyên			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-1-B-c
thôn Vân Quật	DC	xã Duy Thành	H. Duy Xuyên	15° 49' 50"	108° 18' 08"					D-49-1-B-c
đường tỉnh 610	KX	xã Duy Thu	H. Duy Xuyên			15° 50' 31"	108° 16' 54"	15° 42' 49"	108° 01' 53"	D-49-1-A-c; D-49-1-C-a
đò Bến Dầu	KX	xã Duy Thu	H. Duy Xuyên	15° 47' 04"	108° 02' 38"					D-49-1-A-c
Khe Công	TV	xã Duy Thu	H. Duy Xuyên			15° 46' 05"	108° 04' 27"	15° 47' 24"	108° 03' 10"	D-49-1-A-c
Nhà máy Gạch Tuynel Phan Ngọc Anh	KX	xã Duy Thu	H. Duy Xuyên	15° 47' 03"	108° 04' 23"					D-49-1-A-c
núi Lôi Giáng	SV	xã Duy Thu	H. Duy Xuyên	15° 45' 55"	108° 03' 13"					D-49-1-A-c
đò Phú Đa	KX	xã Duy Thu	H. Duy Xuyên	15° 48' 04"	108° 03' 49"					D-49-1-A-c
thôn Phú Đa 2	DC	xã Duy Thu	H. Duy Xuyên	15° 48' 01"	108° 03' 58"					D-49-1-A-c
thôn Phú Đa 3	DC	xã Duy Thu	H. Duy Xuyên	15° 47' 44"	108° 04' 00"					D-49-1-A-c
đèo Phường Rạnh	KX	xã Duy Thu	H. Duy Xuyên	15° 45' 44"	108° 04' 02"					D-49-1-A-c
thôn Thạnh Xuyên	DC	xã Duy Thu	H. Duy Xuyên	15° 47' 13"	108° 03' 12"					D-49-1-A-c
sông Thu Bồn	TV	xã Duy Thu	H. Duy Xuyên			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-c; D-49-1-C-a
thôn Tinh Yên	DC	xã Duy Thu	H. Duy Xuyên	15° 46' 56"	108° 02' 41"					D-49-1-A-c
đường tỉnh 610	KX	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên			15° 50' 31"	108° 16' 54"	15° 42' 49"	108° 01' 53"	D-49-1-A-d
Lăng Bà Đoàn Quý Phi	KX	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên	15° 49' 31"	108° 11' 20"					D-49-1-A-d
sông Bà Rén	TV	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên			15° 51' 10"	108° 08' 44"	15° 49' 12"	108° 19' 03"	D-49-1-A-d
thôn Chiêm Sơn	DC	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên	15° 49' 46"	108° 12' 13"					D-49-1-A-d
đồi Chiêm Sơn	SV	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên	15° 49' 17"	108° 10' 51"					D-49-1-A-d
thôn Đông Yên	DC	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên	15° 49' 49"	108° 12' 52"					D-49-1-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Núi Eo	SV	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên	15° 49' 22"	108° 13' 03"					D-49-1-A-d
Chùa Lầu	KX	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên	15° 49' 51"	108° 13' 31"					D-49-1-A-d
thôn Phú Bông	DC	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên	15° 49' 46"	108° 13' 43"					D-49-1-A-d
thôn Thi Lai	DC	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên	15° 50' 00"	108° 14' 10"					D-49-1-A-d
suối Trà Kiệu	TV	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên			15° 50' 11"	108° 12' 38"	15° 49' 30"	108° 15' 04"	D-49-1-A-d
đồi Trà Sơn	SV	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên	15° 48' 54"	108° 10' 16"					D-49-1-A-d
núi Úp Đáp	SV	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên	15° 47' 31"	108° 09' 45"					D-49-1-A-d
cầu Văn Thánh	KX	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên	15° 49' 35"	108° 13' 49"					D-49-1-A-d
hồ Vĩnh Trinh	TV	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên	15° 48' 12"	108° 09' 50"					D-49-1-A-d
đập Vĩnh Trinh	KX	xã Duy Trinh	H. Duy Xuyên	15° 48' 48"	108° 10' 38"					D-49-1-A-d
đường tỉnh 610	KX	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên			15° 50' 31"	108° 16' 54"	15° 42' 49"	108° 01' 53"	D-49-1-A-d; D-49-1-B-c
thôn An Trung	DC	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 48' 49"	108° 14' 57"					D-49-1-B-c
sông Bà Rén	TV	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên			15° 51' 10"	108° 08' 44"	15° 49' 12"	108° 19' 03"	D-49-1-B-c
thôn Cẩm An	DC	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 46' 13"	108° 14' 55"					D-49-1-B-c
hồ Cây Sơn	TV	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 45' 55"	108° 14' 43"					D-49-1-A-d
đập Cây Sơn	KX	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 45' 57"	108° 14' 38"					D-49-1-A-d
cầu Cây Thị	KX	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 49' 02"	108° 15' 02"					D-49-1-B-c
Công ty Chế biến Mây tre đan Nam Phước	KX	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 48' 45"	108° 15' 09"					D-49-1-B-c
Công ty Dệt nhuộm Nam Phước	KX	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 48' 37"	108° 15' 11"					D-49-1-B-c
thôn Duy Lâm	DC	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 47' 38"	108° 16' 46"					D-49-1-B-c
Hồ Đá	TV	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 45' 50"	108° 14' 14"					D-49-1-A-d
Đập Đá	KX	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 45' 57"	108° 14' 14"					D-49-1-A-d
thôn Hoà Nam	DC	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 48' 02"	108° 15' 25"					D-49-1-B-c
hồ Khe Cát	TV	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 45' 30"	108° 14' 08"					D-49-1-A-d
đập Khe Cát	KX	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 45' 35"	108° 14' 13"					D-49-1-A-d
thôn Mậu Hoà	DC	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 48' 32"	108° 15' 45"					D-49-1-B-c
thôn Nam Thành	DC	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 46' 51"	108° 15' 35"					D-49-1-B-c
núi Ngã Ba	SV	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 45' 16"	108° 12' 13"					D-49-1-A-d
kênh Phú Ninh	TV	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-A-d; D-49-1-B-c
suối Trà Kiệu	TV	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên			15° 50' 11"	108° 12' 38"	15° 49' 30"	108° 15' 04"	D-49-1-A-d; D-49-1-B-c
thôn Trung Đông	DC	xã Duy Trung	H. Duy Xuyên	15° 49' 18"	108° 14' 46"					D-49-1-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Đông Bình	DC	xã Duy Vinh	H. Duy Xuyên	15° 51' 01"	108° 20' 40"					D-49-1-B-c
thôn Hà Mỹ	DC	xã Duy Vinh	H. Duy Xuyên	15° 50' 50"	108° 19' 44"					D-49-1-B-c
cầu Hà Tân	KX	xã Duy Vinh	H. Duy Xuyên	15° 50' 42"	108° 19' 34"					D-49-1-B-c
thôn Hà Thuận	DC	xã Duy Vinh	H. Duy Xuyên	15° 51' 11"	108° 19' 50"					D-49-1-B-c
sông Ly Ly	TV	xã Duy Vinh	H. Duy Xuyên			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-B-c
sông Thu Bồn	TV	xã Duy Vinh	H. Duy Xuyên			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-B-c
thôn Trà Đông	DC	xã Duy Vinh	H. Duy Xuyên	15° 51' 33"	108° 20' 43"					D-49-1-B-c
thôn Trà Nam	DC	xã Duy Vinh	H. Duy Xuyên	15° 51' 37"	108° 19' 26"					D-49-1-B-c
sông Trường Giang	TV	xã Duy Vinh	H. Duy Xuyên			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-1-B-c
thôn Vĩnh Nam	DC	xã Duy Vinh	H. Duy Xuyên	15° 50' 38"	108° 19' 12"					D-49-1-B-c
quốc lộ 14E	KX	TT. Tân An	H. Hiệp Đức			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-49-1-C-c; D-49-1-C-d
khối phố An Bắc	DC	TT. Tân An	H. Hiệp Đức	15° 35' 25"	108° 06' 42"					D-49-1-C-c
khối phố An Đông	DC	TT. Tân An	H. Hiệp Đức	15° 35' 14"	108° 07' 22"					D-49-1-C-c
khối phố An Nam	DC	TT. Tân An	H. Hiệp Đức	15° 34' 41"	108° 06' 36"					D-49-1-C-c
khối phố An Tây	DC	TT. Tân An	H. Hiệp Đức	15° 34' 56"	108° 06' 23"					D-49-1-C-c
khối phố An Trung	DC	TT. Tân An	H. Hiệp Đức	15° 34' 56"	108° 06' 53"					D-49-1-C-c
núi Chóp Vung	SV	TT. Tân An	H. Hiệp Đức	15° 34' 31"	108° 08' 04"					D-49-1-C-d
suối Hố Kết	TV	TT. Tân An	H. Hiệp Đức			15° 35' 40"	108° 07' 49"	15° 35' 17"	108° 07' 28"	D-49-1-C-c
suối Khe Cú	TV	TT. Tân An	H. Hiệp Đức			15° 35' 30"	108° 08' 13"	15° 35' 06"	108° 06' 09"	D-49-1-C-c
cầu Tân An	KX	TT. Tân An	H. Hiệp Đức	15° 34' 49"	108° 06' 05"					D-49-1-C-c
Trạm Thủy văn Tân An	KX	TT. Tân An	H. Hiệp Đức	15° 34' 54"	108° 06' 05"					D-49-1-C-c
sông Thu Bồn	TV	TT. Tân An	H. Hiệp Đức			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-C-c
Sông Tiên	TV	TT. Tân An	H. Hiệp Đức			15° 26' 01"	108° 22' 44"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-1-C-c; D-49-1-C-d
Sông Tràu	TV	TT. Tân An	H. Hiệp Đức			15° 35' 29"	108° 14' 44"	15° 34' 56"	108° 05' 53"	D-49-1-C-c
quốc lộ 14E	KX	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-49-1-C-c
đường tỉnh 614	KX	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức			15° 29' 21"	108° 18' 16"	15° 37' 07"	108° 13' 10"	D-49-1-C-d
Núi Gai	SV	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 36' 36"	108° 14' 11"					D-49-1-C-d
thôn Hội Tường	DC	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 36' 13"	108° 12' 26"					D-49-1-C-c
thôn Hương Phố	DC	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 36' 07"	108° 14' 50"					D-49-1-C-c
Suối Khân	TV	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức			15° 34' 34"	108° 13' 17"	15° 33' 23"	108° 12' 13"	D-49-1-C-d
núi Lạc Sơn	SV	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 37' 25"	108° 12' 54"					D-49-1-C-b; D-49-1-C-d
thôn Lộc An	DC	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 35' 59"	108° 14' 15"					D-49-1-C-c
Núi Ngang	SV	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 35' 28"	108° 15' 10"					D-49-1-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Ngọc Lâm	DC	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 35' 14"	108° 14' 07"					D-49-1-C-c
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 35' 17"	108° 12' 54"					D-49-1-C-c
thôn Nhì Đông	DC	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 37' 11"	108° 13' 35"					D-49-1-C-c
thôn Nhì Tây	DC	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 36' 54"	108° 12' 32"					D-49-1-C-c
thôn Nhứt Đông	DC	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 36' 25"	108° 13' 21"					D-49-1-C-c
thôn Nhứt Tây	DC	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 36' 38"	108° 12' 51"					D-49-1-C-c
Sông Trầu	TV	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức			15° 35' 29"	108° 14' 44"	15° 34' 56"	108° 05' 53"	D-49-1-C-d
thôn Việt An	DC	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 36' 58"	108° 13' 06"					D-49-1-C-c
hồ Việt An	TV	xã Bình Lâm	H. Hiệp Đức	15° 35' 05"	108° 13' 28"					D-49-1-C-d
thôn An Tráng 1	DC	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức	15° 34' 18"	108° 12' 23"					D-49-1-C-d
thôn An Tráng 2	DC	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức	15° 33' 55"	108° 11' 59"					D-49-1-C-d
hồ Bà Sơn	TV	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức	15° 35' 48"	108° 10' 25"					D-49-1-C-d
Cầu Chìm	KX	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức	15° 34' 23"	108° 08' 49"					D-49-1-C-d
núi Chóp Vung	SV	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức	15° 34' 31"	108° 08' 04"					D-49-1-C-d
Suối Khán	TV	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức			15° 34' 34"	108° 13' 17"	15° 33' 23"	108° 12' 13"	D-49-1-C-d
thôn Phú Thăng	DC	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức	15° 34' 25"	108° 10' 53"					D-49-1-C-d
thôn Phước Hoà	DC	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức	15° 34' 40"	108° 09' 46"					D-49-1-C-d
thôn Phước Xuân	DC	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức	15° 34' 37"	108° 09' 02"					D-49-1-C-d
suối Tam Lang	TV	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức			15° 34' 28"	108° 12' 28"	15° 33' 37"	108° 11' 34"	D-49-1-C-d
Sông Tiên	TV	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức			15° 26' 01"	108° 22' 44"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-1-C-d
Suối Trì	TV	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức			15° 34' 50"	108° 11' 33"	15° 34' 03"	108° 10' 57"	D-49-1-C-d
Sông Trường	TV	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức			15° 26' 06"	107° 52' 50"	15° 34' 27"	108° 03' 18"	D-49-1-C-c; D-48-12-D-b
Xóm Tú	DC	xã Bình Sơn	H. Hiệp Đức	15° 34' 31"	108° 02' 12"					D-49-1-C-c
Thôn 1	DC	xã Hiệp Hoà	H. Hiệp Đức	15° 34' 56"	107° 59' 03"					D-48-12-D-b
Thôn 2	DC	xã Hiệp Hoà	H. Hiệp Đức	15° 35' 40"	108° 01' 18"					D-49-1-C-c
Thôn 3	DC	xã Hiệp Hoà	H. Hiệp Đức	15° 35' 46"	108° 01' 34"					D-49-1-C-c
Thôn 4	DC	xã Hiệp Hoà	H. Hiệp Đức	15° 34' 48"	108° 02' 40"					D-49-1-C-c
Thôn 5	DC	xã Hiệp Hoà	H. Hiệp Đức	15° 34' 33"	108° 03' 35"					D-49-1-C-c
suối La Vẽ	TV	xã Hiệp Hoà	H. Hiệp Đức			15° 34' 17"	108° 01' 57"	15° 33' 06"	108° 02' 09"	D-49-1-C-c
thôn Linh Kiều	DC	xã Hiệp Hoà	H. Hiệp Đức	15° 34' 52"	108° 01' 50"					D-49-1-C-c
suối Ổ Ổ	TV	xã Hiệp Hoà	H. Hiệp Đức			15° 34' 54"	108° 01' 00"	15° 34' 55"	108° 01' 35"	D-49-1-C-c
sông Thu Bồn	TV	xã Hiệp Hoà	H. Hiệp Đức			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-C-c
suối Trà Ly	TV	xã Hiệp Hoà	H. Hiệp Đức			15° 33' 34"	107° 57' 41"	15° 35' 48"	108° 01' 24"	D-49-1-C-c; D-48-12-D-b
Thôn 1	DC	xã Hiệp Thuận	H. Hiệp Đức	15° 35' 43"	108° 06' 14"					D-49-1-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Thôn 2	DC	xã Hiệp Thuận	H. Hiệp Đức	15° 35' 08"	108° 05' 59"					D-49-1-C-c
Thôn 3	DC	xã Hiệp Thuận	H. Hiệp Đức	15° 34' 59"	108° 05' 31"					D-49-1-C-c
Thôn 4	DC	xã Hiệp Thuận	H. Hiệp Đức	15° 34' 15"	108° 04' 32"					D-49-1-C-c
suối Bà Lân	TV	xã Hiệp Thuận	H. Hiệp Đức			15° 38' 03"	108° 05' 50"	15° 35' 19"	108° 06' 17"	D-49-1-C-a; D-49-1-C-c
sông Thu Bồn	TV	xã Hiệp Thuận	H. Hiệp Đức			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-C-c
Sông Trầu	TV	xã Hiệp Thuận	H. Hiệp Đức			15° 35' 29"	108° 14' 44"	15° 34' 56"	108° 05' 53"	D-49-1-C-c
Thôn 1	DC	xã Phước Gia	H. Hiệp Đức	15° 29' 04"	108° 07' 35"					D-49-13-A-b
Thôn 2	DC	xã Phước Gia	H. Hiệp Đức	15° 28' 55"	108° 08' 12"					D-49-13-A-b
Thôn 3	DC	xã Phước Gia	H. Hiệp Đức	15° 27' 48"	108° 08' 28"					D-49-13-A-b
Thôn 4	DC	xã Phước Gia	H. Hiệp Đức	15° 28' 27"	108° 08' 44"					D-49-13-A-b
Thôn 5	DC	xã Phước Gia	H. Hiệp Đức	15° 27' 10"	108° 08' 37"					D-49-13-A-b
núi Dạ Cao	SV	xã Phước Gia	H. Hiệp Đức	15° 28' 12"	108° 05' 59"					D-49-13-A-a
núi Hòn Chè	SV	xã Phước Gia	H. Hiệp Đức	15° 29' 08"	108° 05' 24"					D-49-13-A-a
suối Khe Gió	TV	xã Phước Gia	H. Hiệp Đức			15° 28' 16"	108° 06' 25"	15° 29' 21"	108° 07' 29"	D-49-13-A-a
suối Khe Sến	TV	xã Phước Gia	H. Hiệp Đức			15° 27' 28"	108° 07' 25"	15° 28' 01"	108° 08' 47"	D-49-13-A-a; D-49-13-A-b
núi Kim Quan Sơn	SV	xã Phước Gia	H. Hiệp Đức	15° 28' 08"	108° 07' 36"					D-49-13-A-b
suối Thanh Niên	TV	xã Phước Gia	H. Hiệp Đức			15° 30' 24"	108° 04' 23"	15° 33' 29"	108° 02' 59"	D-49-1-C-c
Sông Tranh	TV	xã Phước Gia	H. Hiệp Đức			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-A-a; D-49-13-A-b
Thôn 1	DC	xã Phước Trà	H. Hiệp Đức	15° 28' 24"	108° 04' 16"					D-49-13-A-a
Thôn 2	DC	xã Phước Trà	H. Hiệp Đức	15° 30' 01"	108° 02' 50"					D-49-1-C-c
Thôn 3	DC	xã Phước Trà	H. Hiệp Đức	15° 31' 00"	108° 02' 00"					D-49-1-C-c
Thôn 4	DC	xã Phước Trà	H. Hiệp Đức	15° 30' 33"	108° 01' 37"					D-49-1-C-c
Thôn 5	DC	xã Phước Trà	H. Hiệp Đức	15° 30' 06"	108° 01' 33"					D-49-1-C-c
Thôn 6	DC	xã Phước Trà	H. Hiệp Đức	15° 29' 33"	108° 01' 18"					D-49-13-A-a
Núi Ba	SV	xã Phước Trà	H. Hiệp Đức	15° 25' 34"	108° 04' 58"					D-49-13-A-a
khe Cà Nhạng	TV	xã Phước Trà	H. Hiệp Đức			15° 28' 54"	107° 59' 35"	15° 29' 31"	108° 01' 01"	D-49-24-B-b; D-49-13-A-a
Sông Gia	TV	xã Phước Trà	H. Hiệp Đức			15° 25' 51"	108° 06' 24"	15° 30' 52"	108° 01' 41"	D-49-13-A-a; D-49-1-C-c
núi Hòn Chè	SV	xã Phước Trà	H. Hiệp Đức	15° 24' 12"	108° 05' 50"					D-49-13-A-a
núi Hòn Sét	SV	xã Phước Trà	H. Hiệp Đức	15° 23' 49"	108° 04' 08"					D-49-13-A-a
suối Thanh Niên	TV	xã Phước Trà	H. Hiệp Đức			15° 30' 24"	108° 04' 23"	15° 33' 29"	108° 02' 59"	D-49-1-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
sông Trà Nô	TV	xã Phước Trà	H. Hiệp Đức			15° 24' 15"	108° 05' 03"	15° 32' 15"	108° 01' 09"	D-49-13-A-a; D-49-1-C-c
Thôn 1	DC	xã Quế Bình	H. Hiệp Đức	15° 34' 43"	108° 06' 00"					D-49-1-C-c
Thôn 2	DC	xã Quế Bình	H. Hiệp Đức	15° 33' 47"	108° 05' 11"					D-49-1-C-c
Thôn 3	DC	xã Quế Bình	H. Hiệp Đức	15° 33' 24"	108° 05' 26"					D-49-1-C-c
Thôn 4	DC	xã Quế Bình	H. Hiệp Đức	15° 33' 18"	108° 03' 04"					D-49-1-C-c
quốc lộ 14E	KX	xã Quế Bình	H. Hiệp Đức			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-49-1-C-c
núi Gò Xây	SV	xã Quế Bình	H. Hiệp Đức	15° 33' 00"	108° 04' 00"					D-49-1-C-c
cầu Lai Nghi	KX	xã Quế Bình	H. Hiệp Đức	15° 33' 36"	108° 04' 47"					D-49-1-C-c
suối Lai Nghi	TV	xã Quế Bình	H. Hiệp Đức			15° 31' 44"	108° 05' 35"	15° 33' 42"	108° 04' 45"	D-49-1-C-c
cầu Tân An	KX	xã Quế Bình	H. Hiệp Đức	15° 34' 49"	108° 06' 05"					D-49-1-C-c
suối Thanh Niên	TV	xã Quế Bình	H. Hiệp Đức			15° 30' 24"	108° 04' 23"	15° 33' 29"	108° 02' 59"	D-49-1-C-c
sông Thu Bồn	TV	xã Quế Bình	H. Hiệp Đức			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-C-c
Thôn 1	DC	xã Quế Lưu	H. Hiệp Đức	15° 33' 50"	108° 06' 54"					D-49-1-C-c
Thôn 2	DC	xã Quế Lưu	H. Hiệp Đức	15° 32' 53"	108° 07' 02"					D-49-1-C-c
Thôn 3	DC	xã Quế Lưu	H. Hiệp Đức	15° 32' 09"	108° 06' 44"					D-49-1-C-c
Thôn 4	DC	xã Quế Lưu	H. Hiệp Đức	15° 31' 16"	108° 07' 18"					D-49-1-C-c
Thôn 5	DC	xã Quế Lưu	H. Hiệp Đức	15° 32' 03"	108° 08' 26"					D-49-1-C-d
núi Bàng Bướm	SV	xã Quế Lưu	H. Hiệp Đức	15° 32' 12"	108° 05' 10"					D-49-1-C-c
núi Dạ Cao	SV	xã Quế Lưu	H. Hiệp Đức	15° 30' 12"	108° 06' 05"					D-49-1-C-c
núi Dương Dồng	SV	xã Quế Lưu	H. Hiệp Đức	15° 31' 22"	108° 06' 15"					D-49-1-C-c
suối Lai Nghi	TV	xã Quế Lưu	H. Hiệp Đức			15° 31' 44"	108° 05' 35"	15° 33' 42"	108° 04' 45"	D-49-1-C-c
Suối Miếu	TV	xã Quế Lưu	H. Hiệp Đức			15° 30' 47"	108° 05' 54"	15° 31' 02"	108° 07' 27"	D-49-1-C-c
khe Ông Chiêm	TV	xã Quế Lưu	H. Hiệp Đức			15° 32' 03"	108° 06' 25"	15° 32' 28"	108° 07' 28"	D-49-1-C-c
sông Thu Bồn	TV	xã Quế Lưu	H. Hiệp Đức			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-C-c
Sông Tranh	TV	xã Quế Lưu	H. Hiệp Đức			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-1-C-c; D-49-1-C-d
quốc lộ 14E	KX	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-49-1-C-c; D-49-1-C-d
đường tỉnh 611B	KX	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức			15° 40' 31"	108° 13' 05"	15° 36' 46"	108° 11' 38"	D-49-1-C-d
thôn An Tây	DC	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 36' 38"	108° 08' 07"					D-49-1-C-d
thôn An Xá	DC	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 36' 27"	108° 09' 00"					D-49-1-C-d
hồ Bà Sơn	TV	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 35' 48"	108° 10' 25"					D-49-1-C-d
thôn Bắc An Sơn	DC	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 36' 39"	108° 09' 37"					D-49-1-C-d
thôn Cẩm Tú	DC	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 35' 54"	108° 08' 33"					D-49-1-C-d
núi Đá Khảm	SV	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 37' 25"	108° 11' 08"					D-49-1-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Hoá Trung	DC	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 35' 33"	108° 07' 41"					D-49-1-C-c; D-49-1-C-d
suối Hồ Két	TV	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức			15° 35' 40"	108° 07' 49"	15° 35' 17"	108° 07' 28"	D-49-1-C-c; D-49-1-C-d
cầu Khe Cú	KX	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 35' 18"	108° 07' 31"					D-49-1-C-d
suối Khe Cú	TV	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức			15° 35' 30"	108° 08' 13"	15° 35' 06"	108° 06' 09"	D-49-1-C-c; D-49-1-C-d
thôn Mỹ Thạnh	DC	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 35' 56"	108° 06' 44"					D-49-1-C-c
thôn Nam An Sơn	DC	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 36' 13"	108° 09' 53"					D-49-1-C-d
núi Nồng Dứng	SV	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 37' 22"	108° 10' 38"					D-49-1-C-d
cầu Ông Ích	KX	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 36' 33"	108° 11' 01"					D-49-1-C-d
cầu Ông Ninh	KX	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 36' 40"	108° 11' 19"					D-49-1-C-d
thôn Phú Bình	DC	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 36' 22"	108° 10' 54"					D-49-1-C-d
thôn Phú Cốc Đông	DC	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 36' 59"	108° 11' 43"					D-49-1-C-d
thôn Phú Cốc Tây	DC	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 37' 00"	108° 11' 22"					D-49-1-C-d
cầu Ruột Đò	KX	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 36' 30"	108° 10' 26"					D-49-1-C-d
cầu Sông Trầu	KX	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức	15° 36' 22"	108° 12' 15"					D-49-1-C-d
Sông Trầu	TV	xã Quế Thọ	H. Hiệp Đức			15° 35' 29"	108° 14' 44"	15° 34' 56"	108° 05' 53"	D-49-1-C-c; D-49-1-C-d
Thôn 1	DC	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức	15° 32' 25"	108° 00' 39"					D-49-1-C-c
Thôn 2	DC	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức	15° 32' 24"	108° 00' 56"					D-49-1-C-c
Thôn 3	DC	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức	15° 32' 31"	108° 02' 28"					D-49-1-C-c
Thôn 4	DC	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức	15° 31' 49"	108° 02' 03"					D-49-1-C-c
Thôn 5	DC	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức	15° 31' 41"	108° 02' 26"					D-49-1-C-c
Thôn 6	DC	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức	15° 31' 58"	108° 02' 59"					D-49-1-C-c
quốc lộ 14E	KX	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-48-12-D-b; D-49-1-C-c
cầu Bà Huỳnh	KX	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức	15° 32' 23"	108° 01' 13"					D-49-1-C-c
suối Cà Xoay	TV	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức			15° 33' 29"	107° 58' 55"	15° 32' 03"	108° 00' 57"	D-48-12-D-b; D-49-1-C-c
Khu di tích lịch sử Căn cứ Cách mạng Khu 5	KX	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức	15° 31' 50"	108° 02' 17"					D-49-1-C-c
Phòng khám Đa khoa Cao su tỉnh Quảng Nam	KX	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức	15° 32' 36"	108° 02' 27"					D-49-1-C-c
cầu Mò O	KX	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức	15° 30' 44"	107° 59' 33"					D-48-12-D-d
suối Mò O	TV	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức			15° 32' 50"	107° 56' 34"	15° 30' 36"	107° 59' 36"	D-48-12-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Thanh Niên	TV	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức			15° 30' 24"	108° 04' 23"	15° 33' 29"	108° 02' 59"	D-49-1-C-c
sông Trà Nô	TV	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức			15° 24' 15"	108° 05' 03"	15° 32' 15"	108° 01' 09"	D-49-1-C-c
Sông Trường	TV	xã Sông Trà	H. Hiệp Đức			15° 26' 06"	107° 52' 50"	15° 34' 27"	108° 03' 18"	D-48-12-D-b; D-49-1-C-c
thôn An Lâm	DC	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức	15° 33' 56"	108° 10' 45"					D-49-1-C-d
thôn An Mỹ	DC	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức	15° 32' 40"	108° 09' 09"					D-49-1-C-c
núi Dốc Lung	SV	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức	15° 30' 21"	108° 10' 36"					D-49-1-C-d; D-49-13-A-b
đèo Đá Đen	KX	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức	15° 32' 59"	108° 08' 55"					D-49-1-C-d
núi Hòn E	SV	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức	15° 29' 56"	108° 09' 49"					D-49-1-C-d; D-49-13-A-b
núi Hố Dầu	SV	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức	15° 32' 49"	108° 11' 40"					D-49-1-C-d
Suối Lung	TV	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức			15° 30' 33"	108° 12' 30"	15° 32' 06"	108° 09' 10"	D-49-1-C-d
thôn Nhị Phú	DC	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức	15° 33' 55"	108° 07' 52"					D-49-1-C-d
đồi Phú Hữu	SV	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức	15° 33' 15"	108° 08' 22"					D-49-1-C-d
thôn Phú Mỹ	DC	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức	15° 32' 41"	108° 08' 13"					D-49-1-C-d
thôn Phú Toàn	DC	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức	15° 34' 11"	108° 08' 54"					D-49-1-C-c; D-49-1-C-d
Sông Tiên	TV	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức			15° 26' 01"	108° 22' 44"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-1-C-c; D-49-1-C-d
Sông Tranh	TV	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-1-C-c; D-49-1-C-d
núi Vạn Năng	SV	xã Thăng Phước	H. Hiệp Đức	15° 30' 12"	108° 09' 08"					D-49-1-C-d; D-49-13-A-b
quốc lộ 14B	KX	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang			15° 56' 01"	108° 07' 52"	15° 45' 59"	107° 49' 42"	D-48-12-B-c
suối A Loong	TV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang			15° 43' 43"	107° 41' 35"	15° 46' 45"	107° 41' 33"	D-48-12-A-d; D-48-12-C-b
núi A Ngoóc	SV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 43' 24"	107° 49' 03"					D-48-12-D-a
cầu Bản Kim	KX	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 46' 51"	107° 51' 05"					D-48-12-B-c
Khe Boóc	TV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang			15° 44' 04"	107° 45' 49"	15° 44' 44"	107° 48' 00"	D-48-12-D-a
Sông Bung	TV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-12-A-d; D-48-12-B-c
Sông Cái	TV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang			15° 34' 14"	107° 49' 39"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-12-D-a; D-48-12-B-c
Công ty Cao su Nam Giang	KX	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 45' 37"	107° 50' 15"					D-48-12-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Da Vai	TV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang			15° 45' 01"	107° 42' 57"	15° 46' 45"	107° 42' 59"	D-48-12-A-d
Núi Dót	SV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 41' 46"	107° 49' 04"					D-48-12-D-a
Thôn Dung	DC	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 44' 32"	107° 49' 36"					D-48-12-D-a
Khe Dung	TV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang			15° 42' 19"	107° 51' 49"	15° 44' 32"	107° 49' 07"	D-48-12-D-a
núi Đá Đen	SV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 48' 19"	107° 46' 56"					D-48-12-B-c
Khe Diêng	TV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang			15° 43' 22"	107° 52' 57"	15° 45' 56"	107° 49' 11"	D-48-12-B-c; D-48-12-D-a
thôn Đồng Râm	DC	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 45' 33"	107° 50' 56"					D-48-12-B-c
suối Hà Ra	TV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang			15° 43' 36"	107° 42' 36"	15° 45' 44"	107° 48' 57"	D-48-12-D-a; D-48-12-C-b; D-48-12-B-c
Thôn Hoa	DC	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 46' 28"	107° 50' 25"					D-48-12-B-c
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang			16° 01' 19"	107° 30' 20"	15° 16' 09"	107° 43' 30"	D-48-12-A-d; D-48-12-B-c; D-48-12-D-a
cầu Khe Dung	KX	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 44' 10"	107° 49' 07"					D-48-12-D-a
cầu Khe Diêng	KX	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 45' 24"	107° 50' 03"					D-48-12-B-c
cầu Khe Rơm	KX	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 44' 28"	107° 49' 32"					D-48-12-D-a
Suối Lao	TV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang			15° 43' 51"	107° 40' 55"	15° 45' 05"	107° 41' 43"	D-48-12-A-d; D-48-12-C-b
dãy núi Long Chim Bằng Sơn	SV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 45' 31"	107° 46' 55"					D-48-12-D-a; D-48-12-B-c
Thôn Mực	DC	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 44' 51"	107° 50' 16"					D-48-12-D-a
thôn Pà Dấu 1	DC	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 44' 27"	107° 49' 03"					D-48-12-D-a
thôn Pà Dấu 2	DC	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 47' 42"	107° 44' 43"					D-48-12-A-d
thôn Pà Dương	DC	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 45' 20"	107° 49' 06"					D-48-12-B-c
suối Pơ Loong	TV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang			15° 45' 46"	107° 39' 26"	15° 46' 27"	107° 40' 50"	D-48-12-A-d
Khe San	TV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang			15° 42' 45"	107° 51' 34"	15° 44' 26"	107° 49' 07"	D-48-12-D-a
cầu Sông Bung	KX	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 48' 31"	107° 44' 54"					D-48-12-A-d
núi Ta Đi	SV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 41' 01"	107° 50' 09"					D-48-12-D-a
cầu Thạnh Mỹ	KX	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 46' 04"	107° 49' 38"					D-48-12-B-c
thôn Thạnh Mỹ 1	DC	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 45' 49"	107° 49' 10"					D-48-12-B-c
thôn Thạnh Mỹ 2	DC	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 46' 13"	107° 49' 38"					D-48-12-B-c
thôn Thạnh Mỹ 3	DC	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 45' 29"	107° 50' 00"					D-48-12-B-c
núi Tung Tang	SV	TT. Thạnh Mỹ	H. Nam Giang	15° 48' 14"	107° 49' 29"					D-48-12-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
quốc lộ 14D	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 41' 34"	107° 46' 01"	15° 32' 44"	107° 21' 54"	D-48-12-D-a; D-48-12-C-b
cầu 31	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 34' 19"	107° 49' 35"					D-48-12-D-c
suối A Giang	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 38' 47"	107° 51' 27"	15° 37' 51"	107° 50' 22"	D-48-12-D-a
núi A Ngoóc	SV	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 43' 24"	107° 49' 03"					D-48-12-D-a
núi A Toong	SV	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 43' 05"	107° 46' 52"					D-48-12-D-a
suối Ba Ta	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 35' 08"	107° 45' 19"	15° 34' 14"	107° 49' 39"	D-48-12-D-c
núi Ba Tan	SV	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 43' 38"	107° 46' 11"					D-48-12-D-a
cầu Bến Giằng	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 41' 33"	107° 45' 57"					D-48-12-D-a
khe Boóc	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 44' 04"	107° 45' 49"	15° 44' 44"	107° 48' 00"	D-48-12-D-a
núi Bơ Hung	SV	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 34' 36"	107° 45' 05"					D-48-12-D-c; D-48-12-C-d
suối Bơ Toan	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 40' 25"	107° 50' 45"	15° 38' 45"	107° 49' 26"	D-48-12-D-a; D-48-12-B-c
thôn Cà Rung	DC	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 41' 17"	107° 45' 28"					D-48-12-D-a
Sông Cái	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 34' 14"	107° 49' 39"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-12-D-a; D-48-12-B-c
suối Chơ Hong	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 39' 26"	107° 51' 27"	15° 37' 59"	107° 50' 14"	D-48-12-D-a
suối Chơ Ai	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 40' 46"	107° 50' 15"	15° 40' 40"	107° 47' 33"	D-48-12-D-a
núi Chơ Oong	SV	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 39' 06"	107° 46' 35"					D-48-12-D-a
suối Dơ Măng	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 43' 11"	107° 46' 34"	15° 44' 17"	107° 47' 59"	D-48-12-D-a; D-48-12-B-c
Núi Dót	SV	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 41' 46"	107° 49' 04"					D-48-12-D-a
Suối Dót	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 42' 17"	107° 48' 38"	15° 43' 25"	107° 47' 55"	D-48-12-D-a
khe Đa Prang	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 41' 34"	107° 47' 46"	15° 45' 13"	107° 46' 48"	D-48-12-D-a
sông Gơ Mơ	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 36' 03"	107° 45' 52"	15° 41' 02"	107° 45' 00"	D-48-12-D-a; D-48-12-C-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang			16° 01' 19"	107° 30' 20"	15° 16' 09"	107° 43' 30"	D-48-12-D-a; D-48-12-D-c
cầu Khe Gõ	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 43' 31"	107° 48' 10"					D-48-12-D-a
cầu Khe Loong	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 42' 23"	107° 47' 04"					D-48-12-D-a
cầu Khe Trang	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 42' 09"	107° 46' 51"					D-48-12-D-a
suối Klang	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 40' 22"	107° 47' 03"	15° 40' 14"	107° 47' 52"	D-48-12-D-a; D-48-12-B-c
cầu Kilômet 30	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 41' 28"	107° 45' 44"					D-48-12-D-a
cầu Kilômet 1341+597	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 38' 01"	107° 50' 06"					D-48-12-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
cầu Kilômet 1342+1000	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 38' 26"	107° 49' 30"					D-48-12-D-a
cầu Kilômet 1343+651	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 38' 15"	107° 49' 47"					D-48-12-D-a
cầu Kilômet 1345+517	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 37' 41"	107° 50' 25"					D-48-12-D-a
cầu Kilômet 1366+267	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 40' 46"	107° 47' 38"					D-48-12-D-a
cầu Kilômet 7341+412	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 38' 48"	107° 48' 55"					D-48-12-D-a
suối Kơ Bo	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 43' 26"	107° 45' 23"	15° 42' 29"	107° 47' 01"	D-48-12-D-a
suối Lơ Lang	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 37' 38"	107° 52' 46"	15° 37' 29"	107° 50' 51"	D-48-12-D-a; D-48-12-B-c
Thôn Ngồi	DC	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 39' 17"	107° 48' 40"					D-48-12-D-a
núi Pa Đì	SV	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 38' 32"	107° 52' 36"					D-48-12-D-b
thôn Pà Căng	DC	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 40' 22"	107° 47' 50"					D-48-12-D-a
thôn Pà Dồn	DC	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 40' 57"	107° 46' 47"					D-48-12-D-a
thôn Pà Lanh	DC	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 43' 23"	107° 48' 05"					D-48-12-D-a
núi Pà Ong	SV	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 39' 37"	107° 45' 31"					D-48-12-D-a
thôn Pà Păng	DC	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 42' 43"	107° 47' 21"					D-48-12-D-a
cầu Pà Păng	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 42' 42"	107° 47' 19"					D-48-12-D-a
thôn Pà Roong	DC	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 41' 23"	107° 46' 00"					D-48-12-D-a
Thôn Rô	DC	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 38' 20"	107° 49' 39"					D-48-12-D-a
Suối Rô	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 34' 51"	107° 51' 54"	15° 36' 21"	107° 51' 01"	D-48-12-D-c
cầu Sa Mìn	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 39' 50"	107° 48' 34"					D-48-12-D-a
suối Sa Pa	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 39' 07"	107° 46' 07"	15° 40' 49"	107° 45' 02"	D-48-12-D-a
núi Ta Đì	SV	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 41' 01"	107° 50' 09"					D-48-12-D-a
Sông Thanh	TV	xã Cà Dy	H. Nam Giang			15° 23' 12"	107° 39' 33"	15° 41' 28"	107° 46' 01"	D-48-12-D-a; D-48-12-D-c
Cầu Xơi	KX	xã Cà Dy	H. Nam Giang	15° 39' 05"	107° 48' 44"					D-48-12-D-a
quốc lộ 14D	KX	xã Chà Vål	H. Nam Giang			15° 41' 34"	107° 46' 01"	15° 32' 44"	107° 21' 54"	D-48-12-C-a; D-48-12-C-c; D-48-11-D-d
suối A Mố	TV	xã Chà Vål	H. Nam Giang			15° 29' 31"	107° 25' 31"	15° 38' 45"	107° 26' 46"	D-48-11-D-b; D-48-11-D-d
thôn A Bát	DC	xã Chà Vål	H. Nam Giang	15° 37' 16"	107° 30' 36"					D-48-12-C-c
thôn A Dinh	DC	xã Chà Vål	H. Nam Giang	15° 36' 44"	107° 29' 16"					D-48-11-D-d
Suối Bàng	TV	xã Chà Vål	H. Nam Giang			15° 39' 32"	107° 30' 57"	15° 38' 05"	107° 31' 04"	D-48-12-C-a
Sông Bung	TV	xã Chà Vål	H. Nam Giang			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-12-C-a; D-48-12-C-b
thôn Càn Đôn	DC	xã Chà Vål	H. Nam Giang	15° 37' 07"	107° 32' 04"					D-48-12-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Càn Viêng	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 37' 28"	107° 29' 13"	15° 36' 58"	107° 29' 31"	D-48-11-D-d
suối Cha Kiếp	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 35' 22"	107° 29' 03"	15° 35' 28"	107° 32' 09"	D-48-12-C-c; D-48-11-D-d
suối Cha Lon	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 37' 01"	107° 31' 03"	15° 37' 16"	107° 30' 51"	D-48-12-C-c
suối Chà Van	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 34' 34"	107° 28' 16"	15° 38' 41"	107° 33' 04"	D-48-12-C-a; D-48-12-C-c; D-48-11-D-d
khe Chân Po	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 39' 42"	107° 34' 40"	15° 40' 45"	107° 35' 03"	D-48-12-C-a
núi Coong A Xi	SV	xã Chà Vài	H. Nam Giang	15° 36' 53"	107° 33' 34"					D-48-12-C-c
núi Dơ Hung	SV	xã Chà Vài	H. Nam Giang	15° 39' 14"	107° 32' 23"					D-48-12-C-a
núi Đoong	SV	xã Chà Vài	H. Nam Giang	15° 39' 30"	107° 30' 43"					D-48-12-C-a
thôn La Bơ A	DC	xã Chà Vài	H. Nam Giang	15° 35' 24"	107° 28' 53"					D-48-11-D-d
thôn La Bơ B	DC	xã Chà Vài	H. Nam Giang	15° 35' 10"	107° 28' 37"					D-48-11-D-d
suối La Via	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 37' 02"	107° 33' 36"	15° 37' 59"	107° 33' 44"	D-48-12-C-a; D-48-12-C-c
Khe Liêm	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 40' 50"	107° 29' 05"	15° 41' 35"	107° 28' 57"	D-48-11-D-b
khe Lơ Đoong	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 40' 31"	107° 33' 26"	15° 41' 07"	107° 34' 31"	D-48-12-C-a
suối Lơ Năng	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 39' 47"	107° 29' 16"	15° 42' 21"	107° 29' 05"	D-48-11-D-b
khe Nước Trong	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 36' 42"	107° 35' 00"	15° 39' 08"	107° 37' 08"	D-48-12-C-a; D-48-12-C-c
Suối Pí	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 39' 44"	107° 36' 05"	15° 40' 26"	107° 36' 23"	D-48-12-C-a
sông Prinh	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 24' 33"	107° 34' 57"	15° 42' 32"	107° 33' 06"	D-48-12-C-a; D-48-12-C-c
khe Rơ Ché	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 38' 50"	107° 31' 54"	15° 37' 56"	107° 31' 39"	D-48-12-C-a
thôn Tà Un	DC	xã Chà Vài	H. Nam Giang	15° 38' 28"	107° 33' 13"					D-48-12-C-a
suối Trà Vinh	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 35' 14"	107° 39' 19"	15° 39' 38"	107° 37' 02"	D-48-12-C-a
Suối Trinh	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 36' 52"	107° 30' 58"	15° 37' 20"	107° 30' 50"	D-48-12-C-c
Khe Tró	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 39' 55"	107° 33' 55"	15° 41' 02"	107° 34' 36"	D-48-12-C-a
Khe Tura	TV	xã Chà Vài	H. Nam Giang			15° 39' 43"	107° 35' 32"	15° 39' 11"	107° 35' 54"	D-48-12-C-a
núi A Noong	SV	xã Chơ Chun	H. Nam Giang	15° 37' 35"	107° 18' 59"					D-48-11-D-a
thôn A Xò	DC	xã Chơ Chun	H. Nam Giang	15° 40' 15"	107° 19' 04"					D-48-11-D-a
thôn B Lắng	DC	xã Chơ Chun	H. Nam Giang	15° 41' 32"	107° 20' 01"					D-48-11-D-a
suối B Rìng	TV	xã Chơ Chun	H. Nam Giang			15° 42' 47"	107° 17' 15"	15° 44' 10"	107° 18' 04"	D-48-11-D-a
Sông Bung	TV	xã Chơ Chun	H. Nam Giang			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-11-D-a
suối Ca Xing	TV	xã Chơ Chun	H. Nam Giang			15° 39' 50"	107° 15' 56"	15° 39' 25"	107° 17' 13"	D-48-11-D-a
suối Cha Chôn	TV	xã Chơ Chun	H. Nam Giang			15° 41' 05"	107° 19' 11"	15° 40' 28"	107° 19' 47"	D-48-11-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
núi Coong Đông	SV	xã Chợ Chun	H. Nam Giang	15° 43' 28"	107° 20' 29"					D-48-11-D-a
thôn Côn Zốt	DC	xã Chợ Chun	H. Nam Giang	15° 44' 15"	107° 18' 54"					D-48-11-D-a
suối La Ê Ê	TV	xã Chợ Chun	H. Nam Giang			15° 42' 53"	107° 19' 11"	15° 37' 42"	107° 22' 25"	D-48-11-D-a
Suối Ngọn	TV	xã Chợ Chun	H. Nam Giang			15° 41' 14"	107° 20' 18"	15° 38' 51"	107° 20' 58"	D-48-11-D-a
núi Ta Gah	SV	xã Chợ Chun	H. Nam Giang	15° 43' 57"	107° 18' 41"					D-48-11-D-a
suối Tơ Proong	TV	xã Chợ Chun	H. Nam Giang			15° 38' 57"	107° 16' 49"	15° 39' 53"	107° 19' 53"	D-48-11-D-a
thôn 56A	DC	xã Đắc Pre	H. Nam Giang	15° 35' 03"	107° 32' 14"					D-48-12-C-c
thôn 56B	DC	xã Đắc Pre	H. Nam Giang	15° 35' 12"	107° 32' 03"					D-48-12-C-c
thôn 57	DC	xã Đắc Pre	H. Nam Giang	15° 35' 03"	107° 33' 08"					D-48-12-C-c
thôn 58	DC	xã Đắc Pre	H. Nam Giang	15° 35' 18"	107° 33' 07"					D-48-12-C-c
suối Cha Cóp	TV	xã Đắc Pre	H. Nam Giang			15° 29' 15"	107° 30' 26"	15° 35' 40"	107° 33' 12"	D-48-12-C-c D-48-24-A-a
suối Cha Kiếp	TV	xã Đắc Pre	H. Nam Giang			15° 35' 22"	107° 29' 03"	15° 35' 28"	107° 32' 09"	D-48-12-C-c
bản Peta Pác	DC	xã Đắc Pre	H. Nam Giang	15° 26' 56"	107° 34' 04"					D-48-24-A-a
sông Prinh	TV	xã Đắc Pre	H. Nam Giang			15° 24' 33"	107° 34' 57"	15° 42' 32"	107° 33' 06"	D-48-12-C-c; D-48-24-A-a
Suối Vích	TV	xã Đắc Pre	H. Nam Giang			15° 30' 56"	107° 31' 31"	15° 33' 34"	107° 31' 10"	D-48-12-C-c
thôn 47	DC	xã Đắc Pring	H. Nam Giang	15° 33' 38"	107° 34' 38"					D-48-12-C-c
thôn 48	DC	xã Đắc Pring	H. Nam Giang	15° 33' 42"	107° 34' 24"					D-48-12-C-c
thôn 49A	DC	xã Đắc Pring	H. Nam Giang	15° 34' 20"	107° 34' 47"					D-48-12-C-c
thôn 49B	DC	xã Đắc Pring	H. Nam Giang	15° 34' 44"	107° 34' 52"					D-48-12-C-c
Đồn Biên phòng Đắc Prinh	KX	xã Đắc Pring	H. Nam Giang	15° 34' 26"	107° 34' 08"					D-48-12-C-c
xóm Pê Ta Poóc	DC	xã Đắc Pring	H. Nam Giang	15° 33' 48"	107° 34' 36"					D-48-12-C-c
sông Prinh	TV	xã Đắc Pring	H. Nam Giang			15° 24' 30"	107° 35' 03"	15° 42' 32"	107° 33' 06"	D-48-12-C-c; D-48-24-A-a
suối Ra Lênh	TV	xã Đắc Pring	H. Nam Giang			15° 28' 40"	107° 37' 19"	15° 32' 58"	107° 33' 21"	D-48-12-C-c; D-48-24-A-a
suối Ra Vai	TV	xã Đắc Pring	H. Nam Giang			15° 34' 14"	107° 37' 10"	15° 34' 53"	107° 37' 58"	D-48-12-C-c; D-48-12-C-d
suối Ra Xa	TV	xã Đắc Pring	H. Nam Giang			15° 31' 37"	107° 37' 11"	15° 33' 40"	107° 41' 35"	D-48-12-C-c; D-48-12-C-d
suối Rơ Lớ	TV	xã Đắc Pring	H. Nam Giang			15° 34' 07"	107° 38' 41"	15° 36' 18"	107° 38' 24"	D-48-12-C-d
Khe Ru	TV	xã Đắc Pring	H. Nam Giang			15° 36' 17"	107° 36' 46"	15° 38' 18"	107° 37' 25"	D-48-12-C-c; D-48-12-C-a
suối Ta Roái	TV	xã Đắc Pring	H. Nam Giang			15° 33' 33"	107° 34' 53"	15° 34' 17"	107° 34' 40"	D-48-12-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Tà Vạc	TV	xã Đắc Pring	H. Nam Giang			15° 35' 09"	107° 37' 00"	15° 35' 31"	107° 37' 44"	D-48-12-C-c; D-48-12-C-d
Sông Thanh	TV	xã Đắc Pring	H. Nam Giang			15° 23' 12"	107° 39' 33"	15° 41' 28"	107° 46' 01"	D-48-12-C-d; D-48-24-A-b
suối Trà Vinh	TV	xã Đắc Pring	H. Nam Giang			15° 35' 14"	107° 39' 19"	15° 39' 38"	107° 37' 02"	D-48-12-C-d
Suối Xeng	TV	xã Đắc Pring	H. Nam Giang			15° 35' 23"	107° 34' 54"	15° 34' 24"	107° 33' 38"	D-48-12-C-c
suối Cha Cóp	TV	xã Đắc Tôi	H. Nam Giang			15° 29' 15"	107° 30' 26"	15° 35' 40"	107° 33' 12"	D-48-12-C-c; D-48-23-B-b; D-48-24-A-a
suối Cha Kiếp	TV	xã Đắc Tôi	H. Nam Giang			15° 35' 22"	107° 29' 03"	15° 35' 28"	107° 32' 09"	D-48-11-D-d; D-48-12-C-c
thôn Đắc Rích	DC	xã Đắc Tôi	H. Nam Giang	15° 35' 35"	107° 30' 16"					D-48-12-C-c
thôn Đắc Ro	DC	xã Đắc Tôi	H. Nam Giang	15° 35' 35"	107° 29' 53"					D-48-11-D-d
thôn Đắc Tà Vang	DC	xã Đắc Tôi	H. Nam Giang	15° 35' 41"	107° 30' 45"					D-48-12-C-c
suối Đắc Pết	TV	xã Đắc Tôi	H. Nam Giang			15° 29' 59"	107° 27' 36"	15° 32' 21"	107° 25' 19"	D-48-11-D-d
núi La Dê	SV	xã Đắc Tôi	H. Nam Giang	15° 33' 16"	107° 26' 51"					D-48-11-D-d
suối La Giông	TV	xã Đắc Tôi	H. Nam Giang			15° 32' 56"	107° 28' 10"	15° 32' 34"	107° 30' 21"	D-48-11-D-d; D-48-12-C-c
núi Tà Deo	SV	xã Đắc Tôi	H. Nam Giang	15° 29' 36"	107° 24' 02"					D-48-11-D-d
thôn Xóm 10	DC	xã Đắc Tôi	H. Nam Giang	15° 35' 40"	107° 31' 32"					D-48-12-C-c
Đồn Biên phòng 653	KX	xã Laêê	H. Nam Giang	15° 37' 48"	107° 21' 54"					D-48-11-D-a
Sông Bung	TV	xã Laêê	H. Nam Giang			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-11-D-a; D-48-11-D-b; D-48-11-D-d
thôn Đắc Ngôi	DC	xã Laêê	H. Nam Giang	15° 37' 44"	107° 20' 56"					D-48-11-D-a
suối Đắc Đông	TV	xã Laêê	H. Nam Giang			15° 33' 20"	107° 22' 11"	15° 37' 11"	107° 24' 43"	D-48-11-D-b; D-48-11-D-c; D-48-11-D-d
suối Đắc Ngọn	TV	xã Laêê	H. Nam Giang			15° 38' 06"	107° 19' 36"	15° 38' 09"	107° 21' 26"	D-48-11-D-a
suối La Ê Ê	TV	xã Laêê	H. Nam Giang			15° 42' 53"	107° 19' 11"	15° 37' 42"	107° 22' 25"	D-48-11-D-a
Suối Ngọn	TV	xã Laêê	H. Nam Giang			15° 41' 14"	107° 20' 18"	15° 38' 51"	107° 20' 58"	D-48-11-D-a
thôn Pa Lan	DC	xã Laêê	H. Nam Giang	15° 37' 22"	107° 23' 19"					D-48-11-D-d
thôn Pà Ooi	DC	xã Laêê	H. Nam Giang	15° 37' 54"	107° 21' 47"					D-48-11-D-a
suối Rô Công	TV	xã Laêê	H. Nam Giang			15° 38' 46"	107° 24' 49"	15° 38' 01"	107° 25' 49"	D-48-11-D-b
núi Tờ Bay	SV	xã Laêê	H. Nam Giang	15° 41' 04"	107° 24' 37"					D-48-11-D-b
núi Trap Hi	SV	xã Laêê	H. Nam Giang	15° 43' 16"	107° 24' 28"					D-48-11-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
quốc lộ 14D	KX	xã Ladêê	H. Nam Giang			15° 37' 35"	107° 18' 59"	15° 32' 31"	107° 22' 10"	D-48-11-D-d; D-48-11-D-c
suối A Mó	TV	xã Ladêê	H. Nam Giang			15° 29' 31"	107° 25' 31"	15° 38' 45"	107° 26' 46"	D-48-11-D-d; D-48-23-B-b
Đồn Biên phòng 657	KX	xã Ladêê	H. Nam Giang	15° 36' 16"	107° 27' 03"					D-48-11-D-d
Sông Bung	TV	xã Ladêê	H. Nam Giang			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-11-D-d
suối Chà Van	TV	xã Ladêê	H. Nam Giang			15° 34' 34"	107° 28' 16"	15° 38' 41"	107° 33' 04"	D-48-11-D-d
thôn Công Tư Rơn	DC	xã Ladêê	H. Nam Giang	15° 35' 24"	107° 26' 40"					D-48-11-D-d
Suối Đang	TV	xã Ladêê	H. Nam Giang			15° 35' 42"	107° 27' 22"	15° 36' 03"	107° 27' 07"	D-48-11-D-d
thôn Đắc Chờ Đây	DC	xã Ladêê	H. Nam Giang	15° 34' 41"	107° 25' 36"					D-48-11-D-d
thôn Đắc Lôi	DC	xã Ladêê	H. Nam Giang	15° 33' 32"	107° 25' 23"					D-48-11-D-d
thôn Đắc Ốc	DC	xã Ladêê	H. Nam Giang	15° 36' 05"	107° 27' 09"					D-48-11-D-d
thôn Đắc Pênh	DC	xã Ladêê	H. Nam Giang	15° 32' 58"	107° 25' 16"					D-48-11-D-d
thôn Đắc Rế	DC	xã Ladêê	H. Nam Giang	15° 35' 46"	107° 28' 12"					D-48-11-D-d
suối Đắc Chôn	TV	xã Ladêê	H. Nam Giang			15° 31' 49"	107° 22' 36"	15° 33' 30"	107° 25' 19"	D-48-11-D-d
suối Đắc Đông	TV	xã Ladêê	H. Nam Giang			15° 33' 20"	107° 22' 11"	15° 37' 11"	107° 24' 43"	D-48-11-D-b; D-48-11-D-c; D-48-11-D-d
suối Đắc Pét	TV	xã Ladêê	H. Nam Giang			15° 29' 59"	107° 27' 36"	15° 32' 21"	107° 25' 19"	D-48-11-D-d
suối Hà Léch	TV	xã Ladêê	H. Nam Giang			15° 36' 13"	107° 27' 44"	15° 36' 37"	107° 27' 29"	D-48-11-D-d
núi La Dê	SV	xã Ladêê	H. Nam Giang	15° 33' 16"	107° 26' 51"					D-48-11-D-d
suối La Dê	TV	xã Ladêê	H. Nam Giang			15° 34' 40"	107° 27' 14"	15° 35' 59"	107° 27' 03"	D-48-11-D-d
Suối Pu	TV	xã Ladêê	H. Nam Giang			15° 30' 07"	107° 24' 28"	15° 31' 05"	107° 25' 10"	D-48-11-D-d
núi Tà Deo	SV	xã Ladêê	H. Nam Giang	15° 29' 36"	107° 24' 02"					D-48-11-D-d
suối Tờ Ri	TV	xã Ladêê	H. Nam Giang			15° 35' 24"	107° 28' 07"	15° 35' 59"	107° 28' 49"	D-48-11-D-d
suối A Loong	TV	xã Tà Bhing	H. Nam Giang			15° 43' 43"	107° 41' 35"	15° 46' 45"	107° 41' 33"	D-48-12-C-b; D-48-12-A-d
suối A Nhất	TV	xã Tà Bhing	H. Nam Giang			15° 42' 30"	107° 40' 18"	15° 41' 54"	107° 38' 15"	D-48-12-C-b
suối A Xát	TV	xã Tà Bhing	H. Nam Giang			15° 42' 31"	107° 42' 34"	15° 40' 01"	107° 42' 48"	D-48-12-C-b
Trạm Bảo tồn thiên nhiên khu Sông Thanh	KX	xã Tà Bhing	H. Nam Giang	15° 40' 17"	107° 43' 03"					D-48-12-C-b
núi Bơ Hung	SV	xã Tà Bhing	H. Nam Giang	15° 34' 36"	107° 45' 05"					D-48-12-D-c; D-48-12-C-d
thôn Cà Đàng	DC	xã Tà Bhing	H. Nam Giang	15° 40' 39"	107° 43' 46"					D-48-12-C-b
suối Dơ Vá	TV	xã Tà Bhing	H. Nam Giang			15° 41' 10"	107° 41' 08"	15° 39' 27"	107° 41' 40"	D-48-12-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
sông Gơ Mơ	TV	xã Tà Bhing	H. Nam Giang			15° 36' 03"	107° 45' 52"	15° 41' 02"	107° 45' 00"	D-48-12-C-b; D-48-12-D-a; D-48-12-D-c
suối Hà Ra	TV	xã Tà Bhing	H. Nam Giang			15° 43' 36"	107° 42' 36"	15° 45' 44"	107° 48' 57"	D-48-12-C-b
Suối Lao	TV	xã Tà Bhing	H. Nam Giang			15° 43' 51"	107° 40' 55"	15° 45' 05"	107° 41' 43"	D-48-12-C-b; D-48-12-A-d
thôn Pà Ia	DC	xã Tà Bhing	H. Nam Giang	15° 40' 28"	107° 43' 19"					D-48-12-C-b
thôn Pà Rông	DC	xã Tà Bhing	H. Nam Giang	15° 39' 38"	107° 41' 52"					D-48-12-C-b
thôn Pà Ting	DC	xã Tà Bhing	H. Nam Giang	15° 40' 57"	107° 44' 31"					D-48-12-C-b
thôn Pà Vả	DC	xã Tà Bhing	H. Nam Giang	15° 39' 29"	107° 41' 25"					D-48-12-C-b
thôn Pà Xua	DC	xã Tà Bhing	H. Nam Giang	15° 39' 53"	107° 42' 21"					D-48-12-C-b
suối Pờ Ruôm	TV	xã Tà Bhing	H. Nam Giang			15° 40' 44"	107° 41' 45"	15° 39' 39"	107° 42' 03"	D-48-12-C-b
suối Ra Xa	TV	xã Tà Bhing	H. Nam Giang			15° 31' 37"	107° 37' 11"	15° 33' 40"	107° 41' 35"	D-48-12-C-d
suối Tà Bình	TV	xã Tà Bhing	H. Nam Giang			15° 37' 26"	107° 39' 07"	15° 39' 58"	107° 42' 57"	D-48-12-C-b; D-48-12-C-d
dãy núi Ta La Cu	SV	xã Tà Bhing	H. Nam Giang	15° 42' 45"	107° 39' 43"					D-48-12-C-b
Sông Thanh	TV	xã Tà Bhing	H. Nam Giang			15° 23' 12"	107° 39' 33"	15° 41' 28"	107° 46' 01"	D-48-12-C-b; D-48-12-C-d
thôn Za Ra	DC	xã Tà Bhing	H. Nam Giang	15° 39' 16"	107° 41' 18"					D-48-12-C-b
Thôn 2	DC	xã Tà Pơ	H. Nam Giang	15° 42' 37"	107° 33' 07"					D-48-12-C-a
quốc lộ 14D	KX	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 41' 34"	107° 46' 01"	15° 32' 44"	107° 21' 54"	D-48-12-C-a; D-48-12-C-b
sông A Nêu	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 42' 41"	107° 34' 30"	15° 46' 19"	107° 36' 56"	D-48-12-C-a; D-48-12-A-c
suối A Nhất	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 42' 30"	107° 40' 18"	15° 41' 54"	107° 38' 15"	D-48-12-C-b
sông A Vương	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 53' 03"	107° 23' 40"	15° 43' 36"	107° 38' 11"	D-48-12-C-a; D-48-12-C-b; D-48-12-A-c
Sông Bung	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-12-C-a; D-48-12-C-b
Khe Bư	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 44' 32"	107° 32' 46"	15° 43' 23"	107° 32' 36"	D-48-12-C-a
Suối Bư	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 42' 37"	107° 34' 30"	15° 41' 37"	107° 34' 11"	D-48-12-C-a
suối Chà Buôi	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 42' 20"	107° 36' 12"	15° 40' 45"	107° 36' 12"	D-48-12-C-a
khe Nước Trong	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 36' 42"	107° 35' 00"	15° 39' 08"	107° 37' 08"	D-48-12-C-a
thôn Pà Păng	DC	xã Tà Pơ	H. Nam Giang	15° 43' 50"	107° 34' 26"					D-48-12-C-a
thôn Pà Tôi	DC	xã Tà Pơ	H. Nam Giang	15° 40' 11"	107° 39' 20"					D-48-12-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Suối Pơ	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 45' 07"	107° 32' 38"	15° 43' 53"	107° 34' 04"	D-48-12-C-a
sông Prinh	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 24' 33"	107° 34' 57"	15° 42' 32"	107° 33' 06"	D-48-12-C-a
suối Rơ Rang	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 40' 55"	107° 39' 37"	15° 40' 47"	107° 38' 49"	D-48-12-C-b
Khe Ru	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 36' 17"	107° 36' 46"	15° 38' 18"	107° 37' 25"	D-48-12-C-a; D-48-12-C-c
suối Tà Bình	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 37' 26"	107° 39' 07"	15° 39' 58"	107° 42' 57"	D-48-12-C-b; D-48-12-C-d
suối Trà Vinh	TV	xã Tà Pơ	H. Nam Giang			15° 35' 14"	107° 39' 19"	15° 39' 38"	107° 37' 02"	D-48-12-C-a
Thôn Vinh	DC	xã Tà Pơ	H. Nam Giang	15° 40' 09"	107° 39' 11"					D-48-12-C-b
sông A Rát	TV	xã Zuôih	H. Nam Giang			15° 50' 46"	107° 30' 13"	15° 43' 58"	107° 30' 52"	D-48-12-C-a; D-48-12-A-c
Khe Boong	TV	xã Zuôih	H. Nam Giang			15° 42' 34"	107° 30' 10"	15° 43' 40"	107° 30' 28"	D-48-12-C-a
Sông Bung	TV	xã Zuôih	H. Nam Giang			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-12-C-a; D-48-11-D-b
thôn Công Dồn	DC	xã Zuôih	H. Nam Giang	15° 40' 41"	107° 29' 34"					D-48-11-D-b
Khe Duôi	TV	xã Zuôih	H. Nam Giang			15° 42' 31"	107° 30' 29"	15° 43' 49"	107° 30' 42"	D-48-12-C-a
núi Đoong	SV	xã Zuôih	H. Nam Giang	15° 39' 30"	107° 30' 43"					D-48-12-C-a
Khe Liêm	TV	xã Zuôih	H. Nam Giang			15° 40' 50"	107° 29' 05"	15° 41' 35"	107° 28' 57"	D-48-11-D-b
suối Lơ Năng	TV	xã Zuôih	H. Nam Giang			15° 39' 47"	107° 29' 16"	15° 42' 21"	107° 29' 05"	D-48-11-D-b
dãy núi Ngư Mằm	SV	xã Zuôih	H. Nam Giang	15° 46' 29"	107° 31' 13"					D-48-12-A-c
suối Pa Bửu Ri	TV	xã Zuôih	H. Nam Giang			15° 41' 42"	107° 25' 07"	15° 43' 36"	107° 27' 15"	D-48-11-D-b
sông Pa Nâu	TV	xã Zuôih	H. Nam Giang			15° 47' 31"	107° 24' 12"	15° 43' 42"	107° 29' 34"	D-48-11-D-b
thôn Pà Đhí	DC	xã Zuôih	H. Nam Giang	15° 44' 01"	107° 30' 19"					D-48-12-C-a
núi Pà Gơ	SV	xã Zuôih	H. Nam Giang	15° 41' 09"	107° 29' 33"					D-48-11-D-b
thôn Pà Rum A	DC	xã Zuôih	H. Nam Giang	15° 43' 53"	107° 29' 17"					D-48-11-D-b
thôn Pà Rum B	DC	xã Zuôih	H. Nam Giang	15° 43' 45"	107° 30' 26"					D-48-12-C-a
sông Prinh	TV	xã Zuôih	H. Nam Giang			15° 24' 33"	107° 34' 57"	15° 42' 32"	107° 33' 06"	D-48-12-C-a
Suối Ràng	TV	xã Zuôih	H. Nam Giang			15° 41' 28"	107° 31' 19"	15° 43' 40"	107° 31' 44"	D-48-12-C-a
núi Trap Hi	SV	xã Zuôih	H. Nam Giang	15° 43' 16"	107° 24' 28"					D-48-11-D-b
Thôn 1	DC	xã Trà Cang	H. Nam Trà My	15° 04' 00"	108° 03' 26"					D-49-13-C-c
Thôn 2	DC	xã Trà Cang	H. Nam Trà My	15° 03' 52"	108° 02' 08"					D-49-13-C-c
Thôn 3	DC	xã Trà Cang	H. Nam Trà My	15° 06' 20"	108° 01' 51"					D-49-13-C-c
Thôn 4	DC	xã Trà Cang	H. Nam Trà My	15° 05' 53"	108° 04' 32"					D-49-13-C-c
Thôn 5	DC	xã Trà Cang	H. Nam Trà My	15° 07' 11"	108° 03' 40"					D-49-13-C-c
Thôn 6	DC	xã Trà Cang	H. Nam Trà My	15° 07' 35"	108° 01' 07"					D-49-13-C-c
Thôn 7	DC	xã Trà Cang	H. Nam Trà My	15° 07' 43"	108° 03' 50"					D-49-13-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Suối Bắg	TV	xã Trà Cang	H. Nam Trà My			15° 04' 38"	108° 01' 35"	15° 04' 50"	108° 03' 46"	D-49-13-C-c
núi Mang Lang	SV	xã Trà Cang	H. Nam Trà My	15° 04' 14"	108° 01' 47"					D-49-13-C-a
núi Mang Lau	SV	xã Trà Cang	H. Nam Trà My	15° 09' 17"	108° 01' 27"					D-49-13-C-a
suối Nước Biên	TV	xã Trà Cang	H. Nam Trà My			15° 05' 58"	107° 59' 18"	15° 04' 21"	108° 05' 29"	D-48-24-D-d; D-49-13-C-c
sông Nước Bui	TV	xã Trà Cang	H. Nam Trà My			15° 07' 48"	108° 03' 39"	15° 08' 06"	108° 06' 17"	D-49-13-C-c
suối Nước Lin	TV	xã Trà Cang	H. Nam Trà My			15° 04' 33"	107° 58' 50"	15° 03' 43"	108° 05' 14"	D-49-13-C-c
cầu Sông Tranh	KX	xã Trà Cang	H. Nam Trà My	15° 07' 42"	108° 06' 54"					D-49-13-C-a
Sông Tranh	TV	xã Trà Cang	H. Nam Trà My			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-C-c
Thôn 1	DC	xã Trà Don	H. Nam Trà My	15° 06' 07"	108° 07' 39"					D-49-13-C-d
Thôn 2	DC	xã Trà Don	H. Nam Trà My	15° 05' 38"	108° 07' 05"					D-49-13-C-c
Thôn 3	DC	xã Trà Don	H. Nam Trà My	15° 02' 49"	108° 07' 00"					D-49-13-C-c
quốc lộ 40B	KX	xã Trà Don	H. Nam Trà My			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-C-c
Suối Bay	TV	xã Trà Don	H. Nam Trà My			15° 03' 41"	108° 08' 20"	15° 06' 30"	108° 08' 43"	D-49-13-C-d
Suối Cóp	TV	xã Trà Don	H. Nam Trà My			15° 03' 54"	108° 09' 19"	15° 05' 59"	108° 09' 47"	D-49-13-C-d
suối Nước Là	TV	xã Trà Don	H. Nam Trà My			15° 06' 07"	108° 10' 02"	15° 08' 09"	108° 07' 51"	D-49-13-C-b; D-49-13-C-d
suối Nước Núi	TV	xã Trà Don	H. Nam Trà My			15° 03' 58"	108° 06' 39"	15° 04' 55"	108° 05' 35"	D-49-13-C-c
suối Nước Nương	TV	xã Trà Don	H. Nam Trà My			15° 03' 41"	108° 09' 48"	15° 06' 07"	108° 10' 02"	D-49-13-C-d
Đồi Sóc	SV	xã Trà Don	H. Nam Trà My	15° 08' 04"	108° 07' 41"					D-49-13-C-b
cầu Sông Tranh	KX	xã Trà Don	H. Nam Trà My	15° 03' 34"	108° 05' 21"					D-49-13-C-c
Suối Tiêu	TV	xã Trà Don	H. Nam Trà My			15° 02' 16"	108° 07' 24"	15° 02' 15"	108° 06' 20"	D-49-13-C-c
Sông Tranh	TV	xã Trà Don	H. Nam Trà My			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-C-c; D-49-13-C-a
Thôn 1	DC	xã Trà Don	H. Nam Trà My	15° 14' 39"	108° 04' 58"					D-49-13-C-a
Thôn 2	DC	xã Trà Don	H. Nam Trà My	15° 14' 33"	108° 02' 52"					D-49-13-C-a
Thôn 3	DC	xã Trà Don	H. Nam Trà My	15° 15' 43"	108° 01' 27"					D-49-13-A-c
Thôn 4	DC	xã Trà Don	H. Nam Trà My	15° 13' 51"	108° 00' 42"					D-49-13-C-a
Thôn 5	DC	xã Trà Don	H. Nam Trà My	15° 11' 43"	107° 58' 57"					D-48-24-D-b
quốc lộ 40B	KX	xã Trà Don	H. Nam Trà My			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-A-c
đường tỉnh 616	KX	xã Trà Don	H. Nam Trà My			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-13-A-c
núi Da Ka	SV	xã Trà Don	H. Nam Trà My	15° 10' 59"	108° 00' 29"					D-49-13-C-a
Núi Kôn	SV	xã Trà Don	H. Nam Trà My	15° 12' 50"	108° 01' 27"					D-49-13-C-a
Sông Leng	TV	xã Trà Don	H. Nam Trà My			15° 15' 17"	107° 59' 51"	15° 16' 16"	108° 05' 44"	D-48-24-B-d; D-49-13-A-c
Núi Mai	SV	xã Trà Don	H. Nam Trà My	15° 14' 13"	108° 01' 15"					D-49-13-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
núi Mang Lau	SV	xã Trà Đơn	H. Nam Trà My	15° 09' 17"	108° 01' 27"					D-49-13-C-a
sông Nước Siêng	TV	xã Trà Đơn	H. Nam Trà My			15° 10' 47"	108° 01' 48"	15° 13' 21"	107° 59' 21"	D-48-24-D-b; D-49-13-C-a
suối Nước Sú	TV	xã Trà Đơn	H. Nam Trà My			15° 09' 10"	108° 00' 42"	15° 11' 51"	107° 59' 50"	D-48-24-D-b; D-49-13-C-a
suối Nước Ta	TV	xã Trà Đơn	H. Nam Trà My			15° 11' 13"	108° 02' 41"	15° 14' 56"	108° 05' 40"	D-49-13-C-a
suối Nước Xia	TV	xã Trà Đơn	H. Nam Trà My			15° 11' 51"	107° 59' 50"	15° 13' 07"	107° 59' 13"	D-48-24-D-b
Núi Rang	SV	xã Trà Đơn	H. Nam Trà My	15° 14' 12"	108° 05' 05"					D-49-13-C-a
Suối Rúc	TV	xã Trà Đơn	H. Nam Trà My			15° 10' 05"	107° 59' 33"	15° 13' 07"	107° 59' 13"	D-48-24-D-b
cầu treo Sông Tranh 1	KX	xã Trà Đơn	H. Nam Trà My	15° 14' 50"	108° 05' 37"					D-49-13-C-a
cầu treo Sông Tranh 2	KX	xã Trà Đơn	H. Nam Trà My	15° 14' 56"	108° 05' 31"					D-49-13-C-a
sông Trà Kúc	TV	xã Trà Đơn	H. Nam Trà My			15° 13' 07"	107° 59' 13"	15° 15' 17"	107° 59' 51"	D-48-24-B-d; D-48-24-D-b
Sông Tranh	TV	xã Trà Đơn	H. Nam Trà My			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-A-c; D-49-13-C-a
núi Văn Lung	SV	xã Trà Đơn	H. Nam Trà My	15° 11' 42"	108° 01' 34"					D-49-13-C-a
Thôn 1	DC	xã Trà Leng	H. Nam Trà My	15° 16' 37"	108° 00' 22"					D-49-13-A-c
Thôn 2	DC	xã Trà Leng	H. Nam Trà My	15° 15' 56"	107° 58' 38"					D-48-24-B-d
Thôn 3	DC	xã Trà Leng	H. Nam Trà My	15° 16' 30"	108° 01' 39"					D-49-13-A-c
Thôn 4	DC	xã Trà Leng	H. Nam Trà My	15° 13' 50"	107° 58' 28"					D-48-24-D-b
Sông Cheng	TV	xã Trà Leng	H. Nam Trà My			15° 14' 59"	107° 57' 01"	15° 13' 10"	107° 59' 01"	D-48-24-D-b
Sông Leng	TV	xã Trà Leng	H. Nam Trà My			15° 15' 17"	107° 59' 51"	15° 16' 16"	108° 05' 44"	D-48-24-B-d; D-49-13-A-c
Suối Mai	TV	xã Trà Leng	H. Nam Trà My			15° 14' 55"	107° 57' 31"	15° 15' 17"	107° 59' 51"	D-48-24-B-d; D-48-24-D-b
suối Nước Ka	TV	xã Trà Leng	H. Nam Trà My			15° 17' 56"	108° 01' 38"	15° 16' 52"	108° 00' 23"	D-49-13-A-c
Suối Rúc	TV	xã Trà Leng	H. Nam Trà My			15° 10' 05"	107° 59' 33"	15° 13' 07"	107° 59' 13"	D-48-24-D-b
sông Trà Kúc	TV	xã Trà Leng	H. Nam Trà My			15° 13' 07"	107° 59' 13"	15° 15' 17"	107° 59' 51"	D-48-24-B-d; D-48-24-D-b
Sông Tranh	TV	xã Trà Leng	H. Nam Trà My			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-A-c
Suối Vả	TV	xã Trà Leng	H. Nam Trà My			15° 18' 52"	108° 03' 14"	15° 16' 31"	108° 04' 42"	D-49-13-A-c
Suối Xác	TV	xã Trà Leng	H. Nam Trà My			15° 17' 08"	108° 01' 55"	15° 16' 25"	108° 01' 53"	D-49-13-A-c
Sông Xoan	TV	xã Trà Leng	H. Nam Trà My			15° 15' 56"	107° 56' 59"	15° 16' 27"	108° 00' 51"	D-48-24-B-d; D-49-13-A-c
Thôn 1	DC	xã Trà Linh	H. Nam Trà My	15° 02' 03"	108° 02' 49"					D-49-13-C-c
Thôn 2	DC	xã Trà Linh	H. Nam Trà My	15° 01' 10"	108° 00' 26"					D-49-13-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Thôn 3	DC	xã Trà Linh	H. Nam Trà My	15° 02' 01"	108° 00' 20"					D-49-13-C-c
Thôn 4	DC	xã Trà Linh	H. Nam Trà My	15° 03' 12"	108° 00' 48"					D-49-13-C-c
Núi Hù	SV	xã Trà Linh	H. Nam Trà My	15° 02' 20"	107° 57' 26"					D-48-24-D-d
Núi Linh	SV	xã Trà Linh	H. Nam Trà My	15° 04' 12"	107° 58' 24"					D-48-24-D-d
suối Nước Lin	TV	xã Trà Linh	H. Nam Trà My			15° 04' 33"	107° 58' 50"	15° 03' 43"	108° 05' 14"	D-48-24-D-d; D-49-13-C-c
suối Nước Moa	TV	xã Trà Linh	H. Nam Trà My			15° 00' 40"	107° 59' 32"	15° 01' 32"	108° 00' 14"	D-48-24-D-d; D-49-13-C-c
suối Nước Na	TV	xã Trà Linh	H. Nam Trà My			15° 00' 52"	107° 58' 21"	15° 02' 40"	108° 02' 02"	D-48-24-D-d; D-49-13-C-c
suối Nước Xiêng	TV	xã Trà Linh	H. Nam Trà My			15° 00' 56"	108° 00' 45"	15° 01' 41"	108° 00' 49"	D-49-13-C-c
Núi Tụ	SV	xã Trà Linh	H. Nam Trà My	15° 05' 13"	107° 58' 25"					D-48-24-D-d
Thôn 1	DC	xã Trà Mai	H. Nam Trà My	15° 10' 26"	108° 07' 12"					D-49-13-C-a
Thôn 2	DC	xã Trà Mai	H. Nam Trà My	15° 08' 57"	108° 07' 14"					D-49-13-C-a
Thôn 3	DC	xã Trà Mai	H. Nam Trà My	15° 09' 39"	108° 10' 30"					D-49-13-C-a
Thôn 6	DC	xã Trà Mai	H. Nam Trà My	15° 15' 13"	108° 06' 20"					D-49-13-A-c
quốc lộ 40B	KX	xã Trà Mai	H. Nam Trà My			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-C-a
đường tỉnh 616	KX	xã Trà Mai	H. Nam Trà My			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-13-C-a
Suối Bằng	TV	xã Trà Mai	H. Nam Trà My			15° 13' 04"	108° 06' 21"	15° 13' 36"	108° 05' 34"	D-49-13-C-a
suối Năm Tầng	TV	xã Trà Mai	H. Nam Trà My			15° 11' 25"	108° 07' 32"	15° 11' 37"	108° 06' 45"	D-49-13-C-a; D-49-13-C-b
suối Nước Cười	TV	xã Trà Mai	H. Nam Trà My			15° 09' 03"	108° 07' 51"	15° 09' 02"	108° 06' 36"	D-49-13-C-a; D-49-13-C-b
suối Nước La	TV	xã Trà Mai	H. Nam Trà My			15° 08' 09"	108° 07' 51"	15° 09' 08"	108° 06' 29"	D-49-13-C-a; D-49-13-C-b
cầu Nước Là	KX	xã Trà Mai	H. Nam Trà My	15° 08' 11"	108° 07' 28"					D-49-13-C-a
suối Nước Là	TV	xã Trà Mai	H. Nam Trà My			15° 06' 07"	108° 10' 02"	15° 08' 09"	108° 07' 51"	D-49-13-A-c; D-49-13-C-b; D-49-13-C-d
suối Nước Pang	TV	xã Trà Mai	H. Nam Trà My			15° 09' 41"	108° 08' 02"	15° 10' 23"	108° 06' 38"	D-49-13-C-a; D-49-13-C-b
suối Nước Ui	TV	xã Trà Mai	H. Nam Trà My			15° 09' 43"	108° 09' 21"	15° 08' 09"	108° 07' 51"	D-49-13-C-b
cầu Nước Xa	KX	xã Trà Mai	H. Nam Trà My	15° 14' 51"	108° 06' 43"					D-49-13-C-a
suối Nước Xa	TV	xã Trà Mai	H. Nam Trà My			15° 09' 02"	108° 11' 51"	15° 15' 21"	108° 06' 26"	D-49-13-C-a; D-49-13-C-b
núi Poóc Pây	SV	xã Trà Mai	H. Nam Trà My	15° 11' 48"	108° 12' 34"					D-49-13-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Đồi Sóc	SV	xã Trà Mai	H. Nam Trà My	15° 08' 24"	108° 07' 19"					D-49-13-C-a
Đồi Sóc	SV	xã Trà Mai	H. Nam Trà My	15° 08' 04"	108° 07' 41"					D-49-13-C-b
cầu Sông Tranh	KX	xã Trà Mai	H. Nam Trà My	15° 07' 42"	108° 06' 54"					D-49-13-C-a
cầu treo Sông Tranh 1	KX	xã Trà Mai	H. Nam Trà My	15° 14' 50"	108° 05' 37"					D-49-13-C-a
cầu treo Trà Tập	KX	xã Trà Mai	H. Nam Trà My	15° 09' 11"	108° 06' 32"					D-49-13-C-a
Sông Tranh	TV	xã Trà Mai	H. Nam Trà My			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-C-a
Thôn 1	DC	xã Trà Nam	H. Nam Trà My	15° 01' 33"	108° 03' 06"					D-49-13-C-c
Thôn 2	DC	xã Trà Nam	H. Nam Trà My	15° 01' 03"	108° 03' 24"					D-49-13-C-c
Thôn 3	DC	xã Trà Nam	H. Nam Trà My	15° 01' 56"	108° 05' 20"					D-49-13-C-c
Thôn 4	DC	xã Trà Nam	H. Nam Trà My	15° 01' 22"	108° 06' 19"					D-49-13-C-c
Thôn 5	DC	xã Trà Nam	H. Nam Trà My	14° 58' 49"	108° 07' 17"					D-49-25-A-a
quốc lộ 40B	KX	xã Trà Nam	H. Nam Trà My			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-C-c; D-49-25-A-a
núi Ko Sang	SV	xã Trà Nam	H. Nam Trà My	15° 00' 47"	108° 05' 44"					D-49-13-C-c
Núi Linh	SV	xã Trà Nam	H. Nam Trà My	15° 01' 36"	108° 04' 43"					D-49-13-C-c
núi Măng Lúc	SV	xã Trà Nam	H. Nam Trà My	15° 00' 44"	108° 06' 51"					D-49-13-C-c
suối Nước Lin	TV	xã Trà Nam	H. Nam Trà My			15° 04' 33"	107° 58' 50"	15° 03' 43"	108° 05' 14"	D-49-13-C-c
suối Nước Pi	TV	xã Trà Nam	H. Nam Trà My			14° 59' 44"	108° 02' 37"	15° 03' 17"	108° 05' 17"	D-49-13-C-c; D-49-25-A-a
suối Pi An	TV	xã Trà Nam	H. Nam Trà My			14° 58' 10"	108° 04' 29"	14° 59' 11"	108° 07' 22"	D-49-25-A-a
cầu Sông Tranh	KX	xã Trà Nam	H. Nam Trà My	15° 03' 34"	108° 05' 21"					D-49-13-C-c
Sông Tranh	TV	xã Trà Nam	H. Nam Trà My			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-25-A-a; D-49-25-A-b; D-49-13-C-c; D-49-13-C-d
Thôn 1	DC	xã Trà Tập	H. Nam Trà My	15° 08' 42"	108° 05' 14"					D-49-13-C-a
Thôn 2	DC	xã Trà Tập	H. Nam Trà My	15° 09' 18"	108° 04' 10"					D-49-13-C-a
Thôn 3	DC	xã Trà Tập	H. Nam Trà My	15° 10' 16"	108° 04' 31"					D-49-13-C-a
Thôn 4	DC	xã Trà Tập	H. Nam Trà My	15° 11' 16"	108° 05' 42"					D-49-13-C-a
núi Mang Lau	SV	xã Trà Tập	H. Nam Trà My	15° 09' 17"	108° 01' 27"					D-49-13-C-a
sông Nước Bui	TV	xã Trà Tập	H. Nam Trà My			15° 07' 48"	108° 03' 39"	15° 08' 06"	108° 06' 17"	D-49-13-C-a; D-49-13-C-c
suối Nước Choong	TV	xã Trà Tập	H. Nam Trà My			15° 09' 55"	108° 01' 48"	15° 09' 24"	108° 06' 23"	D-49-13-C-a
suối Nước Ta	TV	xã Trà Tập	H. Nam Trà My			15° 11' 13"	108° 02' 41"	15° 14' 56"	108° 05' 40"	D-49-13-C-a
Núi Rôn	SV	xã Trà Tập	H. Nam Trà My	15° 11' 04"	108° 05' 50"					D-49-13-C-a
cầu Sông Tranh	KX	xã Trà Tập	H. Nam Trà My	15° 09' 23"	108° 06' 23"					D-49-13-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Núi Tập	SV	xã Trà Tập	H. Nam Trà My	15° 10' 52"	108° 02' 46"					D-49-13-C-a
cầu treo Trà Tập	KX	xã Trà Tập	H. Nam Trà My	15° 09' 11"	108° 06' 32"					D-49-13-C-a
Sông Tranh	TV	xã Trà Tập	H. Nam Trà My			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-C-a
Suối Tươi	TV	xã Trà Tập	H. Nam Trà My			15° 11' 27"	108° 03' 23"	15° 12' 19"	108° 05' 56"	D-49-13-C-a
Thôn 1	DC	xã Trà Vân	H. Nam Trà My	15° 06' 19"	108° 09' 54"					D-49-13-C-d
Thôn 2	DC	xã Trà Vân	H. Nam Trà My	15° 07' 19"	108° 12' 24"					D-49-13-C-d
Thôn 3	DC	xã Trà Vân	H. Nam Trà My	15° 06' 41"	108° 13' 53"					D-49-13-C-d
Suối Buôn	TV	xã Trà Vân	H. Nam Trà My			15° 06' 01"	108° 12' 18"	15° 07' 14"	108° 13' 37"	D-49-13-C-d
suối Nước Boa	TV	xã Trà Vân	H. Nam Trà My			15° 10' 19"	108° 13' 28"	15° 07' 54"	108° 13' 38"	D-49-13-C-b
sông Nước Bua	TV	xã Trà Vân	H. Nam Trà My			15° 07' 54"	108° 13' 38"	15° 05' 46"	108° 15' 22"	D-49-13-D-a; D-49-13-C-d
suối Nước Là	TV	xã Trà Vân	H. Nam Trà My			15° 06' 07"	108° 10' 02"	15° 08' 09"	108° 07' 51"	D-49-13-C-d
suối Nước Nương	TV	xã Trà Vân	H. Nam Trà My			15° 03' 41"	108° 09' 48"	15° 06' 07"	108° 10' 02"	D-49-13-C-d
Suối Rai	TV	xã Trà Vân	H. Nam Trà My			15° 07' 21"	108° 11' 08"	15° 06' 07"	108° 10' 02"	D-49-13-C-d
núi Văn Rét	SV	xã Trà Vân	H. Nam Trà My	15° 07' 09"	108° 15' 31"					D-49-13-D-c
Thôn 1	DC	xã Trà Vinh	H. Nam Trà My	15° 03' 56"	108° 11' 35"					D-49-13-C-d
Thôn 2	DC	xã Trà Vinh	H. Nam Trà My	15° 02' 45"	108° 13' 25"					D-49-13-C-d
Thôn 3	DC	xã Trà Vinh	H. Nam Trà My	15° 06' 09"	108° 13' 56"					D-49-13-C-d
Thôn 4	DC	xã Trà Vinh	H. Nam Trà My	15° 03' 46"	108° 12' 18"					D-49-13-C-d
sông Nước Bua	TV	xã Trà Vinh	H. Nam Trà My			15° 07' 54"	108° 13' 38"	15° 05' 46"	108° 15' 22"	D-49-13-D-c
suối Nước Meo	TV	xã Trà Vinh	H. Nam Trà My			15° 03' 36"	108° 12' 13"	15° 01' 59"	108° 14' 12"	D-49-13-C-d
suối Nước Nương	TV	xã Trà Vinh	H. Nam Trà My			15° 03' 41"	108° 09' 48"	15° 06' 07"	108° 10' 02"	D-49-13-C-d
suối Nước Prong	TV	xã Trà Vinh	H. Nam Trà My			15° 02' 39"	108° 12' 29"	15° 02' 33"	108° 13' 44"	D-49-13-C-d
suối Tắc Lúng	TV	xã Trà Vinh	H. Nam Trà My			15° 04' 03"	108° 13' 08"	15° 03' 14"	108° 12' 55"	D-49-13-C-d
núi An Châu Đạo	SV	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn	15° 40' 34"	107° 58' 19"					D-48-12-D-b
núi Bàn Cờ	SV	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn	15° 44' 13"	107° 55' 36"					D-48-12-D-b
thôn Bình Yên	DC	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn	15° 40' 53"	108° 00' 21"					D-49-1-C-a
hồ Diên Ne	TV	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn	15° 42' 32"	107° 54' 48"					D-48-12-D-b
khe Diên Ne	TV	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn			15° 41' 21"	107° 56' 31"	15° 41' 35"	107° 59' 56"	D-48-12-D-b
thôn Dúi Chiêng 1	DC	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn	15° 39' 40"	107° 59' 25"					D-48-12-D-b
thôn Dúi Chiêng 2	DC	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn	15° 40' 17"	107° 59' 43"					D-48-12-D-b
cầu Khe Rinh	KX	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn	15° 41' 16"	108° 00' 11"					D-49-1-C-a
cầu Nà Ráy	KX	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn	15° 41' 56"	108° 01' 31"					D-49-1-C-a
mỏ than Nông Sơn	KX	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn	15° 42' 52"	108° 00' 52"					D-49-1-C-a
núi Pa Đì	SV	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn	15° 38' 32"	107° 52' 36"					D-48-12-D-b
Khe Rinh	TV	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn			15° 41' 35"	107° 59' 56"	15° 41' 23"	108° 00' 34"	D-48-12-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
núi Ta Đì	SV	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn	15° 41' 01"	107° 50' 09"					D-48-12-D-a
sông Thu Bồn	TV	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-C-a
thôn Xuân Hoà 1	DC	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn	15° 41' 55"	108° 01' 26"					D-49-1-C-a
thôn Xuân Hoà 2	DC	xã Phước Ninh	H. Nông Sơn	15° 41' 35"	108° 00' 28"					D-49-1-C-a
thôn Cẩm La	DC	xã Quế Lâm	H. Nông Sơn	15° 38' 04"	107° 58' 10"					D-48-12-D-b
núi Pa Đì	SV	xã Quế Lâm	H. Nông Sơn	15° 38' 32"	107° 52' 36"					D-48-12-D-b
thôn Phước Hội	DC	xã Quế Lâm	H. Nông Sơn	15° 38' 58"	107° 59' 12"					D-48-12-D-b
Khe Sé	TV	xã Quế Lâm	H. Nông Sơn			15° 34' 48"	107° 54' 02"	15° 39' 12"	107° 59' 34"	D-48-12-D-b; D-48-12-D-d
thôn Thạch Bích	DC	xã Quế Lâm	H. Nông Sơn	15° 37' 54"	108° 00' 32"					D-49-1-C-a
sông Thu Bồn	TV	xã Quế Lâm	H. Nông Sơn			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-48-12-D-a; D-49-1-C-a; D-49-1-C-c
thôn Tứ Nhũ	DC	xã Quế Lâm	H. Nông Sơn	15° 37' 40"	108° 00' 10"					D-49-1-C-a
thôn Tứ Trung 1	DC	xã Quế Lâm	H. Nông Sơn	15° 38' 43"	107° 59' 53"					D-48-12-D-b
thôn Tứ Trung 2	DC	xã Quế Lâm	H. Nông Sơn	15° 38' 56"	108° 00' 05"					D-49-1-C-a
đường tỉnh 611	KX	xã Quế Lộc	H. Nông Sơn			15° 46' 42"	108° 19' 39"	15° 43' 27"	108° 03' 41"	D-49-1-C-a
cầu Chợ Thơm	KX	xã Quế Lộc	H. Nông Sơn	15° 42' 30"	108° 06' 09"					D-49-1-C-a
cầu Khe Giao	KX	xã Quế Lộc	H. Nông Sơn	15° 42' 42"	108° 05' 52"					D-49-1-C-a
Đèo Le	KX	xã Quế Lộc	H. Nông Sơn	15° 41' 27"	108° 09' 25"					D-49-1-C-b
thôn Lộc Đông	DC	xã Quế Lộc	H. Nông Sơn	15° 41' 47"	108° 06' 34"					D-49-1-C-a
thôn Lộc Tây 1	DC	xã Quế Lộc	H. Nông Sơn	15° 41' 22"	108° 06' 19"					D-49-1-C-a
thôn Lộc Tây 2	DC	xã Quế Lộc	H. Nông Sơn	15° 41' 36"	108° 06' 04"					D-49-1-C-a
thôn Lộc Trung	DC	xã Quế Lộc	H. Nông Sơn	15° 42' 13"	108° 06' 06"					D-49-1-C-a
thôn Tân Phong	DC	xã Quế Lộc	H. Nông Sơn	15° 41' 36"	108° 07' 23"					D-49-1-C-a
chùa Viên Minh	KX	xã Quế Lộc	H. Nông Sơn	15° 42' 02"	108° 06' 11"					D-49-1-C-a
núi Bằng Trĩ	SV	xã Quế Ninh	H. Nông Sơn	15° 40' 36"	108° 01' 30"					D-49-1-C-a
núi Cà Tang	SV	xã Quế Ninh	H. Nông Sơn	15° 42' 09"	108° 02' 38"					D-49-1-C-a
khe Cầu Kè	TV	xã Quế Ninh	H. Nông Sơn			15° 38' 34"	108° 04' 59"	15° 41' 58"	108° 01' 46"	D-49-1-C-a
Núi Chòm	SV	xã Quế Ninh	H. Nông Sơn	15° 39' 02"	108° 05' 12"					D-49-1-C-a
thôn Khánh Bình	DC	xã Quế Ninh	H. Nông Sơn	15° 41' 48"	108° 01' 40"					D-49-1-C-a
thôn Mậu Long 1	DC	xã Quế Ninh	H. Nông Sơn	15° 39' 54"	108° 02' 00"					D-49-1-C-a
thôn Mậu Long 2	DC	xã Quế Ninh	H. Nông Sơn	15° 40' 36"	108° 02' 14"					D-49-1-C-a
thôn Ninh Khánh 1	DC	xã Quế Ninh	H. Nông Sơn	15° 41' 26"	108° 02' 44"					D-49-1-C-a
thôn Ninh Khánh 2	DC	xã Quế Ninh	H. Nông Sơn	15° 41' 23"	108° 02' 17"					D-49-1-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
sông Thu Bồn	TV	xã Quế Ninh	H. Nông Sơn			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-C-a; D-48-12-D-b
khe Bà Trọng	TV	xã Quế Phước	H. Nông Sơn			15° 39' 28"	108° 00' 38"	15° 40' 37"	108° 00' 28"	D-49-1-C-a
núi Bằng Trĩ	SV	xã Quế Phước	H. Nông Sơn	15° 40' 36"	108° 01' 30"					D-49-1-C-a
thôn Đông An	DC	xã Quế Phước	H. Nông Sơn	15° 41' 15"	108° 01' 02"					D-49-1-C-a
thôn Phú Gia 1	DC	xã Quế Phước	H. Nông Sơn	15° 39' 53"	107° 59' 57"					D-48-12-D-b
thôn Phú Gia 2	DC	xã Quế Phước	H. Nông Sơn	15° 39' 28"	107° 59' 48"					D-48-12-D-b
sông Thu Bồn	TV	xã Quế Phước	H. Nông Sơn			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-48-12-D-b
đường tỉnh 610	KX	xã Quế Trung	H. Nông Sơn			15° 50' 31"	108° 16' 54"	15° 42' 49"	108° 01' 53"	D-49-1-C-a; D-49-1-A-c
đường tỉnh 611	KX	xã Quế Trung	H. Nông Sơn			15° 46' 42"	108° 19' 39"	15° 43' 27"	108° 03' 41"	D-49-1-C-a
cầu Bà Đội	KX	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 43' 00"	108° 02' 58"					D-49-1-C-a
núi Cà Tang	SV	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 42' 09"	108° 02' 38"					D-49-1-C-a
cầu Cộng Hoà	KX	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 43' 00"	108° 01' 51"					D-49-1-C-a
Cầu Dài	KX	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 43' 22"	108° 04' 09"					D-49-1-C-a
thôn Đại Bình	DC	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 43' 29"	108° 03' 20"					D-49-1-C-a
núi Hòn Dung	SV	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 44' 04"	108° 06' 09"					D-49-1-C-a
núi Hòn Ngang	SV	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 44' 42"	108° 01' 27"					D-49-1-C-a
núi Hòn Nghệ	SV	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 45' 31"	108° 04' 10"					D-49-1-A-c
cầu Khe Le	KX	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 43' 45"	108° 03' 41"					D-49-1-C-a
cầu Khe Quảng	KX	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 44' 00"	108° 03' 35"					D-49-1-C-a
núi Lôi Giáng	SV	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 45' 55"	108° 03' 13"					D-49-1-A-c
thôn Nông Sơn	DC	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 42' 42"	108° 01' 51"					D-49-1-C-a
cầu Nông Sơn	KX	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 42' 50"	108° 01' 59"					D-49-1-C-a
Mỏ than Nông Sơn	KX	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 42' 52"	108° 00' 52"					D-49-1-C-a
Khe Nứa	TV	xã Quế Trung	H. Nông Sơn			15° 44' 55"	108° 04' 07"	15° 45' 13"	108° 03' 28"	D-49-1-A-c; D-49-1-C-a
đèo Phường Rạnh	KX	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 45' 44"	108° 04' 02"					D-49-1-A-c
Công ty cổ phần Than điện thuộc khu vực Nông Sơn	KX	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 43' 05"	108° 01' 45"					D-49-1-C-a
sông Thu Bồn	TV	xã Quế Trung	H. Nông Sơn			15° 34' 11"	108° 07' 09"	15° 52' 30"	108° 23' 41"	D-49-1-A-c; D-49-1-C-a
thôn Trung An	DC	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 45' 25"	108° 03' 18"					D-49-1-A-c
đèo Trung An	KX	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 45' 21"	108° 03' 32"					D-49-1-A-c
thôn Trung Hạ	DC	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 42' 56"	108° 03' 11"					D-49-1-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
hồ Trung Lộc	TV	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 42' 22"	108° 04' 45"					D-49-1-C-a
thôn Trung Nam	DC	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 42' 55"	108° 04' 54"					D-49-1-C-a
thôn Trung Phước 1	DC	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 43' 14"	108° 03' 21"					D-49-1-C-a
thôn Trung Phước 2	DC	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 43' 39"	108° 03' 33"					D-49-1-C-a
thôn Trung Phước 3	DC	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 43' 01"	108° 03' 37"					D-49-1-C-a
thôn Trung Thượng	DC	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 42' 57"	108° 02' 13"					D-49-1-C-a
thôn Trung Viên	DC	xã Quế Trung	H. Nông Sơn	15° 42' 41"	108° 04' 19"					D-49-1-C-a
đường tỉnh 611	KX	xã Sơn Viên	H. Nông Sơn			15° 46' 42"	108° 19' 39"	15° 43' 27"	108° 03' 41"	D-49-1-C-a; D-49-1-C-b
cầu Chợ Thơm	KX	xã Sơn Viên	H. Nông Sơn	15° 42' 30"	108° 06' 09"					D-49-1-C-a
thôn Đại An	DC	xã Sơn Viên	H. Nông Sơn	15° 42' 01"	108° 07' 23"					D-49-1-C-a
núi Hòn Châu	SV	xã Sơn Viên	H. Nông Sơn	15° 44' 24"	108° 06' 54"					D-49-1-C-a
núi Hòn Dung	SV	xã Sơn Viên	H. Nông Sơn	15° 44' 04"	108° 06' 09"					D-49-1-C-a
núi Hòn Tàu	SV	xã Sơn Viên	H. Nông Sơn	15° 42' 55"	108° 09' 58"					D-49-1-C-b
cầu Khe Giao	KX	xã Sơn Viên	H. Nông Sơn	15° 42' 42"	108° 05' 52"					D-49-1-C-a
Đèo Le	KX	xã Sơn Viên	H. Nông Sơn	15° 41' 27"	108° 09' 25"					D-49-1-C-b
hồ Phước Bình	TV	xã Sơn Viên	H. Nông Sơn	15° 43' 32"	108° 06' 51"					D-49-1-C-a
thôn Phước Bình Đông	DC	xã Sơn Viên	H. Nông Sơn	15° 42' 34"	108° 06' 43"					D-49-1-C-a
thôn Phước Bình Tây	DC	xã Sơn Viên	H. Nông Sơn	15° 43' 00"	108° 06' 27"					D-49-1-C-a
thôn Phước Bình Trung	DC	xã Sơn Viên	H. Nông Sơn	15° 42' 48"	108° 06' 27"					D-49-1-C-a
thôn Trung Yên	DC	xã Sơn Viên	H. Nông Sơn	15° 43' 05"	108° 05' 40"					D-49-1-C-a
Quốc lộ 1	KX	TT. Núi Thành	H. Núi Thành			15° 56' 50"	108° 13' 09"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-14-A-b+2-C-d
Khối 1	DC	TT. Núi Thành	H. Núi Thành	15° 26' 19"	108° 38' 21"					D-49-14-A-b+2-C-d
Khối 2	DC	TT. Núi Thành	H. Núi Thành	15° 26' 13"	108° 38' 40"					D-49-14-A-b+2-C-d
Khối 3	DC	TT. Núi Thành	H. Núi Thành	15° 26' 03"	108° 39' 08"					D-49-14-A-b+2-C-d
Khối 4	DC	TT. Núi Thành	H. Núi Thành	15° 25' 41"	108° 39' 54"					D-49-14-A-b+2-C-d
Khối 5	DC	TT. Núi Thành	H. Núi Thành	15° 25' 25"	108° 40' 09"					D-49-14-A-b+2-C-d
Khối 6	DC	TT. Núi Thành	H. Núi Thành	15° 25' 50"	108° 39' 04"					D-49-14-A-b+2-C-d
Khối 7	DC	TT. Núi Thành	H. Núi Thành	15° 25' 55"	108° 38' 38"					D-49-14-A-b+2-C-d
cầu An Tân	KX	TT. Núi Thành	H. Núi Thành	15° 25' 43"	108° 39' 42"					D-49-14-A-b+2-C-d
sông Bến Ván	TV	TT. Núi Thành	H. Núi Thành			15° 27' 06"	108° 38' 03"	15° 28' 49"	108° 39' 46"	D-49-14-A-b+2-C-d
Cụm công nghiệp Khối 7	KX	TT. Núi Thành	H. Núi Thành	15° 26' 06"	108° 38' 18"					D-49-14-A-b+2-C-d
Công ty May Núi Thành	KX	TT. Núi Thành	H. Núi Thành	15° 26' 11"	108° 38' 42"					D-49-14-A-b+2-C-d
cầu Nguyễn Phùng	KX	TT. Núi Thành	H. Núi Thành	15° 25' 09"	108° 38' 47"					D-49-14-A-b+2-C-d
chợ Núi Thành	KX	TT. Núi Thành	H. Núi Thành	15° 26' 18"	108° 38' 50"					D-49-14-A-b+2-C-d
cầu Tam Giang	KX	TT. Núi Thành	H. Núi Thành	15° 26' 38"	108° 38' 52"					D-49-14-A-b+2-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Sông Trâu	TV	TT. Núi Thành	H. Núi Thành			15° 25' 08"	108° 38' 38"	15° 26' 26"	108° 39' 28"	D-49-14-A-b+2-C-d
Quốc lộ 1	KX	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành			15° 56' 50"	108° 13' 09"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-2-C-c
thôn An Lương	DC	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành	15° 30' 22"	108° 34' 10"					D-49-2-C-c
sông Ba Túc	TV	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành			15° 27' 34"	108° 31' 55"	15° 31' 29"	108° 32' 41"	D-49-14-A-a; D-49-2-C-c
cầu Bà Bầu	KX	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành	15° 31' 29"	108° 33' 00"					D-49-2-C-c
Sông Chợ	TV	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành			15° 31' 08"	108° 35' 20"	15° 28' 25"	108° 38' 36"	D-49-2-C-c
Sông Cờ	TV	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành			15° 29' 27"	108° 33' 15"	15° 31' 29"	108° 32' 41"	D-49-14-A-a; D-49-2-C-c
thôn Đông Hải	DC	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành	15° 31' 04"	108° 33' 48"					D-49-2-C-c
thôn Đức Bó 1	DC	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành	15° 30' 21"	108° 32' 56"					D-49-2-C-c
thôn Đức Bó 2	DC	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành	15° 30' 19"	108° 32' 25"					D-49-2-C-c
Công ty Gạch cổ Bát Tràng	KX	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành	15° 30' 47"	108° 33' 22"					D-49-2-C-c
thôn Lý Trà	DC	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành	15° 30' 45"	108° 33' 46"					D-49-2-C-c
đồi Núi Miếu	SV	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành	15° 29' 53"	108° 33' 57"					D-49-14-A-a
chùa Phổ Đức	KX	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành	15° 30' 27"	108° 32' 33"					D-49-2-C-c
chùa Phổ Minh	KX	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành	15° 30' 34"	108° 33' 56"					D-49-2-C-c
sông Tam Kỳ	TV	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành			15° 30' 08"	108° 30' 02"	15° 31' 24"	108° 35' 46"	D-49-2-C-c
thôn Thuận An	DC	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành	15° 31' 20"	108° 33' 29"					D-49-2-C-c
sông Vĩnh An	TV	xã Tam Anh Bắc	H. Núi Thành			15° 31' 29"	108° 32' 41"	15° 32' 00"	108° 34' 12"	D-49-2-C-c
Quốc lộ 1	KX	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành			15° 56' 50"	108° 13' 09"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-2-C-c; D-49-14-A-a
sông Ba Túc	TV	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành			15° 27' 34"	108° 31' 55"	15° 31' 29"	108° 32' 41"	D-49-14-A-a
Sông Chợ	TV	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành			15° 31' 08"	108° 35' 20"	15° 28' 25"	108° 38' 36"	D-49-14-A-a; D-49-2-C-c
thôn Diêm Phô	DC	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành	15° 28' 43"	108° 35' 08"					D-49-14-A-a
ga Diêm Phô	KX	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành	15° 28' 41"	108° 35' 07"					D-49-14-A-a
suối Đường Nguồn	TV	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành			15° 28' 56"	108° 33' 25"	15° 29' 27"	108° 33' 15"	D-49-14-A-a
núi Hòn Rọ	SV	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành	15° 27' 39"	108° 33' 17"					D-49-14-A-a
thôn Mỹ Sơn	DC	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành	15° 29' 50"	108° 34' 30"					D-49-14-A-a
thôn Nam Cát	DC	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành	15° 28' 24"	108° 34' 51"					D-49-14-A-a
thôn Nam Định	DC	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành	15° 29' 02"	108° 34' 25"					D-49-14-A-a
cầu Ông Bộ	KX	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành	15° 28' 01"	108° 35' 54"					D-49-14-A-a
chợ Tam Anh Nam	KX	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành	15° 28' 38"	108° 35' 14"					D-49-14-A-a
cầu Tam Hoà	KX	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành	15° 28' 49"	108° 35' 13"					D-49-14-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Tiên Xuân 1	DC	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành	15° 28' 14"	108° 35' 44"					D-49-14-A-a
thôn Tiên Xuân 2	DC	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành	15° 28' 07"	108° 35' 13"					D-49-14-A-a
Sông Trầu	TV	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành			15° 26' 22"	108° 34' 29"	15° 28' 29"	108° 35' 58"	D-49-14-A-a
thôn Xuân Ngọc 1	DC	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành	15° 28' 30"	108° 34' 19"					D-49-14-A-a
thôn Xuân Ngọc 2	DC	xã Tam Anh Nam	H. Núi Thành	15° 27' 31"	108° 34' 47"					D-49-14-A-a
cảng cá An Hoà	KX	xã Tam Giang	H. Núi Thành	15° 28' 30"	108° 38' 59"					D-49-14-A-b+2-C-d
sông Bến Ván	TV	xã Tam Giang	H. Núi Thành			15° 27' 06"	108° 38' 03"	15° 28' 49"	108° 39' 46"	D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Đông An	DC	xã Tam Giang	H. Núi Thành	15° 27' 22"	108° 38' 59"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Đông Bình	DC	xã Tam Giang	H. Núi Thành	15° 27' 40"	108° 39' 28"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Đông Mỹ	DC	xã Tam Giang	H. Núi Thành	15° 27' 47"	108° 38' 58"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Đông Xuân	DC	xã Tam Giang	H. Núi Thành	15° 28' 17"	108° 38' 59"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Hoà An	DC	xã Tam Giang	H. Núi Thành	15° 26' 57"	108° 39' 23"					D-49-14-A-b+2-C-d
cầu Tam Giang	KX	xã Tam Giang	H. Núi Thành	15° 26' 38"	108° 38' 52"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Thuận An	DC	xã Tam Giang	H. Núi Thành	15° 27' 10"	108° 39' 45"					D-49-14-A-b+2-C-d
sông Trường Giang	TV	xã Tam Giang	H. Núi Thành			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-14-A-b+2-C-d
núi Bàn Than	SV	xã Tam Hải	H. Núi Thành	15° 30' 45"	108° 40' 30"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Bình Trung	DC	xã Tam Hải	H. Núi Thành	15° 29' 33"	108° 39' 42"					D-49-14-A-b+2-C-d
Sông Chợ	TV	xã Tam Hải	H. Núi Thành			15° 31' 08"	108° 35' 20"	15° 28' 25"	108° 38' 36"	D-49-14-A-b+2-C-d
Cồn Chùa	TV	xã Tam Hải	H. Núi Thành	15° 29' 06"	108° 38' 10"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Đông Tuấn	DC	xã Tam Hải	H. Núi Thành	15° 28' 40"	108° 40' 27"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Long Thạnh Đông	DC	xã Tam Hải	H. Núi Thành	15° 29' 03"	108° 39' 55"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Long Thạnh Tây	DC	xã Tam Hải	H. Núi Thành	15° 28' 51"	108° 38' 28"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Tân Lập	DC	xã Tam Hải	H. Núi Thành	15° 29' 21"	108° 40' 06"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Thuận An	DC	xã Tam Hải	H. Núi Thành	15° 30' 27"	108° 40' 28"					D-49-14-A-b+2-C-d
sông Trường Giang	TV	xã Tam Hải	H. Núi Thành			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Xuân Mỹ	DC	xã Tam Hải	H. Núi Thành	15° 29' 55"	108° 38' 25"					D-49-14-A-b+2-C-d
Quốc lộ 1	KX	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành			15° 56' 50"	108° 13' 09"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-14-A-a; D-49-14-A-b
đường tỉnh 617	KX	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành			15° 26' 35"	108° 37' 40"	15° 23' 21"	108° 29' 43"	D-49-14-A-a; D-49-14-A-b
Khu công nghiệp Bắc Chu Lai	KX	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 26' 49"	108° 36' 21"					D-49-14-A-a
sông Bến Ván	TV	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành			15° 27' 06"	108° 38' 03"	15° 28' 49"	108° 39' 46"	D-49-14-A-b+2-C-d
Sông Chợ	TV	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành			15° 31' 08"	108° 35' 20"	15° 28' 25"	108° 38' 36"	D-49-2-C-c; D-49-14-A-a
đồi Dương Bằng Đình	SV	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 25' 43"	108° 35' 39"					D-49-14-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam	KX	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 26' 54"	108° 37' 25"					D-49-14-A-a
thôn Đại Phú	DC	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 28' 07"	108° 37' 02"					D-49-14-A-a
đập Hồ Trầu	KX	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 25' 33"	108° 36' 11"					D-49-14-A-a
sông Mu Cua	TV	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành			15° 23' 11"	108° 36' 14"	15° 25' 08"	108° 38' 38"	D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Mỹ Bình	DC	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 27' 22"	108° 36' 04"					D-49-14-A-a
thôn Nam Sơn	DC	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 26' 50"	108° 37' 17"					D-49-14-A-a
cầu Ông Bộ	KX	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 28' 01"	108° 35' 54"					D-49-14-A-a
thôn Phái Nhơn	DC	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 27' 09"	108° 35' 41"					D-49-14-A-a
thôn Thái Xuân	DC	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 26' 46"	108° 35' 34"					D-49-14-A-a
hồ Thái Xuân	TV	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 26' 08"	108° 34' 36"					D-49-14-A-a
thôn Thọ Khương	DC	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 25' 55"	108° 37' 17"					D-49-14-A-a
Sông Trầu	TV	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành			15° 26' 22"	108° 34' 29"	15° 28' 29"	108° 35' 58"	D-49-14-A-a
sông Trường Giang	TV	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-14-A-a
thôn Vân Thạch	DC	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 26' 33"	108° 37' 47"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Vân Trai	DC	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 25' 49"	108° 38' 20"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Vĩnh Đại	DC	xã Tam Hiệp	H. Núi Thành	15° 27' 32"	108° 36' 53"					D-49-14-A-a
thôn Bình An	DC	xã Tam Hoà	H. Núi Thành	15° 30' 14"	108° 36' 17"					D-49-2-C-c
Sông Chợ	TV	xã Tam Hoà	H. Núi Thành			15° 31' 08"	108° 35' 20"	15° 28' 25"	108° 38' 36"	D-49-2-C-c; D-49-14-A-a
Vũng Đầm	TV	xã Tam Hoà	H. Núi Thành	15° 29' 28"	108° 36' 21"					D-49-14-A-a
thôn Đông Tân	DC	xã Tam Hoà	H. Núi Thành	15° 31' 16"	108° 35' 54"					D-49-2-C-c
thôn Đông Thạnh Đông	DC	xã Tam Hoà	H. Núi Thành	15° 29' 35"	108° 35' 51"					D-49-14-A-a
thôn Đông Thạnh Tây	DC	xã Tam Hoà	H. Núi Thành	15° 29' 14"	108° 35' 31"					D-49-14-A-a
thôn Hoà An	DC	xã Tam Hoà	H. Núi Thành	15° 31' 05"	108° 36' 36"					D-49-2-C-c
thôn Hoà Bình	DC	xã Tam Hoà	H. Núi Thành	15° 30' 09"	108° 36' 56"					D-49-2-C-c
chùa Hoà Vĩnh Thạnh	KX	xã Tam Hoà	H. Núi Thành	15° 29' 21"	108° 35' 15"					D-49-14-A-a
thôn Hoà Xuân	DC	xã Tam Hoà	H. Núi Thành	15° 30' 43"	108° 35' 44"					D-49-2-C-c
thôn Nam Sơn	DC	xã Tam Hoà	H. Núi Thành	15° 29' 52"	108° 35' 17"					D-49-14-A-a
cầu Tam Hoà	KX	xã Tam Hoà	H. Núi Thành	15° 28' 49"	108° 35' 13"					D-49-14-A-a
sông Tam Kỳ	TV	xã Tam Hoà	H. Núi Thành			15° 30' 08"	108° 30' 02"	15° 31' 24"	108° 35' 46"	D-49-2-C-c
thôn Thanh Long	DC	xã Tam Hoà	H. Núi Thành	15° 30' 16"	108° 35' 04"					D-49-2-C-c
mộ Thủ Thiêm	KX	xã Tam Hoà	H. Núi Thành	15° 30' 42"	108° 36' 17"					D-49-2-C-c
sông Trường Giang	TV	xã Tam Hoà	H. Núi Thành			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-2-C-c; D-49-14-A-b+2-C-d
sông Bến Đình	TV	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành			15° 24' 15"	108° 39' 00"	15° 25' 40"	108° 39' 38"	D-49-14-A-b+2-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Đa Phú 1	DC	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành	15° 24' 22"	108° 38' 20"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Đa Phú 2	DC	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành	15° 24' 16"	108° 38' 09"					D-49-14-A-b+2-C-d
đập Hóc Cò	KX	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành	15° 23' 21"	108° 39' 17"					D-49-14-A-b+2-C-d
núi Hòn Bà	SV	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành	15° 22' 12"	108° 39' 12"					D-49-14-A-d
núi Hòn Rơn	SV	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành	15° 21' 13"	108° 36' 04"					D-49-14-A-c
khe Hố Cái	TV	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành			15° 23' 40"	108° 38' 38"	15° 24' 15"	108° 39' 00"	D-49-14-A-b+2-C-d
đập Hố Cái	KX	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành	15° 23' 41"	108° 38' 39"					D-49-14-A-b+2-C-d
sông Mu Cua	TV	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành			15° 23' 11"	108° 36' 14"	15° 25' 08"	108° 38' 38"	D-49-14-A-b+2-C-d
cầu Nguyễn Phùng	KX	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành	15° 25' 09"	108° 38' 47"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Phú Quý 1	DC	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành	15° 25' 00"	108° 38' 45"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Phú Quý 2	DC	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành	15° 24' 44"	108° 38' 16"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Phú Quý 3	DC	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành	15° 24' 50"	108° 37' 59"					D-49-14-A-b+2-C-d
chùa Phú Sơn	KX	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành	15° 24' 52"	108° 38' 39"					D-49-14-A-b+2-C-d
núi Răng Cưa	SV	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành	15° 21' 51"	108° 38' 00"					D-49-14-A-d
thôn Trà Tây	DC	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành	15° 24' 48"	108° 38' 45"					D-49-14-A-b+2-C-d
Sông Trâu	TV	xã Tam Mỹ Đông	H. Núi Thành			15° 25' 08"	108° 38' 38"	15° 26' 26"	108° 39' 28"	D-49-14-A-b+2-C-d
đồi 76	SV	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 24' 11"	108° 37' 10"					D-49-14-A-b; D-49-2-C-d
đường tỉnh 617	KX	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành			15° 26' 35"	108° 37' 40"	15° 23' 21"	108° 29' 43"	D-49-14-A-a; D-49-14-A-c
Cầu Bản	KX	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 23' 19"	108° 35' 27"					D-49-14-A-a
hồ Bàu Vang	TV	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 23' 13"	108° 37' 41"					D-49-14-A-a; D-49-14-A-b+2-C-d
Khu di tích Cây Da Reo	KX	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 25' 28"	108° 36' 30"					D-49-14-A-a
thôn Đồng Cổ	DC	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 23' 16"	108° 35' 05"					D-49-14-A-a
hồ Đồng Nhơn	TV	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 24' 05"	108° 35' 57"					D-49-14-A-a
hồ Giang Thơm	TV	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 22' 30"	108° 34' 37"					D-49-14-A-a
suối Giang Thơm	TV	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành			15° 20' 55"	108° 35' 57"	15° 23' 11"	108° 36' 14"	D-49-14-A-a; D-49-14-A-c
núi Hòn Rơn	SV	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 21' 13"	108° 36' 04"					D-49-14-A-c
suối Hố Trung	TV	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành			15° 20' 23"	108° 33' 56"	15° 22' 24"	108° 33' 01"	D-49-14-A-a; D-49-14-A-c
chùa Lương Mỹ	KX	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 23' 46"	108° 37' 06"					D-49-14-A-a
sông Mu Cua	TV	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành			15° 23' 11"	108° 36' 14"	15° 25' 08"	108° 38' 38"	D-49-14-A-a; D-49-14-A-b+2-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Sông Quán	TV	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành			15° 22' 24"	108° 33' 01"	15° 24' 19"	108° 30' 11"	D-49-14-A-a; D-49-14-A-c
cầu Sông Quán	KX	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 22' 28"	108° 32' 56"					D-49-14-A-c
thôn Thạnh Mỹ	DC	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 23' 51"	108° 37' 16"					D-49-14-A-a
thôn Tịnh Sơn	DC	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 24' 30"	108° 36' 22"					D-49-14-A-a
thôn Trung Chánh	DC	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 24' 16"	108° 37' 38"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Trung Lương	DC	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 23' 39"	108° 36' 57"					D-49-14-A-a
thôn Trung Thành	DC	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 25' 00"	108° 37' 21"					D-49-14-A-a
thôn Tú Mỹ	DC	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 22' 31"	108° 33' 00"					D-49-14-A-a
Núi Ve	SV	xã Tam Mỹ Tây	H. Núi Thành	15° 20' 38"	108° 34' 18"					D-49-14-A-c
Quốc lộ 1	KX	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành			15° 56' 50"	108° 13' 09"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-14-A-b+2-C-d
thôn An Thiện	DC	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 23' 53"	108° 40' 28"					D-49-14-A-b+2-C-d
sông Bến Đình	TV	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành			15° 24' 15"	108° 39' 00"	15° 25' 40"	108° 39' 38"	D-49-14-A-b+2-C-d
sông Bến Ván	TV	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành			15° 27' 06"	108° 38' 03"	15° 28' 49"	108° 39' 46"	D-49-14-A-b+2-C-d
núi Bù Cao	SV	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 22' 43"	108° 42' 00"					D-49-14-A-b+2-C-d
Sân bay Chu Lai	KX	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 24' 55"	108° 42' 03"					D-49-14-A-b+2-C-d
căn cứ Chu Lai	KX	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 25' 15"	108° 42' 07"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Định Phước	DC	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 25' 02"	108° 40' 15"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Đông Yên	DC	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 23' 54"	108° 41' 24"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Hoà Mỹ	DC	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 24' 01"	108° 40' 58"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Hoà Văn	DC	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 22' 47"	108° 42' 46"					D-49-14-A-b+2-C-d
đập Hóc Cò	KX	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 23' 21"	108° 39' 17"					D-49-14-A-b+2-C-d
núi Hòn Bà	SV	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 22' 12"	108° 39' 12"					D-49-14-A-d
đập Hồ Mây	KX	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 23' 16"	108° 40' 18"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Long Bình	DC	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 25' 57"	108° 40' 10"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Long Phú	DC	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 24' 30"	108° 40' 20"					D-49-14-A-b+2-C-d
Dị tích Núi Thành	KX	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 24' 27"	108° 40' 42"					D-49-14-A-b+2-C-d
đồi Núi Thành	SV	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 24' 04"	108° 39' 18"					D-49-14-A-b+2-C-d
khu nghỉ dưỡng Phi Trường	KX	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 24' 15"	108° 43' 46"					D-49-14-A-b+2-C-d
núi Phú Huê	SV	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 24' 14"	108° 40' 31"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Thanh Trà	DC	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 25' 11"	108° 40' 06"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Tịch Tây	DC	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành	15° 24' 49"	108° 39' 55"					D-49-14-A-b+2-C-d
Sông Trâu	TV	xã Tam Nghĩa	H. Núi Thành			15° 25' 08"	108° 38' 38"	15° 26' 26"	108° 39' 28"	D-49-14-A-b+2-C-d
thôn An Hải Đông	DC	xã Tam Quang	H. Núi Thành	15° 28' 18"	108° 40' 54"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn An Hải Tây	DC	xã Tam Quang	H. Núi Thành	15° 28' 13"	108° 40' 42"					D-49-14-A-b+2-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn An Tây	DC	xã Tam Quang	H. Núi Thành	15° 26' 45"	108° 40' 51"					D-49-14-A-b+2-C-d
sông Bến Ván	TV	xã Tam Quang	H. Núi Thành			15° 27' 06"	108° 38' 03"	15° 28' 49"	108° 39' 46"	D-49-14-A-b+2-C-d
cầu Biển Rạng	KX	xã Tam Quang	H. Núi Thành	15° 26' 35"	108° 41' 38"					D-49-14-A-b+2-C-d
cảng Kỳ Hà	KX	xã Tam Quang	H. Núi Thành	15° 28' 28"	108° 40' 52"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Sâm Linh Đông	DC	xã Tam Quang	H. Núi Thành	15° 27' 56"	108° 40' 18"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Sâm Linh Tây	DC	xã Tam Quang	H. Núi Thành	15° 27' 49"	108° 40' 18"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Thanh Long	DC	xã Tam Quang	H. Núi Thành	15° 26' 44"	108° 41' 14"					D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Trung Toàn	DC	xã Tam Quang	H. Núi Thành	15° 27' 54"	108° 40' 47"					D-49-14-A-b+2-C-d
sông Trường Giang	TV	xã Tam Quang	H. Núi Thành			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-14-A-b+2-C-d
thôn Xuân Trung	DC	xã Tam Quang	H. Núi Thành	15° 27' 13"	108° 40' 57"					D-49-14-A-b+2-C-d
suối Bà Diện	TV	xã Tam Sơn	H. Núi Thành			15° 24' 23"	108° 28' 36"	15° 25' 05"	108° 28' 43"	D-49-13-B-b
đèo Ba Vĩ	KX	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 26' 00"	108° 30' 52"					D-49-14-A-a
thôn Danh Sơn	DC	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 26' 45"	108° 26' 25"					D-49-13-B-b
núi Đồng Đăng	SV	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 26' 42"	108° 27' 17"					D-49-13-B-b
núi Đồng Đen	SV	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 27' 22"	108° 27' 43"					D-49-13-B-b
thôn Đức Phú	DC	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 26' 42"	108° 29' 24"					D-49-13-B-b
đèo Đức Phú	KX	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 27' 36"	108° 29' 47"					D-49-13-B-b
núi Gành Đoát	SV	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 26' 37"	108° 25' 11"					D-49-13-B-b
núi Hòn Góp	SV	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 24' 52"	108° 30' 15"					D-49-14-A-a
núi Hòn Mỏ	SV	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 24' 40"	108° 27' 54"					D-49-13-B-b
núi Lao Sơn	SV	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 25' 04"	108° 31' 17"					D-49-14-A-a
Núi Móp	SV	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 27' 32"	108° 26' 46"					D-49-13-B-b
Sông Mũi	TV	xã Tam Sơn	H. Núi Thành			15° 19' 11"	108° 26' 45"	15° 27' 36"	108° 27' 39"	D-49-13-B-b
thôn Mỹ Đông	DC	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 24' 56"	108° 29' 08"					D-49-13-B-b
thôn Phú Hoà	DC	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 26' 02"	108° 30' 27"					D-49-13-B-b
hồ Phú Ninh	TV	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 29' 13"	108° 27' 38"					D-49-13-B-b
núi Sừng Gieo	SV	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 25' 30"	108° 27' 32"					D-49-13-B-b
đò Tam Sơn	KX	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 26' 37"	108° 27' 60"					D-49-13-B-b
thôn Thuận Yên Đông	DC	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 26' 17"	108° 28' 14"					D-49-13-B-b
thôn Thuận Yên Tây	DC	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 26' 23"	108° 27' 39"					D-49-13-B-b
cầu Thuộc Hột	KX	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 25' 37"	108° 28' 30"					D-49-13-B-b
chùa Yên Sơn	KX	xã Tam Sơn	H. Núi Thành	15° 26' 35"	108° 27' 56"					D-49-13-B-b
sông Ba Túc	TV	xã Tam Thạnh	H. Núi Thành			15° 27' 34"	108° 31' 55"	15° 31' 29"	108° 32' 41"	D-49-14-A-a
đèo Ba Vĩ	KX	xã Tam Thạnh	H. Núi Thành	15° 26' 00"	108° 30' 52"					D-49-14-A-a
Cầu Bản	KX	xã Tam Thạnh	H. Núi Thành	15° 26' 15"	108° 33' 37"					D-49-14-A-a
thôn Đức Phú	DC	xã Tam Thạnh	H. Núi Thành	15° 26' 15"	108° 32' 54"					D-49-14-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đèo Đức Phú	KX	xã Tam Thạnh	H. Núi Thành	15° 27' 36"	108° 29' 47"					D-49-13-B-b
núi Hòn Rọ	SV	xã Tam Thạnh	H. Núi Thành	15° 27' 39"	108° 33' 17"					D-49-14-A-a
núi Lao Sơn	SV	xã Tam Thạnh	H. Núi Thành	15° 25' 04"	108° 31' 17"					D-49-14-A-a
hồ Phú Ninh	TV	xã Tam Thạnh	H. Núi Thành	15° 29' 13"	108° 27' 38"					D-49-13-B-b; D-49-14-A-a
thôn Phước Thạnh	DC	xã Tam Thạnh	H. Núi Thành	15° 25' 17"	108° 32' 36"					D-49-14-A-a
hồ Thái Xuân	TV	xã Tam Thạnh	H. Núi Thành	15° 26' 08"	108° 34' 36"					D-49-14-A-a
thôn Trung Hoà	DC	xã Tam Thạnh	H. Núi Thành	15° 26' 21"	108° 31' 29"					D-49-14-A-a
thôn Trường Thạnh	DC	xã Tam Thạnh	H. Núi Thành	15° 27' 47"	108° 30' 11"					D-49-13-B-b
thôn Bàn Long	DC	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 33' 31"	108° 33' 48"					D-49-2-C-c
thôn Bình Phú	DC	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 34' 22"	108° 33' 41"					D-49-2-C-c
Khu du lịch Cát Vàng	KX	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 33' 41"	108° 34' 29"					D-49-2-C-c
thôn Diêm Trà	DC	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 31' 57"	108° 35' 17"					D-49-2-C-c
thôn Hà Quang	DC	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 33' 18"	108° 34' 32"					D-49-2-C-c
thôn Long Thạnh	DC	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 32' 04"	108° 35' 34"					D-49-2-C-c
thôn Lộc Đông	DC	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 34' 54"	108° 33' 17"					D-49-2-C-c
thôn Lộc Ngọc	DC	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 34' 44"	108° 32' 48"					D-49-2-C-c
xóm Ó Gà	DC	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 31' 30"	108° 35' 20"					D-49-2-C-c
thôn Phước Lộc	DC	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 32' 55"	108° 35' 04"					D-49-2-C-c
sông Tam Kỳ	TV	xã Tam Tiến	H. Núi Thành			15° 30' 08"	108° 30' 02"	15° 31' 24"	108° 35' 46"	D-49-2-C-c
cầu Tam Tiến	KX	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 32' 53"	108° 34' 56"					D-49-2-C-c
bãi tắm Tam Tiến	KX	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 33' 12"	108° 34' 56"					D-49-2-C-c
thôn Tân Bình Trung	DC	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 32' 48"	108° 34' 45"					D-49-2-C-c
thôn Tân Lộc	DC	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 34' 13"	108° 32' 27"					D-49-2-C-c
thôn Tiến Thành	DC	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 33' 28"	108° 33' 00"					D-49-2-C-c
sông Trường Giang	TV	xã Tam Tiến	H. Núi Thành			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-2-C-c
thôn Tú Phong	DC	xã Tam Tiến	H. Núi Thành	15° 32' 27"	108° 34' 11"					D-49-2-C-c
đường tỉnh 617	KX	xã Tam Trà	H. Núi Thành			15° 26' 35"	108° 37' 40"	15° 23' 21"	108° 29' 43"	D-49-13-B-b; D-49-14-A-a; D-49-14-A-c
đèo Ba Đầu	KX	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 23' 18"	108° 31' 17"					D-49-14-A-a
Cầu Bàn	KX	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 23' 10"	108° 30' 24"					D-49-14-A-a
núi Gành Soa	SV	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 23' 48"	108° 32' 01"					D-49-14-A-a
núi Hòn Dọc	SV	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 18' 48"	108° 28' 33"					D-49-13-B-d
suoối Hố Trung	TV	xã Tam Trà	H. Núi Thành			15° 20' 23"	108° 33' 56"	15° 22' 24"	108° 33' 01"	D-49-14-A-a; D-49-14-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Lâm Minh	TV	xã Tam Trà	H. Núi Thành			15° 24' 17"	108° 28' 14"	15° 23' 54"	108° 29' 55"	D-49-13-B-b
Sông Mùi	TV	xã Tam Trà	H. Núi Thành			15° 19' 11"	108° 26' 45"	15° 27' 36"	108° 27' 39"	D-49-13-B-b; D-49-14-A-a
Sông Ngang	TV	xã Tam Trà	H. Núi Thành			15° 22' 19"	108° 32' 17"	15° 22' 51"	108° 32' 43"	D-49-14-A-a; D-49-14-A-c
thôn Phú Đức	DC	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 22' 58"	108° 29' 32"					D-49-13-B-b
thôn Phú Mỹ	DC	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 23' 13"	108° 31' 46"					D-49-14-A-a
thôn Phú Thành	DC	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 22' 41"	108° 29' 12"					D-49-13-B-b
Sông Quán	TV	xã Tam Trà	H. Núi Thành			15° 22' 24"	108° 33' 01"	15° 24' 19"	108° 30' 11"	D-49-14-A-a; D-49-14-A-c
núi Ra Giác	SV	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 19' 00"	108° 29' 37"					D-49-13-B-b
cầu Sông Mùi	KX	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 23' 17"	108° 29' 47"					D-49-13-B-b
cầu Sông Quán	KX	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 22' 28"	108° 32' 56"					D-49-14-A-c
khe Thác Bà	TV	xã Tam Trà	H. Núi Thành			15° 20' 01"	108° 32' 06"	15° 22' 19"	108° 32' 17"	D-49-14-A-a; D-49-14-A-c
thôn Thuận Tân	DC	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 23' 01"	108° 30' 18"					D-49-14-A-a
thôn Trường Cửu 1	DC	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 23' 53"	108° 29' 20"					D-49-13-B-b
thôn Trường Cửu 2	DC	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 23' 22"	108° 30' 19"					D-49-14-A-a
thôn Tứ Mỹ	DC	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 22' 29"	108° 32' 51"					D-49-14-A-c
Núi Ve	SV	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 20' 38"	108° 34' 18"					D-49-14-A-c
núi Vô Quyết	SV	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 21' 47"	108° 27' 58"					D-49-13-B-b
thôn Xuân Thọ	DC	xã Tam Trà	H. Núi Thành	15° 22' 29"	108° 29' 28"					D-49-14-A-a
Quốc lộ 1	KX	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành			15° 56' 50"	108° 13' 09"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-2-C-c
thôn Bích An	DC	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 31' 28"	108° 29' 51"					D-49-1-D-d
thôn Bích Tân	DC	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 32' 19"	108° 30' 02"					D-49-2-C-c
thôn Bích Trung	DC	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 32' 19"	108° 30' 31"					D-49-2-C-c
Khu lưu niệm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công	KX	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 32' 46"	108° 30' 34"					D-49-2-C-c
núi Don Thành	SV	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 30' 31"	108° 29' 15"					D-49-2-C-c
Chi cục Dự trữ Nhà nước Núi Thành	KX	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 32' 39"	108° 30' 20"					D-49-2-C-c
chùa Hưng Long	KX	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 32' 37"	108° 31' 21"					D-49-2-C-c
chùa Hưng Quang	KX	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 32' 25"	108° 31' 17"					D-49-2-C-c
thôn Khương Mỹ	DC	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 32' 53"	108° 30' 29"					D-49-2-C-c
thôn Phú Bình	DC	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 33' 33"	108° 31' 25"					D-49-2-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Phú Hưng	DC	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 32' 38"	108° 31' 05"					D-49-2-C-c
thôn Phú Tân	DC	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 34' 09"	108° 31' 44"					D-49-2-C-c
thôn Phú Trung	DC	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 32' 50"	108° 31' 25"					D-49-2-C-c
cầu Tam Kỳ	KX	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 33' 20"	108° 30' 15"					D-49-2-C-c
sông Tam Kỳ	TV	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành			15° 30' 08"	108° 30' 02"	15° 31' 24"	108° 35' 46"	D-49-2-C-c; D-49-1-D-d
thôn Tam Mỹ	DC	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 33' 13"	108° 30' 22"					D-49-2-C-c
thôn Tịch Đông	DC	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 33' 41"	108° 31' 51"					D-49-2-C-c
núi Trà Quân	SV	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 31' 37"	108° 30' 18"					D-49-2-C-c
thôn Trung Đông	DC	xã Tam Xuân I	H. Núi Thành	15° 33' 00"	108° 31' 59"					D-49-2-C-c
Quốc lộ 1	KX	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành			15° 56' 50"	108° 13' 09"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-2-C-c
thôn An Đông	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 31' 53"	108° 33' 31"					D-49-2-C-c
thôn An Khuông	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 32' 39"	108° 33' 28"					D-49-2-C-c
sông Ba Túc	TV	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành			15° 27' 34"	108° 31' 55"	15° 31' 29"	108° 32' 41"	D-49-2-C-c; D-49-14-A-a
thôn Bà Bầu	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 31' 40"	108° 32' 41"					D-49-2-C-c
cầu Bà Bầu	KX	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 31' 29"	108° 33' 00"					D-49-2-C-c
chợ Bà Bầu	KX	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 31' 35"	108° 33' 01"					D-49-2-C-c
thôn Bích Nam	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 30' 35"	108° 31' 09"					D-49-2-C-c
thôn Bích Ngô Đông	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 31' 27"	108° 31' 11"					D-49-2-C-c
thôn Bích Ngô Tây	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 31' 38"	108° 30' 45"					D-49-2-C-c
thôn Bích Sơn	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 30' 51"	108° 30' 39"					D-49-2-C-c
cầu Kỳ Hưng	KX	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 32' 19"	108° 31' 54"					D-49-2-C-c
thôn Phú Khê Đông	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 32' 00"	108° 32' 15"					D-49-2-C-c
thôn Phú Khê Tây	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 31' 57"	108° 31' 36"					D-49-2-C-c
thôn Phú Nam Bắc	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 32' 36"	108° 31' 39"					D-49-2-C-c
thôn Phú Nam Đông	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 32' 22"	108° 31' 37"					D-49-2-C-c
sông Tam Kỳ	TV	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành			15° 30' 08"	108° 30' 02"	15° 31' 24"	108° 35' 46"	D-49-2-C-c
thôn Tân Thuận	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 32' 28"	108° 32' 36"					D-49-2-C-c
thôn Thạch Hưng	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 30' 44"	108° 31' 46"					D-49-2-C-c
thôn Thạch Kiều	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 30' 14"	108° 31' 44"					D-49-2-C-c
thôn Vĩnh An	DC	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành	15° 32' 12"	108° 32' 42"					D-49-2-C-c
sông Vĩnh An	TV	xã Tam Xuân II	H. Núi Thành			15° 31' 29"	108° 32' 41"	15° 32' 00"	108° 34' 12"	D-49-2-C-c
khối phố Cẩm Thịnh	DC	TT. Phú Thịnh	H. Phú Ninh	15° 33' 23"	108° 24' 56"					D-49-1-D-d
núi Chà Ró	SV	TT. Phú Thịnh	H. Phú Ninh	15° 32' 06"	108° 24' 46"					D-49-1-D-d
sông La Ngà	TV	TT. Phú Thịnh	H. Phú Ninh			15° 31' 39"	108° 22' 27"	15° 36' 23"	108° 27' 22"	D-49-1-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
khối phố Nam Đông	DC	TT. Phú Thịnh	H. Phú Ninh	15° 32' 23"	108° 24' 17"					D-49-1-D-d
kênh Phú Ninh	TV	TT. Phú Thịnh	H. Phú Ninh			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-D-d
khối phố Tam Cẩm	DC	TT. Phú Thịnh	H. Phú Ninh	15° 33' 18"	108° 24' 25"					D-49-1-D-d
khối phố Tân Phú	DC	TT. Phú Thịnh	H. Phú Ninh	15° 32' 44"	108° 24' 56"					D-49-1-D-d
khối phố Thạnh Đức	DC	TT. Phú Thịnh	H. Phú Ninh	15° 32' 50"	108° 24' 06"					D-49-1-D-d
Quốc lộ 1	KX	xã Tam An	H. Phú Ninh			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-D-d
đường tỉnh 615	KX	xã Tam An	H. Phú Ninh			15° 37' 52"	108° 31' 18"	15° 33' 20"	108° 17' 34"	D-49-1-D-d
thôn An Hoà	DC	xã Tam An	H. Phú Ninh	15° 35' 57"	108° 26' 18"					D-49-1-D-d
ga An Mỹ	KX	xã Tam An	H. Phú Ninh	15° 35' 51"	108° 25' 31"					D-49-1-D-d
thôn An Mỹ 1	DC	xã Tam An	H. Phú Ninh	15° 35' 56"	108° 25' 37"					D-49-1-D-d
thôn An Mỹ 2	DC	xã Tam An	H. Phú Ninh	15° 35' 40"	108° 25' 34"					D-49-1-D-d
thôn An Thiện	DC	xã Tam An	H. Phú Ninh	15° 36' 36"	108° 26' 34"					D-49-1-D-d
thôn An Thọ	DC	xã Tam An	H. Phú Ninh	15° 37' 16"	108° 26' 21"					D-49-1-D-d
cầu Bà Dụ	KX	xã Tam An	H. Phú Ninh	15° 36' 45"	108° 26' 44"					D-49-1-D-d
súoi Bầu Mặn	TV	xã Tam An	H. Phú Ninh			15° 40' 28"	108° 25' 48"	15° 36' 18"	108° 27' 34"	D-49-1-D-d
sông La Ngà	TV	xã Tam An	H. Phú Ninh			15° 31' 39"	108° 22' 27"	15° 36' 23"	108° 27' 22"	D-49-1-D-d
sông Nhà Ngủ	TV	xã Tam An	H. Phú Ninh			15° 34' 07"	108° 20' 28"	15° 36' 49"	108° 27' 05"	D-49-1-D-d
thôn Phước An	DC	xã Tam An	H. Phú Ninh	15° 36' 46"	108° 26' 06"					D-49-1-D-d
cầu Suối Lở	KX	xã Tam An	H. Phú Ninh	15° 35' 40"	108° 26' 25"					D-49-1-D-d
thôn Thuận An	DC	xã Tam An	H. Phú Ninh	15° 36' 24"	108° 26' 41"					D-49-1-D-d
cầu Trương Chi	KX	xã Tam An	H. Phú Ninh	15° 35' 37"	108° 26' 28"					D-49-1-D-d
quốc lộ 40B	KX	xã Tam Dân	H. Phú Ninh			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-1-D-d
đường tỉnh 616	KX	xã Tam Dân	H. Phú Ninh			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-1-D-d
súoi Cầu Vồng	TV	xã Tam Dân	H. Phú Ninh			15° 29' 49"	108° 23' 16"	15° 30' 43"	108° 21' 52"	D-49-1-D-d; D-49-13-B-b
thôn Cây Sanh	DC	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 31' 33"	108° 24' 55"					D-49-1-D-d
núi Chà Ró	SV	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 32' 06"	108° 24' 46"					D-49-1-D-d
núi Day Tham	SV	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 29' 14"	108° 25' 31"					D-49-13-B-b
thôn Dương Đàn	DC	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 31' 32"	108° 24' 01"					D-49-1-D-d
Núi Don	SV	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 30' 58"	108° 25' 30"					D-49-1-D-d
thôn Đàn Trung	DC	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 31' 28"	108° 24' 35"					D-49-1-D-d
thôn Khánh An	DC	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 32' 11"	108° 25' 56"					D-49-1-D-d
thôn Khánh Tân	DC	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 32' 32"	108° 25' 20"					D-49-1-D-d
cầu Khánh Thọ	KX	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 32' 11"	108° 26' 11"					D-49-1-D-d
thôn Kỳ Tân	DC	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 31' 09"	108° 25' 16"					D-49-1-D-d
kênh N6	TV	xã Tam Dân	H. Phú Ninh			15° 31' 44"	108° 25' 09"	15° 35' 32"	108° 27' 05"	D-49-13-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Ngọc Giáp	DC	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 30' 24"	108° 23' 06"					D-49-1-D-d
thôn Ngọc Tú	DC	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 30' 45"	108° 22' 48"					D-49-1-D-d
kênh Phú Ninh	TV	xã Tam Dân	H. Phú Ninh			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-D-d
hồ Phú Ninh	TV	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 29' 13"	108° 27' 38"					D-49-1-D-d; D-49-13-B-b
đồi Cao Su	SV	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 29' 03"	108° 26' 45"					D-49-13-B-b
núi Chóp Trà	SV	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 30' 33"	108° 27' 33"					D-49-1-D-d
núi Coóc	SV	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 31' 02"	108° 27' 36"					D-49-1-D-d
Núi Don	SV	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 30' 58"	108° 25' 30"					D-49-1-D-d
núi Đá Đen	SV	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 30' 53"	108° 28' 34"					D-49-1-D-d
thôn Đại An	DC	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 31' 05"	108° 27' 12"					D-49-1-D-d
thôn Đại Hanh	DC	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 31' 07"	108° 26' 38"					D-49-1-D-d
núi Đon Đa	SV	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 28' 29"	108° 27' 34"					D-49-13-B-b
thôn Đông Tây	DC	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 31' 43"	108° 27' 31"					D-49-1-D-d
Núi Lân	SV	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 31' 20"	108° 26' 57"					D-49-1-D-d
thôn Long Sơn	DC	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 30' 40"	108° 25' 48"					D-49-1-D-d
Nhà máy Thủy điện Phú Ninh	KX	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 30' 29"	108° 27' 43"					D-49-1-D-d
kênh Phú Ninh	TV	xã Tam Đại	H. Phú Ninh			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-D-d
hồ Phú Ninh	TV	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 29' 13"	108° 27' 38"					D-49-1-D-d; D-49-2-C-c; D-49-13-B-b; D-49-14-A-a
thôn Phước Thượng	DC	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 31' 13"	108° 26' 11"					D-49-1-D-d
núi Tân Lợi	SV	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 30' 53"	108° 28' 14"					D-49-1-D-d
thôn Trung Đàn	DC	xã Tam Đại	H. Phú Ninh	15° 31' 13"	108° 27' 55"					D-49-1-D-d
Quốc lộ 1	KX	xã Tam Dân	H. Phú Ninh			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-D-d
đường tỉnh 615	KX	xã Tam Dân	H. Phú Ninh			15° 37' 52"	108° 31' 18"	15° 33' 20"	108° 17' 34"	D-49-1-D-d
suối Bàu Mặn	TV	xã Tam Dân	H. Phú Ninh			15° 40' 28"	108° 25' 48"	15° 36' 18"	108° 27' 34"	D-49-1-D-b
thôn Đàn Hạ	DC	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 35' 54"	108° 27' 25"					D-49-1-D-d
thôn Đàn Trung	DC	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 35' 41"	108° 27' 07"					D-49-1-D-d
sông Kỳ Phú	TV	xã Tam Dân	H. Phú Ninh			15° 36' 34"	108° 27' 17"	15° 34' 15"	108° 31' 22"	D-49-1-D-d
sông La Ngà	TV	xã Tam Dân	H. Phú Ninh			15° 31' 39"	108° 22' 27"	15° 36' 23"	108° 27' 22"	D-49-1-D-d
cầu Mỹ Cang	KX	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 36' 12"	108° 27' 46"					D-49-1-D-d
kênh N6	TV	xã Tam Dân	H. Phú Ninh			15° 31' 44"	108° 25' 09"	15° 35' 32"	108° 27' 05"	D-49-1-D-d
cầu Ông Cai	KX	xã Tam Dân	H. Phú Ninh	15° 35' 54"	108° 27' 21"					D-49-1-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
cầu Ông Hiền	KX	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 36' 08"	108° 27' 10"					D-49-1-D-d
cầu Ông Trang 1	KX	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 35' 42"	108° 27' 29"					D-49-1-D-d
cầu Ông Trang 2	KX	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 35' 38"	108° 27' 32"					D-49-1-D-d
thôn Phú Mỹ	DC	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 34' 11"	108° 26' 14"					D-49-1-D-d
thôn Tây Yên	DC	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 33' 50"	108° 26' 31"					D-49-1-D-d
cầu Tây Yên	KX	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 33' 44"	108° 26' 47"					D-49-1-D-d
chùa Thái Hoà	KX	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 34' 19"	108° 25' 33"					D-49-1-D-d
thôn Thanh Hoà 1	DC	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 35' 14"	108° 26' 58"					D-49-1-D-d
thôn Thanh Hoà 2	DC	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 35' 25"	108° 26' 30"					D-49-1-D-d
hồ Trung Định	TV	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 34' 32"	108° 25' 55"					D-49-1-D-d
thôn Trung Định	DC	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 34' 40"	108° 25' 44"					D-49-1-D-d
cầu Trương Chi	KX	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 35' 37"	108° 26' 28"					D-49-1-D-d
thôn Vạn Long	DC	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 36' 18"	108° 27' 07"					D-49-1-D-d
thôn Xuân Trung	DC	xã Tam Đàn	H. Phú Ninh	15° 33' 58"	108° 25' 23"					D-49-1-D-d
thôn An Bình	DC	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 25' 30"	108° 24' 26"					D-49-13-B-b
thôn An Lâu 1	DC	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 26' 15"	108° 24' 33"					D-49-13-B-b
thôn An Lâu 2	DC	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 26' 02"	108° 25' 03"					D-49-13-B-b
thôn An Mỹ	DC	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 26' 57"	108° 24' 19"					D-49-13-B-b
thôn An Trung	DC	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 27' 08"	108° 23' 23"					D-49-13-B-b
Cầu Bàn	KX	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 29' 01"	108° 24' 31"					D-49-13-B-b
chùa Bảo Đàn	KX	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 26' 07"	108° 23' 24"					D-49-13-B-b
cầu Bồng Miêu	KX	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 24' 43"	108° 24' 30"					D-49-13-B-b
sông Bồng Miêu	TV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh			15° 20' 29"	108° 26' 37"	15° 26' 01"	108° 22' 44"	D-49-13-B-a; D-49-13-B-b
thôn Bồng Miêu	DC	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 24' 53"	108° 24' 37"					D-49-13-B-b
đồi Cao Su	SV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 29' 03"	108° 26' 45"					D-49-13-B-b
Núi Chuông	SV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 26' 52"	108° 23' 04"					D-49-13-B-b
Núi Dàng	SV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 27' 13"	108° 23' 02"					D-49-13-B-b
núi Dạy Tham	SV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 29' 14"	108° 25' 31"					D-49-13-B-b
núi Đon thôn	SV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 27' 55"	108° 25' 57"					D-49-13-B-b
thôn Đon Thượng	DC	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 26' 04"	108° 23' 19"					D-49-13-B-b
cầu Đập Lũ	KX	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 27' 54"	108° 23' 52"					D-49-13-B-b
núi Đon Đa	SV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 28' 29"	108° 27' 34"					D-49-13-B-b
núi Gành Đoát	SV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 26' 37"	108° 25' 11"					D-49-13-B-b
cầu Hồ Đu	KX	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 28' 09"	108° 24' 02"					D-49-13-B-b
Núi Kẽm	SV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 23' 42"	108° 26' 10"					D-49-13-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu	KX	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 24' 55"	108° 24' 47"					D-49-13-B-b
Núi Móp	SV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 27' 32"	108° 26' 46"					D-49-13-B-b
Sông Múi	TV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh			15° 19' 11"	108° 26' 45"	15° 27' 36"	108° 27' 39"	D-49-13-B-b
hồ Phú Ninh	TV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 29' 13"	108° 27' 38"					D-49-13-B-b
thôn Phước Bắc	DC	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 28' 56"	108° 24' 45"					D-49-13-B-b
thôn Phước Lợi	DC	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 28' 01"	108° 24' 42"					D-49-13-B-b
Sông Tiên	TV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh			15° 26' 01"	108° 22' 44"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-B-a; D-49-13-B-b
thôn Trà Sung	DC	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 24' 48"	108° 23' 51"					D-49-13-B-b
suối Trung Đàng	TV	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh			15° 27' 05"	108° 24' 19"	15° 26' 01"	108° 22' 44"	D-49-13-B-b
thôn Trung Sơn	DC	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 26' 05"	108° 23' 49"					D-49-13-B-b
cầu Vực Voi	KX	xã Tam Lãnh	H. Phú Ninh	15° 26' 28"	108° 24' 27"					D-49-13-B-b
đường tỉnh 615	KX	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh			15° 37' 52"	108° 31' 18"	15° 33' 20"	108° 17' 34"	D-49-1-D-c; D-49-1-D-d
thôn Cẩm Long	DC	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 33' 57"	108° 21' 01"					D-49-1-D-c
núi Cẩm Long	SV	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 34' 45"	108° 19' 38"					D-49-1-D-c
Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Hàn	KX	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 34' 32"	108° 21' 50"					D-49-1-D-c
núi Dương Con	SV	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 33' 01"	108° 21' 56"					D-49-1-D-c
núi Đá Đen	SV	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 35' 12"	108° 19' 13"					D-49-1-D-c
núi Đá Ngựa	SV	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 36' 17"	108° 20' 41"					D-49-1-D-c
thôn Đại Hồng	DC	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 33' 56"	108° 22' 30"					D-49-1-D-c
thôn Đại Quý	DC	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 34' 23"	108° 22' 04"					D-49-1-D-c
thôn Eo Gió	DC	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 33' 51"	108° 19' 56"					D-49-1-D-c
đồi Eo Gió	SV	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 33' 49"	108° 19' 15"					D-49-1-D-c
thôn Quý Lộc	DC	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 35' 50"	108° 21' 04"					D-49-1-D-c
núi Lâm Cẩm	SV	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 36' 08"	108° 19' 53"					D-49-1-D-c
thôn Ma Phan	DC	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 35' 19"	108° 20' 55"					D-49-1-D-c
Núi Ngọc	SV	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 32' 49"	108° 20' 59"					D-49-1-D-c
núi Ngọc Yên	SV	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 36' 20"	108° 21' 27"					D-49-1-D-c
sông Nhà Ngủ	TV	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh			15° 34' 07"	108° 20' 28"	15° 36' 49"	108° 27' 05"	D-49-1-D-c; D-49-1-D-d
kênh Phú Ninh	TV	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-D-c; D-49-1-D-d
thôn Tam An	DC	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 35' 31"	108° 22' 27"					D-49-1-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Tây Lộc	DC	xã Tam Lộc	H. Phú Ninh	15° 35' 04"	108° 20' 45"					D-49-1-D-c
đường tỉnh 615	KX	xã Tam Phước	H. Phú Ninh			15° 37' 52"	108° 31' 18"	15° 33' 20"	108° 17' 34"	D-49-1-D-d
thôn Cẩm Khê	DC	xã Tam Phước	H. Phú Ninh	15° 34' 20"	108° 24' 31"					D-49-1-D-d
thôn Kỳ Phú	DC	xã Tam Phước	H. Phú Ninh	15° 34' 11"	108° 23' 59"					D-49-1-D-d
sông La Ngà	TV	xã Tam Phước	H. Phú Ninh			15° 31' 39"	108° 22' 27"	15° 36' 23"	108° 27' 22"	D-49-1-D-d
sông Nhà Ngủ	TV	xã Tam Phước	H. Phú Ninh			15° 34' 07"	108° 20' 28"	15° 36' 49"	108° 27' 05"	D-49-1-D-d
thôn Phú Điền	DC	xã Tam Phước	H. Phú Ninh	15° 34' 59"	108° 23' 35"					D-49-1-D-d
thôn Phú Lai	DC	xã Tam Phước	H. Phú Ninh	15° 34' 38"	108° 23' 06"					D-49-1-D-d
thôn Phú Mỹ	DC	xã Tam Phước	H. Phú Ninh	15° 35' 09"	108° 24' 39"					D-49-1-D-d
kênh Phú Ninh	TV	xã Tam Phước	H. Phú Ninh			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-D-d
thôn Phú Xuân	DC	xã Tam Phước	H. Phú Ninh	15° 35' 27"	108° 23' 29"					D-49-1-D-d
thôn Thành Mỹ	DC	xã Tam Phước	H. Phú Ninh	15° 35' 40"	108° 24' 42"					D-49-1-D-d
quốc lộ 40B	KX	xã Tam Thái	H. Phú Ninh			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-1-D-d
đường tỉnh 616	KX	xã Tam Thái	H. Phú Ninh			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-1-D-d
nghĩa trang Gò Trời	KX	xã Tam Thái	H. Phú Ninh	15° 32' 45"	108° 28' 02"					D-49-1-D-d
thôn Hoà Bình	DC	xã Tam Thái	H. Phú Ninh	15° 33' 12"	108° 26' 04"					D-49-1-D-d
thôn Khánh Phước	DC	xã Tam Thái	H. Phú Ninh	15° 31' 18"	108° 26' 16"					D-49-1-D-d
thôn Khánh Thịnh	DC	xã Tam Thái	H. Phú Ninh	15° 32' 40"	108° 27' 18"					D-49-1-D-d
thôn Khánh Thọ	DC	xã Tam Thái	H. Phú Ninh	15° 32' 42"	108° 26' 29"					D-49-1-D-d
cầu Khánh Thọ	KX	xã Tam Thái	H. Phú Ninh	15° 32' 11"	108° 26' 11"					D-49-1-D-d
thôn Lộc Thọ	DC	xã Tam Thái	H. Phú Ninh	15° 31' 49"	108° 26' 30"					D-49-1-D-d
kênh N6	TV	xã Tam Thái	H. Phú Ninh			15° 31' 44"	108° 25' 09"	15° 35' 32"	108° 27' 05"	D-49-1-D-d
kênh Phú Ninh	TV	xã Tam Thái	H. Phú Ninh			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-D-d
chùa Trà Sơn	KX	xã Tam Thái	H. Phú Ninh	15° 32' 10"	108° 27' 45"					D-49-1-D-d
thôn Trường Mỹ	DC	xã Tam Thái	H. Phú Ninh	15° 32' 12"	108° 27' 08"					D-49-1-D-d
thôn Xuân Phú	DC	xã Tam Thái	H. Phú Ninh	15° 32' 23"	108° 27' 47"					D-49-1-D-d
chùa Xuân Sơn	KX	xã Tam Thái	H. Phú Ninh	15° 32' 51"	108° 27' 43"					D-49-1-D-d
thôn Đông Lộc	DC	xã Tam Thành	H. Phú Ninh	15° 36' 08"	108° 23' 12"					D-49-1-D-d
thôn Khánh Lộc	DC	xã Tam Thành	H. Phú Ninh	15° 37' 11"	108° 23' 39"					D-49-1-D-d
thôn Khánh Mỹ	DC	xã Tam Thành	H. Phú Ninh	15° 37' 29"	108° 24' 25"					D-49-1-D-d
thôn Lộc Yên	DC	xã Tam Thành	H. Phú Ninh	15° 36' 30"	108° 22' 01"					D-49-1-D-c
núi Ngọc Yên	SV	xã Tam Thành	H. Phú Ninh	15° 36' 20"	108° 21' 27"					D-49-1-D-c
sông Nhà Ngủ	TV	xã Tam Thành	H. Phú Ninh			15° 34' 07"	108° 20' 28"	15° 36' 49"	108° 27' 05"	D-49-1-D-d
kênh Phú Ninh	TV	xã Tam Thành	H. Phú Ninh			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-D-c
thôn Phú Thanh	DC	xã Tam Thành	H. Phú Ninh	15° 36' 40"	108° 25' 00"					D-49-1-D-d
thôn Trường Thành	DC	xã Tam Thành	H. Phú Ninh	15° 36' 58"	108° 23' 57"					D-49-1-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Tú Hội 2	DC	xã Tam Thành	H. Phú Ninh	15° 37' 17"	108° 24' 56"					D-49-1-D-d
thôn Tú Hội 3	DC	xã Tam Thành	H. Phú Ninh	15° 36' 47"	108° 25' 18"					D-49-1-D-d
thôn Văn Hà	DC	xã Tam Thành	H. Phú Ninh	15° 36' 41"	108° 24' 17"					D-49-1-D-d
thôn Vĩnh Ninh	DC	xã Tam Thành	H. Phú Ninh	15° 36' 08"	108° 22' 28"					D-49-1-D-c
đường tỉnh 615	KX	xã Tam Vinh	H. Phú Ninh			15° 37' 52"	108° 31' 18"	15° 33' 20"	108° 17' 34"	D-49-1-D-d
đập Cây Sanh	KX	xã Tam Vinh	H. Phú Ninh	15° 31' 39"	108° 22' 27"					D-49-1-D-c
núi Dương Con	SV	xã Tam Vinh	H. Phú Ninh	15° 33' 01"	108° 21' 56"					D-49-1-D-c
núi Dương Quyền	SV	xã Tam Vinh	H. Phú Ninh	15° 32' 16"	108° 22' 05"					D-49-1-D-c
thôn Đức Thạnh	DC	xã Tam Vinh	H. Phú Ninh	15° 32' 15"	108° 24' 05"					D-49-1-D-d
sông La Ngà	TV	xã Tam Vinh	H. Phú Ninh			15° 31' 39"	108° 22' 27"	15° 36' 23"	108° 27' 22"	D-49-1-D-c; D-49-1-D-d
thôn Lâm Môn	DC	xã Tam Vinh	H. Phú Ninh	15° 31' 49"	108° 22' 20"					D-49-1-D-c
kênh Phú Ninh	TV	xã Tam Vinh	H. Phú Ninh			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-D-d
thôn Tân Vinh	DC	xã Tam Vinh	H. Phú Ninh	15° 32' 56"	108° 23' 25"					D-49-1-D-d
thôn Tú Bình	DC	xã Tam Vinh	H. Phú Ninh	15° 32' 06"	108° 23' 19"					D-49-1-D-d
thôn Tú Lâm	DC	xã Tam Vinh	H. Phú Ninh	15° 31' 21"	108° 22' 35"					D-49-1-D-d
thôn Vĩnh Quý	DC	xã Tam Vinh	H. Phú Ninh	15° 33' 48"	108° 23' 21"					D-49-1-D-d
Khối 1	DC	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 21"	107° 46' 57"					D-48-24-B-a
khối 2A	DC	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 18"	107° 47' 23"					D-48-24-B-a
khối 2B	DC	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 28"	107° 47' 26"					D-48-24-B-a
Khối 3	DC	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 46"	107° 47' 19"					D-48-24-B-a
Khối 4	DC	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 38"	107° 47' 27"					D-48-24-B-a
Khối 5	DC	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 33"	107° 47' 42"					D-48-24-B-a
Khối 6	DC	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 36"	107° 47' 50"					D-48-24-B-a
Khối 7	DC	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 26"	107° 47' 34"					D-48-24-B-a
Cầu Bàn	KX	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 50"	107° 47' 18"					D-48-24-B-a
hồ C7	TV	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn	15° 25' 53"	107° 47' 06"					D-48-24-B-a
Thủy điện Đắc Sa	KX	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn	15° 25' 21"	107° 47' 02"					D-48-24-B-a
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn			16° 01' 19"	107° 30' 20"	15° 16' 09"	107° 43' 30"	D-48-24-B-a
Sông Mí	TV	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn			15° 12' 59"	107° 49' 09"	15° 34' 14"	107° 49' 39"	D-48-24-B-a
hồ Mùa Thu	TV	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 51"	107° 47' 51"					D-48-24-B-a
núi Peng Bum	SV	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 51"	107° 46' 42"					D-48-24-B-a
Sông Sa	TV	TT. Khâm Đức	H. Phước Sơn			15° 24' 30"	107° 42' 48"	15° 25' 58"	107° 49' 04"	D-48-24-B-a
Thôn 1	DC	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn	15° 23' 01"	107° 48' 29"					D-48-24-B-a
Thôn 2	DC	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn	15° 22' 14"	107° 48' 48"					D-48-24-B-c
Thôn 3	DC	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn	15° 22' 00"	107° 49' 05"					D-48-24-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Thôn 4	DC	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn	15° 21' 57"	107° 48' 52"					D-48-24-B-c
Thôn 5	DC	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn	15° 21' 04"	107° 49' 20"					D-48-24-B-c
Thôn 6	DC	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn	15° 20' 13"	107° 48' 51"					D-48-24-B-c
Thôn 7	DC	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn	15° 20' 07"	107° 49' 14"					D-48-24-B-c
Suối Dê	TV	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn			15° 22' 55"	107° 47' 57"	15° 23' 10"	107° 49' 56"	D-48-24-B-a
Sông Mí	TV	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn			15° 12' 59"	107° 49' 09"	15° 34' 14"	107° 49' 39"	D-48-24-B-c; D-48-24-B-a
sông Nước Chè	TV	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn			15° 13' 50"	107° 44' 19"	15° 25' 20"	107° 47' 11"	D-48-24-B-a
suối Nước Non	TV	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn			15° 22' 48"	107° 47' 57"	15° 22' 50"	107° 49' 58"	D-48-24-B-a; D-48-24-B-c
núi Pót Nát	SV	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn	15° 20' 56"	107° 48' 44"					D-48-24-B-c
núi Pót Nha	SV	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn	15° 22' 10"	107° 48' 27"					D-48-24-B-c
Sông Sa	TV	xã Phước Chánh	H. Phước Sơn			15° 24' 30"	107° 42' 48"	15° 25' 58"	107° 49' 04"	D-48-24-B-a
Thôn 1	DC	xã Phước Công	H. Phước Sơn	15° 19' 17"	107° 48' 29"					D-48-24-B-c
Thôn 2	DC	xã Phước Công	H. Phước Sơn	15° 18' 40"	107° 48' 33"					D-48-24-B-c
Thôn 3	DC	xã Phước Công	H. Phước Sơn	15° 18' 30"	107° 48' 38"					D-48-24-B-c
Thôn 4	DC	xã Phước Công	H. Phước Sơn	15° 19' 29"	107° 48' 30"					D-48-24-B-c
núi Đắc Bung	SV	xã Phước Công	H. Phước Sơn	15° 14' 21"	107° 46' 13"					D-48-24-D-a
núi Đắc Dinh	SV	xã Phước Công	H. Phước Sơn	15° 13' 26"	107° 46' 10"					D-48-24-D-a
Núi Gio	SV	xã Phước Công	H. Phước Sơn	15° 20' 33"	107° 46' 39"					D-48-24-B-c
Sông Mí	TV	xã Phước Công	H. Phước Sơn			15° 12' 59"	107° 49' 09"	15° 34' 14"	107° 49' 39"	D-48-24-B-c; D-48-24-D-a
núi Prao	SV	xã Phước Công	H. Phước Sơn	15° 18' 28"	107° 46' 53"					D-48-24-B-c
núi Puê Toc	SV	xã Phước Công	H. Phước Sơn	15° 18' 24"	107° 47' 35"					D-48-24-B-c
suối Sơ Pí	TV	xã Phước Công	H. Phước Sơn			15° 13' 40"	107° 46' 43"	15° 14' 46"	107° 48' 15"	D-48-24-D-a
suối Ta Lang	TV	xã Phước Công	H. Phước Sơn			15° 13' 40"	107° 47' 10"	15° 14' 12"	107° 48' 33"	D-48-24-D-a
núi Ti On	SV	xã Phước Công	H. Phước Sơn	15° 14' 38"	107° 46' 12"					D-48-24-D-a
Thôn 1	DC	xã Phước Đức	H. Phước Sơn	15° 25' 32"	107° 45' 58"					D-48-24-B-a
Thôn 2	DC	xã Phước Đức	H. Phước Sơn	15° 25' 49"	107° 45' 43"					D-48-24-B-a
Thôn 3	DC	xã Phước Đức	H. Phước Sơn	15° 25' 59"	107° 45' 33"					D-48-24-B-a
Thôn 4	DC	xã Phước Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 35"	107° 44' 36"					D-48-24-A-b
Thôn 5	DC	xã Phước Đức	H. Phước Sơn	15° 25' 12"	107° 46' 34"					D-48-24-B-a
Bãi Chuối	TV	xã Phước Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 48"	107° 43' 22"					D-48-24-A-b
dốc Cổng Trời	KX	xã Phước Đức	H. Phước Sơn	15° 24' 37"	107° 45' 57"					D-48-24-B-a
Bãi Gỗ	TV	xã Phước Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 33"	107° 47' 19"					D-48-24-A-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Phước Đức	H. Phước Sơn			16° 01' 19"	107° 30' 20"	15° 16' 09"	107° 43' 30"	D-48-24-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
sông Nước Chè	TV	xã Phước Đức	H. Phước Sơn			15° 13' 50"	107° 44' 19"	15° 25' 20"	107° 47' 11"	D-48-24-B-a
núi Peng Bum	SV	xã Phước Đức	H. Phước Sơn	15° 26' 51"	107° 46' 42"					D-48-24-B-a
Sông Sa	TV	xã Phước Đức	H. Phước Sơn			15° 24' 30"	107° 42' 48"	15° 25' 58"	107° 49' 04"	D-48-24-A-b; D-48-24-B-a
Sông Thanh	TV	xã Phước Đức	H. Phước Sơn			15° 23' 12"	107° 39' 33"	15° 41' 28"	107° 46' 01"	D-48-12-C-d; D-48-24-A-b
Suối Vam	TV	xã Phước Đức	H. Phước Sơn			15° 28' 06"	107° 42' 55"	15° 28' 53"	107° 42' 18"	D-48-24-A-b
Thôn 1	DC	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn	15° 28' 09"	107° 56' 46"					D-48-24-B-b
Thôn 3	DC	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn	15° 27' 59"	107° 56' 16"					D-48-24-B-b
Thôn 4	DC	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn	15° 28' 20"	107° 57' 14"					D-48-24-B-b
Thôn 7	DC	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn	15° 28' 14"	107° 56' 44"					D-48-24-B-b
Thôn 8	DC	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn	15° 27' 42"	107° 57' 01"					D-48-24-B-b
Thôn 9	DC	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn	15° 28' 27"	107° 57' 25"					D-48-24-B-b
Thôn 10	DC	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn	15° 29' 59"	107° 58' 57"					D-48-24-B-b
thôn 11	DC	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn	15° 27' 52"	107° 56' 09"					D-48-24-B-b
quốc lộ 14E	KX	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-48-12-D-d; D-48-24-B-b
suối Khe Trao	TV	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn			15° 30' 42"	107° 57' 29"	15° 29' 09"	107° 58' 03"	D-48-24-B-b
suối Lùm Mây	TV	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn			15° 32' 02"	107° 54' 16"	15° 28' 30"	107° 57' 23"	D-48-12-D-d; D-48-24-B-b
cầu Mò O	KX	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn	15° 30' 44"	107° 59' 33"					D-48-12-D-d
suối Mò O	TV	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn			15° 32' 50"	107° 56' 34"	15° 30' 36"	107° 59' 36"	D-48-12-D-d
Ban quản lý Rừng phòng hộ Đắc Mi	KX	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn	15° 28' 26"	107° 57' 23"					D-48-24-B-b
suối Sà Loa	TV	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn			15° 23' 23"	107° 56' 54"	15° 29' 03"	107° 57' 59"	D-48-24-B-b
Sông Trường	TV	xã Phước Hiệp	H. Phước Sơn			15° 26' 06"	107° 52' 50"	15° 34' 27"	108° 03' 18"	D-48-12-D-d; D-48-24-B-b
Thôn 2	DC	xã Phước Hoà	H. Phước Sơn	15° 27' 44"	107° 55' 30"					D-48-24-B-b
Thôn 5	DC	xã Phước Hoà	H. Phước Sơn	15° 27' 19"	107° 54' 31"					D-48-24-B-b
Thôn 6	DC	xã Phước Hoà	H. Phước Sơn	15° 27' 04"	107° 54' 23"					D-48-24-B-b
quốc lộ 14E	KX	xã Phước Hoà	H. Phước Sơn			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-48-24-B-a; D-48-24-B-b
Trạm Bảo vệ Rừng Ban quản lý Rừng phòng hộ Đắc Mi	KX	xã Phước Hoà	H. Phước Sơn	15° 26' 19"	107° 50' 16"					D-48-24-B-a
suối Cà Son	TV	xã Phước Hoà	H. Phước Sơn			15° 29' 17"	107° 54' 08"	15° 27' 45"	107° 54' 26"	D-48-24-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Sông Cái	TV	xã Phước Hoà	H. Phước Sơn			15° 34' 14"	107° 49' 39"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-12-D-c
Suối Đá	TV	xã Phước Hoà	H. Phước Sơn			15° 25' 18"	107° 52' 58"	15° 26' 49"	107° 53' 54"	D-48-24-B-b
Sông Mí	TV	xã Phước Hoà	H. Phước Sơn			15° 12' 59"	107° 49' 09"	15° 34' 14"	107° 49' 39"	D-48-24-B-a; D-48-24-B-c
khe Trà Vùi	TV	xã Phước Hoà	H. Phước Sơn			15° 30' 31"	107° 54' 18"	15° 27' 59"	107° 55' 29"	D-48-24-B-b; D-48-12-D-d
Sông Trường	TV	xã Phước Hoà	H. Phước Sơn			15° 26' 06"	107° 52' 50"	15° 34' 27"	108° 03' 18"	D-48-24-B-b
Sông Bui	TV	xã Phước Kim	H. Phước Sơn			15° 22' 15"	107° 55' 57"	15° 19' 42"	108° 06' 55"	D-48-24-B-d
núi Con Tim	SV	xã Phước Kim	H. Phước Sơn	15° 18' 44"	107° 51' 11"					D-48-24-B-c
Núi Hóc	SV	xã Phước Kim	H. Phước Sơn	15° 22' 41"	107° 50' 47"					D-48-24-B-a
thôn Luông A	DC	xã Phước Kim	H. Phước Sơn	15° 20' 12"	107° 52' 47"					D-48-24-B-d
thôn Luông B	DC	xã Phước Kim	H. Phước Sơn	15° 19' 27"	107° 53' 06"					D-48-24-B-d
Sông Mí	TV	xã Phước Kim	H. Phước Sơn			15° 12' 59"	107° 49' 09"	15° 34' 14"	107° 49' 39"	D-48-24-B-a; D-48-24-B-c
thôn Nước Kiết	DC	xã Phước Kim	H. Phước Sơn	15° 21' 07"	107° 51' 54"					D-48-24-B-c
sông Plác	TV	xã Phước Kim	H. Phước Sơn			15° 22' 54"	107° 52' 13"	15° 23' 27"	107° 50' 07"	D-48-24-B-a
Sông Sé	TV	xã Phước Kim	H. Phước Sơn			15° 19' 55"	107° 56' 29"	15° 20' 19"	107° 49' 52"	D-48-24-B-c; D-48-24-B-d
thôn Trà Văn A	DC	xã Phước Kim	H. Phước Sơn	15° 20' 22"	107° 53' 32"					D-48-24-B-d
thôn Trà Văn B	DC	xã Phước Kim	H. Phước Sơn	15° 20' 44"	107° 52' 34"					D-48-24-B-d
Thôn Triêng	DC	xã Phước Kim	H. Phước Sơn	15° 19' 20"	107° 53' 27"					D-48-24-B-d
thôn 5A	DC	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn	15° 15' 11"	107° 52' 16"					D-48-24-B-c
thôn 5B	DC	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn	15° 16' 07"	107° 52' 04"					D-48-24-B-c
Thôn 6	DC	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn	15° 15' 53"	107° 51' 31"					D-48-24-B-c
Thôn 7	DC	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn	15° 17' 11"	107° 51' 21"					D-48-24-B-c
thôn 8A	DC	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn	15° 16' 34"	107° 50' 29"					D-48-24-B-c
thôn 8B	DC	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn	15° 15' 12"	107° 50' 16"					D-48-24-B-c
núi Con Tim	SV	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn	15° 18' 44"	107° 51' 11"					D-48-24-B-c
Núi Giun	SV	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn	15° 12' 29"	107° 50' 10"					D-48-24-D-a
núi Kong Cáp	SV	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn	15° 15' 36"	107° 48' 54"					D-48-24-B-c
núi Lum Heo	SV	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn	15° 12' 06"	107° 52' 50"					D-48-24-D-a
Sông Mét	TV	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn			15° 16' 54"	107° 53' 37"	15° 17' 51"	107° 49' 02"	D-48-24-B-c; D-48-24-B-d
Sông Mí	TV	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn			15° 12' 59"	107° 49' 09"	15° 34' 14"	107° 49' 39"	D-48-24-B-c; D-48-24-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Sông Pay	TV	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn			15° 13' 59"	107° 53' 18"	15° 16' 17"	107° 51' 42"	D-48-24-B-c; D-48-24-D-a; D-48-24-D-b
dãy núi Po Teo Co	SV	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn	15° 12' 47"	107° 54' 45"					D-48-24-D-b
núi Rơ Lan	SV	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn	15° 17' 59"	107° 49' 52"					D-48-24-B-c
sông Rơ Lon	TV	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn			15° 12' 22"	107° 53' 53"	15° 12' 59"	107° 49' 09"	D-48-24-D-a; D-48-24-D-b
Núi Tua	SV	xã Phước Lộc	H. Phước Sơn	15° 13' 51"	107° 50' 21"					D-48-24-D-a
Thôn 1	DC	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 22' 37"	107° 45' 14"					D-48-24-B-a
Thôn 2	DC	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 21' 59"	107° 45' 17"					D-48-24-B-c
Thôn 3	DC	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 22' 44"	107° 45' 21"					D-48-24-B-a
Thôn 4	DC	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 21' 39"	107° 44' 44"					D-48-24-A-d
Thôn 5	DC	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 20' 16"	107° 44' 04"					D-48-24-A-d
núi Di O Ông	SV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 21' 16"	107° 43' 07"					D-48-24-A-d
núi Đắc Bung	SV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 14' 21"	107° 46' 13"					D-48-24-A-d
cầu Đắc Dôn	KX	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 16' 09"	107° 43' 30"					D-48-24-A-d
cầu Đắc Ết	KX	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 18' 13"	107° 43' 33"					D-48-24-B-c
cầu Đắc Gà	KX	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 20' 34"	107° 44' 16"					D-48-24-C-b
cầu Đắc Lang 2	KX	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 16' 44"	107° 43' 38"					D-48-24-A-d
cầu Đắc Mun	KX	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 22' 05"	107° 45' 09"					D-48-24-A-d
cầu Đắc Nhặng	KX	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 14' 37"	107° 44' 01"					D-48-24-C-b
cầu Đắc Ri	KX	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 19' 18"	107° 43' 55"					D-48-24-A-d
cầu Đắc Xa Ê	KX	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 21' 35"	107° 44' 33"					D-48-24-A-d
Suối Đôi	TV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn			15° 16' 09"	107° 43' 30"	15° 16' 16"	107° 43' 46"	D-48-24-A-d
Suối Gà	TV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn			15° 20' 57"	107° 40' 19"	15° 20' 35"	107° 44' 18"	D-48-24-A-d
Núi Gio	SV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 20' 33"	107° 46' 39"					D-48-24-B-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn			16° 01' 19"	107° 30' 20"	15° 16' 09"	107° 43' 30"	D-48-24-B-a; D-48-24-A-d; D-48-24-C-b
Cầu Hộp	KX	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 14' 31"	107° 44' 01"					D-48-24-A-d
sông Nước Chè	TV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn			15° 13' 50"	107° 44' 19"	15° 25' 20"	107° 47' 11"	D-48-24-C-b; D-48-24-A-d; D-48-24-B-c; D-48-24-B-a
núi Peng Péc	SV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 18' 14"	107° 42' 22"					D-48-24-B-a
núi Peng Tầu	SV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 21' 18"	107° 39' 41"					D-48-24-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Pơ Nang	TV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn			15° 15' 42"	107° 45' 26"	15° 16' 47"	107° 43' 45"	D-48-24-A-d; D-48-24-A-b
núi Pô Song	SV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 20' 47"	107° 45' 42"					D-48-24-A-d
núi Ta Vác	SV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 23' 00"	107° 45' 48"					D-48-24-B-a
núi Ti On	SV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn	15° 14' 38"	107° 46' 12"					D-48-24-B-c
suối Xà Ê	TV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn			15° 23' 27"	107° 43' 13"	15° 21' 28"	107° 44' 58"	D-48-24-A-d; D-48-24-A-b
Suối Xăng	TV	xã Phước Mỹ	H. Phước Sơn			15° 16' 49"	107° 45' 30"	15° 21' 02"	107° 44' 48"	D-48-24-A-d
Thôn 1	DC	xã Phước Năng	H. Phước Sơn	15° 24' 14"	107° 46' 10"					D-48-24-B-a
Thôn 2	DC	xã Phước Năng	H. Phước Sơn	15° 24' 00"	107° 45' 31"					D-48-24-B-a
Thôn 3	DC	xã Phước Năng	H. Phước Sơn	15° 23' 49"	107° 44' 58"					D-48-24-A-b
Thôn 4	DC	xã Phước Năng	H. Phước Sơn	15° 23' 24"	107° 44' 51"					D-48-24-A-b
Thôn 5	DC	xã Phước Năng	H. Phước Sơn	15° 23' 33"	107° 44' 41"					D-48-24-A-b
dốc Cổng Trời	KX	xã Phước Năng	H. Phước Sơn	15° 24' 37"	107° 45' 57"					D-48-24-B-a
Suối Dút	TV	xã Phước Năng	H. Phước Sơn			15° 24' 05"	107° 43' 27"	15° 24' 12"	107° 46' 39"	D-48-24-A-b; D-48-24-B-a
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Phước Năng	H. Phước Sơn			16° 01' 19"	107° 30' 20"	15° 16' 09"	107° 43' 30"	D-48-24-A-b; D-48-24-B-a
cầu Kà Tôi 1	KX	xã Phước Năng	H. Phước Sơn	15° 23' 53"	107° 45' 08"					D-48-24-B-a
cầu Kà Tôi 2	KX	xã Phước Năng	H. Phước Sơn	15° 23' 45"	107° 44' 58"					D-48-24-A-b
sông Nước Chè	TV	xã Phước Năng	H. Phước Sơn			15° 13' 50"	107° 44' 19"	15° 25' 20"	107° 47' 11"	D-48-24-B-a
núi Peng Táu	SV	xã Phước Năng	H. Phước Sơn	15° 21' 18"	107° 39' 41"					D-48-24-A-d
Sông Sa	TV	xã Phước Năng	H. Phước Sơn			15° 24' 30"	107° 42' 48"	15° 25' 58"	107° 49' 04"	D-48-24-A-b
núi Ta Vác	SV	xã Phước Năng	H. Phước Sơn	15° 23' 00"	107° 45' 48"					D-48-24-B-a
Sông Thanh	TV	xã Phước Năng	H. Phước Sơn			15° 23' 12"	107° 39' 33"	15° 41' 28"	107° 46' 01"	D-48-24-A-b
Suối Vam	TV	xã Phước Năng	H. Phước Sơn			15° 28' 06"	107° 42' 55"	15° 28' 53"	107° 42' 18"	D-48-24-A-b
thôn 1A	DC	xã Phước Thành	H. Phước Sơn	15° 17' 11"	107° 52' 54"					D-48-24-B-d
thôn 1B	DC	xã Phước Thành	H. Phước Sơn	15° 16' 25"	107° 52' 38"					D-48-24-B-d
Thôn 2	DC	xã Phước Thành	H. Phước Sơn	15° 17' 32"	107° 53' 58"					D-48-24-B-d
Thôn 3	DC	xã Phước Thành	H. Phước Sơn	15° 15' 43"	107° 54' 25"					D-48-24-B-d
thôn 4A	DC	xã Phước Thành	H. Phước Sơn	15° 16' 46"	107° 53' 32"					D-48-24-B-d
thôn 4B	DC	xã Phước Thành	H. Phước Sơn	15° 17' 13"	107° 53' 24"					D-48-24-B-d
Sông Mét	TV	xã Phước Thành	H. Phước Sơn			15° 16' 54"	107° 53' 37"	15° 17' 51"	107° 49' 02"	D-48-24-B-c; D-48-24-B-d
suối Mét 1	TV	xã Phước Thành	H. Phước Sơn			15° 16' 37"	107° 55' 10"	15° 16' 54"	107° 53' 37"	D-48-24-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Mết 2	TV	xã Phước Thành	H. Phước Sơn			15° 13' 10"	107° 54' 54"	15° 16' 54"	107° 53' 37"	D-48-24-B-d; D-48-24-D-b
Đồi Póc	SV	xã Phước Thành	H. Phước Sơn	15° 15' 49"	107° 53' 16"					D-48-24-B-d
đãy núi Po Teo Co	SV	xã Phước Thành	H. Phước Sơn	15° 12' 47"	107° 54' 45"					D-48-24-D-b
quốc lộ 14E	KX	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-48-24-B-a
cầu 31	KX	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn	15° 34' 19"	107° 49' 35"					D-48-12-D-c
cầu 32	KX	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn	15° 33' 42"	107° 47' 11"					D-48-12-D-c
suối 40	TV	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn			15° 30' 29"	107° 46' 34"	15° 30' 56"	107° 48' 40"	D-48-12-D-c
suối Ba Hai	TV	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn			15° 33' 31"	107° 45' 31"	15° 33' 43"	107° 49' 15"	D-48-12-D-c
suối Ba Ta	TV	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn			15° 35' 08"	107° 45' 19"	15° 34' 14"	107° 49' 39"	D-48-12-D-c
núi Bơ Hung	SV	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn	15° 34' 36"	107° 45' 05"					D-48-12-C-d; D-48-12-D-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn			16° 01' 19"	107° 30' 20"	15° 16' 09"	107° 43' 30"	D-48-12-D-c; D-48-24-B-a
Trạm Kiểm lâm Phước Xuân	KX	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn	15° 34' 21"	107° 49' 20"					D-48-12-D-c
thôn Lao Đu	DC	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn	15° 31' 01"	107° 48' 26"					D-48-12-D-c
thôn Lao Mung	DC	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn	15° 27' 30"	107° 49' 24"					D-48-24-B-a
Sông Mí	TV	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn			15° 12' 59"	107° 49' 09"	15° 34' 14"	107° 49' 39"	D-48-12-D-c; D-48-24-B-a
thôn Nước Lang	DC	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn	15° 29' 21"	107° 49' 41"					D-48-24-B-a
Sông Thanh	TV	xã Phước Xuân	H. Phước Sơn			15° 23' 12"	107° 39' 33"	15° 41' 28"	107° 46' 01"	D-48-12-C-d
đường tỉnh 611	KX	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn			15° 46' 42"	108° 19' 39"	15° 43' 27"	108° 03' 41"	D-49-1-C-b
đường tỉnh 611B	KX	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn			15° 40' 31"	108° 13' 05"	15° 36' 46"	108° 11' 38"	D-49-1-C-b
tổ dân phố Cang Tây	DC	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn	15° 40' 42"	108° 14' 14"					D-49-1-C-b
Tượng đài Chiến thắng Cẩm Dơi	KX	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn	15° 40' 20"	108° 13' 17"					D-49-1-C-b
cầu Dốc Mỡn	KX	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn	15° 40' 46"	108° 12' 09"					D-49-1-C-b
núi Động Mông	SV	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn	15° 42' 05"	108° 12' 29"					D-49-1-C-b
Cụm công nghiệp Đông Phú	KX	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn	15° 40' 36"	108° 12' 29"					D-49-1-C-b
tổ dân phố Lãnh Thượng 1	DC	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn	15° 40' 17"	108° 12' 32"					D-49-1-C-b
Xí nghiệp May Ánh Sáng	KX	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn	15° 40' 38"	108° 12' 47"					D-49-1-C-b
Cầu Liêu	KX	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn	15° 40' 03"	108° 12' 37"					D-49-1-C-b
sông Ly Ly	TV	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
tổ dân phố Mỹ Đông	DC	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn	15° 41' 23"	108° 13' 30"					D-49-1-C-b
núi Nông Hàm	SV	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn	15° 42' 04"	108° 14' 11"					D-49-1-C-b
cầu Sông Con	KX	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn	15° 40' 28"	108° 13' 42"					D-49-1-C-b
tổ dân phố Tam Hoà	DC	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn	15° 41' 07"	108° 12' 54"					D-49-1-C-b
tổ dân phố Thuận An	DC	TT. Đông Phú	H. Quế Sơn	15° 40' 33"	108° 13' 35"					D-49-1-C-b
Quốc lộ 1	KX	xã Hương An	H. Quế Sơn			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-B-c
đường tỉnh 611	KX	xã Hương An	H. Quế Sơn			15° 46' 42"	108° 19' 39"	15° 43' 27"	108° 03' 41"	D-49-1-B-c
Công ty cổ phần sản xuất Gạch-Ngói Nam Sơn	KX	xã Hương An	H. Quế Sơn	15° 46' 43"	108° 19' 53"					D-49-1-B-c
Bàu Đàng	TV	xã Hương An	H. Quế Sơn	15° 47' 03"	108° 20' 24"					D-49-1-B-c
Khu công nghiệp Đông Quế Sơn	KX	xã Hương An	H. Quế Sơn	15° 46' 27"	108° 20' 21"					D-49-1-B-c
thôn Đồng Tràm Bắc	DC	xã Hương An	H. Quế Sơn	15° 48' 28"	108° 19' 38"					D-49-1-B-c
thôn Đồng Tràm Nam	DC	xã Hương An	H. Quế Sơn	15° 47' 58"	108° 20' 12"					D-49-1-B-c
thôn Hương An	DC	xã Hương An	H. Quế Sơn	15° 46' 44"	108° 20' 00"					D-49-1-B-c
cầu Hương An	KX	xã Hương An	H. Quế Sơn	15° 46' 40"	108° 19' 55"					D-49-1-B-c
thôn Hương An Đông	DC	xã Hương An	H. Quế Sơn	15° 47' 10"	108° 19' 46"					D-49-1-B-c
thôn Hương Lộc	DC	xã Hương An	H. Quế Sơn	15° 46' 46"	108° 19' 31"					D-49-1-B-c
thôn Hương Lư	DC	xã Hương An	H. Quế Sơn	15° 46' 22"	108° 20' 09"					D-49-1-B-c
thôn Hương Yên	DC	xã Hương An	H. Quế Sơn	15° 47' 33"	108° 19' 59"					D-49-1-B-c
thôn Hương Yên Nam	DC	xã Hương An	H. Quế Sơn	15° 46' 29"	108° 20' 42"					D-49-1-B-c
sông Ly Ly	TV	xã Hương An	H. Quế Sơn			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-B-c
Xí nghiệp May Ánh Sáng	KX	xã Hương An	H. Quế Sơn	15° 46' 36"	108° 19' 48"					D-49-1-B-c
đường tỉnh 611	KX	xã Phú Thọ	H. Quế Sơn			15° 46' 42"	108° 19' 39"	15° 43' 27"	108° 03' 41"	D-49-1-B-c; D-49-1-D-a
thôn An Xuân	DC	xã Phú Thọ	H. Quế Sơn	15° 43' 35"	108° 16' 33"					D-49-1-D-a
sông Chợ Đụn	TV	xã Phú Thọ	H. Quế Sơn			15° 43' 51"	108° 10' 56"	15° 43' 57"	108° 19' 18"	D-49-1-D-a
thôn Đông Nam	DC	xã Phú Thọ	H. Quế Sơn	15° 42' 24"	108° 18' 33"					D-49-1-D-a
núi Hòn Mồ	SV	xã Phú Thọ	H. Quế Sơn	15° 45' 12"	108° 17' 22"					D-49-1-B-c
núi Hòn Thiên	SV	xã Phú Thọ	H. Quế Sơn	15° 44' 24"	108° 16' 52"					D-49-1-D-a
sông Ly Ly	TV	xã Phú Thọ	H. Quế Sơn			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-B-c; D-49-1-D-a
thôn Phước Chánh	DC	xã Phú Thọ	H. Quế Sơn	15° 44' 29"	108° 17' 46"					D-49-1-D-a
thôn Phước Phú Đông	DC	xã Phú Thọ	H. Quế Sơn	15° 44' 03"	108° 18' 20"					D-49-1-D-a
thôn Tân Đông Tây	DC	xã Phú Thọ	H. Quế Sơn	15° 42' 51"	108° 18' 18"					D-49-1-D-a
thôn Xuân Tây	DC	xã Phú Thọ	H. Quế Sơn	15° 42' 38"	108° 17' 47"					D-49-1-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Xuân Thái	DC	xã Phú Thọ	H. Quế Sơn	15° 43' 24"	108° 17' 27"					D-49-1-D-a
đường tỉnh 611B	KX	xã Quế An	H. Quế Sơn			15° 40' 31"	108° 13' 05"	15° 36' 46"	108° 11' 38"	D-49-1-C-b
cầu Bản 2	KX	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 37' 31"	108° 11' 51"					D-49-1-C-b
thôn Châu Sơn 1	DC	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 38' 08"	108° 11' 05"					D-49-1-C-b
thôn Châu Sơn 2	DC	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 38' 12"	108° 11' 59"					D-49-1-C-b
thôn Châu Sơn 3	DC	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 37' 44"	108° 11' 49"					D-49-1-C-b
Hồ Chén	SV	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 37' 30"	108° 09' 51"					D-49-1-C-d
núi Dương Là	SV	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 38' 17"	108° 10' 34"					D-49-1-C-b
núi Dương Trúc	SV	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 38' 27"	108° 11' 01"					D-49-1-C-b
núi Đá Khảm	SV	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 37' 25"	108° 11' 08"					D-49-1-C-d
thôn Đông Sơn	DC	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 37' 41"	108° 12' 15"					D-49-1-C-b
núi Hòn Chiên	SV	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 38' 51"	108° 11' 40"					D-49-1-C-b
núi Lạc Sơn	SV	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 37' 25"	108° 12' 54"					D-49-1-C-d
Cầu Liêu	KX	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 40' 03"	108° 12' 37"					D-49-1-C-b
sông Ly Ly	TV	xã Quế An	H. Quế Sơn			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-C-b
suối Ly Ly	TV	xã Quế An	H. Quế Sơn			15° 37' 18"	108° 15' 08"	15° 39' 46"	108° 15' 41"	D-49-1-D-a; D-49-1-D-c
núi Nồng Đứng	SV	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 37' 22"	108° 10' 38"					D-49-1-C-d
núi Rừng Già	SV	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 37' 57"	108° 10' 43"					D-49-1-C-d
thôn Thắng Đông 1	DC	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 39' 04"	108° 12' 36"					D-49-1-C-b
thôn Thắng Đông 2	DC	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 38' 31"	108° 12' 38"					D-49-1-C-b
thôn Thắng Tây	DC	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 39' 39"	108° 12' 33"					D-49-1-C-b
thôn Thắng Trà	DC	xã Quế An	H. Quế Sơn	15° 39' 55"	108° 12' 23"					D-49-1-C-b
Sông Vệ	TV	xã Quế An	H. Quế Sơn			15° 37' 41"	108° 10' 14"	15° 40' 10"	108° 13' 52"	D-49-1-C-b
đường tỉnh 611	KX	xã Quế Châu	H. Quế Sơn			15° 46' 42"	108° 19' 39"	15° 43' 27"	108° 03' 41"	D-49-1-C-b
thôn An Tráng	DC	xã Quế Châu	H. Quế Sơn	15° 40' 57"	108° 16' 40"					D-49-1-D-a
thôn Cang Đông	DC	xã Quế Châu	H. Quế Sơn	15° 41' 03"	108° 14' 23"					D-49-1-C-b
Núi Cao	SV	xã Quế Châu	H. Quế Sơn	15° 41' 52"	108° 14' 26"					D-49-1-C-b
thôn Đồng Thành A	DC	xã Quế Châu	H. Quế Sơn	15° 40' 55"	108° 16' 16"					D-49-1-D-a
thôn Đồng Thành B	DC	xã Quế Châu	H. Quế Sơn	15° 41' 13"	108° 15' 53"					D-49-1-D-a
thôn Đồng Thành C	DC	xã Quế Châu	H. Quế Sơn	15° 40' 36"	108° 15' 52"					D-49-1-D-a
thôn Khánh Đức	DC	xã Quế Châu	H. Quế Sơn	15° 40' 08"	108° 15' 30"					D-49-1-D-a
sông Ly Ly	TV	xã Quế Châu	H. Quế Sơn			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-C-b; D-49-1-D-a
suối Ngọc Khô	TV	xã Quế Châu	H. Quế Sơn			15° 40' 40"	108° 16' 51"	15° 41' 30"	108° 22' 13"	D-49-1-D-a
núi Nồng Hàm	SV	xã Quế Châu	H. Quế Sơn	15° 42' 04"	108° 14' 11"					D-49-1-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Phú Đa	DC	xã Quế Châu	H. Quế Sơn	15° 40' 55"	108° 14' 45"					D-49-1-C-b
thôn Phước Đức	DC	xã Quế Châu	H. Quế Sơn	15° 41' 03"	108° 15' 18"					D-49-1-D-a
Núi Thấp	SV	xã Quế Châu	H. Quế Sơn	15° 41' 37"	108° 14' 23"					D-49-1-C-b
thôn Xuân Cang	DC	xã Quế Châu	H. Quế Sơn	15° 40' 22"	108° 14' 32"					D-49-1-C-b
thôn Xuân Thượng	DC	xã Quế Châu	H. Quế Sơn	15° 39' 39"	108° 15' 02"					D-49-1-D-a
đường tỉnh 611	KX	xã Quế Cường	H. Quế Sơn			15° 46' 42"	108° 19' 39"	15° 43' 27"	108° 03' 41"	D-49-1-B-c
Cầu Bàn	KX	xã Quế Cường	H. Quế Sơn	15° 45' 44"	108° 19' 10"					D-49-1-B-c
núi Hòn Hiến	SV	xã Quế Cường	H. Quế Sơn	15° 45' 50"	108° 18' 16"					D-49-1-B-c
Cầu Kênh	KX	xã Quế Cường	H. Quế Sơn	15° 45' 36"	108° 18' 42"					D-49-1-B-c
sông Ly Ly	TV	xã Quế Cường	H. Quế Sơn			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-B-c; D-49-1-D-a
Núi Nhiễm	SV	xã Quế Cường	H. Quế Sơn	15° 44' 53"	108° 19' 24"					D-49-1-D-a
thôn Phú Cường 1	DC	xã Quế Cường	H. Quế Sơn	15° 44' 48"	108° 18' 39"					D-49-1-D-a
thôn Phú Cường 2	DC	xã Quế Cường	H. Quế Sơn	15° 44' 45"	108° 19' 36"					D-49-1-D-a
kênh Phú Ninh	TV	xã Quế Cường	H. Quế Sơn			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-B-c; D-49-1-D-a
Cụm công nghiệp Quế Cường	KX	xã Quế Cường	H. Quế Sơn	15° 45' 40"	108° 19' 20"					D-49-1-B-c
thôn Thạch Khê	DC	xã Quế Cường	H. Quế Sơn	15° 45' 43"	108° 18' 50"					D-49-1-B-c
cầu Vũng Chè	KX	xã Quế Cường	H. Quế Sơn	15° 46' 19"	108° 19' 37"					D-49-1-B-c
thôn Xuân Lư	DC	xã Quế Cường	H. Quế Sơn	15° 46' 01"	108° 19' 40"					D-49-1-B-c
sông Chợ Đụn	TV	xã Quế Hiệp	H. Quế Sơn			15° 43' 51"	108° 10' 56"	15° 43' 57"	108° 19' 18"	D-49-1-C-b; D-49-1-D-a
núi Động Mông	SV	xã Quế Hiệp	H. Quế Sơn	15° 42' 05"	108° 12' 29"					D-49-1-C-b
núi Hòn Tàu	SV	xã Quế Hiệp	H. Quế Sơn	15° 42' 55"	108° 09' 58"					D-49-1-C-b
núi Hòn Xôi	SV	xã Quế Hiệp	H. Quế Sơn	15° 42' 57"	108° 11' 19"					D-49-1-C-b
thôn Lộc Đại	DC	xã Quế Hiệp	H. Quế Sơn	15° 43' 12"	108° 13' 01"					D-49-1-C-b
thôn Nghi Hạ	DC	xã Quế Hiệp	H. Quế Sơn	15° 42' 58"	108° 14' 27"					D-49-1-C-b
thôn Nghi Sơn	DC	xã Quế Hiệp	H. Quế Sơn	15° 44' 12"	108° 14' 26"					D-49-1-C-b
thôn Nghi Thượng	DC	xã Quế Hiệp	H. Quế Sơn	15° 43' 21"	108° 13' 33"					D-49-1-C-b
thôn Nghi Trung	DC	xã Quế Hiệp	H. Quế Sơn	15° 43' 15"	108° 14' 24"					D-49-1-C-b
núi Nông Hàm	SV	xã Quế Hiệp	H. Quế Sơn	15° 42' 04"	108° 14' 11"					D-49-1-C-b
Khu du lịch Suối Tiên	KX	xã Quế Hiệp	H. Quế Sơn	15° 43' 36"	108° 12' 31"					D-49-1-C-b
Suối Tiên	TV	xã Quế Hiệp	H. Quế Sơn			15° 44' 31"	108° 11' 41"	15° 42' 48"	108° 12' 56"	D-49-1-C-b
đường tỉnh 611	KX	xã Quế Long	H. Quế Sơn			15° 46' 42"	108° 19' 39"	15° 43' 27"	108° 03' 41"	D-49-1-C-b
cầu Dốc Mỡn	KX	xã Quế Long	H. Quế Sơn	15° 40' 46"	108° 12' 09"					D-49-1-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Sông Đình	TV	xã Quế Long	H. Quế Sơn			15° 38' 06"	108° 09' 10"	15° 40' 01"	108° 12' 14"	D-49-1-C-b
Hồ Giang	TV	xã Quế Long	H. Quế Sơn	15° 41' 27"	108° 11' 00"					D-49-1-C-b
suối Gò Cuôn	TV	xã Quế Long	H. Quế Sơn			15° 39' 28"	108° 08' 30"	15° 40' 04"	108° 10' 48"	D-49-1-C-b
núi Hòn Tàu	SV	xã Quế Long	H. Quế Sơn	15° 42' 55"	108° 09' 58"					D-49-1-C-b
thôn Lảnh An	DC	xã Quế Long	H. Quế Sơn	15° 41' 09"	108° 11' 57"					D-49-1-C-b
thôn Lộc Sơn	DC	xã Quế Long	H. Quế Sơn	15° 41' 35"	108° 11' 19"					D-49-1-C-b
thôn Lộc Thượng 1	DC	xã Quế Long	H. Quế Sơn	15° 40' 53"	108° 11' 05"					D-49-1-C-b
thôn Lộc Thượng 2	DC	xã Quế Long	H. Quế Sơn	15° 40' 32"	108° 10' 49"					D-49-1-C-b
sông Ly Ly	TV	xã Quế Long	H. Quế Sơn			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-C-b
thôn Trung Thượng	DC	xã Quế Long	H. Quế Sơn	15° 40' 18"	108° 10' 32"					D-49-1-C-b
thôn Xuân Quê 1	DC	xã Quế Long	H. Quế Sơn	15° 39' 55"	108° 11' 35"					D-49-1-C-b
thôn Xuân Quê 2	DC	xã Quế Long	H. Quế Sơn	15° 40' 25"	108° 11' 54"					D-49-1-C-b
thôn An Lộc	DC	xã Quế Minh	H. Quế Sơn	15° 39' 49"	108° 13' 43"					D-49-1-C-b
đồi Cẩm Bọ	SV	xã Quế Minh	H. Quế Sơn	15° 38' 49"	108° 13' 23"					D-49-1-C-b
thôn Diên Lộc Bắc	DC	xã Quế Minh	H. Quế Sơn	15° 39' 48"	108° 14' 12"					D-49-1-C-b
thôn Diên Lộc Nam	DC	xã Quế Minh	H. Quế Sơn	15° 39' 15"	108° 14' 18"					D-49-1-C-b
thôn Đại Lộc	DC	xã Quế Minh	H. Quế Sơn	15° 39' 10"	108° 13' 45"					D-49-1-C-b
thôn Lạc Sơn	DC	xã Quế Minh	H. Quế Sơn	15° 37' 47"	108° 13' 12"					D-49-1-C-b
núi Lạc Sơn	SV	xã Quế Minh	H. Quế Sơn	15° 37' 25"	108° 12' 54"					D-49-1-C-d
thôn Lộc Sơn	DC	xã Quế Minh	H. Quế Sơn	15° 38' 34"	108° 13' 23"					D-49-1-C-b
sông Ly Ly	TV	xã Quế Minh	H. Quế Sơn			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-C-b
thôn Trung Lộc	DC	xã Quế Minh	H. Quế Sơn	15° 38' 14"	108° 13' 28"					D-49-1-C-b
Sông Vệ	TV	xã Quế Minh	H. Quế Sơn			15° 37' 41"	108° 10' 14"	15° 40' 10"	108° 13' 52"	D-49-1-C-b
thôn An Long 1	DC	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 38' 29"	108° 09' 22"					D-49-1-C-b
thôn An Long 2	DC	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 38' 16"	108° 10' 03"					D-49-1-C-b
hồ An Loong	TV	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 37' 51"	108° 09' 03"					D-49-1-C-b
núi Dương Là	SV	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 38' 17"	108° 10' 34"					D-49-1-C-b
núi Dương Trúc	SV	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 38' 27"	108° 11' 01"					D-49-1-C-b
Cầu Đình	KX	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 38' 28"	108° 09' 58"					D-49-1-C-b
Sông Đình	TV	xã Quế Phong	H. Quế Sơn			15° 38' 06"	108° 09' 10"	15° 40' 01"	108° 12' 14"	D-49-1-C-b
núi Géo Cóc	SV	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 40' 23"	108° 08' 50"					D-49-1-C-b
thôn Gia Cát Tây	DC	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 38' 52"	108° 09' 37"					D-49-1-C-b
thôn Gia Cát Trung	DC	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 39' 34"	108° 10' 00"					D-49-1-C-b
suối Gò Cuôn	TV	xã Quế Phong	H. Quế Sơn			15° 39' 28"	108° 08' 30"	15° 40' 04"	108° 10' 48"	D-49-1-C-b
hồ Hồ Giếng	TV	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 40' 12"	108° 09' 51"					D-49-1-C-b
núi Hòn Chiên	SV	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 38' 51"	108° 11' 40"					D-49-1-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Lộc Trung	DC	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 40' 01"	108° 10' 14"					D-49-1-C-b
cầu Mè Tré	KX	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 39' 13"	108° 10' 39"					D-49-1-C-b
thôn Phước Long	DC	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 38' 42"	108° 10' 19"					D-49-1-C-b
thôn Tân Phong	DC	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 39' 24"	108° 10' 34"					D-49-1-C-b
thôn Thạch Thượng	DC	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 39' 41"	108° 10' 54"					D-49-1-C-b
thôn Thuận Long	DC	xã Quế Phong	H. Quế Sơn	15° 39' 01"	108° 10' 50"					D-49-1-C-b
Quốc lộ 1	KX	xã Quế Phú	H. Quế Sơn			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-B-c
thôn 11	DC	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 47' 35"	108° 18' 39"					D-49-1-B-c
sông Bà Rén	TV	xã Quế Phú	H. Quế Sơn			15° 51' 10"	108° 08' 44"	15° 49' 12"	108° 19' 03"	D-49-1-B-c
thôn Đồng Tràm Tây	DC	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 48' 05"	108° 19' 21"					D-49-1-B-c
núi Hương Quế	SV	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 46' 23"	108° 19' 00"					D-49-1-B-c
thôn Hương Quế Đông	DC	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 47' 23"	108° 19' 09"					D-49-1-B-c
thôn Hương Quế Tây	DC	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 47' 04"	108° 18' 28"					D-49-1-B-c
thôn Hương Quế Trung	DC	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 47' 09"	108° 18' 50"					D-49-1-B-c
chùa Hương Sơn	KX	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 47' 30"	108° 19' 09"					D-49-1-B-c
sông Ly Ly	TV	xã Quế Phú	H. Quế Sơn			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-B-c
thôn Mộc Bài	DC	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 48' 05"	108° 18' 44"					D-49-1-B-c
thôn Mông Nghệ Bắc	DC	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 47' 44"	108° 17' 57"					D-49-1-B-c
thôn Mông Nghệ Đông	DC	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 47' 47"	108° 18' 16"					D-49-1-B-c
thôn Mông Nghệ Nam	DC	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 47' 12"	108° 17' 56"					D-49-1-B-c
kênh Phú Ninh	TV	xã Quế Phú	H. Quế Sơn			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-B-c
thôn Phương Nam	DC	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 46' 36"	108° 17' 10"					D-49-1-B-c
thôn Trà Đình 1	DC	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 48' 18"	108° 18' 51"					D-49-1-B-c
thôn Trà Đình 2	DC	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 48' 57"	108° 18' 55"					D-49-1-B-c
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ	KX	xã Quế Phú	H. Quế Sơn	15° 47' 39"	108° 18' 50"					D-49-1-B-c
đường tỉnh 611	KX	xã Quế Thuận	H. Quế Sơn			15° 46' 42"	108° 19' 39"	15° 43' 27"	108° 03' 41"	D-49-1-D-a
Núi Cao	SV	xã Quế Thuận	H. Quế Sơn	15° 41' 52"	108° 14' 26"					D-49-1-C-b
cầu Chợ Đụn	KX	xã Quế Thuận	H. Quế Sơn	15° 42' 58"	108° 16' 12"					D-49-1-D-a
sông Chợ Đụn	TV	xã Quế Thuận	H. Quế Sơn			15° 43' 51"	108° 10' 56"	15° 43' 57"	108° 19' 18"	D-49-1-C-b; D-49-1-D-a
núi Hòn Thiện	SV	xã Quế Thuận	H. Quế Sơn	15° 44' 19"	108° 16' 35"					D-49-1-D-a
núi Nông Hàm	SV	xã Quế Thuận	H. Quế Sơn	15° 42' 04"	108° 14' 11"					D-49-1-C-b
thôn Phong Phú	DC	xã Quế Thuận	H. Quế Sơn	15° 42' 01"	108° 16' 14"					D-49-1-D-a
thôn Phú Dương	DC	xã Quế Thuận	H. Quế Sơn	15° 42' 21"	108° 15' 44"					D-49-1-D-a
thôn Phước Dương	DC	xã Quế Thuận	H. Quế Sơn	15° 42' 31"	108° 15' 39"					D-49-1-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Phước Ninh	DC	xã Quế Thuận	H. Quế Sơn	15° 42' 17"	108° 15' 10"					D-49-1-D-a
thôn Phước Thành	DC	xã Quế Thuận	H. Quế Sơn	15° 41' 52"	108° 15' 24"					D-49-1-D-a
thôn Phước Thượng	DC	xã Quế Thuận	H. Quế Sơn	15° 43' 21"	108° 16' 19"					D-49-1-D-a
Quốc lộ 1	KX	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-B-c
thôn Bà Rén	DC	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 49' 27"	108° 17' 18"					D-49-1-B-c
cầu Bà Rén	KX	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 49' 34"	108° 17' 15"					D-49-1-B-c
sông Bà Rén	TV	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn			15° 51' 10"	108° 08' 44"	15° 49' 12"	108° 19' 03"	D-49-1-B-c
thôn Dưỡng Mông Đông	DC	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 49' 27"	108° 16' 50"					D-49-1-B-c
thôn Dưỡng Mông Tây	DC	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 49' 18"	108° 16' 40"					D-49-1-B-c
thôn Dưỡng Xuân	DC	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 48' 50"	108° 16' 24"					D-49-1-B-c
Núi Đất	SV	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 48' 22"	108° 16' 18"					D-49-1-B-c
cầu Phú Phong	KX	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 48' 47"	108° 17' 54"					D-49-1-B-c
thôn Phù Sa	DC	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 49' 18"	108° 17' 58"					D-49-1-B-c
chùa Phú Thạnh	KX	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 49' 18"	108° 17' 24"					D-49-1-B-c
chùa Phú Trang	KX	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 49' 03"	108° 17' 44"					D-49-1-B-c
thôn Thạnh Hoà	DC	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 49' 42"	108° 17' 44"					D-49-1-B-c
thôn Thạnh Mỹ	DC	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 49' 26"	108° 17' 38"					D-49-1-B-c
thôn Trung Vĩnh	DC	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 48' 47"	108° 18' 08"					D-49-1-B-c
thôn Xuân Phú	DC	xã Quế Xuân 1	H. Quế Sơn	15° 48' 50"	108° 16' 59"					D-49-1-B-c
Quốc lộ 1	KX	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-B-c
núi Dương Bà Chạm	SV	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 45' 44"	108° 17' 00"					D-49-1-B-c
thôn Hoà Dưỡng	DC	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 47' 57"	108° 16' 09"					D-49-1-B-c
thôn Hoà Mỹ Đông	DC	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 47' 28"	108° 16' 48"					D-49-1-B-c
thôn Hoà Mỹ Tây	DC	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 47' 38"	108° 16' 26"					D-49-1-B-c
núi Hòn Đèn	SV	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 45' 38"	108° 16' 12"					D-49-1-B-c
núi Hòn Giang	SV	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 46' 26"	108° 16' 11"					D-49-1-B-c
hồ Ông Thụ	TV	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 45' 24"	108° 16' 51"					D-49-1-B-c
đập Ông Thụ	KX	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 45' 25"	108° 17' 14"					D-49-1-B-c
thôn Phú Bình	DC	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 47' 38"	108° 17' 01"					D-49-1-B-c
thôn Phú Lộc	DC	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 46' 49"	108° 16' 43"					D-49-1-B-c
thôn Phú Mỹ	DC	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 48' 58"	108° 17' 38"					D-49-1-B-c
thôn Phú Nguyên	DC	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 47' 51"	108° 17' 25"					D-49-1-B-c
kênh Phú Ninh	TV	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-B-c
cầu Phú Phong	KX	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 48' 47"	108° 17' 54"					D-49-1-B-c
thôn Tân Mỹ	DC	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 48' 37"	108° 17' 24"					D-49-1-B-c
thôn Thượng Vĩnh	DC	xã Quế Xuân 2	H. Quế Sơn	15° 48' 38"	108° 17' 46"					D-49-1-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Acáp	DC	xã A Nông	H. Tây Giang	15° 57' 05"	107° 28' 19"					D-48-11-B-b
núi A Choong	SV	xã A Nông	H. Tây Giang	15° 57' 44"	107° 27' 05"					D-48-11-B-b
núi A Đơng	SV	xã A Nông	H. Tây Giang	15° 58' 20"	107° 26' 29"					D-48-11-B-b
núi A Lu	SV	xã A Nông	H. Tây Giang	15° 59' 16"	107° 26' 38"					D-48-11-B-b
thôn Anoonh	DC	xã A Nông	H. Tây Giang	15° 57' 00"	107° 27' 41"					D-48-11-B-b
thôn Arót	DC	xã A Nông	H. Tây Giang	15° 57' 10"	107° 27' 57"					D-48-11-B-b
thôn Axòo	DC	xã A Nông	H. Tây Giang	15° 57' 48"	107° 28' 05"					D-48-11-B-b
Đồn Biên phòng A Nông	KX	xã A Nông	H. Tây Giang	15° 57' 33"	107° 28' 01"					D-48-11-B-b
Trạm Biên phòng A Sò	KX	xã A Nông	H. Tây Giang	15° 58' 07"	107° 28' 46"					D-48-11-B-b
súoi Brénh	TV	xã A Nông	H. Tây Giang			15° 59' 00"	107° 28' 02"	15° 55' 03"	107° 29' 42"	D-48-11-B-b
súoi Chroong	TV	xã A Nông	H. Tây Giang			15° 58' 14"	107° 26' 32"	15° 58' 12"	107° 27' 27"	D-48-11-B-b
súoi Ha La	TV	xã A Nông	H. Tây Giang			16° 00' 33"	107° 27' 36"	15° 58' 08"	107° 30' 40"	E-48-95-D; D-48-11-B-b; D-48-12-A-a
Súoi Vi	TV	xã A Nông	H. Tây Giang			15° 57' 02"	107° 26' 05"	15° 56' 39"	107° 28' 36"	D-48-11-B-b
đường tỉnh 606	KX	xã A Tiêng	H. Tây Giang			15° 55' 48"	107° 31' 52"	15° 51' 22"	107° 28' 22"	D-48-11-B-b; D-48-12-A-a
núi A Có	SV	xã A Tiêng	H. Tây Giang	15° 53' 26"	107° 27' 24"					D-48-11-B-b
núi A Nháp	SV	xã A Tiêng	H. Tây Giang	15° 52' 39"	107° 32' 55"					D-48-12-A-a
núi A Nhich	SV	xã A Tiêng	H. Tây Giang	15° 52' 35"	107° 32' 23"					D-48-12-A-a
sông A Vương	TV	xã A Tiêng	H. Tây Giang			15° 53' 03"	107° 23' 40"	15° 43' 36"	107° 38' 11"	D-48-11-B-b; D-48-12-A-a
thôn Achiing	DC	xã A Tiêng	H. Tây Giang	15° 54' 51"	107° 29' 38"					D-48-11-B-b
thôn Agrông	DC	xã A Tiêng	H. Tây Giang	15° 53' 20"	107° 29' 27"					D-48-11-B-b
thôn Ahu	DC	xã A Tiêng	H. Tây Giang	15° 54' 37"	107° 29' 39"					D-48-11-B-b
súoi Brénh	TV	xã A Tiêng	H. Tây Giang			15° 59' 00"	107° 28' 02"	15° 55' 03"	107° 29' 42"	D-48-11-B-b
Núi Lách	SV	xã A Tiêng	H. Tây Giang	15° 53' 37"	107° 26' 32"					D-48-11-B-b
cầu Ma Loóc 1	KX	xã A Tiêng	H. Tây Giang	15° 54' 57"	107° 30' 30"					D-48-12-A-a
súoi Mơ Té	TV	xã A Tiêng	H. Tây Giang			15° 51' 54"	107° 30' 12"	15° 53' 51"	107° 31' 56"	D-48-12-A-a
thôn R'bhướp	DC	xã A Tiêng	H. Tây Giang	15° 53' 02"	107° 31' 03"					D-48-12-A-a
thôn Tàvàng	DC	xã A Tiêng	H. Tây Giang	15° 54' 29"	107° 29' 41"					D-48-11-B-b
núi Tơ Nâu	SV	xã A Tiêng	H. Tây Giang	15° 53' 57"	107° 33' 05"					D-48-12-A-a
núi Toóc	SV	xã A Tiêng	H. Tây Giang	15° 54' 47"	107° 27' 48"					D-48-11-B-b
thôn Zrút	DC	xã A Tiêng	H. Tây Giang	15° 55' 16"	107° 29' 10"					D-48-11-B-b
núi A Brâm	SV	xã A Vương	H. Tây Giang	16° 03' 54"	107° 37' 05"					E-48-96-C
cầu A Chát	KX	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 56' 26"	107° 35' 03"					D-48-12-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
núi A Chay	SV	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 59' 32"	107° 37' 47"					D-48-12-A-b
suoối A Két	TV	xã A Vương	H. Tây Giang			15° 57' 52"	107° 36' 25"	15° 57' 52"	107° 35' 22"	D-48-12-A-a
núi A Lin	SV	xã A Vương	H. Tây Giang	16° 01' 14"	107° 39' 17"					E-48-96-C
Núi Áo	SV	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 52' 40"	107° 34' 27"					D-48-12-A-c
thôn Apat	DC	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 54' 01"	107° 34' 16"					D-48-12-A-a
suoối A Tác	TV	xã A Vương	H. Tây Giang			15° 59' 32"	107° 36' 15"	15° 59' 10"	107° 35' 20"	D-48-12-A-a
suoối A Tạc	TV	xã A Vương	H. Tây Giang			15° 57' 35"	107° 33' 21"	15° 57' 05"	107° 34' 39"	D-48-12-A-a
thôn Aréc	DC	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 57' 30"	107° 35' 01"					D-48-12-A-a
sông A Vương	TV	xã A Vương	H. Tây Giang			15° 53' 03"	107° 23' 40"	15° 43' 36"	107° 38' 11"	D-48-12-A-a
cầu A Vương 1	KX	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 56' 38"	107° 34' 13"					D-48-12-A-a
thôn Aur	DC	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 59' 59"	107° 35' 18"					D-48-12-A-a
khe Boong	TV	xã A Vương	H. Tây Giang			16° 02' 36"	107° 36' 54"	16° 01' 23"	107° 35' 01"	E-48-96-C
thôn Blố 1	DC	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 56' 42"	107° 33' 49"					D-48-12-A-a
thôn Blố 2	DC	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 56' 38"	107° 33' 32"					D-48-12-A-a
suoối Chơ Rơ Ấm	TV	xã A Vương	H. Tây Giang			15° 56' 51"	107° 32' 46"	15° 56' 35"	107° 34' 15"	D-48-12-A-a
núi Chơ Tang	SV	xã A Vương	H. Tây Giang	16° 00' 14"	107° 32' 50"					E-48-96-C
khe Da Vư	TV	xã A Vương	H. Tây Giang			16° 00' 56"	107° 38' 58"	15° 59' 56"	107° 35' 14"	E-48-96-C; D-48-12-A-a
suoối Dơ Rơ Nga	TV	xã A Vương	H. Tây Giang			15° 54' 00"	107° 34' 26"	15° 55' 04"	107° 33' 53"	D-48-12-A-a
núi Đa Rong	SV	xã A Vương	H. Tây Giang	16° 03' 13"	107° 33' 56"					E-48-96-C
cầu Hai Dòng	KX	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 56' 19"	107° 36' 15"					D-48-12-A-a
đường Hồ Chí Minh	KX	xã A Vương	H. Tây Giang			16° 01' 19"	107° 30' 20"	15° 16' 09"	107° 43' 30"	D-48-12-A-a
núi Hơ Lim	SV	xã A Vương	H. Tây Giang	16° 01' 22"	107° 33' 31"					E-48-96-C
núi Lơ Gôm	SV	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 53' 56"	107° 35' 52"					D-48-12-A-a
suoối Mơ Roong	TV	xã A Vương	H. Tây Giang			16° 01' 23"	107° 35' 01"	15° 56' 41"	107° 34' 35"	E-48-96-C; D-48-12-A-a
núi Pa Ra Găn	SV	xã A Vương	H. Tây Giang	16° 01' 58"	107° 37' 12"					E-48-96-C
Suoối Păng	TV	xã A Vương	H. Tây Giang			15° 58' 08"	107° 32' 10"	15° 57' 35"	107° 33' 21"	D-48-12-A-a
suoối Pleng	TV	xã A Vương	H. Tây Giang			15° 55' 22"	107° 36' 01"	15° 55' 46"	107° 37' 05"	D-48-12-A-a
Suoối Tà	TV	xã A Vương	H. Tây Giang			15° 58' 40"	107° 32' 44"	15° 57' 35"	107° 33' 21"	D-48-12-A-a
núi Ta Lang	SV	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 59' 41"	107° 32' 50"					D-48-12-A-a
thôn T'ghêy	DC	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 55' 25"	107° 34' 13"					D-48-12-A-a
núi Tơ Nâu	SV	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 53' 57"	107° 33' 05"					D-48-12-A-a
thôn Xà Oi 1	DC	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 56' 22"	107° 35' 00"					D-48-12-A-a
thôn Xà Oi 2	DC	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 56' 33"	107° 36' 01"					D-48-12-A-a
thôn Xà Oi 3	DC	xã A Vương	H. Tây Giang	15° 56' 16"	107° 36' 18"					D-48-12-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
núi A Bon	SV	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 48' 33"	107° 17' 38"					D-48-11-B-c
núi A Đuông	SV	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 50' 56"	107° 16' 33"					D-48-11-B-c
thôn A Răng 1	DC	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 49' 38"	107° 18' 33"					D-48-11-B-c
thôn A Răng 2	DC	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 50' 27"	107° 18' 12"					D-48-11-B-c
thôn A Răng 3	DC	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 50' 06"	107° 18' 19"					D-48-11-B-c
thôn Agrih	DC	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 47' 19"	107° 18' 48"					D-48-11-B-c
Đồn Biên phòng A Xan	KX	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 49' 57"	107° 18' 22"					D-48-11-B-c
Sông Bung	TV	xã A Xan	H. Tây Giang			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-11-B-c
suối Da Ngrou (Gia Ngrou)	TV	xã A Xan	H. Tây Giang			15° 49' 19"	107° 15' 25"	15° 50' 16"	107° 17' 06"	D-48-11-B-c
núi Da Ngrou	SV	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 51' 51"	107° 18' 51"					D-48-11-B-c
núi Di Liêng	SV	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 48' 43"	107° 20' 14"					D-48-11-B-c
núi Đa Lơ	SV	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 48' 11"	107° 20' 16"					D-48-11-B-c
thôn Ganil	DC	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 48' 44"	107° 18' 30"					D-48-11-B-c
núi Hi Nghê	SV	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 45' 56"	107° 20' 50"					D-48-11-B-c
thôn Ka Noon 1	DC	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 50' 03"	107° 16' 48"					D-48-11-B-c
thôn Ka Noon 2	DC	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 50' 18"	107° 17' 13"					D-48-11-B-c
thôn Ka Noon 3	DC	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 49' 56"	107° 16' 17"					D-48-11-B-c
núi Ka Rênh	SV	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 48' 49"	107° 16' 55"					D-48-11-B-c
Suối Kên	TV	xã A Xan	H. Tây Giang			15° 46' 35"	107° 17' 05"	15° 45' 04"	107° 19' 06"	D-48-11-B-c
núi Ra Cắm	SV	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 46' 45"	107° 17' 55"					D-48-11-B-c
núi Rơ Rênh	SV	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 49' 10"	107° 19' 09"					D-48-11-B-c
Suối Sắc	TV	xã A Xan	H. Tây Giang			15° 53' 33"	107° 21' 27"	15° 50' 21"	107° 19' 24"	D-48-11-B-c; D-48-11-B-a
suối Tà Pô	TV	xã A Xan	H. Tây Giang			15° 50' 54"	107° 15' 44"	15° 49' 50"	107° 21' 00"	D-48-11-B-c
núi Tơ Noi	SV	xã A Xan	H. Tây Giang	15° 47' 02"	107° 20' 03"					D-48-11-B-c
đường tỉnh 606	KX	xã BhaLêê	H. Tây Giang			15° 55' 48"	107° 31' 52"	15° 51' 22"	107° 28' 22"	D-48-12-A-a
thôn A Tép 1	DC	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 58' 02"	107° 29' 57"					D-48-11-B-b
thôn A Tép 2	DC	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 58' 22"	107° 30' 36"					D-48-12-A-a
sông A Vương	TV	xã BhaLêê	H. Tây Giang			15° 53' 03"	107° 23' 40"	15° 43' 36"	107° 38' 11"	D-48-12-A-a
thôn Agiốc	DC	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 54' 52"	107° 30' 57"					D-48-12-A-a
thôn Aruung	DC	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 55' 46"	107° 31' 57"					D-48-12-A-a
thôn Auung	DC	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 54' 56"	107° 30' 55"					D-48-12-A-a
thôn Bhoóc	DC	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 54' 39"	107° 32' 20"					D-48-12-A-a
núi Chơ Tang	SV	xã BhaLêê	H. Tây Giang	16° 00' 14"	107° 32' 50"					D-48-12-A-a
núi Chroong	SV	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 58' 28"	107° 31' 10"					D-48-12-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Ha La	TV	xã BhaLêê	H. Tây Giang			16° 00' 33"	107° 27' 36"	15° 58' 08"	107° 30' 40"	D-48-11-B-b; D-48-12-A-a
đường Hồ Chí Minh	KX	xã BhaLêê	H. Tây Giang			16° 01' 19"	107° 30' 20"	15° 16' 09"	107° 43' 30"	E-48-96-C; D-48-12-A-a
núi Hơ Ngo	SV	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 59' 19"	107° 31' 30"					D-48-12-A-a
núi Mơ Rồ	SV	xã BhaLêê	H. Tây Giang	16° 01' 17"	107° 27' 55"					E-48-95-D
cầu BhaLêê 1-MT	KX	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 58' 07"	107° 30' 36"					D-48-12-A-a
thôn R'cung	DC	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 56' 02"	107° 32' 00"					D-48-12-A-a
cầu Tà Cung	KX	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 57' 29"	107° 31' 22"					D-48-12-A-a
núi Ta Lang	SV	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 59' 41"	107° 32' 50"					D-48-12-A-a
cầu Tà Làng	KX	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 55' 44"	107° 31' 54"					D-48-12-A-a
sông Tà Làng	TV	xã BhaLêê	H. Tây Giang			16° 00' 57"	107° 28' 17"	15° 55' 23"	107° 32' 28"	E-48-95-D; E-48-96-C; D-48-12-A-a
thôn Tà Làng	DC	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 56' 18"	107° 32' 08"					D-48-12-A-a
núi Tơ Nâu	SV	xã BhaLêê	H. Tây Giang	15° 53' 57"	107° 33' 05"					D-48-12-A-a
núi A Bon	SV	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 48' 33"	107° 17' 38"					D-48-11-B-c
núi A Tiên	SV	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 50' 51"	107° 15' 21"					D-48-11-B-c
thôn A Tu 1	DC	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 48' 47"	107° 13' 45"					D-48-12-A-a
thôn A Tu 2	DC	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 48' 40"	107° 13' 49"					D-48-11-A-d
thôn Achoong	DC	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 48' 03"	107° 15' 17"					D-48-11-A-d
Sông Bung	TV	xã Ch'ôm	H. Tây Giang			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-11-A-d
núi Cẩn Đượt	SV	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 48' 37"	107° 15' 19"					D-48-11-B-c
thôn Cha'nóc	DC	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 50' 00"	107° 15' 07"					D-48-11-A-d
núi Da Ngrou	SV	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 46' 32"	107° 15' 12"					D-48-11-A-d
suối Da Ngrou (Gia Ngrou)	TV	xã Ch'ôm	H. Tây Giang			15° 49' 19"	107° 15' 25"	15° 50' 16"	107° 17' 06"	D-48-11-B-c
suối Da Ngrou (Za Ngrou)	TV	xã Ch'ôm	H. Tây Giang			15° 45' 55"	107° 13' 38"	15° 46' 30"	107° 14' 52"	D-48-11-A-d
thôn Đhung	DC	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 47' 20"	107° 15' 28"					D-48-11-B-c
thôn H'jủh	DC	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 46' 47"	107° 15' 31"					D-48-11-B-c
núi Ka Rênh	SV	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 48' 49"	107° 16' 55"					D-48-11-B-c
thôn Rêh	DC	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 47' 02"	107° 15' 31"					D-48-11-B-c
suối Tà Pô	TV	xã Ch'ôm	H. Tây Giang			15° 50' 54"	107° 15' 44"	15° 49' 50"	107° 21' 00"	D-48-11-B-c
núi Ta Xiên	SV	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 47' 00"	107° 13' 46"					D-48-11-B-c
thôn Z'rưót	DC	xã Ch'ôm	H. Tây Giang	15° 47' 06"	107° 15' 37"					D-48-11-B-c
suối A Nan	TV	Xã Dang	H. Tây Giang			15° 52' 19"	107° 32' 25"	15° 50' 22"	107° 33' 26"	D-48-12-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
núi A Nháp	SV	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 52' 39"	107° 32' 55"					D-48-12-A-a
núi A Ron	SV	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 49' 23"	107° 33' 03"					D-48-12-A-c
suối A Xu	TV	Xã Dang	H. Tây Giang			15° 47' 40"	107° 32' 15"	15° 47' 57"	107° 33' 59"	D-48-12-A-c
thôn Ađầu	DC	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 50' 21"	107° 33' 24"					D-48-12-A-c
xóm Ali	DC	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 51' 10"	107° 35' 43"					D-48-12-A-c
thôn Alua	DC	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 49' 38"	107° 33' 35"					D-48-12-A-c
Núi Áo	SV	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 52' 40"	107° 34' 27"					D-48-12-A-c
xóm Aro	DC	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 51' 11"	107° 34' 12"					D-48-12-A-c
thôn Arui	DC	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 51' 30"	107° 33' 34"					D-48-12-A-c
núi Bơ Roóc	SV	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 48' 51"	107° 35' 39"					D-48-12-A-c
suối Chơ Rinh	TV	Xã Dang	H. Tây Giang			15° 50' 33"	107° 34' 07"	15° 50' 39"	107° 33' 39"	D-48-12-A-c
núi Coong Đang	SV	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 49' 10"	107° 34' 46"					D-48-12-A-c
Suối Đuốc	TV	Xã Dang	H. Tây Giang			15° 48' 37"	107° 34' 10"	15° 48' 01"	107° 34' 13"	D-48-12-A-c
Suối Giúc	TV	Xã Dang	H. Tây Giang			15° 52' 16"	107° 33' 21"	15° 49' 51"	107° 33' 26"	D-48-12-A-c
suối Hơ Rơ Nù	TV	Xã Dang	H. Tây Giang			15° 49' 51"	107° 33' 26"	15° 49' 15"	107° 36' 04"	D-48-12-A-c
núi Ka Coong	SV	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 51' 58"	107° 35' 08"					D-48-12-A-c
thôn K'la	DC	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 47' 58"	107° 33' 36"					D-48-12-A-c
thôn K'tiéc	DC	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 48' 04"	107° 33' 34"					D-48-12-A-c
thôn K'xêng	DC	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 49' 44"	107° 33' 23"					D-48-12-A-c
suối Mơ Rơ Lang	TV	Xã Dang	H. Tây Giang			15° 46' 15"	107° 33' 31"	15° 47' 55"	107° 34' 12"	D-48-12-A-c
đầy núi Ngư Mâm	SV	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 46' 29"	107° 31' 13"					D-48-12-A-c
suối Tâm Coong	TV	Xã Dang	H. Tây Giang			15° 51' 17"	107° 35' 35"	15° 49' 39"	107° 34' 59"	D-48-12-A-c
hồ Thủy điện A Vương	TV	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 48' 54"	107° 37' 37"					D-48-12-A-c
Suối Tu	TV	Xã Dang	H. Tây Giang			15° 50' 29"	107° 31' 30"	15° 49' 51"	107° 33' 26"	D-48-12-A-c
thôn Tư	DC	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 50' 45"	107° 33' 37"					D-48-12-A-c
thôn Zolao	DC	Xã Dang	H. Tây Giang	15° 49' 22"	107° 35' 56"					D-48-12-A-c
thôn Apool	DC	xã Ga Ri	H. Tây Giang	15° 45' 45"	107° 16' 03"					D-48-11-B-c
thôn Arooi	DC	xã Ga Ri	H. Tây Giang	15° 45' 57"	107° 17' 31"					D-48-11-B-c
thôn Ating	DC	xã Ga Ri	H. Tây Giang	15° 45' 27"	107° 17' 23"					D-48-11-B-c
Sông Bung	TV	xã Ga Ri	H. Tây Giang			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-11-D-a; D-48-11-A-d; D-49-1-B-c
núi Da Ngrou	SV	xã Ga Ri	H. Tây Giang	15° 46' 32"	107° 15' 12"					D-48-11-B-c
suối Da Ngrou (Za Ngrou)	TV	xã Ga Ri	H. Tây Giang			15° 45' 55"	107° 13' 38"	15° 46' 30"	107° 14' 52"	D-48-11-A-d
thôn Da Ding	DC	xã Ga Ri	H. Tây Giang	15° 45' 36"	107° 16' 23"					D-48-11-D-a
thôn Glao	DC	xã Ga Ri	H. Tây Giang	15° 44' 33"	107° 15' 43"					D-48-11-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Suối Kên	TV	xã Ga Ri	H. Tây Giang			15° 46' 35"	107° 17' 05"	15° 45' 04"	107° 19' 06"	D-48-11-B-c
Thôn Pút	DC	xã Ga Ri	H. Tây Giang	15° 45' 37"	107° 16' 00"					D-48-11-B-c
núi Ra Cầm	SV	xã Ga Ri	H. Tây Giang	15° 46' 45"	107° 17' 55"					D-48-11-B-c
núi Ta Xiên	SV	xã Ga Ri	H. Tây Giang	15° 47' 04"	107° 13' 40"					D-48-11-B-c
núi Võ Việt	SV	xã Ga Ri	H. Tây Giang	15° 45' 36"	107° 13' 02"					D-48-11-A-d
đường tỉnh 606	KX	Xã Lăng	H. Tây Giang			15° 55' 48"	107° 31' 52"	15° 51' 22"	107° 28' 22"	D-48-11-B-b; D-48-11-B-d
núi A Có	SV	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 53' 26"	107° 27' 24"					D-48-11-B-d
núi A Đông	SV	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 52' 01"	107° 24' 47"					D-48-11-B-d
núi A Đung	SV	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 52' 17"	107° 23' 51"					D-48-11-B-d
suối A Nan	TV	Xã Lăng	H. Tây Giang			15° 52' 19"	107° 32' 25"	15° 50' 22"	107° 33' 26"	D-48-12-A-c
núi A Nháp	SV	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 52' 39"	107° 32' 55"					D-48-12-A-a
núi A Nhích	SV	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 52' 35"	107° 32' 23"					D-48-12-A-a
suối Ra Hia	TV	Xã Lăng	H. Tây Giang			15° 53' 20"	107° 21' 40"	15° 49' 50"	107° 21' 00"	D-48-11-B-b; D-48-11-B-d
sông A Rất	TV	Xã Lăng	H. Tây Giang			15° 50' 46"	107° 30' 13"	15° 43' 58"	107° 30' 52"	D-48-11-B-d; D-48-12-A-c
núi A Rung	SV	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 49' 55"	107° 22' 28"					D-48-11-B-d
sông A Vương	TV	Xã Lăng	H. Tây Giang			15° 53' 03"	107° 23' 40"	15° 43' 36"	107° 38' 11"	D-48-11-B-b; D-48-11-B-d
thôn Aró	DC	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 52' 20"	107° 28' 37"					D-48-11-B-d
thôn Aróh	DC	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 51' 15"	107° 28' 29"					D-48-11-B-d
núi Ba Lăng	SV	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 50' 53"	107° 25' 01"					D-48-11-B-d
thôn Bha'lừa	DC	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 52' 05"	107° 28' 30"					D-48-11-B-d
núi Chơ Lách	SV	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 48' 53"	107° 30' 52"					D-48-12-A-c
suối Chơ Rơ Miết	TV	Xã Lăng	H. Tây Giang			15° 49' 23"	107° 30' 53"	15° 49' 11"	107° 30' 04"	D-48-12-A-c
Suối Duông	TV	Xã Lăng	H. Tây Giang			15° 50' 47"	107° 28' 38"	15° 49' 06"	107° 29' 49"	D-48-11-B-d
núi Đơ Hun	SV	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 49' 15"	107° 26' 04"					D-48-11-B-d
suối Ha Xo	TV	Xã Lăng	H. Tây Giang			15° 53' 20"	107° 25' 15"	15° 52' 04"	107° 28' 11"	D-48-11-B-b; D-48-11-B-d
thôn J'da	DC	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 52' 18"	107° 28' 43"					D-48-11-B-d
Núi Lách	SV	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 53' 37"	107° 26' 32"					D-48-11-B-d
Sông Lăng	TV	Xã Lăng	H. Tây Giang			15° 51' 28"	107° 23' 43"	15° 47' 50"	107° 29' 56"	D-48-11-B-d
Thôn Nal	DC	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 51' 18"	107° 28' 17"					D-48-11-B-d
suối Mơ Té	TV	Xã Lăng	H. Tây Giang			15° 51' 54"	107° 30' 12"	15° 53' 51"	107° 31' 56"	D-48-12-A-a; D-48-12-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
dãy núi Ngự Mâm	SV	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 46' 29"	107° 31' 13"					D-48-12-A-c
sông Pa Nâu	TV	Xã Lăng	H. Tây Giang			15° 47' 31"	107° 24' 12"	15° 43' 42"	107° 29' 34"	D-48-11-B-d
thôn Por'ning	DC	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 51' 08"	107° 28' 23"					D-48-11-B-d
núi Tà Cui	SV	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 50' 24"	107° 24' 19"					D-48-11-B-d
thôn Tà ri	DC	Xã Lăng	H. Tây Giang	15° 49' 38"	107° 29' 30"					D-48-11-B-d
Suối Tu	TV	Xã Lăng	H. Tây Giang			15° 50' 29"	107° 31' 30"	15° 49' 51"	107° 33' 26"	D-48-12-A-c
thôn A Banh 1	DC	xã Tr'hy	H. Tây Giang	15° 50' 09"	107° 21' 01"					D-48-11-B-c
thôn A Banh 2	DC	xã Tr'hy	H. Tây Giang	15° 50' 50"	107° 20' 51"					D-48-11-B-c
núi A Rung	SV	xã Tr'hy	H. Tây Giang	15° 49' 55"	107° 22' 28"					D-48-11-B-c
thôn Ariêu	DC	xã Tr'hy	H. Tây Giang	15° 47' 06"	107° 21' 14"					D-48-11-B-c
Sông Bung	TV	xã Tr'hy	H. Tây Giang			15° 50' 36"	107° 13' 59"	15° 49' 05"	107° 50' 51"	D-48-11-B-c; D-48-11-D-a
suối Croi	TV	xã Tr'hy	H. Tây Giang			15° 49' 50"	107° 21' 00"	15° 44' 01"	107° 21' 38"	D-48-11-B-c; D-48-11-D-a
thôn Dầm 1	DC	xã Tr'hy	H. Tây Giang	15° 47' 43"	107° 22' 31"					D-48-11-B-c; D-48-11-B-d
thôn Dầm 2	DC	xã Tr'hy	H. Tây Giang	15° 46' 15"	107° 22' 48"					D-48-11-B-c; D-48-11-B-d
núi Di Liêng	SV	xã Tr'hy	H. Tây Giang	15° 48' 43"	107° 20' 14"					D-48-11-B-c
núi Đa Lơ	SV	xã Tr'hy	H. Tây Giang	15° 48' 11"	107° 20' 16"					D-48-11-B-c
núi Hi Nghê	SV	xã Tr'hy	H. Tây Giang	15° 45' 56"	107° 20' 50"					D-48-11-B-c
suối Ra Hia	TV	xã Tr'hy	H. Tây Giang			15° 53' 20"	107° 21' 40"	15° 49' 50"	107° 21' 00"	D-48-11-B-c; D-48-11-B-d; D-49-1-B-b; D-48-11-B-a
suối Tà Pô	TV	xã Tr'hy	H. Tây Giang			15° 50' 54"	107° 15' 44"	15° 49' 50"	107° 21' 00"	D-48-11-B-c
núi Tơ Noi	SV	xã Tr'hy	H. Tây Giang	15° 47' 02"	107° 20' 03"					D-48-11-B-c
thôn Vòng	DC	xã Tr'hy	H. Tây Giang	15° 48' 47"	107° 22' 01"					D-48-11-B-c
Quốc lộ 1	KX	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-D-a
Tổ 1	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 43' 42"	108° 20' 44"					D-49-1-D-a
Tổ 2	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 44' 04"	108° 20' 49"					D-49-1-D-a
Tổ 3	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 44' 22"	108° 20' 50"					D-49-1-D-a
Tổ 4	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 44' 30"	108° 20' 52"					D-49-1-D-a
Tổ 5	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 44' 29"	108° 21' 07"					D-49-1-D-a
Tổ 6	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 44' 39"	108° 21' 17"					D-49-1-D-a
Tổ 7	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 44' 52"	108° 21' 20"					D-49-1-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Tổ 8	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 44' 25"	108° 21' 25"					D-49-1-D-a
Tổ 9	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 44' 05"	108° 21' 02"					D-49-1-D-a
Tổ 10	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 43' 39"	108° 21' 07"					D-49-1-D-a
tổ 11	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 43' 36"	108° 21' 37"					D-49-1-D-a
tổ 12	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 43' 46"	108° 22' 02"					D-49-1-D-a
tổ 13	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 43' 26"	108° 20' 49"					D-49-1-D-a
tổ 14	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 43' 22"	108° 22' 11"					D-49-1-D-a
quốc lộ 14E	KX	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-49-1-D-a
tổ 15	DC	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 43' 18"	108° 21' 50"					D-49-1-D-a
suối Chung Phước	TV	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình			15° 42' 57"	108° 21' 07"	15° 42' 57"	108° 21' 56"	D-49-1-D-a
Trung tâm Đăng kiểm Thủy Bộ	KX	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 43' 33"	108° 22' 02"					D-49-1-D-a
chùa Giác Nguyên	KX	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 44' 17"	108° 20' 55"					D-49-1-D-a
chùa Giác Quang	KX	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 43' 22"	108° 21' 42"					D-49-1-D-a
cầu Hà Lam	KX	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 44' 31"	108° 21' 31"					D-49-1-D-a
Núi Vàng	SV	TT. Hà Lam	H. Thăng Bình	15° 44' 17"	108° 20' 04"					D-49-1-D-a
Quốc lộ 1	KX	xã Bình An	H. Thăng Bình			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-D-b
thôn An Dưỡng	DC	xã Bình An	H. Thăng Bình	15° 38' 55"	108° 25' 11"					D-49-1-D-b
thôn An Mỹ	DC	xã Bình An	H. Thăng Bình	15° 38' 05"	108° 23' 40"					D-49-1-D-b
thôn An Phước	DC	xã Bình An	H. Thăng Bình	15° 39' 05"	108° 23' 23"					D-49-1-D-b
thôn An Thái	DC	xã Bình An	H. Thăng Bình	15° 39' 13"	108° 25' 55"					D-49-1-D-b
chùa An Thái	KX	xã Bình An	H. Thăng Bình	15° 39' 06"	108° 25' 52"					D-49-1-D-b
chùa An Thành	KX	xã Bình An	H. Thăng Bình	15° 38' 18"	108° 25' 46"					D-49-1-D-b
thôn An Thành 1	DC	xã Bình An	H. Thăng Bình	15° 38' 19"	108° 25' 20"					D-49-1-D-b
thôn An Thành 2	DC	xã Bình An	H. Thăng Bình	15° 38' 22"	108° 26' 26"					D-49-1-D-b
thôn An Thành 3	DC	xã Bình An	H. Thăng Bình	15° 37' 35"	108° 25' 26"					D-49-1-D-b
suối Bàu Mặn	TV	xã Bình An	H. Thăng Bình			15° 40' 28"	108° 25' 48"	15° 36' 18"	108° 27' 34"	D-49-1-D-b
nhà thờ Giáo xứ An Sơn	KX	xã Bình An	H. Thăng Bình	15° 38' 28"	108° 23' 10"					D-49-1-D-b
nhà thờ Giáo xứ Bình Phong	KX	xã Bình An	H. Thăng Bình	15° 38' 18"	108° 25' 24"					D-49-1-D-b
cầu Gò Tre 1	KX	xã Bình An	H. Thăng Bình	15° 38' 27"	108° 26' 18"					D-49-1-D-b
chùa Tôn Lương	KX	xã Bình An	H. Thăng Bình	15° 39' 11"	108° 25' 12"					D-49-1-D-b
thôn An Bình	DC	xã Bình Chánh	H. Thăng Bình	15° 40' 24"	108° 21' 23"					D-49-1-D-a
suối Bình Chánh	TV	xã Bình Chánh	H. Thăng Bình			15° 38' 31"	108° 18' 35"	15° 40' 28"	108° 25' 48"	D-49-1-D-a; D-49-1-D-b
suối Cẩm Lũ	TV	xã Bình Chánh	H. Thăng Bình			15° 42' 20"	108° 23' 06"	15° 41' 29"	108° 24' 49"	D-49-1-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Kinh Tế Mới	DC	xã Bình Chánh	H. Thăng Bình	15° 39' 26"	108° 22' 05"					D-49-1-D-a
thôn Long Hội	DC	xã Bình Chánh	H. Thăng Bình	15° 39' 07"	108° 21' 35"					D-49-1-D-a
thôn Mỹ Trà	DC	xã Bình Chánh	H. Thăng Bình	15° 40' 05"	108° 22' 08"					D-49-1-D-a
kênh N14	TV	xã Bình Chánh	H. Thăng Bình			15° 38' 46"	108° 20' 53"	15° 40' 09"	108° 25' 55"	D-49-1-D-a; D-49-1-D-b
súoi Ngọc Khô	TV	xã Bình Chánh	H. Thăng Bình			15° 40' 40"	108° 16' 51"	15° 41' 30"	108° 22' 13"	D-49-1-D-a
thôn Ngũ Xã	DC	xã Bình Chánh	H. Thăng Bình	15° 39' 50"	108° 20' 40"					D-49-1-D-a
kênh Phú Ninh	TV	xã Bình Chánh	H. Thăng Bình			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-D-a
súoi Phú Xuân	TV	xã Bình Chánh	H. Thăng Bình			15° 38' 02"	108° 21' 31"	15° 40' 33"	108° 23' 16"	D-49-1-D-a; D-49-1-D-b
thôn Tú Trà	DC	xã Bình Chánh	H. Thăng Bình	15° 40' 45"	108° 22' 13"					D-49-1-D-a; D-49-1-D-b
chùa Vĩnh Gia	KX	xã Bình Chánh	H. Thăng Bình	15° 39' 37"	108° 21' 09"					D-49-1-D-a
quốc lộ 14E	KX	xã Bình Đào	H. Thăng Bình			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-49-1-B-d
chùa Giác Hải	KX	xã Bình Đào	H. Thăng Bình	15° 45' 48"	108° 24' 03"					D-49-1-B-d
thôn Phước Long	DC	xã Bình Đào	H. Thăng Bình	15° 45' 36"	108° 24' 50"					D-49-1-B-d
thôn Trà Đoá 1	DC	xã Bình Đào	H. Thăng Bình	15° 46' 10"	108° 24' 25"					D-49-1-B-d
thôn Trà Đoá 2	DC	xã Bình Đào	H. Thăng Bình	15° 45' 46"	108° 24' 01"					D-49-1-B-d
sông Trường Giang	TV	xã Bình Đào	H. Thăng Bình			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-1-B-d; D-49-1-D-b
thôn Vân Tiên	DC	xã Bình Đào	H. Thăng Bình	15° 44' 39"	108° 25' 38"					D-49-1-D-b
quốc lộ 14E	KX	xã Bình Định Bắc	H. Thăng Bình			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-49-1-D-a
Cụm công nghiệp Bình An	KX	xã Bình Định Bắc	H. Thăng Bình	15° 41' 32"	108° 18' 35"					D-49-1-D-a
thôn Bình An	DC	xã Bình Định Bắc	H. Thăng Bình	15° 41' 17"	108° 17' 33"					D-49-1-D-a
thôn Đồng Dương	DC	xã Bình Định Bắc	H. Thăng Bình	15° 40' 45"	108° 18' 19"					D-49-1-D-a
sông Ly Ly	TV	xã Bình Định Bắc	H. Thăng Bình			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-D-a
súoi Ngọc Khô	TV	xã Bình Định Bắc	H. Thăng Bình			15° 40' 40"	108° 16' 51"	15° 41' 30"	108° 22' 13"	D-49-1-D-a
cầu Ông Triệu	KX	xã Bình Định Bắc	H. Thăng Bình	15° 40' 57"	108° 18' 35"					D-49-1-D-a
thôn Xuân An	DC	xã Bình Định Bắc	H. Thăng Bình	15° 41' 47"	108° 17' 32"					D-49-1-D-a
thôn Xuân Thái Đông	DC	xã Bình Định Bắc	H. Thăng Bình	15° 39' 50"	108° 17' 40"					D-49-1-D-a
thôn Xuân Thái Tây	DC	xã Bình Định Bắc	H. Thăng Bình	15° 39' 11"	108° 17' 06"					D-49-1-D-a
súoi Bình Chánh	TV	xã Bình Định Nam	H. Thăng Bình			15° 38' 31"	108° 18' 35"	15° 40' 28"	108° 25' 48"	D-49-1-D-a
thôn Châu Xuân Đông	DC	xã Bình Định Nam	H. Thăng Bình	15° 39' 56"	108° 19' 29"					D-49-1-D-a
thôn Châu Xuân Tây	DC	xã Bình Định Nam	H. Thăng Bình	15° 39' 48"	108° 18' 43"					D-49-1-D-a
thôn Điện An	DC	xã Bình Định Nam	H. Thăng Bình	15° 38' 17"	108° 18' 15"					D-49-1-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Điện An	TV	xã Bình Định Nam	H. Thăng Bình			15° 37' 56"	108° 17' 40"	15° 38' 31"	108° 18' 35"	D-49-1-D-a
thôn Đồng Đức	DC	xã Bình Định Nam	H. Thăng Bình	15° 39' 10"	108° 19' 00"					D-49-1-D-a
thôn Hưng Lộc	DC	xã Bình Định Nam	H. Thăng Bình	15° 38' 40"	108° 18' 14"					D-49-1-D-a
Núi Ngang	SV	xã Bình Định Nam	H. Thăng Bình	15° 40' 25"	108° 18' 57"					D-49-1-D-a
thôn Thanh Sơn	DC	xã Bình Định Nam	H. Thăng Bình	15° 39' 17"	108° 19' 51"					D-49-1-D-a
núi Trại Chân	SV	xã Bình Định Nam	H. Thăng Bình	15° 36' 50"	108° 17' 58"					D-49-1-D-c
đường tỉnh 613	KX	xã Bình Dương	H. Thăng Bình			15° 45' 37"	108° 20' 38"	15° 46' 29"	108° 25' 15"	D-49-1-B-d
thôn Ấp Nam	DC	xã Bình Dương	H. Thăng Bình	15° 47' 55"	108° 22' 48"					D-49-1-B-d
thôn Bàu Bính Hạ	DC	xã Bình Dương	H. Thăng Bình	15° 49' 02"	108° 23' 39"					D-49-1-B-d
thôn Bàu Bính Thượng	DC	xã Bình Dương	H. Thăng Bình	15° 49' 38"	108° 23' 04"					D-49-1-B-d
thôn Cây Mọc	DC	xã Bình Dương	H. Thăng Bình	15° 49' 29"	108° 21' 31"					D-49-1-B-c
thôn Đồng Hà	DC	xã Bình Dương	H. Thăng Bình	15° 47' 32"	108° 23' 16"					D-49-1-B-d
thôn Hà Tây	DC	xã Bình Dương	H. Thăng Bình	15° 48' 50"	108° 24' 26"					D-49-1-B-d
thôn Lạc Cầu	DC	xã Bình Dương	H. Thăng Bình	15° 48' 58"	108° 21' 42"					D-49-1-B-c
sông Trường Giang	TV	xã Bình Dương	H. Thăng Bình			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-1-B-d; D-49-1-B-c
đường tỉnh 613	KX	xã Bình Giang	H. Thăng Bình			15° 45' 37"	108° 20' 38"	15° 46' 29"	108° 25' 15"	D-49-1-B-c
thôn Bình Hoà	DC	xã Bình Giang	H. Thăng Bình	15° 48' 44"	108° 20' 47"					D-49-1-B-c
thôn Bình Khương	DC	xã Bình Giang	H. Thăng Bình	15° 46' 47"	108° 22' 57"					D-49-1-B-d
thôn Bình Túy	DC	xã Bình Giang	H. Thăng Bình	15° 47' 37"	108° 22' 03"					D-49-1-B-c
thôn Hiền Lương	DC	xã Bình Giang	H. Thăng Bình	15° 49' 01"	108° 19' 59"					D-49-1-B-c
sông Trường Giang	TV	xã Bình Giang	H. Thăng Bình			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-1-B-d; D-49-1-B-c
thôn An Thuyền	DC	xã Bình Hải	H. Thăng Bình	15° 41' 43"	108° 28' 20"					D-49-1-D-b
thôn Đồng Trì	DC	xã Bình Hải	H. Thăng Bình	15° 42' 19"	108° 27' 49"					D-49-1-D-b
thôn Hiệp Hưng	DC	xã Bình Hải	H. Thăng Bình	15° 42' 52"	108° 27' 14"					D-49-1-D-b
thôn Kỳ Trân	DC	xã Bình Hải	H. Thăng Bình	15° 41' 21"	108° 28' 57"					D-49-1-D-b
thôn Phước An 1	DC	xã Bình Hải	H. Thăng Bình	15° 43' 32"	108° 26' 39"					D-49-1-D-b
thôn Phước An 2	DC	xã Bình Hải	H. Thăng Bình	15° 43' 13"	108° 26' 58"					D-49-1-D-b
sông Trường Giang	TV	xã Bình Hải	H. Thăng Bình			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-1-D-b
cầu Số 5	KX	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 38' 45"	108° 15' 23"					D-49-1-D-a
cầu Số 6	KX	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 38' 10"	108° 14' 32"					D-49-1-C-b
cầu Số 7	KX	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 37' 57"	108° 13' 53"					D-49-1-C-b
quốc lộ 14E	KX	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-49-1-C-b; D-49-1-C-d; D-49-1-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Bắc Bình Sơn	DC	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 38' 56"	108° 14' 55"					D-49-1-D-a
thôn Cao Ngạn	DC	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 36' 16"	108° 15' 30"					D-49-1-D-c
hồ Cao Ngạn	TV	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 37' 18"	108° 15' 19"					D-49-1-D-c
Núi Cẩm	SV	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 37' 43"	108° 14' 01"					D-49-1-C-b
thôn Cẩm Sơn	DC	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 37' 41"	108° 16' 05"					D-49-1-D-a
núi Cháp Chải	SV	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 36' 49"	108° 16' 04"					D-49-1-D-c
Núi Gai	SV	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 36' 36"	108° 14' 11"					D-49-1-C-d
thôn Hiền Lộc	DC	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 38' 09"	108° 14' 12"					D-49-1-C-b
đỉnh Hiền Lộc	KX	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 37' 54"	108° 14' 03"					D-49-1-C-b
thôn Hiền Phong	DC	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 37' 22"	108° 14' 24"					D-49-1-C-d
thôn La Nga	DC	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 37' 34"	108° 15' 11"					D-49-1-D-c
núi Lạc Sơn	SV	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 37' 25"	108° 12' 54"					D-49-1-C-d
suối Ly Ly	TV	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình			15° 37' 18"	108° 15' 08"	15° 39' 46"	108° 15' 41"	D-49-1-D-a; D-49-1-D-c
thôn Nam Bình Sơn	DC	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 38' 21"	108° 15' 19"					D-49-1-C-b
Núi Ngang	SV	xã Bình Lãnh	H. Thăng Bình	15° 35' 28"	108° 15' 10"					D-49-1-D-c
Quốc lộ 1	KX	xã Bình Phục	H. Thăng Bình			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-D-b; D-49-2-C-a; D-49-1-D-a
quốc lộ 14E	KX	xã Bình Phục	H. Thăng Bình			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-49-1-B-d; D-49-1-D-a; D-49-1-D-b
đường tỉnh 613	KX	xã Bình Phục	H. Thăng Bình			15° 45' 37"	108° 20' 38"	15° 46' 29"	108° 25' 15"	D-49-1-D-b
Bàu Bàn	TV	xã Bình Phục	H. Thăng Bình			15° 45' 51"	108° 22' 06"	15° 44' 22"	108° 22' 16"	D-49-1-B-c; D-49-1-D-a
thôn Bình Hiệp	DC	xã Bình Phục	H. Thăng Bình	15° 42' 59"	108° 22' 50"					D-49-1-D-b
Cầu Cao	KX	xã Bình Phục	H. Thăng Bình	15° 42' 35"	108° 23' 01"					D-49-1-D-b
chùa Huệ Quang	KX	xã Bình Phục	H. Thăng Bình	15° 44' 46"	108° 22' 19"					D-49-1-D-a
thôn Ngọc Sơn Đông	DC	xã Bình Phục	H. Thăng Bình	15° 45' 44"	108° 22' 18"					D-49-1-B-c
thôn Ngọc Sơn Tây	DC	xã Bình Phục	H. Thăng Bình	15° 46' 18"	108° 21' 39"					D-49-1-B-c
thôn Tắt Viên	DC	xã Bình Phục	H. Thăng Bình	15° 44' 24"	108° 22' 44"					D-49-1-B-c
chùa Tắt Viên	KX	xã Bình Phục	H. Thăng Bình	15° 44' 27"	108° 22' 43"					D-49-1-D-b
Bàu Tre	TV	xã Bình Phục	H. Thăng Bình			15° 44' 22"	108° 22' 16"	15° 43' 39"	108° 22' 56"	D-49-1-D-a; D-49-1-D-b
suối Trường An	TV	xã Bình Phục	H. Thăng Bình			15° 43' 39"	108° 22' 56"	15° 41' 29"	108° 24' 49"	D-49-1-D-b
quốc lộ 14E	KX	xã Bình Minh	H. Thăng Bình			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-49-1-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 613	KX	xã Bình Minh	H. Thăng Bình			15° 45' 37"	108° 20' 38"	15° 46' 29"	108° 25' 15"	D-49-1-B-d
bãi tắm Bình Minh	KX	xã Bình Minh	H. Thăng Bình	15° 46' 45"	108° 25' 48"					D-49-1-B-d
thôn Bình Tân	DC	xã Bình Minh	H. Thăng Bình	15° 45' 52"	108° 26' 02"					D-49-1-B-d
thôn Bình Tịnh	DC	xã Bình Minh	H. Thăng Bình	15° 44' 57"	108° 26' 39"					D-49-1-D-b
thôn Hà Bình	DC	xã Bình Minh	H. Thăng Bình	15° 46' 30"	108° 25' 41"					D-49-1-B-d
thôn Tân An	DC	xã Bình Minh	H. Thăng Bình	15° 46' 60"	108° 25' 31"					D-49-1-B-d
súoi Bàu Mặn	TV	xã Bình Nam	H. Thăng Bình			15° 40' 28"	108° 25' 48"	15° 36' 18"	108° 27' 34"	D-49-1-D-b
cầu Bình Đông	KX	xã Bình Nam	H. Thăng Bình	15° 39' 29"	108° 29' 36"					D-49-1-D-b
thôn Đông Tác	DC	xã Bình Nam	H. Thăng Bình	15° 39' 47"	108° 28' 44"					D-49-1-D-b
cầu Gò Tre 2	KX	xã Bình Nam	H. Thăng Bình	15° 38' 32"	108° 26' 43"					D-49-1-D-b
thôn Nghĩa Hoà	DC	xã Bình Nam	H. Thăng Bình	15° 38' 39"	108° 29' 37"					D-49-1-D-b
thôn Phương Tân	DC	xã Bình Nam	H. Thăng Bình	15° 39' 47"	108° 29' 57"					D-49-1-D-b
thôn Thái Đông	DC	xã Bình Nam	H. Thăng Bình	15° 38' 42"	108° 27' 25"					D-49-1-D-b
thôn Tịnh Yên	DC	xã Bình Nam	H. Thăng Bình	15° 38' 15"	108° 27' 36"					D-49-1-D-b
sông Trường Giang	TV	xã Bình Nam	H. Thăng Bình			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-1-D-b
thôn Vĩnh Giang	DC	xã Bình Nam	H. Thăng Bình	15° 39' 03"	108° 30' 25"					D-49-1-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã Bình Nguyên	H. Thăng Bình			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-B-c; D-49-1-D-a
đường tỉnh 613	KX	xã Bình Nguyên	H. Thăng Bình			15° 45' 37"	108° 20' 38"	15° 46' 29"	108° 25' 15"	D-49-1-B-c; D-49-1-D-a
chùa Giác Thanh	KX	xã Bình Nguyên	H. Thăng Bình	15° 45' 33"	108° 20' 46"					D-49-1-B-c
sông Ly Ly	TV	xã Bình Nguyên	H. Thăng Bình			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-B-c; D-49-1-D-a
thôn Liễu Thanh	DC	xã Bình Nguyên	H. Thăng Bình	15° 45' 23"	108° 21' 33"					D-49-1-B-c
thôn Liễu Trì	DC	xã Bình Nguyên	H. Thăng Bình	15° 45' 04"	108° 21' 08"					D-49-1-B-c
Trung tâm Sát hạch lái xe Quảng Nam	KX	xã Bình Nguyên	H. Thăng Bình	15° 45' 50"	108° 20' 47"					D-49-1-B-c
thôn Thanh Ly 1	DC	xã Bình Nguyên	H. Thăng Bình	15° 45' 45"	108° 20' 30"					D-49-1-B-c
thôn Thanh Ly 2	DC	xã Bình Nguyên	H. Thăng Bình	15° 45' 11"	108° 20' 21"					D-49-1-B-c
Núi Vàng	SV	xã Bình Nguyên	H. Thăng Bình	15° 44' 17"	108° 20' 04"					D-49-1-D-a
súoi Bình Chánh	TV	xã Bình Phú	H. Thăng Bình			15° 38' 31"	108° 18' 35"	15° 40' 28"	108° 25' 48"	D-49-1-D-a
súoi Châu Long	TV	xã Bình Phú	H. Thăng Bình			15° 37' 13"	108° 19' 09"	15° 38' 02"	108° 21' 31"	D-49-1-D-a; D-49-1-D-c
núi Đá Đay	SV	xã Bình Phú	H. Thăng Bình	15° 36' 56"	108° 18' 20"					D-49-1-D-c
núi Đá Đen	SV	xã Bình Phú	H. Thăng Bình	15° 35' 12"	108° 19' 13"					D-49-1-D-c
núi Đá Ngựa	SV	xã Bình Phú	H. Thăng Bình	15° 36' 17"	108° 20' 41"					D-49-1-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Đức An	DC	xã Bình Phú	H. Thăng Bình	15° 37' 34"	108° 20' 23"					D-49-1-D-a
núi Lâm Cẩm	SV	xã Bình Phú	H. Thăng Bình	15° 36' 08"	108° 19' 53"					D-49-1-D-c
thôn Linh Cang	DC	xã Bình Phú	H. Thăng Bình	15° 36' 32"	108° 18' 26"					D-49-1-D-c
thôn Long Hội	DC	xã Bình Phú	H. Thăng Bình	15° 38' 36"	108° 20' 50"					D-49-1-D-a
thôn Lý Trường	DC	xã Bình Phú	H. Thăng Bình	15° 38' 49"	108° 19' 59"					D-49-1-D-a
kênh Phú Ninh	TV	xã Bình Phú	H. Thăng Bình			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-D-a
thôn Phước Hà	DC	xã Bình Phú	H. Thăng Bình	15° 37' 37"	108° 19' 31"					D-49-1-D-a
hồ Phước Hà	TV	xã Bình Phú	H. Thăng Bình	15° 36' 55"	108° 18' 58"					D-49-1-D-c
núi Trại Chân	SV	xã Bình Phú	H. Thăng Bình	15° 36' 50"	108° 17' 58"					D-49-1-D-c
thôn Bình Hội	DC	xã Bình Quế	H. Thăng Bình	15° 39' 08"	108° 22' 26"					D-49-1-D-a
thôn Bình Phụng	DC	xã Bình Quế	H. Thăng Bình	15° 37' 24"	108° 22' 32"					D-49-1-D-d
thôn Bình Quang	DC	xã Bình Quế	H. Thăng Bình	15° 38' 08"	108° 22' 37"					D-49-1-D-b
chùa Bình Quế	KX	xã Bình Quế	H. Thăng Bình	15° 38' 11"	108° 22' 33"					D-49-1-D-c
thôn Bình Xá	DC	xã Bình Quế	H. Thăng Bình	15° 36' 58"	108° 21' 38"					D-49-1-D-c
suối Châu Long	TV	xã Bình Quế	H. Thăng Bình			15° 37' 13"	108° 19' 09"	15° 38' 02"	108° 21' 31"	D-49-1-D-a; D-49-1-D-c
núi Đá Ngựa	SV	xã Bình Quế	H. Thăng Bình	15° 36' 17"	108° 20' 41"					D-49-1-D-c
kênh N14	TV	xã Bình Quế	H. Thăng Bình			15° 38' 46"	108° 20' 53"	15° 40' 09"	108° 25' 55"	D-49-1-D-a; D-49-1-D-b
núi Ngọc Yên	SV	xã Bình Quế	H. Thăng Bình	15° 36' 20"	108° 21' 27"					D-49-1-D-c
kênh Phú Ninh	TV	xã Bình Quế	H. Thăng Bình			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-D-a; D-49-1-D-c
suối Phú Xuân	TV	xã Bình Quế	H. Thăng Bình			15° 37' 13"	108° 19' 09"	15° 40' 33"	108° 23' 16"	D-49-1-D-a
nhà thờ Tin lành Bình Quế	KX	xã Bình Quế	H. Thăng Bình	15° 37' 10"	108° 21' 43"					D-49-1-D-b+2-C-a
quốc lộ 14E	KX	xã Bình Quý	H. Thăng Bình			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-49-1-D-a
suối Bà Quy	TV	xã Bình Quý	H. Thăng Bình			15° 42' 37"	108° 19' 55"	15° 42' 57"	108° 21' 07"	D-49-1-D-a
suối Bình Chánh	TV	xã Bình Quý	H. Thăng Bình			15° 38' 31"	108° 18' 35"	15° 40' 28"	108° 25' 48"	D-49-1-D-a
cầu Kênh Phú Ninh	KX	xã Bình Quý	H. Thăng Bình	15° 42' 19"	108° 19' 27"					D-49-1-D-a
sông Ly Ly	TV	xã Bình Quý	H. Thăng Bình			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-D-a
Gò Mú	SV	xã Bình Quý	H. Thăng Bình	15° 42' 16"	108° 20' 40"					D-49-1-D-a
suối Ngọc Khô	TV	xã Bình Quý	H. Thăng Bình			15° 40' 40"	108° 16' 51"	15° 41' 30"	108° 22' 13"	D-49-1-D-a
cầu Ông Triệu	KX	xã Bình Quý	H. Thăng Bình	15° 40' 57"	108° 18' 35"					D-49-1-D-a
ga Phú Cang	KX	xã Bình Quý	H. Thăng Bình	15° 42' 22"	108° 20' 22"					D-49-1-D-a
kênh Phú Ninh	TV	xã Bình Quý	H. Thăng Bình			15° 30' 29"	108° 27' 45"	15° 48' 26"	108° 14' 26"	D-49-1-D-a
thôn Quý Hương	DC	xã Bình Quý	H. Thăng Bình	15° 40' 40"	108° 20' 24"					D-49-1-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Quý Mỹ	DC	xã Bình Quý	H. Thăng Bình	15° 42' 19"	108° 21' 42"					D-49-1-D-a
thôn Quý Phước 1	DC	xã Bình Quý	H. Thăng Bình	15° 41' 59"	108° 20' 59"					D-49-1-D-a
thôn Quý Phước 2	DC	xã Bình Quý	H. Thăng Bình	15° 42' 29"	108° 20' 52"					D-49-1-D-a
thôn Quý Thạnh 1	DC	xã Bình Quý	H. Thăng Bình	15° 42' 58"	108° 19' 49"					D-49-1-D-a
thôn Quý Thạnh 2	DC	xã Bình Quý	H. Thăng Bình	15° 43' 28"	108° 19' 60"					D-49-1-D-a
thôn Quý Xuân 1	DC	xã Bình Quý	H. Thăng Bình	15° 42' 30"	108° 19' 38"					D-49-1-D-a
thôn Quý Xuân 2	DC	xã Bình Quý	H. Thăng Bình	15° 41' 27"	108° 19' 00"					D-49-1-D-a
cầu Suối Bà Ven	KX	xã Bình Quý	H. Thăng Bình	15° 41' 09"	108° 20' 35"					D-49-1-D-a
thôn Bình Trúc 1	DC	xã Bình Sa	H. Thăng Bình	15° 41' 53"	108° 26' 38"					D-49-1-D-b
thôn Bình Trúc 2	DC	xã Bình Sa	H. Thăng Bình	15° 41' 25"	108° 26' 56"					D-49-1-D-b
thôn Châu Khê	DC	xã Bình Sa	H. Thăng Bình	15° 42' 30"	108° 26' 04"					D-49-1-D-b
sông Chợ Bộ	TV	xã Bình Sa	H. Thăng Bình			15° 43' 54"	108° 25' 15"	15° 44' 22"	108° 25' 14"	D-49-1-D-b
thôn Cổ Linh	DC	xã Bình Sa	H. Thăng Bình	15° 40' 43"	108° 27' 54"					D-49-1-D-b
thôn Tây Giang	DC	xã Bình Sa	H. Thăng Bình	15° 41' 01"	108° 27' 48"					D-49-1-D-b
thôn Tiên Đoã	DC	xã Bình Sa	H. Thăng Bình	15° 43' 13"	108° 25' 37"					D-49-1-D-b
sông Trường Giang	TV	xã Bình Sa	H. Thăng Bình			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-1-D-b
quốc lộ 14E	KX	xã Bình Trị	H. Thăng Bình			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-49-1-D-a
thôn Châu Lâm	DC	xã Bình Trị	H. Thăng Bình	15° 39' 58"	108° 17' 01"					D-49-1-D-a
núi Chắp Chải	SV	xã Bình Trị	H. Thăng Bình	15° 36' 49"	108° 16' 04"					D-49-1-D-c
suối Điện An	TV	xã Bình Trị	H. Thăng Bình			15° 37' 56"	108° 17' 40"	15° 38' 31"	108° 18' 35"	D-49-1-D-a; D-49-1-D-c
cầu Đồi 1	KX	xã Bình Trị	H. Thăng Bình	15° 39' 07"	108° 15' 56"					D-49-1-D-a
cầu Đồi 2	KX	xã Bình Trị	H. Thăng Bình	15° 39' 07"	108° 15' 53"					D-49-1-D-a
hồ Đông Tiến	TV	xã Bình Trị	H. Thăng Bình	15° 37' 43"	108° 17' 28"					D-49-1-D-a
sông Ly Ly	TV	xã Bình Trị	H. Thăng Bình			15° 40' 04"	108° 10' 48"	15° 50' 33"	108° 19' 55"	D-49-1-D-a
suối Ly Ly	TV	xã Bình Trị	H. Thăng Bình			15° 37' 18"	108° 15' 08"	15° 39' 46"	108° 15' 41"	D-49-1-D-a
thôn Tái Định Cư	DC	xã Bình Trị	H. Thăng Bình	15° 38' 50"	108° 17' 12"					D-49-1-D-a
núi Trại Chân	SV	xã Bình Trị	H. Thăng Bình	15° 36' 50"	108° 17' 58"					D-49-1-D-c
thôn Việt Sơn	DC	xã Bình Trị	H. Thăng Bình	15° 39' 14"	108° 16' 13"					D-49-1-D-a
thôn Vinh Đông	DC	xã Bình Trị	H. Thăng Bình	15° 38' 35"	108° 17' 15"					D-49-1-D-a
thôn Vinh Nam	DC	xã Bình Trị	H. Thăng Bình	15° 38' 06"	108° 16' 55"					D-49-1-D-a
quốc lộ 14E	KX	xã Bình Triều	H. Thăng Bình			15° 46' 29"	108° 25' 38"	15° 27' 28"	107° 49' 22"	D-49-1-B-d
sông Chợ Bộ	TV	xã Bình Triều	H. Thăng Bình			15° 43' 54"	108° 25' 15"	15° 44' 22"	108° 25' 14"	D-49-1-D-b
chùa Hưng Mỹ	KX	xã Bình Triều	H. Thăng Bình	15° 43' 53"	108° 25' 01"					D-49-1-D-b
thôn Hưng Mỹ	DC	xã Bình Triều	H. Thăng Bình	15° 43' 55"	108° 24' 26"					D-49-1-D-b
chùa Phước Âm	KX	xã Bình Triều	H. Thăng Bình	15° 45' 28"	108° 23' 38"					D-49-1-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Phước Âm	DC	xã Bình Triều	H. Thăng Bình	15° 45' 28"	108° 23' 09"					D-49-1-B-d
thôn Phước Châu	DC	xã Bình Triều	H. Thăng Bình	15° 45' 52"	108° 23' 33"					D-49-1-B-d
sông Trường Giang	TV	xã Bình Triều	H. Thăng Bình			15° 51' 19"	108° 21' 20"	15° 28' 55"	108° 40' 51"	D-49-1-B-d; D-49-1-D-b
vịnh Vân Tây	TV	xã Bình Triều	H. Thăng Bình			15° 44' 54"	108° 24' 34"	15° 44' 34"	108° 25' 01"	D-49-1-D-b
thôn Vân Tây	DC	xã Bình Triều	H. Thăng Bình	15° 44' 54"	108° 24' 16"					D-49-1-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã Bình Trung	H. Thăng Bình			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-D-b
Trại giống Cây trồng Vật nuôi Bình Trung	KX	xã Bình Trung	H. Thăng Bình	15° 39' 38"	108° 22' 58"					D-49-1-D-b
suối Bàu Mặn	TV	xã Bình Trung	H. Thăng Bình			15° 40' 28"	108° 25' 48"	15° 36' 18"	108° 27' 34"	D-49-1-D-b
suối Bình Chánh	TV	xã Bình Trung	H. Thăng Bình			15° 38' 31"	108° 18' 35"	15° 40' 28"	108° 25' 48"	D-49-1-D-b
cầu Bình Lút	KX	xã Bình Trung	H. Thăng Bình	15° 40' 19"	108° 24' 34"					D-49-1-D-b
chùa Bình Quang	KX	xã Bình Trung	H. Thăng Bình	15° 40' 28"	108° 24' 31"					D-49-1-D-b
thôn Đồng Xuân	DC	xã Bình Trung	H. Thăng Bình	15° 40' 14"	108° 26' 23"					D-49-1-D-b
suối Hiệp Hoà	TV	xã Bình Trung	H. Thăng Bình			15° 41' 29"	108° 24' 49"	15° 40' 28"	108° 25' 48"	D-49-1-D-b
cầu Kẽ Xuyên	KX	xã Bình Trung	H. Thăng Bình	15° 40' 47"	108° 24' 18"					D-49-1-D-b
thôn Kẽ Xuyên 1	DC	xã Bình Trung	H. Thăng Bình	15° 40' 27"	108° 23' 49"					D-49-1-D-b
thôn Kẽ Xuyên 2	DC	xã Bình Trung	H. Thăng Bình	15° 40' 25"	108° 24' 26"					D-49-1-D-b
kênh N14	TV	xã Bình Trung	H. Thăng Bình			15° 38' 46"	108° 20' 53"	15° 40' 09"	108° 25' 55"	D-49-1-D-b
suối Phú Xuân	TV	xã Bình Trung	H. Thăng Bình			15° 37' 13"	108° 19' 09"	15° 40' 33"	108° 23' 16"	D-49-1-D-b
thôn Trà Long	DC	xã Bình Trung	H. Thăng Bình	15° 40' 22"	108° 25' 00"					D-49-1-D-b
thôn Tứ Sơn	DC	xã Bình Trung	H. Thăng Bình	15° 40' 54"	108° 26' 06"					D-49-1-D-b
thôn Vinh Phú	DC	xã Bình Trung	H. Thăng Bình	15° 39' 23"	108° 24' 11"					D-49-1-D-b
thôn Vĩnh Xuân	DC	xã Bình Trung	H. Thăng Bình	15° 39' 55"	108° 23' 35"					D-49-1-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã Bình Tú	H. Thăng Bình			15° 56' 52"	108° 13' 08"	15° 22' 32"	108° 43' 11"	D-49-1-D-b
mương Bàu Hoãn	TV	xã Bình Tú	H. Thăng Bình			15° 41' 38"	108° 23' 46"	15° 41' 57"	108° 24' 16"	D-49-1-D-b
suối Bình Chánh	TV	xã Bình Tú	H. Thăng Bình			15° 38' 31"	108° 18' 35"	15° 40' 28"	108° 25' 48"	D-49-1-D-b
Cầu Cao	KX	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 42' 35"	108° 23' 01"					D-49-1-D-b
chùa Cẩm Bình	KX	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 41' 16"	108° 23' 36"					D-49-1-D-b
cầu Cẩm Lũ	KX	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 41' 23"	108° 23' 56"					D-49-1-D-b
suối Cẩm Lũ	TV	xã Bình Tú	H. Thăng Bình			15° 42' 20"	108° 23' 06"	15° 41' 29"	108° 24' 49"	D-49-1-D-a; D-49-1-D-b
chùa Diệu Giác	KX	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 41' 57"	108° 23' 01"					D-49-1-D-b
suối Hiệp Hoà	TV	xã Bình Tú	H. Thăng Bình			15° 41' 29"	108° 24' 49"	15° 40' 28"	108° 25' 48"	D-49-1-D-b
Mương Huyền	TV	xã Bình Tú	H. Thăng Bình			15° 42' 35"	108° 23' 01"	15° 42' 43"	108° 23' 39"	D-49-1-D-b
cầu Kẽ Xuyên	KX	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 40' 47"	108° 24' 18"					D-49-1-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
suối Ngọc Khô	TV	xã Bình Tú	H. Thăng Bình			15° 40' 40"	108° 16' 51"	15° 41' 30"	108° 22' 13"	D-49-1-D-a
thôn Phước Cẩm	DC	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 41' 57"	108° 23' 44"					D-49-1-D-b
thôn Trường An	DC	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 42' 29"	108° 23' 30"					D-49-1-D-b
cầu Trường An	KX	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 42' 47"	108° 23' 49"					D-49-1-D-b
suối Trường An	TV	xã Bình Tú	H. Thăng Bình			15° 43' 39"	108° 22' 56"	15° 41' 29"	108° 24' 49"	D-49-1-D-b
thôn Tú Cẩm	DC	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 41' 32"	108° 23' 56"					D-49-1-D-b
thôn Tú Mỹ	DC	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 40' 48"	108° 23' 57"					D-49-1-D-b
thôn Tú Nghĩa	DC	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 41' 40"	108° 24' 59"					D-49-1-D-b
thôn Tú Ngọc A	DC	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 42' 09"	108° 22' 45"					D-49-1-D-b
thôn Tú Ngọc B	DC	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 41' 34"	108° 23' 11"					D-49-1-D-b
thôn Tú Phương	DC	xã Bình Tú	H. Thăng Bình	15° 40' 53"	108° 25' 07"					D-49-1-D-b
quốc lộ 40B	KX	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-B-a
đường tỉnh 614	KX	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước			15° 29' 21"	108° 18' 16"	15° 37' 07"	108° 13' 10"	D-49-13-B-a; D-49-1-D-c
đường tỉnh 616	KX	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-13-B-a
thôn An Đông	DC	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 30' 03"	108° 18' 14"					D-49-1-D-c
thôn An Tây	DC	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 30' 01"	108° 17' 32"					D-49-1-D-c
thôn An Trung	DC	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 29' 46"	108° 17' 51"					D-49-13-B-a
thôn Bình An	DC	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 29' 10"	108° 18' 30"					D-49-13-B-a
cầu Bình An	KX	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 29' 20"	108° 18' 28"					D-49-13-B-a
suối Bình An	TV	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước			15° 29' 53"	108° 18' 60"	15° 29' 09"	108° 18' 19"	D-49-13-B-a
khối phố Bình Phước	DC	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 29' 17"	108° 18' 15"					D-49-13-B-a
thôn Bình Yên	DC	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 29' 09"	108° 18' 48"					D-49-13-B-a
suối Cà Đong	TV	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước			15° 32' 15"	108° 21' 18"	15° 28' 16"	108° 19' 44"	D-49-13-B-a
cầu Cây Gáo	KX	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 28' 53"	108° 19' 04"					D-49-13-B-a
cầu chìm Sông Tiên	KX	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 29' 23"	108° 18' 02"					D-49-13-B-a
đôi Dương Sừu	SV	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 30' 23"	108° 17' 46"					D-49-1-D-c
đôi Động Sinh	SV	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 28' 59"	108° 19' 25"					D-49-13-B-a
chùa Hữu Lâm	KX	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 28' 36"	108° 19' 33"					D-49-13-B-a
suối Ông Đình	TV	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước			15° 29' 35"	108° 20' 00"	15° 28' 40"	108° 18' 55"	D-49-13-B-a
thôn Phái Bắc	DC	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 29' 17"	108° 19' 15"					D-49-13-B-a
thôn Phái Đông	DC	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 28' 47"	108° 19' 47"					D-49-13-B-a
thôn Phái Nam	DC	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 28' 34"	108° 19' 22"					D-49-13-B-a
thôn Phái Tây	DC	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 28' 47"	108° 19' 11"					D-49-13-B-a
thôn Phước An	DC	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 29' 36"	108° 18' 22"					D-49-13-B-a
Hồ Quờn	TV	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 28' 52"	108° 19' 58"					D-49-13-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Sơn Yên	DC	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 30' 14"	108° 17' 42"					D-49-1-D-c
cầu Sơn Yên	KX	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 30' 17"	108° 17' 33"					D-49-1-D-c
cầu Sông Tiên	KX	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 29' 16"	108° 18' 10"					D-49-13-B-a
Sông Tiên	TV	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước			15° 26' 01"	108° 22' 44"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-1-D-c; D-49-13-B-a
khối phố Tiên Bình	DC	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 29' 32"	108° 18' 27"					D-49-13-B-a
chùa Tiên Kỳ	KX	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 29' 21"	108° 18' 24"					D-49-13-B-a
cầu Tiên Phước	KX	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 28' 38"	108° 18' 45"					D-49-13-B-a
Sông Trạm	TV	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước			15° 21' 52"	108° 23' 28"	15° 28' 37"	108° 18' 49"	D-49-13-B-a
núi Tú Sơn	SV	TT. Tiên Kỳ	H. Tiên Phước	15° 30' 22"	108° 18' 18"					D-49-1-D-c
Thôn 1	DC	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 25' 19"	108° 17' 29"					D-49-13-B-a
Thôn 2	DC	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 25' 16"	108° 18' 20"					D-49-13-B-a
Thôn 3	DC	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 25' 34"	108° 18' 58"					D-49-13-B-a
Thôn 4	DC	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 25' 59"	108° 19' 10"					D-49-13-B-a
Thôn 5	DC	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 26' 04"	108° 19' 41"					D-49-13-B-a
Thôn 6	DC	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 25' 54"	108° 20' 11"					D-49-13-B-a
Suối Lớn	TV	xã Tiên An	H. Tiên Phước			15° 25' 21"	108° 15' 46"	15° 25' 15"	108° 17' 05"	D-49-13-B-a
núi Chóp Vung	SV	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 26' 42"	108° 20' 25"					D-49-13-B-a
núi Đá Đen	SV	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 24' 13"	108° 17' 59"					D-49-13-B-a
núi Đầu Voi	SV	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 25' 40"	108° 18' 04"					D-49-13-B-a
núi Hòn Ganh	SV	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 25' 44"	108° 17' 16"					D-49-13-B-a
suối Hố Nhánh	TV	xã Tiên An	H. Tiên Phước			15° 25' 15"	108° 17' 05"	15° 25' 10"	108° 18' 29"	D-49-13-B-a
núi Mụ Dạ	SV	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 24' 04"	108° 18' 35"					D-49-13-B-a
núi Nà Lá	SV	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 25' 39"	108° 16' 46"					D-49-13-B-a
cầu Nước Sôi	KX	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 25' 51"	108° 19' 57"					D-49-13-B-a
núi Ông Quân	SV	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 24' 01"	108° 20' 07"					D-49-13-B-a
cầu Sông Trạm	KX	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 25' 38"	108° 18' 38"					D-49-13-B-a
cầu Suối Vàng	KX	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 25' 39"	108° 19' 20"					D-49-13-B-a
Sông Trạm	TV	xã Tiên An	H. Tiên Phước			15° 21' 52"	108° 23' 28"	15° 28' 37"	108° 18' 49"	D-49-13-B-a
cầu Vực Giò	KX	xã Tiên An	H. Tiên Phước	15° 25' 44"	108° 19' 36"					D-49-13-B-a
suối Vực Vin	TV	xã Tiên An	H. Tiên Phước			15° 24' 34"	108° 20' 46"	15° 25' 50"	108° 19' 05"	D-49-13-B-a
đường tỉnh 614	KX	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước			15° 29' 21"	108° 18' 16"	15° 37' 07"	108° 13' 10"	D-49-1-D-c
đường tỉnh 615	KX	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước			15° 37' 52"	108° 31' 18"	15° 33' 20"	108° 17' 34"	D-49-1-D-c
thôn Cẩm Đông	DC	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước	15° 34' 20"	108° 19' 16"					D-49-1-D-c
thôn Cẩm Lãnh	DC	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước	15° 33' 53"	108° 18' 37"					D-49-1-D-c
núi Cẩm Long	SV	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước	15° 34' 45"	108° 19' 38"					D-49-1-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Cẩm Phô	DC	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước	15° 33' 04"	108° 16' 48"					D-49-1-D-c
thôn Cẩm Tây	DC	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước	15° 33' 29"	108° 17' 28"					D-49-1-D-c
thôn Cẩm Trung	DC	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước	15° 33' 33"	108° 17' 48"					D-49-1-D-c
núi Dương Tranh	SV	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước	15° 33' 09"	108° 16' 34"					D-49-1-D-c
núi Đá Đen	SV	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước	15° 35' 12"	108° 19' 13"					D-49-1-D-c
núi Đá Trắng	SV	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước	15° 33' 44"	108° 16' 43"					D-49-1-D-c
đồi Eo Gió	SV	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước	15° 33' 49"	108° 19' 15"					D-49-1-D-c
cầu Ngã Hai	KX	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước	15° 33' 44"	108° 18' 13"					D-49-1-D-c
cầu Ông Nông	KX	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước	15° 33' 12"	108° 17' 33"					D-49-1-D-c
Núi Vú	SV	xã Tiên Cẩm	H. Tiên Phước	15° 32' 49"	108° 19' 05"					D-49-1-D-c
Thôn 1	DC	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 26' 41"	108° 17' 15"					D-49-13-B-a
Thôn 2	DC	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 26' 44"	108° 17' 55"					D-49-13-B-a
Thôn 3	DC	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 27' 13"	108° 19' 03"					D-49-13-B-a
Thôn 4	DC	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 27' 37"	108° 18' 07"					D-49-13-B-a
Thôn 5	DC	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 27' 60"	108° 17' 34"					D-49-13-B-a
Thôn 6	DC	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 27' 58"	108° 18' 01"					D-49-13-B-a
thôn 7A	DC	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 28' 43"	108° 17' 43"					D-49-13-B-a
thôn 7B	DC	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 29' 24"	108° 17' 26"					D-49-13-B-a
quốc lộ 40B	KX	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-B-a
đường tỉnh 616	KX	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-13-B-a
cầu chím Sông Tiên	KX	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 29' 23"	108° 18' 02"					D-49-13-B-a
súoi Đá Vách	TV	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước			15° 27' 49"	108° 17' 12"	15° 27' 24"	108° 18' 52"	D-49-13-B-a
hồ Đá Vách	TV	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 27' 59"	108° 17' 08"					D-49-13-B-a
núi Đầu Voi	SV	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 25' 40"	108° 18' 04"					D-49-13-B-a
súoi Đèo Liêu	TV	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước			15° 26' 43"	108° 16' 19"	15° 27' 07"	108° 18' 10"	D-49-13-B-a
cầu Hóc Chèo	KX	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 27' 09"	108° 17' 26"					D-49-13-B-a
núi Hòn Ganh	SV	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 25' 44"	108° 17' 16"					D-49-13-B-a
Đèo Liêu	KX	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 26' 11"	108° 16' 29"					D-49-13-B-a
núi Nà Lá	SV	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 25' 39"	108° 16' 46"					D-49-13-B-a
Súoi Nhoa	TV	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước			15° 29' 32"	108° 16' 47"	15° 29' 50"	108° 17' 22"	D-49-13-B-a
cầu Sông Tiên	KX	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 29' 16"	108° 18' 10"					D-49-13-B-a
Sông Tiên	TV	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước			15° 26' 01"	108° 22' 44"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-B-a
cầu Tiên Phước	KX	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 28' 38"	108° 18' 45"					D-49-13-B-a
Sông Trạm	TV	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước			15° 21' 52"	108° 23' 28"	15° 28' 37"	108° 18' 49"	D-49-13-B-a
cầu Vững Dầu	KX	xã Tiên Cảnh	H. Tiên Phước	15° 26' 56"	108° 17' 22"					D-49-13-B-a
Thôn 1	DC	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 31' 30"	108° 17' 17"					D-49-1-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Thôn 2	DC	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 30' 36"	108° 17' 44"					D-49-1-D-c
Thôn 3	DC	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 29' 51"	108° 16' 28"					D-49-1-D-c
Thôn 4	DC	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 30' 10"	108° 15' 32"					D-49-1-D-c
đường tỉnh 614	KX	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước			15° 29' 21"	108° 18' 16"	15° 37' 07"	108° 13' 10"	D-49-1-D-c
núi Bằng Lim	SV	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 29' 18"	108° 14' 21"					D-49-13-A-b
núi Bình Sơn	SV	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 29' 38"	108° 13' 55"					D-49-13-A-b
suối Cò Vây	TV	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước			15° 32' 52"	108° 19' 45"	15° 31' 39"	108° 17' 05"	D-49-1-D-c
đồi Dương Sừu	SV	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 30' 23"	108° 17' 46"					D-49-1-D-c
thôn Hội An	DC	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 30' 38"	108° 17' 23"					D-49-1-D-c
thôn Hội Lâm	DC	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 31' 04"	108° 17' 25"					D-49-1-D-c
cầu Lò Rèn	KX	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 30' 32"	108° 17' 31"					D-49-1-D-c
Suối Lung	TV	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước			15° 29' 44"	108° 14' 00"	15° 33' 25"	108° 12' 10"	D-49-1-C-d; D-49-13-A-b
Suối Nhoa	TV	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước			15° 29' 32"	108° 16' 47"	15° 29' 50"	108° 17' 22"	D-49-13-B-a
suối Ô Ô	TV	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước			15° 30' 21"	108° 14' 11"	15° 30' 36"	108° 16' 51"	D-49-1-C-c; D-49-1-D-d; D-49-13-A-b; D-49-13-B-a
thôn Thanh Bôi	DC	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 30' 12"	108° 16' 58"					D-49-1-D-c
thôn Thanh Khê	DC	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 30' 03"	108° 14' 11"					D-49-1-D-c
thôn Thanh Tân	DC	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 30' 46"	108° 16' 35"					D-49-1-D-c
Sông Tiên	TV	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước			15° 26' 01"	108° 22' 44"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-1-D-c; D-49-13-B-a
cầu Tiên Châu	KX	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 30' 26"	108° 17' 12"					D-49-1-D-c
Suối Trảy	TV	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước			15° 31' 39"	108° 17' 05"	15° 31' 10"	108° 16' 31"	D-49-1-D-c
núi Tú Sơn	SV	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 30' 22"	108° 18' 18"					D-49-1-D-c
Núi Vú	SV	xã Tiên Châu	H. Tiên Phước	15° 32' 49"	108° 19' 05"					D-49-1-D-c
núi Dương Tranh	SV	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước	15° 33' 09"	108° 16' 34"					D-49-1-D-c
núi Đá Trắng	SV	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước	15° 33' 44"	108° 16' 43"					D-49-1-D-c
thôn Đại Tráng	DC	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước	15° 33' 23"	108° 12' 56"					D-49-1-C-d
Núi Hoắc	SV	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước	15° 34' 05"	108° 15' 25"					D-49-1-D-c
Suối Khân	TV	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước			15° 34' 34"	108° 13' 17"	15° 33' 23"	108° 12' 13"	D-49-1-C-d; D-49-1-D-c
Núi Lãm	SV	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước	15° 33' 49"	108° 13' 53"					D-49-1-C-d
Núi Lớn	SV	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước	15° 33' 36"	108° 13' 44"					D-49-1-C-d
Suối Lung	TV	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước			15° 29' 44"	108° 14' 00"	15° 33' 25"	108° 12' 10"	D-49-1-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
thôn Phú Vinh	DC	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước	15° 33' 21"	108° 13' 51"					D-49-1-C-d
thôn Tài Thành	DC	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước	15° 32' 50"	108° 13' 59"					D-49-1-C-d
Sông Tiên	TV	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước			15° 26' 01"	108° 22' 44"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-1-C-d; D-49-1-D-c
thôn Tiên Tráng	DC	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước	15° 33' 01"	108° 14' 39"					D-49-1-C-d
thôn Trung An	DC	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước	15° 33' 28"	108° 15' 42"					D-49-1-D-c
thôn Tú An	DC	xã Tiên Hà	H. Tiên Phước	15° 32' 56"	108° 15' 37"					D-49-1-D-c
Thôn 1	DC	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước	15° 26' 12"	108° 14' 41"					D-49-13-A-b
Thôn 2	DC	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước	15° 25' 46"	108° 15' 47"					D-49-13-B-a
Thôn 3	DC	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước	15° 25' 22"	108° 16' 12"					D-49-13-B-a
Thôn 4	DC	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước	15° 25' 07"	108° 15' 33"					D-49-13-B-a
Thôn 5	DC	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước	15° 24' 58"	108° 14' 37"					D-49-13-A-b
quốc lộ 40B	KX	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-A-b; D-49-13-B-a
đường tỉnh 616	KX	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-13-A-b; D-49-13-B-a
cầu Bà Lợi	KX	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước	15° 25' 15"	108° 15' 42"					D-49-13-B-a
Suối Cầu	TV	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước			15° 24' 35"	108° 15' 14"	15° 24' 59"	108° 15' 53"	D-49-13-B-a
cầu Công Trạng	KX	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước	15° 25' 33"	108° 15' 39"					D-49-13-B-a
núi Đồn Lớn	SV	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước	15° 24' 56"	108° 16' 05"					D-49-13-B-a
cầu Đồng Quán	KX	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước	15° 25' 25"	108° 15' 37"					D-49-13-B-a
suối Gành Giảng	TV	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước			15° 27' 01"	108° 13' 56"	15° 27' 17"	108° 12' 49"	D-49-13-B-a; D-49-13-A-b
suối Hố Rằm	TV	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước			15° 23' 56"	108° 14' 43"	15° 24' 35"	108° 15' 14"	D-49-13-B-a; D-49-13-A-b
suối Hố Tô	TV	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước			15° 24' 26"	108° 16' 03"	15° 24' 59"	108° 15' 53"	D-49-13-B-a
Đèo Liêu	KX	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước	15° 26' 11"	108° 16' 29"					D-49-13-B-a
Suối Lớn	TV	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước			15° 25' 21"	108° 15' 46"	15° 25' 15"	108° 17' 05"	D-49-13-B-a
núi Nà Lá	SV	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước	15° 25' 39"	108° 16' 46"					D-49-13-B-a
suối Nà Thao	TV	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước			15° 23' 43"	108° 13' 52"	15° 25' 13"	108° 13' 06"	D-49-13-A-b
cầu Thiên Lu	KX	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước	15° 25' 18"	108° 16' 05"					D-49-13-B-a
Cầu Ván	KX	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước	15° 25' 04"	108° 14' 48"					D-49-13-A-b
sông Vực Đồi	TV	xã Tiên Hiệp	H. Tiên Phước			15° 25' 13"	108° 13' 06"	15° 26' 52"	108° 12' 03"	D-49-13-A-b
Thôn 1	DC	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 27' 23"	108° 11' 35"					D-49-13-A-b
Thôn 2	DC	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 28' 08"	108° 11' 52"					D-49-13-A-b
Thôn 3	DC	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 27' 49"	108° 10' 50"					D-49-13-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Thôn 4	DC	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 28' 04"	108° 10' 58"					D-49-13-A-b
Thôn 5	DC	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 28' 36"	108° 11' 18"					D-49-13-A-b
Thôn 6	DC	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 28' 47"	108° 10' 14"					D-49-13-A-b
Thôn 7	DC	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 28' 16"	108° 09' 21"					D-49-13-A-b
Thôn 8	DC	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 27' 39"	108° 09' 15"					D-49-13-A-b
Thôn 9	DC	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 27' 21"	108° 09' 48"					D-49-13-A-b
Thôn 10	DC	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 27' 28"	108° 10' 20"					D-49-13-A-b
thôn 11	DC	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 27' 15"	108° 10' 47"					D-49-13-A-b
thôn 12	DC	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 27' 04"	108° 10' 00"					D-49-13-A-b
Suối Bùn	TV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước			15° 23' 33"	108° 10' 47"	15° 23' 36"	108° 09' 17"	D-49-13-A-b
Núi Chuối	SV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 28' 50"	108° 10' 43"					D-49-13-A-b
suối Cửa Miếu	TV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước			15° 27' 44"	108° 11' 14"	15° 29' 36"	108° 13' 53"	D-49-13-A-b
núi Dốc Lung	SV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 30' 21"	108° 10' 36"					D-49-13-A-b
đồi Dương Bồ	SV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 27' 59"	108° 10' 14"					D-49-13-A-b
núi Dương Châu Châu	SV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 26' 37"	108° 09' 26"					D-49-13-A-b
núi Dương Nứa	SV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 25' 12"	108° 11' 22"					D-49-13-A-b
đồi Dương Thờ	SV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 27' 56"	108° 09' 15"					D-49-13-A-b
núi Đá Bàn	SV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 28' 44"	108° 09' 54"					D-49-13-A-b
suối Đá Mài	TV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước			15° 25' 04"	108° 11' 19"	15° 26' 55"	108° 10' 06"	D-49-13-A-b
suối Đá Ráp	TV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước			15° 29' 13"	108° 11' 40"	15° 27' 41"	108° 11' 14"	D-49-13-A-b
đồi Đồng Dài	SV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 28' 04"	108° 09' 51"					D-49-13-A-b
cầu Hai Duân 1	KX	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 27' 32"	108° 10' 39"					D-49-13-A-b
cầu Hai Duân 2	KX	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 27' 30"	108° 10' 50"					D-49-13-A-b
núi Hòn E	SV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 29' 56"	108° 09' 49"					D-49-13-A-b; D-49-1-C-d
đồi Hòn Súc	SV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 28' 28"	108° 11' 30"					D-49-13-A-b
suối Nà Cau	TV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước			15° 23' 38"	108° 12' 37"	15° 25' 34"	108° 08' 34"	D-49-13-A-b
suối Nà Sỏ	TV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước			15° 25' 19"	108° 11' 59"	15° 26' 52"	108° 11' 55"	D-49-13-A-b
Nhà máy Thủy điện Sông Tranh 3	KX	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 26' 48"	108° 08' 38"					D-49-13-A-b
cầu treo Sông Tum	KX	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 27' 28"	108° 11' 26"					D-49-13-A-b
Sông Tranh	TV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước			14° 57' 41"	108° 07' 24"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-A-b
Cầu Trắng	KX	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 27' 43"	108° 11' 14"					D-49-13-A-b
Sông Tum	TV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước			15° 26' 52"	108° 12' 03"	15° 27' 36"	108° 08' 47"	D-49-13-A-b
núi Vạn Năng	SV	xã Tiên Lãnh	H. Tiên Phước	15° 30' 12"	108° 09' 08"					D-49-1-C-d
Thôn 1	DC	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước	15° 23' 54"	108° 21' 10"					D-49-13-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Thôn 2	DC	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước	15° 25' 58"	108° 21' 07"					D-49-13-B-a
Thôn 3	DC	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước	15° 26' 12"	108° 22' 04"					D-49-13-B-a
Thôn 4	DC	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước	15° 26' 56"	108° 21' 50"					D-49-13-B-a
Thôn 5	DC	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước	15° 25' 58"	108° 20' 35"					D-49-13-B-a
sông Bồng Miêu	TV	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước			15° 20' 29"	108° 26' 37"	15° 26' 01"	108° 22' 44"	D-49-13-B-a
núi Chóp Vung	SV	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước	15° 26' 42"	108° 20' 25"					D-49-13-B-a
Suối Dưa	TV	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước			15° 23' 09"	108° 21' 48"	15° 24' 34"	108° 20' 46"	D-49-13-B-a
Cầu Lở	KX	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước	15° 25' 48"	108° 20' 50"					D-49-13-B-a
cầu Ông Bách	KX	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước	15° 25' 43"	108° 21' 09"					D-49-13-B-a
núi Ông Quân	SV	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước	15° 24' 01"	108° 20' 07"					D-49-13-B-a
cầu Quế Phương	KX	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước	15° 26' 08"	108° 22' 22"					D-49-13-B-a
Sông Tiên	TV	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước			15° 26' 01"	108° 22' 44"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-B-a; D-49-13-B-a
suối Vực Vin	TV	xã Tiên Lập	H. Tiên Phước			15° 24' 34"	108° 20' 46"	15° 25' 50"	108° 19' 05"	D-49-13-B-a
Thôn 1	DC	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước	15° 28' 13"	108° 21' 04"					D-49-13-B-a
Thôn 2	DC	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước	15° 28' 08"	108° 20' 23"					D-49-13-B-a
Thôn 3	DC	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước	15° 27' 55"	108° 19' 55"					D-49-13-B-a
Thôn 4	DC	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước	15° 27' 34"	108° 20' 46"					D-49-13-B-a
Thôn 5	DC	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước	15° 26' 58"	108° 21' 15"					D-49-13-B-a
suối Cà Đong	TV	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước			15° 32' 15"	108° 21' 18"	15° 28' 16"	108° 19' 44"	D-49-13-B-a
núi Chóp Vung	SV	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước	15° 26' 42"	108° 20' 25"					D-49-13-B-a
đồi Gò Mè	SV	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước	15° 27' 23"	108° 21' 16"					D-49-13-B-a
núi Hòn Dường	SV	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước	15° 28' 29"	108° 21' 01"					D-49-13-B-a
hồ Hồ Quốc	TV	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước	15° 28' 17"	108° 21' 24"					D-49-13-B-a
cầu trần Sông Tiên	KX	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước	15° 27' 33"	108° 21' 48"					D-49-13-B-a
cầu thôn 4	KX	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước	15° 27' 49"	108° 20' 36"					D-49-13-B-a
Sông Tiên	TV	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước			15° 26' 01"	108° 22' 44"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-B-a
cầu Tiên Giang	KX	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước	15° 28' 01"	108° 20' 05"					D-49-13-B-a
Sông Trạm	TV	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước			15° 21' 52"	108° 23' 28"	15° 28' 37"	108° 18' 49"	D-49-13-B-a
núi Yên Châm	SV	xã Tiên Lộc	H. Tiên Phước	15° 28' 01"	108° 21' 33"					D-49-13-B-a
Thôn 1	DC	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước	15° 30' 50"	108° 19' 11"					D-49-1-D-c
Thôn 2	DC	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước	15° 30' 51"	108° 19' 44"					D-49-1-D-c
Thôn 3	DC	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước	15° 30' 07"	108° 18' 36"					D-49-1-D-c
Thôn 4	DC	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước	15° 31' 07"	108° 18' 22"					D-49-1-D-c
Thôn 5	DC	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước	15° 30' 11"	108° 18' 48"					D-49-1-D-c
Thôn 6	DC	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước	15° 29' 47"	108° 19' 04"					D-49-13-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Thôn 7	DC	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước	15° 29' 36"	108° 19' 27"					D-49-13-B-a
Thôn 8	DC	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước	15° 30' 27"	108° 19' 24"					D-49-1-D-c
Thôn 9	DC	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước	15° 29' 43"	108° 18' 36"					D-49-13-B-a
suối Bình An	TV	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước			15° 29' 53"	108° 18' 60"	15° 29' 09"	108° 18' 19"	D-49-1-D-c; D-49-13-B-a
suối Cò Vây	TV	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước			15° 32' 52"	108° 19' 45"	15° 31' 39"	108° 17' 05"	D-49-1-D-c
Suối Đình	TV	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước			15° 31' 30"	108° 19' 55"	15° 29' 53"	108° 18' 60"	D-49-1-D-c; D-49-13-B-a
Núi Một	SV	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước	15° 31' 21"	108° 19' 58"					D-49-1-D-c
núi Tú Sơn	SV	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước	15° 30' 22"	108° 18' 18"					D-49-1-D-c
Núi Vú	SV	xã Tiên Mỹ	H. Tiên Phước	15° 32' 49"	108° 19' 05"					D-49-1-D-c
Thôn 1	DC	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước	15° 27' 28"	108° 14' 11"					D-49-13-A-b
Thôn 2	DC	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước	15° 28' 01"	108° 12' 18"					D-49-13-A-b
Thôn 3	DC	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước	15° 27' 14"	108° 12' 39"					D-49-13-A-b
Thôn 4	DC	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước	15° 26' 60"	108° 12' 12"					D-49-13-A-b
Thôn 5	DC	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước	15° 26' 22"	108° 12' 45"					D-49-13-A-b
Thôn 6	DC	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước	15° 25' 46"	108° 13' 51"					D-49-13-A-b
núi Bằng Lim	SV	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước	15° 29' 18"	108° 14' 21"					D-49-13-A-b
núi Bình Sơn	SV	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước	15° 29' 38"	108° 13' 55"					D-49-13-A-b
Suối Bùn	TV	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước			15° 23' 33"	108° 10' 47"	15° 23' 36"	108° 09' 17"	D-49-13-A-b
suối Cửa Miếu	TV	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước			15° 27' 44"	108° 11' 14"	15° 29' 36"	108° 13' 53"	D-49-13-A-b
suối Gành Giảng	TV	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước			15° 27' 01"	108° 13' 56"	15° 27' 17"	108° 12' 49"	D-49-13-B-a; D-49-13-A-b
cầu Hồ Liễu	KX	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước	15° 26' 19"	108° 12' 52"					D-49-13-A-b
cầu Hồ Nánh	KX	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước	15° 26' 28"	108° 12' 32"					D-49-13-A-b
suối Nà Cau	TV	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước			15° 23' 38"	108° 12' 37"	15° 25' 34"	108° 08' 34"	D-49-13-A-b
suối Nà Sở	TV	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước			15° 25' 19"	108° 11' 59"	15° 26' 52"	108° 11' 55"	D-49-13-A-b
suối Nước Lộn	TV	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước			15° 25' 57"	108° 15' 05"	15° 27' 01"	108° 13' 56"	D-49-13-B-a; D-49-13-A-b
suối Ô Ô	TV	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước			15° 27' 17"	108° 12' 49"	15° 26' 52"	108° 12' 03"	D-49-13-A-b
cầu Ông Hường	KX	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước	15° 25' 52"	108° 13' 33"					D-49-13-A-b
cầu Suối Trau	KX	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước	15° 25' 57"	108° 13' 19"					D-49-13-A-b
Sông Tum	TV	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước			15° 26' 52"	108° 12' 03"	15° 27' 36"	108° 08' 47"	D-49-13-A-b
sông Vực Đồi	TV	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước			15° 25' 13"	108° 13' 06"	15° 26' 52"	108° 12' 03"	D-49-13-A-b
cầu Vực Sịa	KX	xã Tiên Ngọc	H. Tiên Phước	15° 26' 56"	108° 12' 05"					D-49-13-A-b
Thôn 1	DC	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước	15° 32' 04"	108° 20' 23"					D-49-1-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Thôn 2	DC	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước	15° 31' 27"	108° 20' 32"					D-49-1-D-c
Thôn 3	DC	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước	15° 31' 21"	108° 21' 27"					D-49-1-D-c
Thôn 4	DC	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước	15° 31' 04"	108° 22' 21"					D-49-1-D-c
Thôn 5	DC	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước	15° 30' 31"	108° 21' 40"					D-49-1-D-c
Thôn 6	DC	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước	15° 30' 35"	108° 20' 48"					D-49-1-D-c
suối Cà Đông	TV	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước			15° 32' 15"	108° 21' 18"	15° 28' 16"	108° 19' 44"	D-49-1-D-c
suối Cầu Vồng	TV	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước			15° 29' 49"	108° 23' 16"	15° 30' 43"	108° 21' 52"	D-49-1-D-c
suối Cò Vày	TV	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước			15° 32' 52"	108° 19' 45"	15° 31' 39"	108° 17' 05"	D-49-1-D-c
núi Dương Con	SV	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước	15° 33' 01"	108° 21' 56"					D-49-1-D-c
núi Dương Quyền	SV	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước	15° 32' 16"	108° 22' 05"					D-49-1-D-c
Núi Một	SV	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước	15° 31' 21"	108° 19' 58"					D-49-1-D-c
Núi Ngọc	SV	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước	15° 32' 49"	108° 20' 59"					D-49-1-D-c
Núi Vú	SV	xã Tiên Phong	H. Tiên Phước	15° 32' 49"	108° 19' 05"					D-49-1-D-c
Thôn 1	DC	xã Tiên Sơn	H. Tiên Phước	15° 34' 29"	108° 17' 41"					D-49-1-D-c
Thôn 2	DC	xã Tiên Sơn	H. Tiên Phước	15° 34' 01"	108° 16' 46"					D-49-1-D-c
Thôn 3	DC	xã Tiên Sơn	H. Tiên Phước	15° 34' 44"	108° 16' 09"					D-49-1-D-c
Thôn 4	DC	xã Tiên Sơn	H. Tiên Phước	15° 34' 28"	108° 13' 60"					D-49-1-C-d
Thôn 5	DC	xã Tiên Sơn	H. Tiên Phước	15° 34' 53"	108° 15' 23"					D-49-1-D-c
Thôn 6	DC	xã Tiên Sơn	H. Tiên Phước	15° 35' 36"	108° 16' 47"					D-49-1-D-c
đường tỉnh 614	KX	xã Tiên Sơn	H. Tiên Phước			15° 29' 21"	108° 18' 16"	15° 37' 07"	108° 13' 10"	D-49-1-C-d; D-49-1-D-c
suối Đá Bàn	TV	xã Tiên Sơn	H. Tiên Phước			15° 34' 38"	108° 15' 59"	15° 35' 00"	108° 14' 06"	D-49-1-C-d; D-49-1-D-c
núi Đá Trắng	SV	xã Tiên Sơn	H. Tiên Phước	15° 33' 44"	108° 16' 43"					D-49-1-D-c
Núi Hoắc	SV	xã Tiên Sơn	H. Tiên Phước	15° 34' 05"	108° 15' 25"					D-49-1-D-c
Núi Ngang	SV	xã Tiên Sơn	H. Tiên Phước	15° 35' 28"	108° 15' 10"					D-49-1-D-c
núi Ông Giài	SV	xã Tiên Sơn	H. Tiên Phước	15° 35' 04"	108° 16' 44"					D-49-1-D-a
Thôn 1	DC	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 30' 19"	108° 22' 23"					D-49-1-D-c; D-49-1-D-d
Thôn 2	DC	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 29' 56"	108° 21' 50"					D-49-13-B-a
Thôn 3	DC	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 29' 17"	108° 21' 47"					D-49-13-B-a
Thôn 4	DC	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 29' 39"	108° 21' 25"					D-49-13-B-a
Thôn 5	DC	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 29' 37"	108° 20' 05"					D-49-13-B-a
Thôn 6	DC	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 28' 59"	108° 20' 50"					D-49-13-B-a
Thôn 7	DC	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 29' 11"	108° 21' 33"					D-49-13-B-a
Thôn 8	DC	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 28' 36"	108° 21' 46"					D-49-13-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	VI độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
Thôn 9	DC	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 27' 46"	108° 22' 23"					D-49-13-B-a
Thôn 10	DC	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 28' 43"	108° 22' 38"					D-49-13-B-a
thôn 11	DC	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 29' 29"	108° 22' 25"					D-49-13-B-a
quốc lộ 40B	KX	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước			14° 35' 42"	108° 31' 51"	14° 59' 13"	108° 03' 00"	D-49-13-B-a; D-49-1-D-d; D-49-1-D-c
đường tỉnh 616	KX	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước			15° 33' 59"	108° 29' 32"	15° 08' 12"	108° 07' 29"	D-49-13-B-a; D-49-1-D-d; D-49-1-D-c
cầu Cà Bé	KX	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 29' 01"	108° 21' 03"					D-49-13-B-a
suối Cà Đông	TV	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước			15° 32' 15"	108° 21' 18"	15° 28' 16"	108° 19' 44"	D-49-13-B-a
suối Cầu Vòng	TV	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước			15° 29' 49"	108° 23' 16"	15° 30' 43"	108° 21' 52"	D-49-13-B-a
đài tưởng niệm Cây Cốc	KX	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 29' 14"	108° 21' 42"					D-49-13-B-a
Núi Dàng	SV	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 27' 13"	108° 23' 02"					D-49-13-B-b
núi Gò Rùa	SV	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 29' 49"	108° 22' 16"					D-49-13-B-a
suối Ông Đình	TV	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước			15° 29' 35"	108° 20' 00"	15° 28' 40"	108° 18' 55"	D-49-13-B-a
Núi Sầu	SV	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 29' 20"	108° 20' 51"					D-49-13-B-a
cầu tràn Sông Tiên	KX	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 27' 33"	108° 21' 48"					D-49-13-B-a
Sông Tiên	TV	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước			15° 26' 01"	108° 22' 44"	15° 34' 11"	108° 07' 09"	D-49-13-B-a
Cầu Vôi	KX	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 29' 23"	108° 21' 28"					D-49-13-B-a
núi Yên Chàm	SV	xã Tiên Thọ	H. Tiên Phước	15° 28' 01"	108° 21' 33"					D-49-13-B-a

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc